QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Bản cập nhật tháng 6/2014

http://kinhmatgiao.wordpress.com

THAY LỜI TỰA

Tín Ngưỡng Quán Âm bắt nguồn từ Ấn Độ. Thoạt tiên Tín Ngưỡng này được ẩn tàng trong những tư tưởng về ***Tâm Từ Bi cứu khổ*** của các bậc Thánh và các bậc Đạo Sư trong công việc hóa độ chúng sinh. Dần dần do sự phát triển rộng lớn của tư tưởng **Đại Thừa Giáo** nên Tín Ngưỡng Quán Âm được hình thành qua các bộ Kinh: A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni, Đại Vô Lượng Thọ, Thủ Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Diệu Pháp Liên Hoa… Từ đó về sau Tín Ngưỡng Quán Âm được lưu truyền rộng rãi qua Tây Vực, Tây Tạng, Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn và các nước Viễn Đông.

Từ Thế Kỷ I cho đến Thế Kỷ IV, Bồ Tát Quán Âm được thờ phụng qua hình vóc Nam Tử dưới Tôn Tượng một vị vương giả đang đứng, mình mặc áo vương giả. Hoặc cũng có nhiều Tôn Tượng ngồi theo **thế Du Hý** (Latitāsana). Biểu tượng của Ngài là **Tràng Hạt** (Mālā) biểu thị cho ý nghĩa cắt đứt 108 Phiền Não cho tất cả chúng sinh và **Hoa Sen** (Padma) biểu thị cho Phước Trí Thanh Tịnh vốn có trong Bản Tâm của muôn loài. Câu Chú xưng tán Ngài là OṂ MAṆI PADME HŪṂ biểu thị cho phương tiện Đại Bi gia trì cứu độ cho chúng sinh tránh khỏi mọi khổ nạn và mau chóng giác ngộ viên mãn **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)

Trong giai đoạn này, do sự pha trộn giữa Tính Cách của chư Thần trong Thần Thoại Ấn Độ với quan điểm mở rộng đặc tính Từ Bi của Phật Giáo Đại Thừa nên đã hình thành các Tín Ngưỡng về: Thiên Thủ Quán Âm, Mã Đầu Quán Âm, Bất Không Quyến Sách Quán Âm, Như Ý Luân Quán Âm, Thập Nhất Diện Quán Âm… với tất cả Tôn Tượng theo hình vóc Nam Tử.

Khoảng Thế Kỷ II, ý tưởng **Phật Mẫu** (Buddha-mātṛ) đã xuất hiện trong một số Kinh Điển của **Đại Thừa** (Mahā-yāna) như **Trí Tuệ Bát Nhã** (Prajñā) là ***Mẫu*** (Mātṛka) của chư Phật Bồ Tát, **Tâm Đại Bi Thanh Tịnh** là Mẫu của chư Phật Bồ Tát, **Tâm Bồ Đề kiên cố thanh tịnh** là Mẫu của chư Phật Bồ Tát…Ý tưởng này đã âm thầm kết hợp với tư tưởng MẪU HỆ của nhân dân Ấn Độ nên khoảng Thế Kỷ VII, khi bộ Kinh **Đại Tỳ Lô Giá Na Phật Thần Biến Gia Trì** gồm 7 quyển, 36 Phẩm xuất hiện thì hình tượng **Thánh Mẫu** đã được ghi nhận như Bạch Y Mẫu, Đa La Thánh Mẫu, Phật Mẫu Phật Nhãn, Chuẩn Đề Phật Mẫu, Gia Thâu Đà La Minh Phi… với hình ảnh người Phụ Nữ biểu thị cho *Tam Muội Chính Định* và *có công năng là sinh ra mọi Công Đức vốn có xưa nay trong bản Tâm của tất cả chúng sinh* đồng thời nuôi lớn các Công Đức này.

Cũng trong Thế Kỷ VII, Tín Ngưỡng Quán Âm được phổ biến rộng rãi trong Tín Ngưỡng Mật Giáo và Tín Ngưỡng A Di Đà ở Ấn Độ. Từ đấy trở đi, hầu hết các Tượng Quán Âm đều có hình Phật A Di Đà ngự trên mão báu hoặc đỉnh kế như Tượng Thập Nhất Diện Quán Âm ở Kanheri có khuôn mặt thứ 11 là Đức A Di Đà. Tại Nalanda, nhiều tượng Quán Âm có hình Đức A Di Đà bắt Ấn Chuyển Pháp Luân hay kết Xúc Địa Ấn … ngự trên mão báu của Tượng. Ngày nay tại chùa Machhandar của nước Népal còn thờ phụng 108 hình tướng Quán Âm. Tại Kashmir còn lưu giữ một số tượng Quán Âm bằng đồng.

Từ Thế Kỷ thứ XII trở đi, Bồ Tát Quán Âm được chính thức thờ phụng qua thân tướng nữ và được suy niệm qua hình ảnh **Bà mẹ hiền** luôn để mắt chăm sóc con thơ để kịp thời cứu khổ cứu nạn và ban cho sự thỏa mãn mọi ước nguyện. Trong các giai đoạn này, Ngài được xưng tán qua nhiều danh hiệu như: Quán Âm Mẫu, Bạch Y Nữ, Tỷ Trúc Quán Âm, Vô Úy Quán Âm, Tống Tử Quán Âm, Nam Hải Quán Âm, Quán Âm Quá Hải, Quán Âm Thừa Long, Quán Âm Ngư Lam, Quan Âm Thị Kính,

Quan Âm Diệu Thiện…. Và người bình dân thường gọi là Phật Bà Quan Âm với sự thờ phụng qua thân tướng nữ

*) **Ở Ấn Độ**: Tuy Tín Ngưỡng Quán Âm bắt nguồn từ Ấn Độ nhưng do sự tàn phá của Hồi Giáo và sự phục hưng Ấn Độ Giáo nên nói chung ảnh hưởng của Tín Ngưỡng này không được mạnh mẽ lắm. Hầu hết người Ấn Độ chỉ suy niệm Quán Âm Bồ Tát qua Linh Ảnh một vị Thần chuyên dùng con mắt Từ Bi để ban phước trừ họa cho con người.

*) **Ở Tây Vực**: Tín Ngưỡng Quán Âm được phát triển khá mạnh qua Mật Giáo. Ngày nay các Học Giả cận đại đã tìm thấy rất nhiều hình vẽ, tranh tượng, Man Đa La liên quan đến Quán Âm.

*) **Ở Tây Tạng**: Tín Ngưỡng Quán Âm phát triển rất sâu rộng đến nỗi nhân dân đã xem Bồ Tát Quán Âm là Thủy Tổ của người Tây Tạng. Đời đời các vị Đạt Lai Lạt Ma đều được tôn xưng là Hóa Thân của Quán Âm. Giáo đồ Phật Giáo Tây Tạng thường tin tưởng là Bồ Tát **Liên Hoa Thủ** (Padma-Pāṇi) ngồi trên đài sen ở Thế Giới Cực Lạc luôn luôn cứu giúp tế độ khiến cho người cầu đảo xa lìa được sự khổ não sinh tử. Vì thế chẳng kể kẻ Tăng người Tục, ai ai cũng đều thực hành xưng tụng Minh Chú OṂ MAṆI PADME HŪṂ

Ngoài ra Giáo Đồ Phật Giáo Tây Tạng còn xưng tán thờ phụng Đức Quán Âm Bồ Tát qua nhiều Tôn Tượng: Tứ Thủ Quán Âm, Thập Nhất Diện Quán Âm, Thiên Thủ Quán Âm, Đa La Quán Âm….

*) **Ở Trung Hoa**: Tín Ngưỡng Quán Âm được truyền vào Trung Hoa khá sớm qua sự truyền giáo và dịch Kinh của các nhà sư gốc Trung Á và Ba Tư như **Câu Chi La Sấm** [Lokaraksa:Hộ Thế (178_ 189)], **Chi Khiêm** (225_ 253) **Trúc Pháp Hộ** [Đàm Ma La Sát:Dharma rakṣa (265_ 317)], **Cưu Ma La Thập** (Kumārajiva : 344_ 413) …Từ **Bắc Ngụy** (439_ 528) trở về sau, phong trào dựng tượng Quán Âm rất mạnh. Ngay tại núi Long Môn Đà, trong đại động còn giữ rất nhiều di phẩm. Cũng dưới triều Ngụy, Kinh **Cao Vương Quán Âm** của Tôn Đức Kính được xem là Bản khởi thủy, rồi lần lượt xuất hiện các Kinh: Quán Thế Âm Bồ Tát Cứu Khổ, Quán Âm Thập Nhị Nguyện, Quán Âm Tam Muội…

Sau đời **Tùy** (589_ 618), **Đường** (618_ 907) theo sự truyền nhập của Mật Giáo thì Tượng Quán Âm đã được tạo lập rất nhiều như các tượng Bồ Tát trong động Thiên Phật ở Đôn Hoàng thì tượng Quán Âm chiếm quá nửa.

Đến **đời Nam Tống** (1127_ 1279) Ý tưởng phụng thờ Bồ Tát qua hình tướng nữ đã xuất hiện nhưng không được công nhận. Cho đến **đời Minh** (1368_ 1641) thì các bức tranh và tượng Quán Âm đều được biểu hiện bằng thân nữ rất trang nghiêm mỹ lệ…

Nguyên Quán Âm Bồ Tát vốn là Bồ Tát ở địa vị Đẳng Giác, nên tướng mạo tự nhiên của Ngài phải là tướng **Đại Trượng Phu dũng mãnh.** Thế nhưng, do Quán Âm Bồ Tát dùng **Phổ Môn Thị Hiện**, có thể tùy loại hiện thân ắt tự nhiên cũng có thể thị hiện tướng nữ. Do tập quán trên nên hiện nay hầu hết mọi người đều xem Quán Thế Âm Bồ Tát là thân nữ. Điều đó đã hiện hữu trong "**Sưu Thần Ký**" với ảnh hưởng của sự gán ghép thuộc Đạo Giáo, cho rằng Quán Thế Âm Bồ Tát là nữ tính, vả lại Ngài là con gái thứ ba của **Diệu Trang Vương,** là công chúa **Diệu Thiện** thị hiện sau khi thành Đạo. Cách nói này so với Phật Giáo hoàn toàn khác nhau.

Sự thật Quán Thế Âm Bồ Tát thường hiện rõ trong tướng mạo vô biên, thân nữ chẳng qua là một loại trong đó. Dùng Tượng Quán Âm ở thời đại Tùy Đường của Trung Quốc và Tượng của Nhật Bản làm ví dụ thì có rất nhiều hình tượng được bảo tồn đều có râu ria; nhưng do Quán Âm Bồ Tát dùng sự Từ Bi ứng hóa, có sự yêu thương nhu hòa nên nói là tính chất đặc biệt của người mẹ. Nhân đây việc đắp Tượng của Ngài cũng có đặc trưng của **Nữ Tính**. Đến nay hầu như người dân Trung Hoa đều tin tưởng rằng Bồ Tát Quán Âm chính là người nữ.

Do *Tín Ngưỡng Dân Gian* ứng hợp với 33 Hóa Thân nên trên núi Ngũ Đài có các tượng Quán Âm được tô đắp qua hình dáng Tỳ Kheo, người nữ xách giỏ cá, người nữ bồng con nít, người nữ chân đạp rùa cá…

Theo Truyền Kỳ của Trung Hoa thì Bồ Tát Quán Âm hiển linh nói Pháp tại Đạo Trường của núi Phổ Đà tỉnh Triết Giang. Căn cứ vào đấy, người ta tin rằng Ngài sinh vào ngày 19_02 ÂL, ngày xuất gia là 19_09 ÂL, ngày thành đạo là 19_06 ÂL

Hiện nay, hình ảnh Đức Quán Âm mặc áo trắng, Tôn Tượng ngàn mắt ngàn tay và tượng Thánh Quán Âm đã đi sâu vào tâm tư của Giáo Đồ Phật Giáo Trung Hoa và mọi người đều tin tưởng rằng nếu gặp ách nạn khổ đau mà thành Tâm xưng tụng danh hiệu của Ngài thì chắc chắn sẽ được cứu độ.

*) **Ở Nhật Bản**: Tín Ngưỡng Quán Âm cũng được phát triển sâu rộng. Phật Tử Nhật Bản tin rằng Thái Tử **Thánh Đức** (Shòtoku 574_622) người có công xiển dương Phật Giáo Nhật Bản là hiện thân của Đức Quán Âm (Kwannon). Ngày nay trên nước Nhật, mỗi một khu vực như: miền Tây (Vùng Kinki) miền Đông (vùng Kanto, Chichibu…) 33 chùa trong tổng số các chùa ở 3 vùng trên được thành lập làm nơi Quán Âm Linh Địa để Phật Tự đi hành hương.

*) **Ở Việt Nam**: Tín Ngưỡng Phật Giáo có lẽ đã du nhập vào đất Giao Châu từ Thế Kỷ thứ I qua các chuyến buôn bán thông thương của người Ấn Độ, Chiêm Thành… với dân Bản Xứ. Sự nghiệp dịch Kinh của người Việt Nam khá sớm và phát triển mạnh vào thời kỳ Bắc Thuộc lần thứ hai (43 _ 544). Theo ***Lịch Đại Tam Bảo Ký*** thì bộ Kinh ***Pháp Hoa Tam Muội*** đã được Ngài **Chi Cương Lương Tiếp** (Kalyānaśiva_ Chính Chân Cát Tường) cùng với **Đạo Thanh** (người Việt Nam) dịch ra chữ Hán tại đất Giao Châu vào năm 260. Như thế Tín Ngưỡng Quán Âm có thể được truyền bá trong giai đoạn này.

Đến Thế Kỷ thứ V, theo sự ghi nhận của ***Cao Tăng Truyện*** thì Ngài **Thích Đàm Hoằng**, một người Trung Hoa đến nước Ta sau năm 422, cư ngụ ở chùa Tiên Sơn của Giao Chỉ, Ngài chuyên tụng Kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh. Đến năm 455 Ngài Đàm Hoằng nhóm lửa tự thiêu và ngay ngày hôm đó dân làng đều thấy Ngài cỡi con nai vàng , toàn thân Ngài đều rực sắc vàng và đi rất nhanh về phương Tây. Căn cứ vào đây thì khoảng năm 420, Tín Ngưỡng A Di Đà và Quán Âm đã tương đối phát triển khá mạnh dựa trên 2 bộ Kinh Quán Vô Lượng Thọ và Kinh Vô Lượng Thọ.

Đến cuối Thế Kỷ thứ VI thì Mật Giáo chính thức vào Việt Nam qua sự xuất hiện của Thiền Sư **Tỳ Ni Đa Lưu Chi** (Vinitaruci, mất năm 602 tại chùa Pháp Vân) Từ đấy trở đi tinh thần Thiền Mật đã thấm nhuần tư tưởng của các Thiền Sư và một số nhân dân Việt Nam.

Đến Thế Kỷ thứ X thì Việt Nam bắt đầu thực sự giành được quyền tự chủ. Lúc ấy, Mật Giáo và Thiền là 2 hệ thống Phật Giáo hưng thịnh nhất của thời đại.Chính ở Thế Kỷ này, những trụ đá về Mật Giáo đã được tạo dựng tại Hoa Lư như Trụ Đá 8 mặt khắc những câu Kệ và Chú Đà La Ni do Thế Tử **Đinh Liễn** (con trưởng của vua Đinh Tiên Hoàng) lập vào năm 973.

Đến đời Lý (1010_ 1226) Vua Lý Thái Tổ đã cho dựng nhà Tàng Kinh Trấn Phúc vào năm 1011 và sai 2 ông **Nguyễn Đạo Thành** và **Phạm Học** sang đất Tống để thỉnh Tam Tạng Kinh (Ấn Bản năm 983) trong đó có những Bản Kinh thông dụng như Kim Cương, Dược Sư, Pháp Hoa, Viên Giác, Lăng Nghiêm… và như thế chắc chắn là Tín Ngưỡng Quán Âm đã được lưu truyền rộng rãi trong thời đại này. Cụ thể là Thiền Sư **Ma Ha** (Mahā-māyā) và Thiền Sư **Từ Đạo Hạnh** (mất năm 1115) đã chứng được Pháp Đại Bi Tâm Đà La Ni của Quán Âm Đại Sĩ đồng thời Nguyên Phi **Ỷ Lan**, vợ của vua **Lý Thánh Tôn** (1054_ 1071) được gọi là ***Quán Âm Nữ.***

Đến đời Trần (1227_ 1400) Tổ chức Tu Viện được xây dựng theo Thanh Quy của Thiền Sư **Bách Trượng**. Về kiến trúc thì cơ sở chính là Phật Đường trong đó an trí các tượng **Phật Thích Ca** (Śākya-muṇi), Bồ Tát *Văn Thù* (Maṃjuśrī), Bồ Tát **Phổ Hiền** (Saman-tabhadra). Có chùa lại thờ thêm tượng **Phật A Di Đà** (Amitābha), Bồ Tát **Quán Âm** (Avalokiteśvara), Bồ Tát **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta) đồng thời trong các Nghi Thức Tụng Niệm đã xuất hiện các bài Chú Đà La Ni như: Đại Bi Tâm Đà La Ni, Như Ý Bảo Luân Vương Đà La Ni, Lục Tự Đại Minh Chú, Quán Âm Linh Cảm Chân Ngôn, Bát Nhã Tâm Kinh (được xem là bài Chú Bát Nhã)…Trong **Khóa Hư Lục** của vua ***Trần Thái Tôn*** có kêu gọi Hành Giả kính lễ Phật A Di Đà cùng 2 vị Bồ Tát là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí. Căn cứ vào đây thì Tín Ngưỡng Quán Âm đã được củng cố vững chắc và từ hai Triều Đại này, hồng danh Quán Thế Âm Bồ Tát đã đi sâu rộng vào tâm hồn của nhân dân Việt Nam qua hình ảnh bà mẹ hiền luôn chăm sóc giúp đỡ con thơ tránh khỏi mọi ách nạn khổ đau.

Đến các Triều Đại: Lê, Mạc, Trịnh, Nguyễn thì vai trò Phật Giáo bị sút kém và phải trải qua nhiều bước thăng trầm. Nhưng tôn chỉ **Dùng Tâm Từ Bi Hỷ xả cứu khổ cứu nạn với Trí Tuệ Bát Nhã là con thuyền tế độ chúng sinh vượt qua biển mê** của Phật Bà Quan Âm đã đi sâu và bám chắc trong tâm hồn người dân Việt Nam nhất là các Tín Đồ Phật Giáo Đại Thừa, hầu như không một ai không thuộc bài Chú Đại Bi, bài Chú Lục Tự, bài Chú Bát Nhã và đại đa số đều thờ phụng Quán Âm Bồ Tát qua Tôn Tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn, Chuẩn Đề hoặc Bạch Y Nữ.

Truyền Thuyết cho rằng Công Chúa Ba hay Quán Âm Diệu Thiện đã tu hành đắc đạo tại Hương Sơn tại miền Bắc Việt Nam cho nên hình ảnh Phật Bà Quan Âm và Quan Âm Thị Kính luôn hiện rõ vai trò nhẫn nhục, Từ Bi, vị tha, cứu khổ qua 2 tập truyện thơ: Quan Âm Thị Kính, Quan Âm Nam Hải và các vở chèo lưu diễn trong nhân gian

Tín ngưỡng Quán Thế Âm này lan rộng trong dân gian đến nỗi người ta chỉ xem Ngài như là một bà mẹ hiền chỉ biết yêu thương, chăm sóc, cứu giúp chúng sinh vượt qua mọi biển khổ mà quên đi Tôn Chỉ của Ngài là **Trợ giúp cho muôn loài, tự mình giác ngộ để vượt thoát vòng sinh tử luân hồi.** Như Đức Phật đã dạy: "***Hãy tự xem mình là hải đảo** (chỗ ẩn náu) **của mình. Chính mình là chỗ nương dựa của mình, không nên tìm sự nương dựa bên ngoài. Hãy xem Giáo Pháp là hải đảo của mình, Giáo Pháp là chỗ nương dựa của mình, không nên tìm sự nương dựa ở bên ngoài"***

Lời dạy này muốn nhấn mạnh đến tầm quan trọng của sự cố gắng cá nhân nhằm đạt tới mục tiêu rốt ráo là tự thanh lọc tâm ý của mình và tự mình vượt thoát ra khỏi mọi hình thức khổ đau của cuộc sống, còn sự cầu xin van vái hay lệ thuộc vào người khác thì không có hiệu quả.

Như vậy thì quyền năng ban phát ân huệ và cứu độ những kẻ bị đọa lạc của Bồ Tát Quán Thế Âm có hiện hữu thật hay không ?!...

Thật ra quyền năng cứu độ của Bồ Tát Quán Thế Âm được tạo thành trên Bản Nguyện của Ngài, tức là dựa trên cơ sở nỗ lực của cá nhân. Do đó ***Tha Lực*** có thể được xem là một thứ ***Tự Lực hiện hành*** nhằm thực hiện ước nguyện của cá nhân. Ví

dụ như ông **Paster** do nhìn thấy người ta quằn quại đau khổ và bị chết vì bệnh **Chó Dại** nên ông đã nỗ lực tìm tòi phương cách chữa trị, cuối cùng ông đã giúp cho nhân loại ngày nay thoát khỏi căn bệnh này.

Lại nữa Tha Lực chỉ có thể hiện hành được trong những điều kiện và giới hạn nào đó phù hợp với khả năng thi thố của nó, tức là đối tượng của Tha Lực cần phải có những nhân tố gì, những điều kiện gì thì mới có thể đáp ứng được nhu cầu của Tự Lực. Điều này có nghĩa là khi mình muốn vươn tới thì phải có một cái gì để vươn tới, cái gì có khả năng thu hút được sự vươn tới của ta. Nói cách khác Tha Lực và Tự Lực chỉ là những biểu hiện quá trình ***tự ý thức, tự giác ngộ*** của mỗi một cá nhân. Ví như một người Thầy giỏi luôn tận tụy dạy bảo các học trò của mình và luôn quan tâm giúp đỡ chúng học tập (Tha Lực) thế nhưng học trò có tiến bộ hay không thì phần lớn đều do ý thức của chúng (Tự Lực). Đây cũng là lý do mà các Môn Đệ của Đức Phật sau khi đã trải qua một thời gian tu tập dưới sự dìu dắt của Đấng Cha Lành (Tha Lực) và chứng đạt được Quả Vị giải thoát thì Vị nào cũng nói rằng:"***Những việc cần làm, Ta đã làm xong"*** (Tự Lực).

Nói theo cách khác thì **Tha Lực** chính là Duyên bên ngoài, tác động vào Tâm Thức khiến **cho tiềm năng của mỗi một cá nhân** (Tự Lực) được phát triển chính đúng nếu bản thân người ấy tự mình đón nhận và tự mình chỉnh sửa Tâm Thức cho trong sạch, chứ Tha Lực không thể nào làm thay để khiến cho cá nhân giác ngộ được.

Do ý nghĩa này mà Tổ Huệ Năng đã nói rằng: ***"Khi mê thì con nhờ Thầy độ, khi giác ngộ rồi thì con tự độ"***

Và các Bậc Cổ Đức cũng đã nói: ***"Khi còn mê muội thì chúng ta van xin cầu khẩn chư vị Bồ Tát giúp đỡ. Nhưng sau khi thức ngộ thì chúng ta nhận ra rằng các vị Bồ Tát luôn ở trong lòng của chúng ta, là chính chúng ta"***

Tại Việt Nam, do không nắm vững được diệu dụng kết hợp giữa Tha Lực và Tự Lực nên một số người đã cho rằng Pháp tu Quán Âm chỉ gói gọn trong sự cầu đảo mê tín của những kẻ yếu đuối có căn cơ hạ liệt và Mật Giáo chính là khối ung nhọt đang hủy hoại dần truyền thống tốt đẹp của Phật Giáo?!.... Thật ra, những người có tâm bài báng đó không hề biết rằng Mật Giáo luôn hàm chứa những phương thiện thiện xảo truyền tải Giáo Lý Giải Thoát của Đức Phật Đà. Hết thảy các **Đàn Giới** (Maṇḍala), **Ấn Quyết** (Mudra), **Thần Chú** (Mantra), **Minh Chú** (Vidya), **Tổng Trì** (Dhāraṇī) đều biểu tượng cho **Lý Thú Giải Thoát** hoặc **Bản Nguyện Từ Bi Phổ Độ** của các vị Hiền Thánh trong Phật Đạo, tức là người tu Mật Giáo cần phải thấu hiểu rõ ràng sự kết hợp nhuần nhuyễn của cả hai pháp **Hiển Mật.**

Trong thời gian trước, với ước nguyện góp chút công sức cho sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam, tôi cố gắng sưu tầm, phiên dịch và ghi chép lại một số Tôn Tượng Quán Âm Bồ Tát kèm theo vài pháp tu căn bản vào quyển **Đại Bi Quán Âm Căn Bản Pháp** được ấn hành vào năm 2007.

Nay do sự yêu cầu một bạn đồng tu muốn nắm vững hơn về Tôn hình, Chân Ngôn, Thủ Ấn thuộc Pháp tu của các Đức **Quán Âm**, cho nên tôi cố gắng sưu tập thêm hình ảnh từ trang Web **tayphuongtinhdo.com** với **Album hình trên Facebook** và soạn dịch thêm một số tư liệu có liên quan trực tiếp đến Pháp tu này nhằm giúp cho người đọc có thể nghiên cứu dễ dàng hơn.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan) và** Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin kính dâng các Công Đức có được lên Thầy **Thích Quảng Trí** và Thầy **Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ, thúc đẩy con nghiên cứu các Pháp Tu của Phật Giáo cho chính đúng**.**

Con cũng xin chân thành cám ơn các Sư Cô **Như Hạnh, Như Trí, Như Nguyệt, Như Thông** đã và luôn hỗ trợ khuyến khích con soạn dịch Mật Giáo.

Tôi xin chân thành cảm tạ chị **Nguyễn Thị Mộng Thu**, anh **Nguyễn Đình Tạc**, chị **Nguyễn Thị Mộng Hương** và nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch Kinh Điển.

Tôi xin cảm tạ các em **Tống Phước Khải, Nguyễn Thị Mộng Lý** và các con tôi đã nhiệt tình giúp đỡ cho tôi hoàn thành tập ghi chép này.

Tôi xin chân thành cám ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp cho tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà

Nguyện xin Tam Bảo, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực gia trì cho chúng con, các bậc ân nhân của chúng con và tất cả chúng Hữu Tình mau chóng tránh được mọi sai lầm trên bước đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát và mau chóng cùng đạt được Quả Vị Giải Thoát.

Mùa Đông năm Nhâm Thìn (2012)
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

HỒNG DANH QUÁN ÂM BỒ TÁT

Từ xưa đến nay, dựa vào cách dịch âm tiếng Phạn là: A Phộc Lô Chỉ Đế Thấp Phạt La, A Bà Lô Cát Đế Thước Bát La…. Cùng với cách dịch nghĩa là: Quán Tự Tại, Quán Thế Âm, Quán Âm, Quang Âm, Hiện Âm Thanh, Khuy Âm, Phổ Môn, Đại Bi Thánh Giả… nên Hồng Danh của vị Bồ Tát này đã tạo thành vấn đề tranh luận của các hàng Học Giả Phật Giáo.

Liên quan đến danh hiệu của Quán Âm Bồ Tát thời có nhiều cách phiên dịch khác nhau, căn cứ vào sự nghiên cứu của Học Giả, y theo niên đại nêu ra mà ghi nhận như sau:

_ *Cổ Dịch*: nhằm chỉ các bản Kinh được dịch từ niên đại của ngài **Cưu Ma La Thập** (Kumārajīva: 344-413, hay 350-409) trở về thời trước

1_ **Quán Âm:** do **Chi Diệu** dịch Kinh **Thành Cụ Quang Minh Định Ý** ở đời Hậu Hán.

2_ **Khuy Âm**: do **Ngô Chi Khiêm** dịch Kinh **Duy Ma Cật**

3_ **Quán Thế Âm**: do **Khương Tăng Khải** (Saṃgha-varman) dịch Kinh **Vô Lượng Thọ** ở đời Tào Ngụy

4_ **Quang Thế Âm**: do **Trúc Pháp Hộ** (Dharma-rakṣa) dịch Kinh **Quang Thế Âm Đại Thế Chí Kinh Thọ Quyết** ở đời Tây Tấn

5_ **Hiện Âm Thanh**: do **Vô La Xoa** dịch Kinh **Phóng Quang Bát Nhã** ở đời Tây Tấn

_ *Cựu Dịch* : nhằm chỉ các bản Kinh được phiên dịch từ niên đại của ngài **Cưu Ma La Thập** đến trước niên đại của ngài **Huyền Trang** (600-664, hoặc 602-664)

1_ **Quán Thế Âm, Quán Âm**: do **Cưu Ma La Thập** dịch Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa** ở đời Hậu Tần.

Đời Bắc Lương, **Đàm Vô Sấm** (Dharma-rakṣa) dịch Kinh **Bi Hoa**

Đời Đông Tấn, **Phật Đà Bạt Đà La** (Buddha-bhadra) dịch Kinh **Hoa Nghiêm**

Đời Lưu Tống, **Khương Lương Gia Xá** dịch Kinh **Quán Vô Lượng Thọ**

Đời Lưu Tống, **Đàm Vô Kiệt** (Dharmodgata) dịch Kinh **Quán Thế Âm Bồ Tát Thụ Ký**

2_ **Quán Thế Tự Tại**: do **Bồ Đề Lưu Chi** (Bodhi-ruci) dịch **Pháp Hoa Kinh Luận** ở đời Hậu Ngụy

_ *Tân Dịch* : nhằm chỉ các bản Kinh được phiên dịch từ niên đại của ngài **Huyền Trang** cho đến thời sau

1_ **Quán Tự Tại:** do **Huyền Trang** dịch Kinh **Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa** ở đời Đường.

Đời Đường, **Thực Xoa Nan Đà** (Śikṣānanda) dịch Kinh **Hoa Nghiêm**

Đời Đường, **Bồ Đề Lưu Chí** (Bodhi-ruci, tên đầu tiên là Dharma-ruci) dịch **Vô Lượng Thọ Như Lai Hội** trong Kinh **Đại Bảo Tích**.

Đời Tống, **Pháp Hiền** (Dharma-bhadra) dịch Kinh **Đại Thừa Vô Lượng Trang Nghiêm**

2_ **Quán Thế Âm, Quán Âm**: do **Bát Lạt Mật Đế** (Pramiti) dịch Kinh **Thủ Lăng Nghiêm** ở đời Đường.

3_ **Quán Tự Tại**: do **Thiện Vô Úy** (Śubhākara-siṃha) dịch Kinh **Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thần Biến Gia Trì Kinh** ở đời Đường

Đời Đường, Tam Tạng **Huyền Trang** dịch **Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh**

Trong những phiên dịch này chủ yếu nhất là dùng Hồng Danh **Quán Thế Âm**, **Quán Tự Tại**... cũng rất được thông dụng trong thời hiện tại.

_ Thật ra trong văn học Ấn Độ, tùy theo từng trường hợp và tùy theo mỗi một ý nghĩa mà tên gọi của một người được kêu gọi khác nhau.

Phần lớn các Kinh Bản Phạn văn đều ghi nhận tên gọi của vị Bồ Tát này là **Avalokiteśvara**, trong đó

AVA: có nghĩa là phía bên dưới

LOKITA: có nghĩa là nhìn thấy, trông thấy, xem xét kỹ lưỡng

ĪŚVARA: có nghĩa là Tự Tại, vị Chúa Tể, bậc có quyền hành xử mọi việc một cách tự do .

AVALOKITA ĪŚVARA được viết gọn thành AVALOKITEŚVARA nên dịch nghĩa là **Quán Tự Tại.** Và đây cũng là tên gọi chính xác nhất của vị Bồ Tát này

AVALOKITEŚVARA là vị Bồ Tát thực hành Trí tuệ Bát Nhã thâm sâu, quán sát đối tượng **Đương Thể Tức Không** và không bị một chướng ngại bởi các yếu tố giả hợp tạo thành cái ảo tưởng của đương thể nên được gọi là **Quán Tự Tại**

Theo ý nghĩa khác, Bồ Tát Avalokiteśvara quán sát tất cả các Pháp tự do tự tại, tất cả Công Đức hợp với chúng sinh khiến cho họ xa rời bể khổ đạt đến sự an vui phỉ lạc nên Ngài được xem là "***Bậc có uy lực xem xét và bảo hộ chúng sinh một cách tự tại*** " nên Ngài có tên là **Quán Tự Tại** .

Một danh tự khác của Bồ Tát này là LOKEŚVARA trong đó LOKA là thế gian và ĪŚVARA là Tự Tại hay là vị Chúa Tể nên LOKEŚVARA được dịch là **The Tự Tại** hoặc là vị Chúa Tể của Thế Gian. **Lokeśvara** là vị Bồ Tát quán rõ các Pháp Thế Gian là huyễn hoá đồng thời điều dụng được toàn bộ Danh Pháp của Thế Gian một cách vô ngại nên đạt quả Tự Tại. Lại nữa, do Ngài quán biết căn cơ của chúng sinh nên sự giáo hóa được tự tại. Vì vị Bồ Tát này có đầy đủ **BI TRÍ**, **LÝ SỰ** vô ngại nên có tên là **Quán Tự Tại**.

_ Trong quyển 1 của "**Chú Duy Ma Cật Kinh**", Ngài **Cưu Ma La Thập** từng nêu ra rằng: "*Đời có nguy nạn, xưng tên tự quy, Bồ Tát quán sát âm thanh đó liền được giải thoát. Cũng gọi là **Quán Thế Niệm**, cũng tên là **Quán Tự Tại** vậy*." Y theo đây có thể biết Ngài **Cưu Ma La Thập** cũng thừa nhận bên trong Hồng Danh "**Quán Thế Âm**" đã hàm chứa nghĩa "**Quán Tự Tại**."

_ Trong quyển thượng "**Bát Nhã Tâm Kinh U Tán**", Đại Sư **Khuy Cơ** cho rằng "**Quán**" nghĩa là chiếu soi, tức Trí Tuệ thông đạt Không Hữu. "**Tự Tại**" nghĩa là tùy ý nhận làm tức là Thắng Quả của Sở Đắc. Quá khứ rộng hành sáu Độ, hiện tại được chứng Quả trọn vẹn, Tuệ Quán là trước tiên thành được mười loại Tự Tại.

Mười Tự Tại là:

1) **Thọ Tự Tại**: Hay kéo dài bảo vệ tính mạng.

2) **Tâm Tự Tại**: chẳng nhiễm ở sinh tử.

3) **Tài Tự Tại**: Hay theo ý vui thích mà hiện, do Sở Đắc của Bố Thí.

4) **Nghiệp Tự Tại**: Chỉ làm việc lành và khuyên người khác làm lành.

5) **Sinh Tự Tại**: Tùy theo ý muốn hay hướng tới, do Sở Đắc của Giới Hạnh.

6) **Thắng Giải Tự Tại**: Hay tùy theo sự ham muốn Biến Hiện, do Sở Đắc của An Nhẫn.

7) **Nguyện Tự Tại**: Tùy theo Quán nơi vui vẻ mà thành tựu, do Sở Đắc của Tinh Tiến.

8) **Thần Lực Tự Tại**: Bắt đầu Tối Thắng Thần Thông, do Sở Đắc của Định lực.
9) **Trí Tự Tại**: Thuận theo lời nói âm thanh Trí Tuệ.
10) **Pháp Tự Tại**: Vào Khế Kinh …. Do Sở Đắc của Trí Tuệ.

Ngài **Khuy Cơ** lại cho rằng, địa vị của Quán Thế Âm Bồ Tát là Bổ Xứ Bồ Tát, tu đạo thành Chứng Đẳng Giác, có đầy đủ Thắng Quả của mười loại Tự Tại kể trên, cho nên có tên là "**Quán Tự Tại**."

_ Do vị Bồ Tát này lấy bản nguyện Từ Bi cứu giúp chúng sinh nên có tên là **Đại Bi Tâm Giả** (Mahā Kāruṇika), hay **Đại Bi Thánh Giả** (Ārya-mahā-kāruṇika)

_ Do Ngài cầm hoa sen là biểu tượng cho Trí thanh tịnh hay Diệu Pháp nên có tên là **Liên Hoa Thủ Bồ Tát** (Padma-pāṇi-bodhisatva).

_ Do quán sát và thực hành Pháp môn **Không Hai** nên có tên là **Bất Nhị Bồ Tát** (Advaita-bodhisatva)

_ Do hành trì năm Pháp Quán *(Chân Quán, Thanh Tịnh Quán, Quảng Đại Trí Tuệ Quán, Bi Quán, Từ Quán*) mà hiện rõ ánh sáng thanh tịnh vô cấu nhiễm tức là ánh sáng của Trí Tuệ hay phá các ám tối phiền não nhờ đó mà hàng phục được Bản Tâm cho nên mới có thể đem Trí quang minh mà soi khắp các cõi để cứu khổ cho chúng sinh. Đấy là biểu thị cho sự diệu dụng, lợi tha, do vậy Ngài có tên là **Quang Âm Bồ Tát** (Abhāsvara Bodhisatva) với **Abhā** là *ánh sáng* (Quang) **svara** là *âm thanh*, tiếng (Âm)

_ Do công hạnh quán sát tất cả các tiếng kêu cứu của mọi chúng sinh trong cõi **Ta Bà** (Sāhaloka-dhātu) để kịp thời cứu độ nên Ngài có tên **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokita-lokasvara-bodhisatva)

_ Do luôn hành trì Công Đức của Trí tuệ Bát Nhã nên có tên là **Bát Nhã Bồ Tát** (Prajñā-bodhisatva)

_ Do Ngài luôn đem lại sự không sợ hãi và ban cho sự an ổn đến các chúng sinh nên có tên là **Thí Vô Úy giả** (Abhayaṃdāda)

Trong *bản Phạn của **Kinh Pháp Hoa*** (Saddharma-Puṇḍarika-sūtra) có ghi: *"Này Thiện Nam Tử ! Vị Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát ấy ban sự không sợ hãi đến các chúng sinh đang lo lắng. Vì vậy trong thế giới Ta Bà này, vị ấy là Người ban cho sự không sợ hãi (**Thí Vô Úy Giả**)"*

Từ lý do này, các vị Đạo Sư Nhật Bản thường tán tụng Ngài qua tên gọi **Thí Vô Úy Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát** (Abhayaṃdāda Avalokiteśvaràya-bodhisatvāya mahā-satvāya) và tụng là:

NAMO NAMAS TASMAI ABHAYAṂDĀDA AVALOKITEŚVARA BODHISATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA *(Quy mệnh kính lễ Đức Thí Vô Úy Quán Tư Tại Bồ Tát Ma Ha Tát như vậy)*

_ Do Ngài dùng ba Pháp **Văn Tuệ** (Śrutimayò Prajñā), **Tư Tuệ** (Cintāmayò Prajñā), **Tu Tuệ** (Bhāvanāmayò Prajñā) làm cho ***Nhĩ Căn Viên Thông*** nên có tên là **Quán Âm Bồ Tát** (Avalokitasvara-bodhisatva)

Trong **Kinh Lăng Nghiêm quyển 6** có ghi: "*Về vô số kiếp xa xưa, có Đức Phật ra đời hiệu **Quán Âm Như Lai*** (Avalokitasvara-tathāgata). *Tôi đến trước Đức Phật mà phát Tâm Bồ Đề rộng lớn. Đức Phật dạy tôi ba Pháp **Văn, Tư, Tu** có nghĩa là nghe lời giảng dạy, suy nghĩ kỹ lưỡng về đạo lý và theo đó thực hành để vào **Tam Ma Đề** (Samādhi) tức là nơi vắng vẻ rốt ráo. Đức Phật khen tôi chứng được Pháp môn Viên Thông, liền ngay trong Đại Hội thọ ký cho tôi và ban Hiệu là **Quán Âm*** (Avalokitasvara)"

_ Trong ***Kinh A Di Đà*** *quyển thượng*, ***Kinh Vô Lượng Thọ*** *quyển thượng* và ***Kinh Quán Âm Thọ Ký*** đều dùng hồng danh **Thánh Quán Thế Âm** (Ārya

Avalokitasvara) để chỉ vị **Nhất Bổ Xứ Bồ Tát** hầu cận Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha-buddha) tại **Thế Giới Cực Lạc** (Śukha-vatī-lokadhātu) ở phương Tây của cõi Ta Bà. Vị Bồ Tát này thường phụ giúp Đức Phật giáo hóa chúng sinh trong cõi Tịnh Độ ấy.

Theo sự ghi nhận của ***Kinh Quán Âm Tam Muội*** và ***Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi*** thì Quán Âm Bồ Tát có sức uy thần chẳng thể tư nghị, ở vô lượng kiếp trước đã thành Phật rồi, hiệu là **Chính Pháp Minh Như Lai** (Samyak-dharma-vidya-tathāgata) Nay vì nguyện lực Đại Bi mới thị hiện thân Bồ Tát để cứu khổ chúng sinh .

_Trong Kinh **Pháp Hoa** quyển 7 và Kinh **Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm** quyển 6 có ghi: *"Vị Bồ Tát này ở khắp mọi nơi, mọi đất nước. Hiện đủ loại thân tướng, ứng với căn cơ của chúng sinh để hóa độ"* cho nên còn gọi là các **Ứng Hoá Thân Bồ Tát**.

Kinh **Pháp Hoa**, quyển 7 ghi nhận 33 Ứng Hóa Thân là :

A . BA VỊ ĐỊA THÁNH :

1 . Phật thân (Buddha-Kāya)
2 . Bích Chi Phật thân (Pratyeka-buddha-Kāya)
3 . Thanh Văn thân (Śrāvaka Kāya)

B . SÁU LOẠI CỦA THIÊN GIỚI :

1 . Đại Phạm Vương thân (Mahā-brahma-Kāya)
2 . Đế Thích thân (Śākra-vevānāṃ-Kāya hay Indra-Kāya)
3 . Tự Tại Thiên thân (Īśvara-Kāya)
4 . Đại Tự Tại Thiên thân (Maheśvara-Kāya)
5 . Thiên Đại Tướng Quân thân (Skanda-senapati-Kāya)
6 . Tỳ Sa Môn thân (Vaiśravaṇa-Kāya)

C . NĂM DÒNG TỘC CỦA NGOẠI ĐẠO :

1 . Tiểu Vương thân (Hīna-rāja-Kāya)
2 . Trưởng Giả thân (Gṛhapati-Kāya)
3 . Cư Sĩ thân (Dānapati-Kāya hay Gṛhapati-Kāya)
4 . Tể Quan thân (Puruṣa-Kāya)
5 . Bà La Môn thân (Brāhmaṇa-Kāya)

D . BỐN CHỦNG CỦA ĐẠO NỘI :

1 . Tỳ Kheo thân (Bhikṣu-Kāya).
2 . Tỳ Kheo ni thân (Bhikṣunī-Kāya).
3 . Ưu Bà Tắc thân (Upāsaka-Kāya).
4 . Ưu Bà Di thân (Upāsika-Kāya).

E . SÁU CẤP CỦA PHỤ NỮ - TRẺ CON :

1) Trưởng Giả Phụ Nữ thân (Gṛhapati-bhāryā-Kāya).
2) Cư Sĩ Phụ Nữ thân (Dānapati-bhāryā-Kāya).
3) Tể Quan Phụ Nữ thân (Puruṣa-bhāryā-Kāya).
4) Bà la Môn Phụ Nữ thân (Brāhmaṇa-bhāryā-Kāya).
5) Đồng Nam thân (Putra-Kāya).
6) Đồng Nữ thân (Kanyā-Kāya).

F . TÁM BỘ TRỜI RỒNG :

1) Thiên thân (Deva-Kāya).
2) Long thân (Nāga-Kāya).
3) A Tu La thân (Asura-Kāya).
4) Dạ Xoa thân (Yakṣa-Kāya).
5) Càn Sát Bà thân (Gandharva-Kāya).
6) Ca Lâu La thân (Garuḍa-Kāya).

7) Khẩn Na La thân (Kiṃnara-Kāya).
8) Ma Hầu La Già thân (Mahoraga-Kāya).

G . MỘT THÂN THẦN :

Chấp Kim Cương thân (Vajradhāra-Kāya hay Vajrapāṇi-Kāya).

Trong 33 Thân này, các Thân nào mang hình vóc con người thì gọi là **thân Người** (Manuṣya-Kāya) còn 3 Thân Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già thì gọi là **thân Phi Nhân** (Amanuṣya-Kāya)

_ **Bổ Đà Lạc Hải Hội Quỹ Vô Thượng Ký** thì thay 4 Thân Phụ Nữ (Trưởng Giả, Cư Sĩ, Tể Quan, Bà La Môn) bằng thân Phi Nhân, thân Người, thân Phụ Nữ, thân Đồng Mục Thiên Nữ

_ Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh, quyển 6 không có 7 thân: Tỳ Sa Môn, Trưởng Giả Phụ Nữ, Cư Sĩ Phụ Nữ, Tể Quan Phụ nữ, Bà La Môn Phụ Nữ, Ca Lâu La, Chấp kim Cương mà đưa ra 5 Thân: Tứ Thiên Vương, Tứ Thiên Vương Quốc Thái Tử, Nữ Chủ, Thân Người, Thân Phi Nhân và chia thân Bích Chi Phật thành 2 thân là : Độc Giác, Duyên Giác. Do đó chỉ ghi nhận có 32 Ứng Hóa Thân

Tựu trung cả Phạn Văn và Tạng Văn đều đề cử 33 Thân

_ **Ma Ha Chỉ Quán quyển 2,** *phần Thượng* có ghi 6 vị Quán Âm là các Hóa Tôn của 6 nẻo, gồm có :

1) **Đại Bi Quán Thế Âm**: *Phá 3 chướng của nẻo Địa ngục.*
2) **Đại Từ Quán Thế Âm**: *Phá 3 chướng của nẻo Ngã quỷ.*
3) **Sư Tử Vô Úy Quán Thế Âm**: *Phá 3 chướng của nẻo Súc sinh.*
4) **Đại Quang Phổ Chiếu Quán Thế Âm**: *Phá 3 chướng của nẻo Tu la.*
5) **Thiên Nhân Trượng Phu Quán Thế Âm**: *Phá 3 chướng của nẻo Nhân Gian*
6) **Đại Phạm Tấn Tật Quán Thế Âm**: *Phá 3 chướng của nẻo Thiên Giới*

_Hệ **Đài Mật** của Nhật Bản nhận định 6 vị Quán Âm là :

1_ Hóa Tôn địa ngục là **Thánh Quán Âm** (Ārya Avalokitasvara)
2_ Hóa Tôn Ngã quỷ là **Thiên Thủ Quán Âm** (Sahasra-bhūja Avalokitasvara)
3_ Hóa Tôn Súc sinh là **Mã Đầu Quán Âm** (Hayagrīva Avalokitasvara)
4_ Hóa Tôn Tu la là **Thập Nhất Diện Quán Âm** (Eka-daśa-mukhe Avalokitasvara)
5_ Hóa Tôn Nhân gian là **Bất Không Quyến Sách Quán Âm** (Amogha-pāśa Avalokitasvara)
6_ Hóa Tôn Thiên giới là **Như Ý Luân Quán Âm** (Cintā-maṇi-cakra Avalokitasvara)

Hệ **Đông Mật** của Nhật Bản thì thay Bất Không Quyến Sách Quán Âm bằng **Chuẩn Đề Quán Âm** (Cuṅdhe Avalokitasvara)

Hệ khác thì gộp chung các vị lại thành 7 vị Quán Âm.

_ Trong **Bất Không Quyến Sách Thần Biến Chân Ngôn** còn đề xuất thêm các vị Quán Âm nữa là: Tứ Diện Đại Bi Quán Âm, Trừ Bạt Nạn Tiên Quán Âm, Bá Nga Mục Khư Quán Âm, Đại Phạm Thân Tướng Quán Âm, Quảng Đại Minh Vương Câu Xả Quán Âm .

_ Chư Tôn Nghĩa Sao có ghi tên 15 vị Quán Âm là:

1) Chính Quán Âm
2) Thiên Thủ Quán Âm

3) Mã Đầu Quán Âm
4) Thập Nhất Diện Quán Âm
5) Chuẩn Đề Quán Âm
6) Như Ý Luân Quán Âm
7) Bất Không Quyến Sách Quán Âm
8) Bạch Y Quán Âm
9) Diệp Y Quán Âm
10) Thủy Nguyệt Quán Âm
11) Dương Liễu Quán Âm
12) A Ma Tai Quán Âm
13) Đa La Quán Âm
14) Thanh Cảnh Quán Âm
15) Hương Vương Quán Âm

_ **A Sa Phộc Sao** nêu rõ có 28 Quán Âm là:

1) Thánh Quán Âm
2) Thiên Thủ Quán Âm
3) Mã Đầu Quán Âm
4) Thập Nhất Diện Quán Âm
5) Chuẩn Đề Quán Âm
6) Như Ý Luân Quán Âm
7) Bất Không Quyến Sách Quán Âm
8) Tỳ Câu Chi Quán Âm
9) Đa La Quán Âm
10) Bạch Y Quán Âm
11) Diệp Y Quán Âm
12) Phẫn Nộ Câu Quán Âm
13) Cát Tường Quán Âm
14) Phong Tài Quán Âm
15) Bất Không Câu Quán Âm
16) Đa La Quán Âm
17) Nhất Kế La Sát Quán Âm
18) Thanh Cảnh Quán Âm
19) Hương Vương Quán Âm
20) A Ma Tai Quán Âm
21) Liên Hoa Đỉnh Quán Âm
22) Đại Phạm Thiên Tướng Quán Âm
23) Bá Nộ Mục Khư Quán Âm
24) Ương Câu Xá Quán Âm
25) Diên Mạng Quán Âm
26) Dũng Kiện Quán Âm
27) Tứ Diện Đại Bi Quán Âm
28) Trừ Bát Nạn Thiên Quán Âm.

_ Kinh **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp** có ghi nhận 25 vị Quán Tự Tại biểu thị cho 25 Tam Muội đập nát 25 Hữu và 40 vị Quán Tự Tại là Hóa Thân của Đức **Thí Vô Úy Quán Tự Tại** (Abhayaṃdāda Avalokiteśvara) nhằm hóa độ các Chúng Sinh ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu

a) 25 vị Quán Tự Tại phá 25 Hữu là :

1) **Bạt Khổ Quán Tự Tại** phá Địa Ngục Hữu
2) **Dữ Trí Quán Tự Tại** phá Súc Sinh Hữu

3) **Thí Nguyện Quán Tự Tại** phá Ngạ Quỷ Hữu
4) **Trừ Kích Quán Tự Tại** phá A Tu La Hữu
5) **Trừ Khuể Quán Tự Tại** phá Đông Thắng Thần Châu Hữu
6) **Tiến Đạo Quán Tự Tại** phá Tây Ngưu Hóa Châu Hữu
7) **Cần Chính Quán Tự Tại** phá Bắc Thượng Thắng Châu Hữu
8) **Thí Vô Úy Quán Tự Tại** phá Nam Thiệm Bộ Châu Hữu
9 **Thí Quang Quán Tự Tại** phá Tứ Thiên Xứ Hữu
10) **Dữ Cam Lộ Quán Tự Tại** phá Đao Lợi Thiên Hữu
11) **Kiến Thiên Quán Tự Tại** phá Diễm Ma Thiên Hữu
12) **Thí Diệu Quán Tự Tại** phá Đâu Suất Thiên Hữu
13) **Kiến Lạc Quán Tự Tại** phá Hóa Lạc Thiên Hữu
14) **Giáng Ma Quán Tự Tại** phá Tha Hóa Tự Tại Thiên Hữu
15) **Tĩnh Lự Quán Tự Tại** phá Sơ Thiền Hữu
16) **Tác Cữu Quán Tự Tại** phá Phạm Vương Hữu
17) **Kiến Thiền QuánTự Tại** phá Nhị Thiền Hữu
18) **Oán Địch Quán Tự Tại** phá Tam Thiền Hữu
19) **Điều Trực Quán Tự Tại** phá Tứ Thiền Hữu
20) **Không Huệ Quán Tự Tại** phá Vô Tướng Hữu
21) **Hộ Thánh Quán Tự Tại** phá Tĩnh Cư A Na Hàm Hữu
22) **Thanh Tĩnh Quán Tự Tại** phá Không Xứ Hữu
23) **Chính Pháp Quán Tự Tại** phá Thức Xứ Hữu
24**) Nan Dục Quán Tự Tại** phá Vô Sở Hữu Xứ Hữu
25) **Bất Động Quán Tự Tại** phá Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Hữu

25 vị Bồ Tát sở hiện của Đại Bi này đều có đủ 11 mặt 40 cánh tay, được 25 Tam Muội, đoạn 25 Hữu và mỗi một vị đều có 40 Hóa Thân

b) 40 vị Quán Tự Tại là Thân Sở Hóa của Thí Vô Úy Quán Tự Tại tương ứng với 40 tay cầm báu vật là :

1) Dữ Nguyện Quán Tự Tại (Như Ý Thủ)
2) Trì sách Quán Tự Tại (Quyến Sách Thủ)
3) Bảo Bát Quán Tự Tại (Bảo Bát Thủ)
4) Bảo Kiếm Quán Tự Tại (Bảo Kiếm Thủ)
5) Kim Cương Quán Tự Tại (Bạt Chiết La Thủ)
6) Trì Xử Quán Tự Tại (Kim Cương Xử Thủ)
7) Trừ Bố Quán Tự Tại (Thí Vô Úy Thủ)
8) Nhật Tinh Quán Tự Tại (Nhật Tinh Ma Ni Thủ)
9) Nguyệt Tinh Quán Tự Tại (Nguyệt Tinh Ma Ni Thủ)
10) Trì Cung Quán Tự Tại (Bảo Cung Thủ)
11) Tốc Trực Quán Tự Tại (Bảo Tiễn Thủ)
12) Dược Vương Quán Tự Tại (Dương Liễu Thủ)
13) Phất Nạn Quán Tự Tại (Bạch Phất Thủ)
14) Trì Bình Quán Tự Tại (Hồ Bình Thủ)
15) Hiện Nộ Quán Tự Tại (Bàng Bài Thủ)
16) Trấn Nạn Quán Tự Tại (Phủ Việt Thủ)
17) Trì Hoàn Quán Tự Tại (Ngọc Hoàn Thủ)
18) Phân Diệp Quán Tự Tại (Bạch Liên Hoa Thủ)
19) Kiến Phật Quán Tự Tại (Thanh Liên Hoa Thủ)
20) Kính Trí Quán Tự Tại (Bảo Kính Thủ)
21) Kiến Liên Quán Tự Tại (Tử Liên Hoa Thủ)
22) Kiến An Quán Tự Tại (Bảo Khiếp Thủ)

23) Tiên Vân Quán Tự Tại (Ngũ Sắc Vân Thủ)
24) Thiền Định Quán Tự Tại (Quân Trì Bình Thủ)
25) Thiên Hoa Quán Tự Tại (Hồng Liên Hoa Thủ)
26) Phá Tặc Quán Tự Tại (Kích Sao Thủ)
27) Niệm Châu Quán Tự Tại (Sổ Châu Thủ)
28) Trì Loa Quán Tự Tại (Bảo Loa Thủ)
29) Phộc Quỷ Quán Tự Tại (Độc Lâu Thủ)
30) Pháp Âm Quán Tự Tại (Bảo Đạc Thủ)
31) Trí Ấn Quán Tự Tại (Bảo Ấn Thủ)
32) Câu Triệu Quán Tự Tại (Thiết Câu Thủ)
33) Từ Trượng Quán Tự Tại (Tích Trượng Thủ)
34) Hiện Kính Quán Tự Tại (Hợp Chưởng Thủ)
35) Bất Ly Quán Tự Tại (Hóa Phật Thủ)
36) Đại Thế Quán Tự Tại (Hoá Cung Điện Thủ)
37) Bát Nhã Quán Tự Tại (Bảo Kinh Thủ)
38) Bất Chuyển Quán Tự Tại (Bảo Luân Thủ)
39) Quán Đỉnh Quán Tự Tại (Đỉnh Thượng Hóa Phật Thủ)
40) Hộ Địa Quán Tự Tại (Bồ Đào Thủ)

_ Kinh **Ngũ Bách Danh** đề cử 500 danh hiệu Quán Âm

_ Các Kinh khác còn ghi thêm một số Hồng Danh nữa là: Hiện Âm Thanh Bồ Tát, Khuy Âm Bồ Tát, Viên Thông Đại Lực Sĩ, Từ Hàng Đại Sĩ… Sau này lại có 25 vị Quán Âm và 33 vị Quán Âm ... Hầu hết các bộ Quán Âm này thường không có căn cứ ở Kinh Quỹ mà dựa vào tư tưởng Hóa Độ Lục Đạo với tư tưởng 33 Ứng Hóa Thân pha lẫn với tín ngưỡng dân tộc ở Trung Hoa, Nhật bản mà tạo ra.

_ **Phật giáo** Nepal đề cử 15 vị Quán Âm là:
1_ Ṣaḍ-aksarī Lokeśvara
2_ Siṃhanāda Lokeśvara
3_ Khasarpana Lokeśvara
4_ Lokanātha Lokeśvara
5_ Halahala Lokeśvara
6_ Padmanartteśvara
7_ Harihari hari vahanobhava Lokeśvara
8_ Trailokya Vasankara Lokeśvara
9_ Rakta Lokeśvara
10_ Māyājāla Krama Avalokiteśvara
11_ Nīlakaṇṭha Lokeśvara
12_ Sugatisandarśana Lokeśvara
13_ Preta Santarpita Lokeśvara
14_ Sikhavati Lokeśvara
15_ Vajradharma Lokeśvara

_ **Mật Giáo** Nepal đã vận dụng 12 hình thức ứng hóa của Bồ Tát Quán Thế Am theo 12 tháng Âm Lịch trong năm để thực hiện Pháp Tu mang lại lợi ích cho nhiều người hơn.

Tháng Giêng (Dần**): Siṃhanāda Lokeśvara**
Tháng Hai (Mão): **Padmanrita Lokeśvara**
Tháng Ba (Thìn): **Hariharihari Vahana Lokeśvara**
Tháng Tư (Tỵ): **Trailokya Vasankari Lokeśvara**
Tháng Năm (Ngọ): **Rakta Lokeśvara**

Tháng Sáu (Mùi): **Nīlakaṇṭha Loke'svara**
Tháng Bảy (Thân): **Māyājāla Lokeśvara**
Tháng Tám (Dậu): **Karandavyūha Lokeśvara**
Tháng Chín (Tuất): **Ṣaḍ-aksarī Lokeśvara**
Tháng Mười (Hợi): **Śrīmat Lokeśvara**
Tháng Mười Một (Tý): **Halahalahala Lokeśvara**
Tháng Mười Hai (Sửu): **Khasārpaṇa Lokeśvara**

_ Phật Giáo Tây Tạng thường phụng thờ Tôn Tượng **Tứ Thủ Quán Âm** (Tức **Lục Tự Đại Minh Quán Âm**), **Thập Nhất Diện Quán Âm, Liên Hoa Thủ Bồ Tát, Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm, Đa La Quán Âm**

_ Hệ Phật Giáo ở phương Tây ghi nhận 108 tên của Quán Tự Tại Bồ Tát là:
1_ Āryāvalokiteśvara
2_ Vajra-nātha_ Lokeśvara
3_ Vajrapāṇi_Lokeśvara
4_ Padmapāṇi_ Lokeśvara
5_ Nitya-nātha_ Lokeśvara
6_ Śaṅkha-nātha_ Lokeśvara
7_ Vajra-hetu_ Lokeśvara (?Vajra-sphoṭa)
8_ Kṛtañjali_ Lokeśvara
9_ Vajroṣṇīṣa_ Lokeśvara
10_ Śivakānta_ Lokeśvara
11_ Viṣṇu_ Lokeśvara
12_ Uṣṇīṣa- Lokeśvara (?Uṣṇīṣa -nātha)
13_ Mañjudatta_ Lokeśvara (?Mañju-nātha)
14_ Cintāmaṇi_ Lokeśvara
15_ Jñāna-dhātu_ Lokeśvara
16_ Śākya-dhātu_ Lokeśvara
17_ Vajra-dhātu_ Lokeśvara
18_ Mañju-bhūta_ Lokeśvara
19_ Viśva-bhūta_ Lokeśvara
20_ Sukhāvatī_ Lokeśvara
21_Suprasārtha_ Lokeśvara
22_Hariharihari-vāhana_ Lokeśvara
23_Jñānāṃ-dhāri_ Lokeśvara
24_Mahā-vajrasattva_ Lokeśvara
25_Siṃha-nātha_ Lokeśvara
26_Harihara_ Lokeśvara
27_Dharma-cakra_ Lokeśvara
28_Ṣaḍ-aksarī_ Lokeśvara
29_Ṣaraṣirī_ Lokeśvara
30_Ṣṛṣṭikānta_ Lokeśvara
31_Brahmadatta_ Lokeśvara
32_Amogha-pāśa_ Lokeśvara
33_Vasanta_ Lokeśvara
34_Kamala-vadha_ Lokeśvara
35_Brahmādideva_ Lokeśvara
36_Halahala_ Lokeśvara

37_ Krama-candra_ Lokeśvara
38_Karajali_ Lokeśvara
39_Lamadi_ Lokeśvara (?Amitābha)
40_Bindupātra_ Lokeśvara
41_Indrapātra_ Lokeśvara (?Piṇḍapātra)
42_Nīla-kṛṣṇa_ Lokeśvara
43_Śrīmanta_ Lokeśvara
44_Śrayanna_ Lokeśvara
45_Loka-nātha_ Lokeśvara
46_Padmanṛtya_ Lokeśvara
47_Potalake-survaṇa-śaṅkara_ Lokeśvara
48_Varada_ Lokeśvara
49_Nīlakaṇṭha_ Lokeśvara
50_Māyājāla_ Lokeśvara
51_Dharatī_ Lokeśvara
52_Dharma-śaṃkara_ Lokeśvara
53_Abhayaṃkara_ Lokeśvara
54_Nityayacana_ Lokeśvara
55_Ratna-pāṇi_ Lokeśvara
56_Sugati-darśana_ Lokeśvara
57_Pretagati_ Lokeśvara
58_Gandha-vibhu_ Lokeśvara (?Gandha-citta)
59_Kāruṇa-vatāra_ Lokeśvara
60_Vilañcitu_ Lokeśvara
61_Sārthavāha_ Lokeśvara
62_Kāntina-vatāra_ Lokeśvara
63_Jogācata_ Lokeśvara
64_Candra-varṇa_ Lokeśvara
65_Sūrya-varṇa_ Lokeśvara
66_Ganganagañja_ Lokeśvara
67_Ānanda_ Lokeśvara
68_Indragati_ Lokeśvara
69_Sāgara-gaṃbhīra_ Lokeśvara
70_Siṃha-vijṛṃbhita_ Lokeśvara
71_Siṃha-vikrīḍita_ Lokeśvara
72_Śatavaradāyaka_ Lokeśvara
73_Avīci-saṃśodhana_ Lokeśvara
74_Ratna-vṛṣṭi_ Lokeśvara
75_Sanadaśa_ Lokeśvara
76_Vajrāsana_ Lokeśvara
77_Guhya-gupta_ Lokeśvara
78_Ākāśa-garbha_ Lokeśvara
79_Meghapati_ Lokeśvara
80_Atikṣiptadhūpa_ Lokeśvara
81_Aśvattha-hasta_ Lokeśvara
82_Sarva-nīrvaṇa-viṣkaṃbhī_ Lokeśvara
83_Bhaiṣajyeśvara_ Lokeśvara
84_Sāgara-mati_ Lokeśvara
85_Susukha_ Lokeśvara (?Sumukha)

86_Ratna-kīrtti_ Lokeśvara (= Mahā-śaktavīra)
87_Śaṅkara-vihāra_ Lokeśvara
88_Hayagrīva_ Lokeśvara
89_Varāha-mukha_ Lokeśvara
90_Dadi-viśva-nātha_ Lokeśvara
91_Sapta-mukha_ Lokeśvara
92_Mahā-pratiyaṅgirā_ Lokeśvara
93_Jala-bindu_ Lokeśvara
94_Dharmapīṭha_ Lokeśvara (= Dharma-dhātu)
95_Padmālaṅkāra_ Lokeśvara
96_Dhātu-pūja_ Lokeśvara
97_Candra-vīra_ Lokeśvara (= Candra-prabha)
98_Vajra-mukutī_ Lokeśvara (?Jaṭamukuṭa)
99_Dharma-rāja_ Lokeśvara
100_Duṇḍubhi_ Lokeśvara
101_Ṛṣipuṅgava_ Lokeśvara
102_Daśa-bhūmi_ Lokeśvara
103_Sarva-jña-śīla_ Lokeśvara
104_Dhvajāgra_ Lokeśvara (?Dhvajāgra-keyūra)
105_Nitya-nātha_ Lokeśvara (= Nṛtya-nātha)
106_Ādi-buddha_ Lokeśvara (=Śākya-buddha)
107_Vajra-sahasra_ Lokeśvara (?vajra-śastra)
108_Nāmasaṅgīti_ Lokeśvara

Tóm lại, do nhân ứng hóa các phương mà danh hiệu và hình tượng của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có nhiều tướng trạng khác nhau. Thông thường người ta dùng hồng danh **Chính Quán Âm** (Samyak-Avalokitasvara) để chỉ Đức Quán Âm bản nhiên. Hình tượng của Ngài rất tự do không có quy định theo đặc tính nào cả.

Hồng danh **Thánh Quán Âm** (Ārya-Avalokitasvara) dùng để chỉ Đức Quán Âm cùng với Đại Thế Chí Bồ Tát theo hầu cận Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc và xưng là ***Tây Phương Tam Thánh*** .

Hồng danh **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva) dùng để chỉ các bậc Giác Hữu Tình đang tu hành pháp môn **QUÁN CHIẾU THẬT TẠI** để hoàn thành Tuệ Giác siêu việt, hoặc danh hiệu này dùng để chỉ vị Bồ Tát ở cảnh **Lý Sự Vô Ngại**, quán đạt tự tại.

Hồng danh **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokita-lokasvara-bodhisatva) dùng để chỉ các bậc Giác Hữu Tình đang thực hành Pháp Môn **VIÊN THÔNG NHĨ CĂN** để hoàn thành 4 Tâm vô lượng **TỪ, BI, HỶ, XẢ**. Hoặc danh hiệu này dùng để chỉ vị Bồ Tát dùng bản nguyện **Từ Bi** quan sát âm thanh cầu cứu của tất cả chúng sinh trong Đại Thiên Thế Giới mà nhanh chóng hiện thân đến cứu tế ách nạn.

Riêng các Tôn Tượng và danh hiệu khác đều là thân thị hiện theo lực dụng của Pháp Thần Biến tự tại nên mỗi mỗi đều có ý nghĩa và Nghi Quỹ riêng biệt.

CÁC LOẠI HÌNH TƯỢNG QUÁN ÂM

1) Hình tượng Quán Âm của Thế Giới Cực Lạc

Quán Âm Bồ Tát của **Thế Giới Cực Lạc** (Sukhavatī-dhātu) có thể nói là tất cả bản vị của Quán Âm.

Kinh **Quán Vô Lượng Thọ** ghi rằng: *"Bồ Tát thân dài tám mươi vạn ức na do tha hằng hà sa do tuần, màu da thịt trên thân là màu vàng tím, trên đỉnh có búi tóc, trên đầu đội mão Trời có viên ngọc báu Tỳ Lăng Già Ma Ni chế thành, đặc biệt là trong mão Trời có một Tôn Phật đứng A Di Đà Phật cao 25 do tuần. Tướng bạch hào giữa hai lông mày đầy đủ màu 7 báu tuôn ra tám vạn bốn ngàn loại ánh sáng, trong mỗi một ánh sáng cũng có vô số Hóa Phật, Hóa Bồ Tát. Sau gáy có Hào Quang tròn, trong Hào Quang tròn có 500 vị Hóa Phật, mỗi một vị Hóa Phật đều có 500 Hóa Bồ Tát, vô lượng Chư Thiên làm thị giả của Ngài, toàn thân trong ánh sáng, thị hiện tất cả sắc tướng của chúng sinh ở 5 nẻo. Biến hiện tự tại khắp mười phương thế giới.*

Cánh tay của Bồ Tát màu như Hoa Sen hồng, có tám mươi ức ánh sáng dùng làm anh lạc, trong anh lạc hiện khắp tất cả các việc trang nghiêm. Lòng bàn tay cũng có năm trăm ức màu Hoa Sen tạp. Hai tay: trên mỗi một đầu ngón tay có tám vạn bốn ngàn màu sắc, mỗi một màu sắc có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, ánh sáng ấy mềm mại chiếu khắp tất cả, dùng tay báu này để tiếp dẫn chúng sinh. Khi giơ bàn chân lên, dưới bàn chân có Tướng bánh xe ngàn căm, tự nhiên hóa thành năm trăm ức Đài Quang Minh, dưới bàn chân thời có Hoa Kim Cang Ma Ni rải tán tràn đầy khắp tất cả mọi nơi".

Hình tượng của Quán Thế Âm viên mãn đầy đủ, cùng với Đức Phật chẳng có sai biệt, chỉ có búi tóc trên đỉnh đầu và Vô Kiến Đỉnh Tướng không giống như Đức Phật.





Vì muốn tiếp dẫn chúng sinh vãng sinh về thế giới Cực Lạc ở Phương Tây hình tượng của Quán Thế Âm Bồ Tát cũng có cầm Đài Sen Kim Cương. Hình tượng như vậy cũng chẳng hạn chế dùng loại tư thế nào, loại tay ấn nào làm định hình mà là thuận theo nhân duyên nguyện vọng cần yếu của chúng sinh để thị hiện, cho nên trong Kinh Điển khác nhau cũng sẽ vẽ ra Tướng trạng khác nhau.

Ví như trong Kinh **Bất Không Quyến Sách Thần Biến Chân Ngôn** ghi nhận rằng: Quán Âm là vị **Hiếp Thị** của Đức Phật Di Đà, tay trái cầm Hoa Sen, lòng bàn tay phải ngửa lên để trên đùi, ngồi bán già. Chẳng qua là trong đó có nói **"Trên đỉnh đầu có vị Hóa Phật đứng"** so với đặc trưng của nhóm thì khác nhau, có thể tính toán là tiêu chí để đăng ký của Quán Âm. Tôn Phật đứng này, nói chung đều cho rằng Đức Phật A Di Đà cũng tức là **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata).



Thông thường hình tượng Quán Thế Âm Bồ Tát này được thờ phụng chung với Đức Phật A Di Đà và Đại Thế Chí Bồ Tát, và được tôn xưng là **Tây Phương Tam Thánh**





2_ Ba mươi ba loại Thân Ứng Hóa

Căn cứ trong "**Kinh Pháp Hoa. Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn**" nói, Bồ Tát có 33 loại thân ứng hóa, những thân ứng hóa này đều ứng với thân nào đó để hóa độ, Bồ Tát liền hiện thân đó mà giảng pháp cho kẻ đó, cần phải dùng thân Đồng Nam, Đồng Nữ để hóa độ, liền hiện thân Đồng Nam, Đồng Nữ mà giảng pháp, cần phải dùng thân Phật để hóa độ thì liền hiện thân Phật mà giảng pháp.

Do đây có thể biết, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng chẳng nhất định phải xuất hiện hình tượng Bồ Tát, Ngài có thể hóa hiện làm Bà La Môn, có thể là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cũng có thể là thân Đế Thích, thân Đại Tự Tại Thiên, thân Dạ Xoa, thân A Tu La. Các loại thân này đều là ứng hiện thuận theo Đại Bi để giáo hóa chúng sinh.

_ Căn cứ trong "**Phẩm Phổ Môn**" ghi chép, 33 loại thân ứng hóa của Quán Thế Âm Bồ Tát phân biệt là:

1. ***Ba Tôn thuộc hàng Thánh***:

33 loại thân ứng hóa của Quán Âm như sau:

Ba Tôn thuộc hàng Thánh:

1. *Thân Phật*:



2. *Thân Bích Chi Phật*:



3. *Thân Thanh Văn*:



Sáu Tôn thuộc cõi Trời:

1_ *Thân Đại Phạm Thiên* :



2_ *Thân Đế Thích*:



3_ *Thân Tự Tại Thiên*:



4_ *Thân Đại Tự Tại Thiên*:



5_ *Thân Thiên Đại Tướng Quân*:



6_ *Thân Tỳ Sa Môn*:

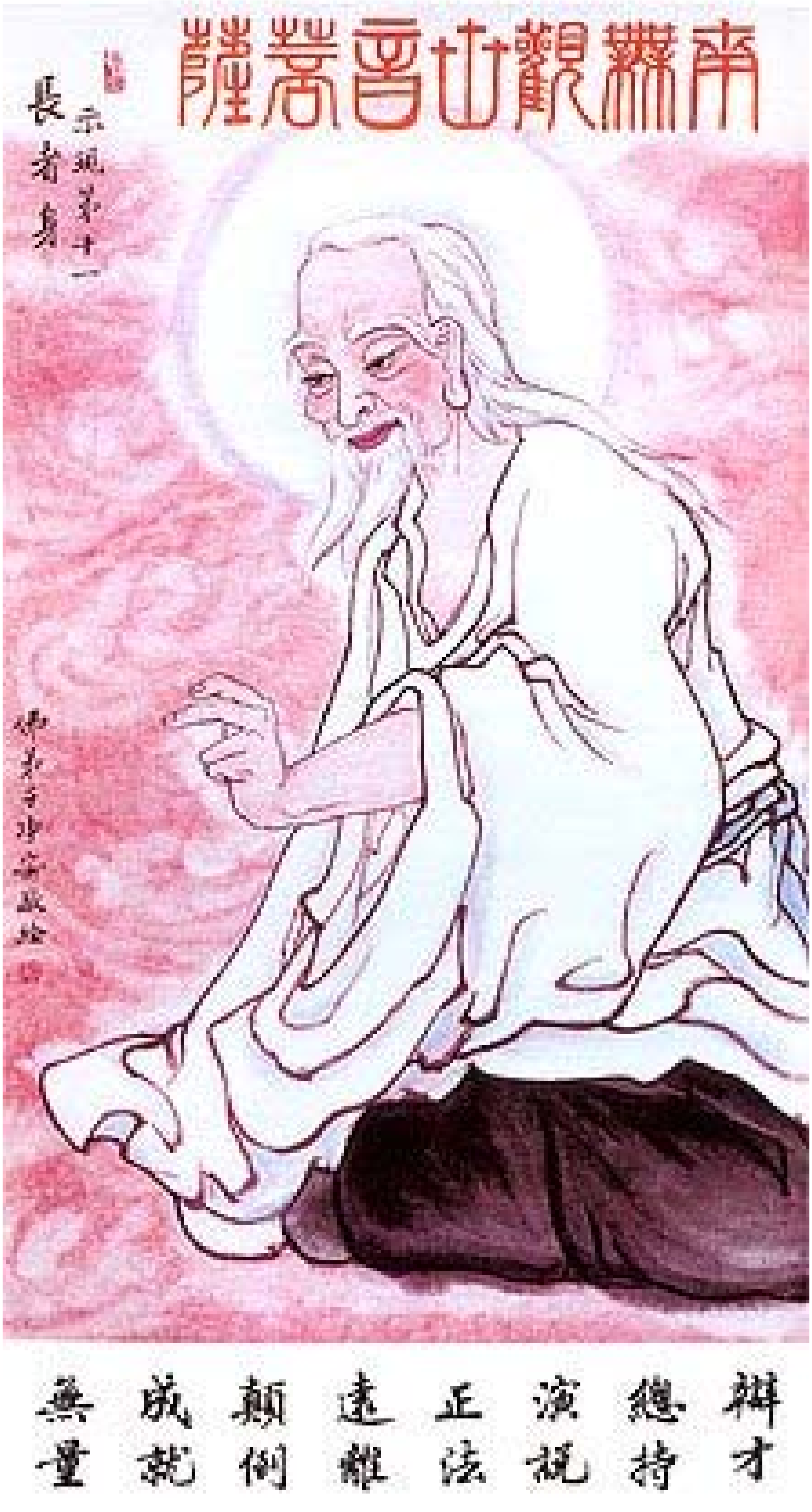


Năm Tôn bên ngoài Đạo:

1_ *Thân Tiểu Vương*:



2_ *Thân Trưởng Giả*:



3_ *Thân Cư Sĩ*:



4_ *Thân Tể Quan*:



5_ *Thân Bà La Môn*:



Bốn Tôn bên trong Đạo:
1_ *Thân Tỳ Kheo*:



2_ *Thân Tỳ Kheo Ni*:



3_ *Thân Ưu Bà Tắc*:



4_ *Thân Ưu Bà Di*:



Sáu Tôn thuộc nhóm Người, Phi Nhân, Phụ Nữ, Đồng Nam, Đồng Nữ:
1_ *Thân Người*:



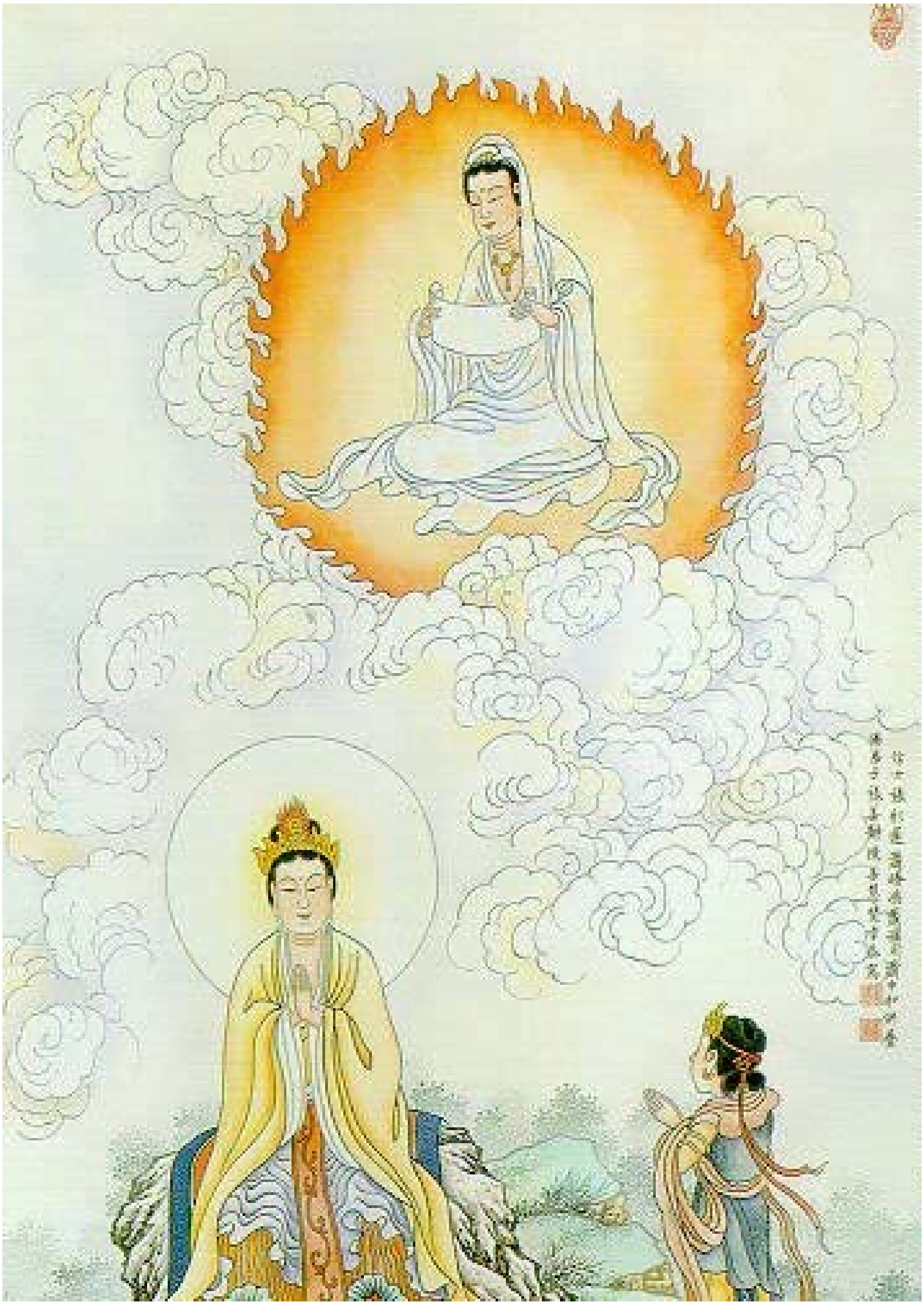
2_ *Thân Phi Nhân*:



3_ *Thân Phụ Nữ*:



4_ *Thân Nữ Đồng Mục Thiên Nữ*:



5_ *Thân Đồng Nam*:



6_ *Thân Đồng Nữ*:



Tám Bộ thuộc hàng Trời Rồng:

1_ *Thân Trời*:



2_ *Thân Rồng*:



3_ *Thân Dạ Xoa*:



4_ Thân Càn Thát Bà:



5_ *Thân A Tu La*:



6_ *Thân Ca Lầu La*:



7_ *Thân Khẩn Na La Vương*:



8_ *Thân Ma Hầu La Già*:



Một Tôn thuộc hàng Kim Cang:
1_ *Thân Chấp Kim Cang*:



Nhưng trong "**Nhiếp Vô Ngại Kinh**" (lại có tên gọi là "**Bổ Đà Lạc Hải Hội Quỹ**") ngoài 33 thân ứng hóa nêu rõ ra, cũng ghi rõ hình tượng của các Tôn, nhưng trong Tôn Tượng trừ bỏ 4 thân phụ nữ nêu ở trước (19), (20), (21), (22) mà thay thế dùng thân Người, thân Phi Nhân, thân Phụ Nữ, thân Đồng Mục Thiên Nữ…. Nhưng

trong quyển 6 "**Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh**" thì bỏ đi 7 thân (9), (19), (20), (21), (22), (30), (33)…. Ngoài ra thêm vào ở trên thân Tứ Đại Thiên Vương, thân Tứ Thiên Vương Quốc Thái Tử, thân Nữ Chủ, thân Người, thân Phi Nhân; lại chia thân Bích Chi Phật làm hai thân Độc Giác và Duyên Giác tổng cộng là 32 thân ứng hóa.

_ Trong Kinh **Nhiếp Vô Ngại** ghi nhận danh hiệu và hình tượng 33 loại thân ứng hóa của Quán Âm như sau:

Ba Tôn thuộc hàng Thánh:

1. *Thân Phật*: Hình Đức Phật màu vàng ròng, duỗi tay trái để trên đầu gối, tay phải kết ấn Thuyết Pháp.

2. *Thân Bích Chi Phật*: Toàn thân màu thịt trắng, tướng Tỳ Kheo trung niên, hai tay chắp lại.

3. *Thân Thanh Văn*: Thân tướng màu thịt trắng, tướng Tỳ Kheo Xí Niên, cầm Tam Y Hàm, thân mặc áo Tăng Già Lê.

Sáu Tôn thuộc cõi Trời:

1_ *Thân Đại Phạm Thiên* : màu thịt trắng, có 4 mặt 3 con mắt 8 cánh tay 2 chân. Bên trái: Tay thứ nhất cầm cái Chày Tam Cổ, tiếp theo tay cầm Hoa Sen, kế đến tay cầm cái bình Quân Trì, sau cùng tay cầm cây phất trần trắng. Bên phải: Tay thứ nhất quyền ấn, tiếp theo tay cầm cây Mâu bén, kế đến tay cầm cái gương Tứ Trí, sau cùng tay ban Thí Vô Úy.

2_ *Thân Đế Thích*: màu thịt trắng, tay trái quyền ấn, tay phải cầm cái chày Nhất Cổ.

3_ *Thân Tự Tại Thiên*: màu thịt trắng, cầm Hoa Sen hồng.

4_ *Thân Đại Tự Tại Thiên*: màu hoa sen tím, hai tay cầm cây mâu bén, cỡi con Trâu đen lớn.

5_ *Thân Thiên Đại Tướng Quân*: màu thịt đỏ, hai tay chắp lại.

6_ *Thân Tỳ Sa Môn*: màu vàng sẫm, tướng phẫn nộ giáng ma, tay trái cầm cái Tháp báu, tay phải cầm cây Kiếm báu.

Năm Tôn bên ngoài Đạo:

1_ *Thân Tiểu Vương*: màu thịt đỏ, hai tay chắp lại.

2_ *Thân Trưởng Giả*: màu thịt trắng, cầm viên ngọc báu Như Ý, tướng Đại Phú Quý Nhân.

3_ *Thân Cư Sĩ*: màu thịt trắng, cầm viên ngọc báu Ma Ni, tướng Đại Gia Trưởng Giả.

4_ *Thân Tể Quan*: màu thịt đỏ, hai tay chấp lại, tướng Quan Nhân.

5_ *Thân Bà La Môn*: màu thịt đỏ, đầu giống như Tỳ Kheo Tăng, mặc Bạch Tố Tục Y, hai tay cầm cây Tích Trượng.

Bốn Tôn bên trong Đạo:

1_ *Thân Tỳ Kheo*: Da có vết nhăn màu thịt đỏ, tướng Đại Đức uy nghi, cầm cái Bát.

2_ *Thân Tỳ Kheo Ni*: Toàn thân màu thịt trắng, tướng người nữ lớn tuổi, cầm Hoa Sen hồng.

3_ *Thân Ưu Bà Tắc*: màu thịt trắng, đầu đội Mão trắng, mặc áo trăm kết, tướng người phàm tục mặc áo trắng, cầm khí cụ tu hành.

4_ *Thân Ưu Bà Di*: màu thịt trắng, tướng người nữ tóc dài, cầm Hoa Sen Trí Tuệ.

Sáu Tôn thuộc nhóm Người, Phi Nhân, Phụ Nữ, Đồng Nam, Đồng Nữ:

1_ *Thân Người*: màu thịt trắng, tướng Quý Nhân, cầm Hoa Sen màu nhiệm.

2_ *Thân Phi Nhân*: Thân tướng rất xanh, tướng Ác Đơn Đà La, tay trái giương Cung, tay phải cầm Mũi Tên.

3_ *Thân Phụ Nữ*: màu thịt trắng, giống như Chư Thiên Thái Nữ, thọ tướng kính yêu.

4_ *Thân Nữ Đồng Mục Thiên Nữ*: Thân tướng màu thịt trắng, hai tay cầm Hoa Sen tím.

5_ *Thân Đồng Nam*: màu thịt trắng, tướng tiểu đồng còn trẻ, hai tay cầm Hoa Sen.

6_ *Thân Đồng Nữ*: màu trắng như Kha Tuyết, tướng người nữ còn trẻ, cầm Hoa Sen xanh.

Tám Bộ thuộc hàng Trời Rồng:

1_ *Thân Trời*: Thân Tướng màu Hoa Sen hồng, tay trái cầm cái hộp đựng Hoa Sen, tay phải cầm Hoa Sen màu nhiệm.

2_ *Thân Rồng*: Thân Tướng màu rất xanh, trên đỉnh hiện cái đầu Rồng, tướng sân huệ phẫn nộ, hai tay nắm mây đen.

3_ *Thân Dạ Xoa*: Thân Tướng màu thịt đỏ, trên đỉnh có Mão lửa rực, hai tay cầm cây chày tam cổ.

4_ Thân Càn Thát Bà: Thân Tướng màu thịt đỏ, trên đỉnh có Mão tám góc, hai tay cầm Tiêu Địch (Tiêu: ống Tiêu, Địch: ống sáo), tay phải cầm cây Kiếm báu.

5_ *Thân A Tu La*: Có 3 mặt màu đen xanh, hình tượng khỏa thân phẫn nộ, có 6 cánh tay 2 chân, 2 tay chấp lại. Bên trái: tay thứ hai cầm Hỏa Pha Chi, kế đến tay cầm Đao Gậy. Bên phải: tay thứ hai cầm Thủy Pha Chi, kế đến tay cầm Dật Ấn.

6_ *Thân Ca Lâu La*: Thân tướng màu đen xanh, vùng mặt là chim xí điểu màu nhiệm, thân người có cánh, tay trái tác quyền để ở eo, tay phải cây móc câu Kim Cang.

7_ *Thân Khẩn Na La Vương*: Đầu mặt Hoẵng, Hưu, Ngựa, hình tượng người khỏa thân, cầm khí cụ âm thanh.

8_ *Thân Ma Hầu La Già*: Đầu Rắn tướng Quý Nhân, hai tay ôm Sênh Địch (Sênh: cái kèn, Địch: ống sáo), hoặc cầm cây Gậy đánh trống.

Một Tôn thuộc hàng Kim Cang:

1_ *Thân Chấp Kim Cang*: Thân tướng màu thịt đỏ, tướng phẫn nộ giáng ma, tóc bó lại thành búi, Mão có lửa rực như vòng hoa, tay trái nắm lại thành quyền để ở eo, tay phải cái Chày Kim Cang.

BA MƯƠI BA THỂ QUÁN ÂM

Gọi 33 Thể Quán Âm là trong *bản vị Pháp Giới* của Quán Âm Bồ Tát, ứng duyên mà hóa hiện **thân ứng hóa**, trên cơ bản toàn bộ đều thị hiện hình Bồ Tát. Có điều trong những hình tượng này có một số chẳng được ghi nhận trong Kinh Điển, nhưng vì thuận theo *sự tích các loại linh nghiệm ứng hóa, cứu khổ cứu nạn* được lưu truyền ở dân gian đã tạo nên sự tôn sùng và tín ngưỡng của mọi người.

Trong "**Phật Tượng Đồ Hối**" minh hoạ hình tượng của 33 Thể Quán Âm như sau:

1_ **Dương Liễu Quán Âm**: Quán Thế Âm Bồ Tát vì lợi ích cho chúng sinh, đều thuận theo nguyện vọng của chúng sinh mà thị hiện, cũng giống như cành Dương Liễu thuận theo gió bay phất phới mà không thể làm trái nghịch được, nhân đây mới được tên này, có lúc cũng biểu thị *có thể vì chúng sinh mà phủi đi các loại bệnh khó trị trên thân*.



一、楊柳觀音

Nói chung hình tượng của Tôn này thường thấy là: Ngồi xổm trên mỏm núi đá, tay phải cầm cành Dương Liễu (có thuyết nói biểu thị cho Tam Muội thuộc tay phải cầm Dương Liễu của Thiên Thủ Quán Âm), lòng bàn tay trái mở ra để ở trước ngực hoặc là tay trái cầm cái Tịnh Bình.



Tôn này tương đương với thân **Dược Vương Quán Âm**

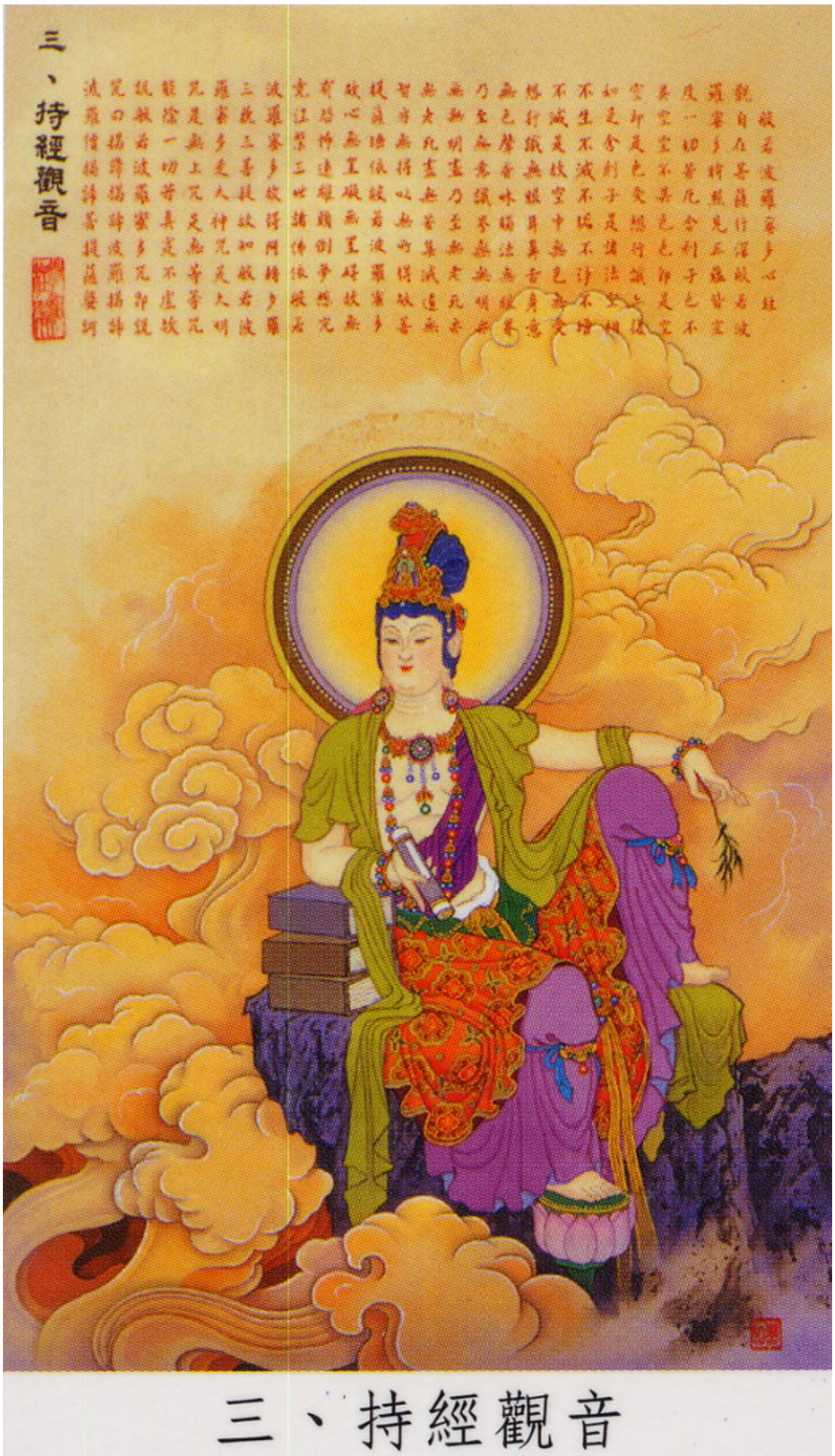
2_ **Long Đầu Quán Âm:** Biểu hiện tư thế đứng thẳng hoặc ngồi trong mây cỡi đầu con Rồng. Được cho rằng là ***hóa thân Trời, Rồng, Dạ Xoa*** trong 33 thân của Quán Âm để giáo hóa hàng Trời, Rồng. Đại khái dùng con Rồng là vua trong các loài thú, được ví như uy thần của Quán Âm.



二、龍頭觀音

3_ **Trì Kinh Quán Âm**: Ngồi trên tảng đá ghồ ghề, tay phải cầm quyển Kinh, tay trái để trên đầu gối.

Hoặc cho rằng là thân Thanh Văn trong 33 thân của Quán Âm, tức là **Thanh Văn Quán Âm.** Thanh Văn (Śrāvaka) là nghe âm tiếng do Đức Phật dạy bảo mà khai ngộ xuất gia. Trong "**Phẩm Phổ Môn**" nói: "*Cần phải dùng thân Thanh Văn để hóa độ liền hiện thân Thanh Văn mà giảng pháp*", cầm quyển Kinh là đặc sắc của Ngài.



4_ **Viên Quang Quán Âm**: Trong ánh sáng lửa rực của viên quang (hào quang tròn) xuất hiện sắc thân, chấp tay lại ngồi trêm mỏm núi đá,

Trong **Phẩm Phổ Môn** có một đoạn Kinh văn nói:

Sáng thanh tịnh không nhơ
Mặt Trời tuệ trừ ám
Hay trừ nạn gió lửa
Soi sáng khắp thế gian

Trong quyển 1 "**Phật Tượng Đồ Hối**" cũng có vẽ hình tượng, trên lưng có ánh sáng lửa rực, ngồi ngay ngắn trên tảng đá.



5_ **Du Hý Quán Âm**: Tôn này dùng vui chơi tự tại, không trì trệ, không trở ngại cho nên gọi như vậy. Ngồi cỡi trên mây ngũ sắc, tay trái để ở bên cạnh rốn, tác tướng vui chơi tự tại trong Pháp Giới không có sự trở ngại)

Có người cho rằng Tôn này biểu thị cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn** là:

Hoặc bị kẻ ác rượt
Rớt xuống núi Kim Cang
Do sức niệm Quán Âm
Chẳng mất một mảy lông

Đây tượng trưng cho chúng sinh bị tai nạn rớt xuống núi được sự cứu giúp của Bồ Tát.



6_ **Bạch Y Quán Âm**: Mặc áo mỏng màu trắng, ngồi ở đám cỏ mềm mại trên tảng đá, tay kết Định Ấn, ngồi Kiết Già. Hình tượng này tương đương với **thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni** trong 33 thân của Quán Âm.



六、白衣觀音

7_ **Ngọa Liên Quán Âm**: Ngồi ở trong ao trên tòa Hoa Sen, làm tư thế chấp tay lại.

Hoặc cho rằng đây là **thân Tiểu Vương** trong 33 thân của Quán Âm, ví như thân tôn quý của Tiểu Vương nằm ngồi trên Hoa Sen.



七、蓮臥觀音

8_ **Long Kiến Quán Âm**: Lại gọi là **Phi Bộc Quán Âm**, tư thế dựa vào vách núi gãy, quán thác nước đổ.

Hoặc cho rằng Tôn này tượng trưng cho ý nghĩa của đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn**: "*Nếu có chúng sinh nào bị xô vào hầm lửa lớn. Như hay xưng niệm tên Quán Âm Bồ Tát liền ứng theo âm thanh đó mà cứu, khiến cho thành lửa biến thành ao*".



八、瀧見觀音

9_ **Thi Lạc Quán Âm**: Ngồi cạnh bờ ao, chăm chú nhìn Hoa Sen, tay phải chống má tựa trên đầu gối, hoặc có người cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn**

Hoặc ở ngọn Tu Di
Bị người xô té xuống
Do sức niệm Quán Âm
Như mặt Trời trên không.



九、施藥觀音

10_ **Ngư Lam Quán Âm**: Chuyên môn trừ bỏ chướng ngại của La Sát, Rồng độc, Quỷ ác…. Hình tượng ấy cỡi con Cá lớn, hoặc là tay xách cái giỏ có con Cá lớn.

Hoặc cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn**

Hoặc gặp La Sát dữ
Rồng độc, các loài Quỷ
Do niệm sức Quán Âm
Chúng đều không dám hại

Thân này tương đương với **Hóa Thân La Sát** trong 33 thân của Bồ Tát Quán Âm



十、魚籃觀音

Căn cứ theo lưu truyền tức là con gái của **Bàng Uẩn** Đại Sĩ. Hệ này bắt nguồn từ triều đại nhà Đường của Trung Quốc được sự tín ngưỡng của dân gian, hiện nay thịnh hành ở Nhật Bản.

Hoặc nói Ngư Lam Quán Âm chính là Mã Lang Phụ Quán Âm, lại có tượng gọi là Ngư Lam Quán Âm. Chính triều đại nhà Đường người ta lầm lẫn dùng Tượng Nữ **Linh Chiếu Trì Lam** của **Long Uẩn** Cư Sĩ , lưu truyền sai lầm mà đến.

11_ **Đức Vương Quán Âm**: Ngồi trên tảng đá, tay trái để ở trên, tay phải cầm lá xanh hoặc một cành Dương Liễu.

Tôn này tương đương với **Hóa Thân Phạm Vương** của Bồ Tát Quán Âm

Như trong **Phẩm Phổ Môn** nói rằng: "*Cần phải dùng thân Phạm Vương để hóa độ thì liền hiện thân Phạm Vương mà giảng pháp*". Đại khái nói Phạm Vương chính là chủ của sắc giới, Đức ấy thù thắng cho nên gọi là Đức Vương.



十一、德王觀音

12_ **Thủy Nguyệt Quán Âm**: Đứng trên một cánh Sen tựa như chiếc thuyền dưới ánh trăng, nổi trên biển quán tưởng mặt trăng trong nước yên tĩnh.

Tôn này tương đương với **Hóa Thân Bích Chi Phật** của Bồ Tát Quán Âm



13_ **Nhất Diệp Quán Âm**: Cỡi một cánh Sen, nhàn nhã trôi nổi trên mặt nước, lại gọi là **Liên Diệp Quán Âm**, **Nam Minh Quán Âm**. Bởi vì Quán Âm Đại Sĩ cỡi một cánh Sen nổi trên mặt nước cho nên có tên này.

Tương truyền có một Tăng nhân người Nhật tên là **Đạo Nguyên** trên đường trở về Nhật Bản gặp phải gió lớn đành phải tránh vào núi Nam Minh, lúc ấy Đạo Nguyên ở trên thuyền khấn thầm bỗng nhiên thấy **Đại Bi Tôn** cỡi một cánh Sen nổi trên biển thời sóng gió liền lặng. Lên bờ xong, Sư tự khắc tượng Quán Âm đã nhìn thấy và an trí phụng thờ trong chùa Nam Minh Quán Âm. Từ đây Tôn này có hiệu là "**Nam Minh Quán Âm**".



十三、一葉觀音

Hoặc cho rằng đây là **thân Tể Quan** trong 33 thân, hoặc tượng trưng đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn** nói rằng: *"Nếu có người bị nước lớn cuốn trôi, hễ xưng danh hiệu Ngài thì sẽ gặp được chỗ cạn"*.

Y theo trong **Phật Tượng Đồ Hối** đã vẽ thì hình Tượng Tôn này ngồi trên cánh Sen, gối trái co đứng, tay trái để trên đầu gối, tay phải rũ xuống chống đỡ thân ấy, trông nhìn xa trên mặt nước, tác tướng suy tư sâu xa.

14_ **Thanh Cảnh Quán Âm** (hay **Thanh Đầu Quán Âm**): ngồi trên sườn dốc gãy, gối phải dựng đứng, tay phải để trên đầu gối, tay trái vịn vách núi.

Tôn này tương đương với **hóa thân Phật Đà** của Bồ Tát Quán Âm



十四、青頸觀音

15_ **Uy Đức Quán Âm**: Tay phải chạm đất, tay trái cầm hoa sen, tư thế đứng ở trên mỏm núi quán nhìn nước.

Hoặc cho rằng đây là **thân Thiên Đại Tướng Quân** trong 33 thân. Vì Thiên Đại Tướng Quân có đầy đủ cả uy đức, cho nên có tên là Uy Đức Quán Âm. Quán Âm có đủ cả **Uy của chiết phục** (bẻ gãy) và **Đức của nhiếp lấy sự ái hộ** (yêu thương giúp đỡ).



16_ **Diên Mệnh Quán Âm**: Tựa vào mỏm núi bên cạnh nước, nhàn nhã thưởng thức cảnh vật trên mặt nước

Hoặc cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn** là:

Như thuốc độc yếm đối
Muốn hại đến mạng thân
Do sức niệm Quán Âm
Người gây bị hại ngược

Quán Âm này dùng nhóm khí vật hay trừ các độc hại thọ mạng để được sống lâu, cho nên tên là Diên Mệnh Quán Âm. Hình tượng là trên đỉnh đầu đội mão báu lớn, tướng tốt Từ Bi nhu hòa, hào quang tròn, trụ khắp vành trăng trong Hoa Sen, thân đeo anh lạc, vòng hoa màu nhiệm và áo Trời để trang nghiêm, 2 cánh tay là đặc sắc ấy để tiếp dẫn cứu giúp chúng sinh.



十六、延命觀音

17_ **Chúng Bảo Quán Âm**: Tay phải chạm đất, chân phải duỗi thẳng, tay trái để ở trên đầu gối, hiện tướng an ổn.

Tôn này tương đương với **thân Trưởng Giả** trong 33 thân.

Hoặc có người cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn**: *"Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sinh vì cầu vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô các thứ trân châu báu vật vào trong biển lớn. Giả sử chiếc thuyền ấy bị gió lớn thổi tấp vào nước Quỷ La Sát, nếu trong đó có một người xưng tụng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì các người kia đều được giải thoát nạn Quỷ La Sát"*



十七、眾寶觀音

18_ **Nham Hộ Quán Âm**: Ngồi ngay ngắn trong hang động nham thạch, tự tại thưởng thức mặt nước.

Hoặc cho rằng là Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn**

Rắn độc với bò cạp
Hơi độc, khói, lửa đốt
Do sức niệm Quán Âm
Chúng theo tiếng bỏ đi

Bởi vì rắn độc, bò cạp và các loại trùng độc khác phần nhiều trú ở trong hang động. Cho nên truyền thuyết nói Quán Âm ngồi ngay ngắn nguy hiểm trong hang động để cứu giúp chúng sinh. Nếu do sức niệm Quán Âm này thời có thể tiêu tan độc khí ấy, cho nên vẽ tượng Quán Âm này đại đa số chọn tư thế ngồi ngay ngắn trong hang động.



19_ **Năng Tĩnh Quán Âm**: Đứng lặng hồi lâu trên mỏm núi bên cạnh biển, tác tướng yên tịnh,

Hoặc có người cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn** *"Giả sử chiếc thuyền bị gió lớn thổi tấp vào nước Quỷ La Sát, nếu trong đó có một người xưng tụng danh hiệu Quán Âm Bồ Tát thì các người kia đều được giải thoát nạn Quỷ La Sát"*.



20_ **A Nậu Quán Âm**: A Nậu tức là A Nậu Đạt Trì, lại gọi là A Nậu Đại Tuyền, dịch là ***Vô Nhiệt Trì*** (ao không có sự nóng bức). Hình Bồ Tát này là ngồi trên tảng đá gối trái dựng thẳng bắt chéo nhau, hai tay giao nhau, ngắm nhìn xa xa trên mặt biển.

Có người cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn:** "*Nếu có người ở trên biển gặp phải Rồng, Cá, các Quỷ, nạn lớn thời do sức niệm Quán Âm này thời có thể miễn trừ hiểm họa của sóng gió*"



二十、阿耨觀音

21_ **A Ma Đề Quán Âm**: Tức là Vô Úy Quán Âm. Hình tượng ấy có màu thịt trắng, có 3 con mắt và 4 cánh tay, cỡi con Sư Tử trắng, toàn thân tràn đầy lửa rực, mặc áo Trời, anh lạc….đại biểu cho việc trang nghiêm; diện mạo từ bi, trạng thái chuyên tâm chăm chú nhìn về bên trái.

Nhưng tư thế hiển bày trong 33 Quán Âm này là ngồi trên tảng đá gối trái dựng thẳng bắt chéo nhau, hai tay để trên đầu gối.

Có người cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Tỳ Sa Môn** của Bồ Tát Quán Âm



二十一、阿麼提觀音

22_ **Diệp Y Quán Âm**: Ngồi ở đám cỏ trên tảng đá, có người cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Đế Thích** của Bồ Tát Quán Âm



二十二、葉衣觀音

23_ **Lưu Ly Quán Âm**: Biệt danh là **Cao Vương Quán Âm**. Cỡi một cánh Sen nổi nhẹ trên mặt nước, hai tay nâng cái bình Lưu Ly.

Có người cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Tự Tại Thiên** của Bồ Tát Quán Âm



二十三、琉璃觀音

24_ **Đa La Tôn Quán Âm**: Lại gọi là Cứu Độ Mẫu Quán Âm, tư thế toàn thân đứng thẳng cỡi trên mây.

Có người cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn**

Hoặc bị oán tặc vây
Cầm đao kiếm hãm hại
Do sức niệm Quán Âm
Chúng đều sinh lòng lành



二十四、多羅觀音

25_ **Cáp Lợi Quán Âm**: Bồ Tát ngồi trong con sò cho nên có tên gọi như vậy.

Tín ngưỡng này bắt nguồn từ Triều Đại nhà Đường trở về sau, trong **Phi Kinh Tạp** đã ghi chép.

Quyển 42, **Phật Tổ Thống Ký** trong đời Đường Văn Tông năm **Khai Thành Nguyên** ghi chép rằng: *"Khi vua **Đường Văn Tông** ăn con sò, dùng tay tách mà không mở được, nên đốt hương khấn cầu, bỗng nhiên con sò biến hiện thành hình tượng Bồ Tát. Hoàng Đế liền viết chiếu thư cho Chung Nam Sơn **Duy Chính** Thiền Sư hỏi nguyên nhân việc này. Sau đó liền chiếu cáo cho chùa chiền trong thiên hạ lập tượng Quán Âm"*. Đây là nguồn gốc về sự tín ngưỡng **Cáp Lợi Quán Âm** rất phổ biến vì ngư dân rất sùng bái và tín ngưỡng.

Trong quyển 2 "**Phật Tượng Đồ Hối**" cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Bồ Tát** của Bồ Tát Quán Âm



二十五、蛤蜊觀音

26_ **Lục Thời Quán Âm**: Lấy ý Đại Bi thâm sâu, ngày đêm sáu thời thường thương sót hộ niệm chúng sinh, cho nên gọi là Lục Thời Quán Âm.

Trong phần 2 "**Đại Đường Tây Vực Ký**" nói: Từ phía trước Bắc Ấn Độ "*hợp sáu thời là một ngày một đêm*", từ sáng đến tối một ngày lại chia ra làm sáu thời, mà một năm còn chia làm *"Thời nóng vừa, thời nóng dữ, thời mùa mưa, thời cây cỏ mọc um tùm, thời ít lạnh, thời lạnh dữ",* nhân đây một năm cũng gọi là sáu thời, cho nên "**Lục Thời Quán Âm**" cũng giải thích là "**Thường Thị Chúng Sinh Quán Âm**".

Hình tượng thông hành ở thế gian là cầm cái rương kinh Phạn chứa **Lục Tự Chương Cú Đà La Ni**, tụng Đà La Ni này thì được thoát khỏi quả khổ của sáu nẻo, được sáu diệu môn, chứng sáu căn tương ứng.

Có người cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Cư Sĩ** của Bồ Tát Quán Âm



二十六、六時觀音

27_ **Phổ Bi Quán Âm**: Tay cầm Pháp Y rũ xuống phía trước, đứng ở trên núi cao to chính là Từ Bi của Quán Âm thương sót phổ cập tất cả chúng sinh, Từ Bi ấy rộng khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới.

Có người cho rằng là Tôn này tương đương với **hóa thân Đại Tự Tại Thiên** của Bồ Tát Quán Âm. Đại Tự Tại Thiên chính là vị thần tối cao của ba cõi, dùng uy đức thù thắng ấy chiếu khắp tất cả, mà phối hợp với Từ Bi phổ biến bình đẳng của Quán Âm cho nên gọi là Phổ Bi Quán Âm.



二十七、普慈觀音

28_ **Mã Lang Phụ Quán Âm**: Tương truyền vào Triều Đại nhà Đường, Bồ Tát hóa thân làm một cô gái rất xinh đẹp. Vì muốn khiến Đại Chúng phát tâm siêng năng học Phật, nên dùng hình thức *người nào tụng Kinh nhiều sẽ làm vợ của người ấy*. Sau đó y theo lời ước hẹn nhận lời làm vợ của một thanh niên họ Mã, cho nên mới có tên gọi như vậy.

Có người cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Phụ Nữ** của Bồ Tát Quán Âm



二十八、馬郎婦觀音

Hoặc có hình tượng Mã Lang Phụ Quán Âm là tay phải cầm quyển Kinh **Pháp Hoa**, tay trái cầm cái đầu lâu có hình người nữ.

29_ **Hợp Chưởng Quán Âm**: Đứng trên đài Hoa Sen, làm tư thế chấp tay lại, dùng hai bàn tay chấp lại ở giữa rỗng cho nên có tên gọi như vậy.

Hoặc cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Bà La Môn** của Bồ Tát Quán Âm



30_ **Nhất Như Quán Âm**: Ngồi trên tòa Hoa Sen ở trên mây, dựng đứng gối trái làm tư thế giáng phục lôi điện.

Hoặc cho rằng là Tôn này tượng trưng cho đoạn văn trong **Phẩm Phổ Môn**

Mây sấm nổ, sét đánh
Tuôn mưa đá, mưa lớn
Do sức niệm Quán Âm
Nên liền tiêu tan cả



31_ **Bất Nhị Quán Âm**: Tượng ấy là hai tay bắt chéo nhau, cỡi một chiếc lá sen nổi trên mặt nước.

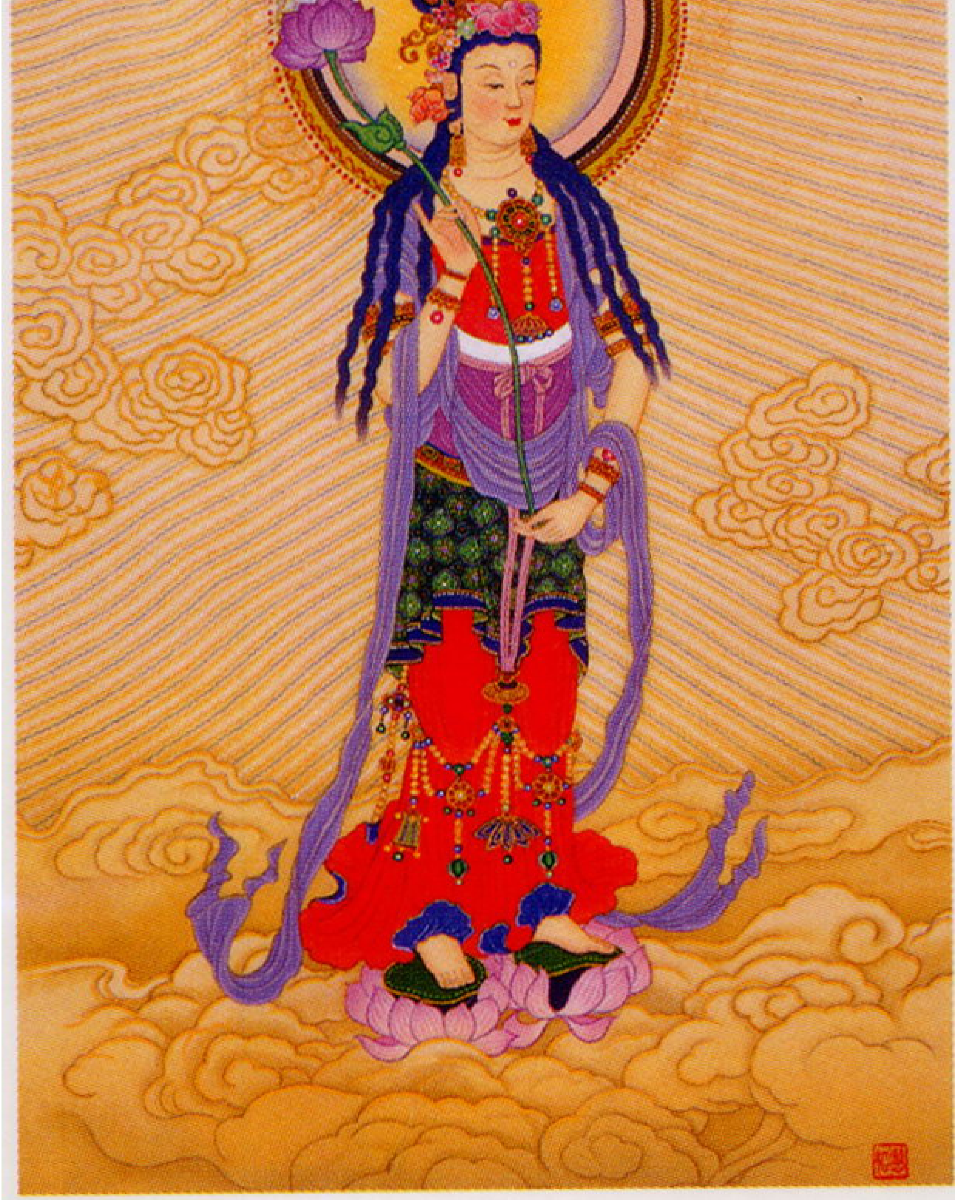
Hoặc cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Chấp Kim Cương Thần** của Bồ Tát Quán Âm. Chấp Kim Cang Thần này là vị Thần thủ hộ của Đức Phật, Thân Hệ Tích này vốn là Hệ Bản Tích, nghĩa là **không hai** nên gọi là Bất Nhị Quán Âm.



三十一、不二觀音

32_ **Trì Liên Quán Âm**: Ngồi cỡi trên chiếc lá Sen, hai tay cầm cọng Sen.

Hoặc cho rằng Tôn này tương đương với **hóa thân Đồng Nam, Đồng Nữ** của Bồ Tát Quán Âm



三十二、持蓮觀音

33_ **Sái Thủy Quán Âm**: Tay phải cầm Sái Trượng hoặc cành Dương Liễu, tay trái cầm cái bình để tưới nước, tác tướng tưới nước Cam Lộ.

Hoặc cho rằng Tôn này tượng trưng cho câu văn trong **Phẩm Phổ Môn** *"Nếu có người bị nước lớn cuốn trôi, hễ xưng niệm danh hiệu Ngài liền gặp chỗ cạn"*.

Hoặc có một thuyết cho rằng Tôn này tượng trưng cho đoạn văn là:

Lòng Bi như sấm chớp
Ý lành diệu tựa mây
Tuôn mưa nước Cam Lộ
Dứt trừ lửa phiền não

Sái Thủy là một loại nước thơm dùng để rưới rảy, niệm tụng ấn từ, gia trì pháp tu tịnh hóa, dựa vào ý nghĩa của *"Dùng tính sạch sẽ của hương thơm giới luật hòa hợp với tính sạch sẽ của nước Từ Bi tưới khắp Tính sạch sẽ Tâm Địa Pháp Giới của chúng sinh"* để thị hiện nước rưới rảy. Hiện tại Mật Giáo vẫn hành Pháp này. Như vậy dùng nước tưới rảy để khai phát tất cả **Phật Tính** của chúng sinh, chính Sái Thủy này là thệ nguyện của Quán Âm.



三十三、灑水觀音

_ 33 Thể Quán Âm này còn được minh họa như sau:
1_ **Dương Liễu Quán Âm**:



2_ **Long Đầu Quán Âm:**



3_ **Trì Kinh Quán Âm**:



4_ **Viên Quang Quán Âm**:



5_ **Du Hý Quán Âm**:



6_ **Bạch Y Quán Âm**:



7_ **Ngọa Liên Quán Âm**:



8_ **Long Kiến Quán Âm**:



9_ **Thi Lạc Quán Âm**:



10_ **Ngư Lam Quán Âm**:



11_ **Đức Vương Quán Âm**:



12_ **Thủy Nguyệt Quán Âm**:



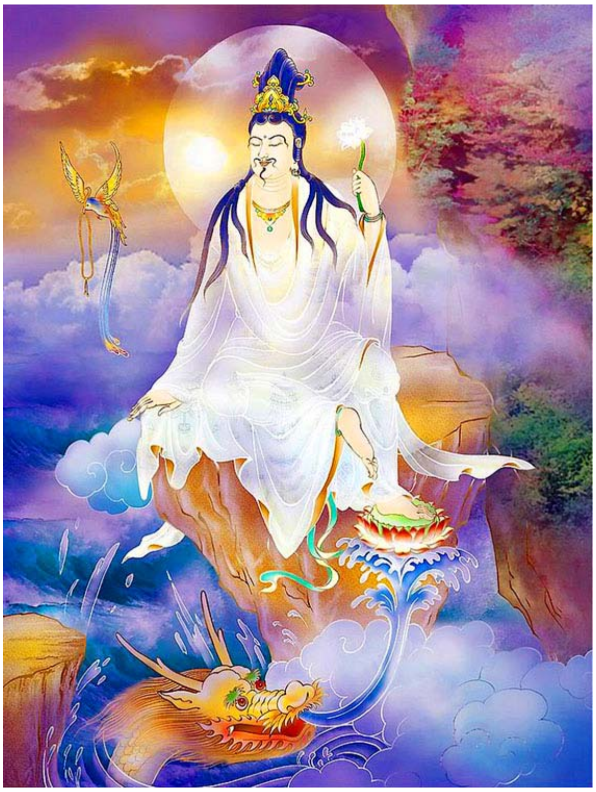
13_ **Nhất Diệp Quán Âm**:



14_ **Thanh Cảnh Quán Âm** (hay **Thanh Đầu Quán Âm**):



15_ **Uy Đức Quán Âm**:



16_ **Diên Mệnh Quán Âm**:



17_ **Chúng Bảo Quán Âm**:



18_ **Nham Hộ Quán Âm**:



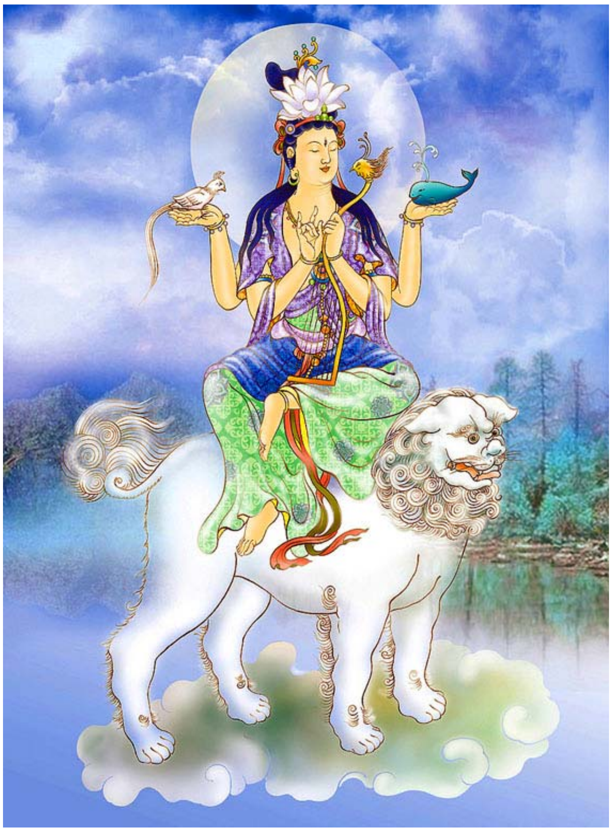
19_ **Năng Tĩnh Quán Âm**:



20_ **A Nậu Quán Âm**:



21_ **A Ma Đề Quán Âm**:



22_ **Diệp Y Quán Âm**:



23_ **Lưu Ly Quán Âm**:



24_ **Đa La Tôn Quán Âm**:



25_ **Cáp Lợi Quán Âm**:



26_ **Lục Thời Quán Âm**:



27_ **Phổ Bi Quán Âm**:



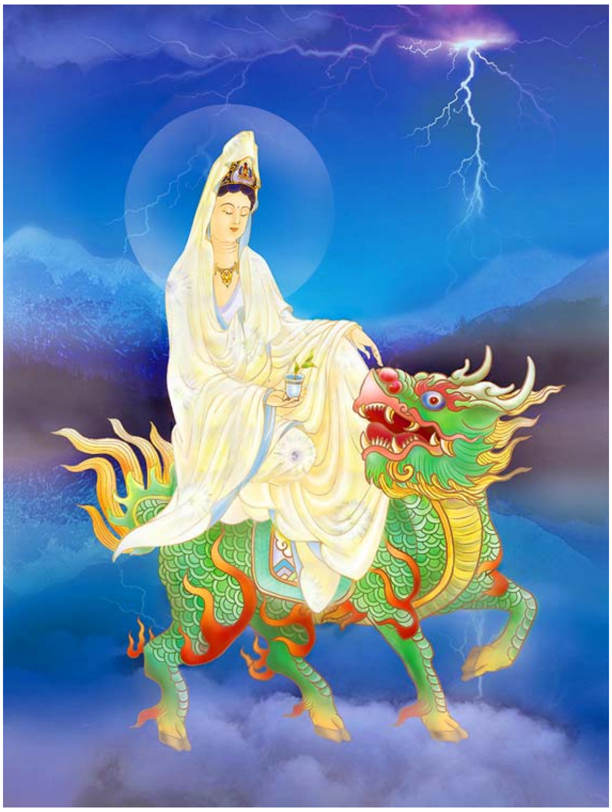
28_ **Mã Lang Phụ Quán Âm**:



29_ **Hợp Chưởng Quán Âm**:



30_ **Nhất Như Quán Âm**:



31_ **Bất Nhị Quán Âm**:



32_ **Trì Liên Quán Âm**:

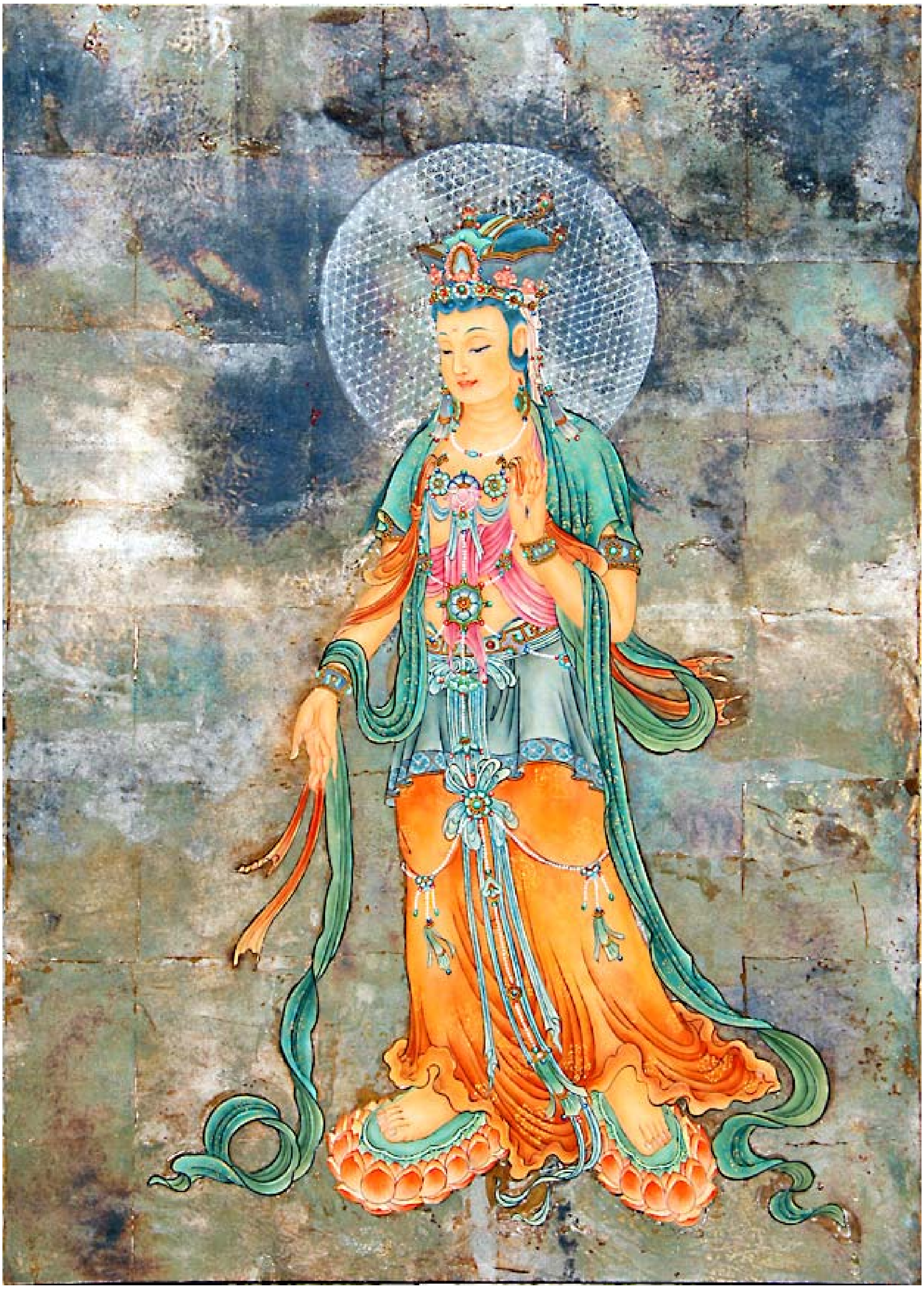


33_ **Sái Thủy Quán Âm**:



MƯỜI HAI TÔN TƯỢNG QUÁN ÂM ỨNG VỚI 12 ĐẠI NGUYỆN

1. Nam mô hiệu Viên Thông, danh Tự Tại, Quán Âm Như Lai, quảng phát hoằng thệ nguyện.



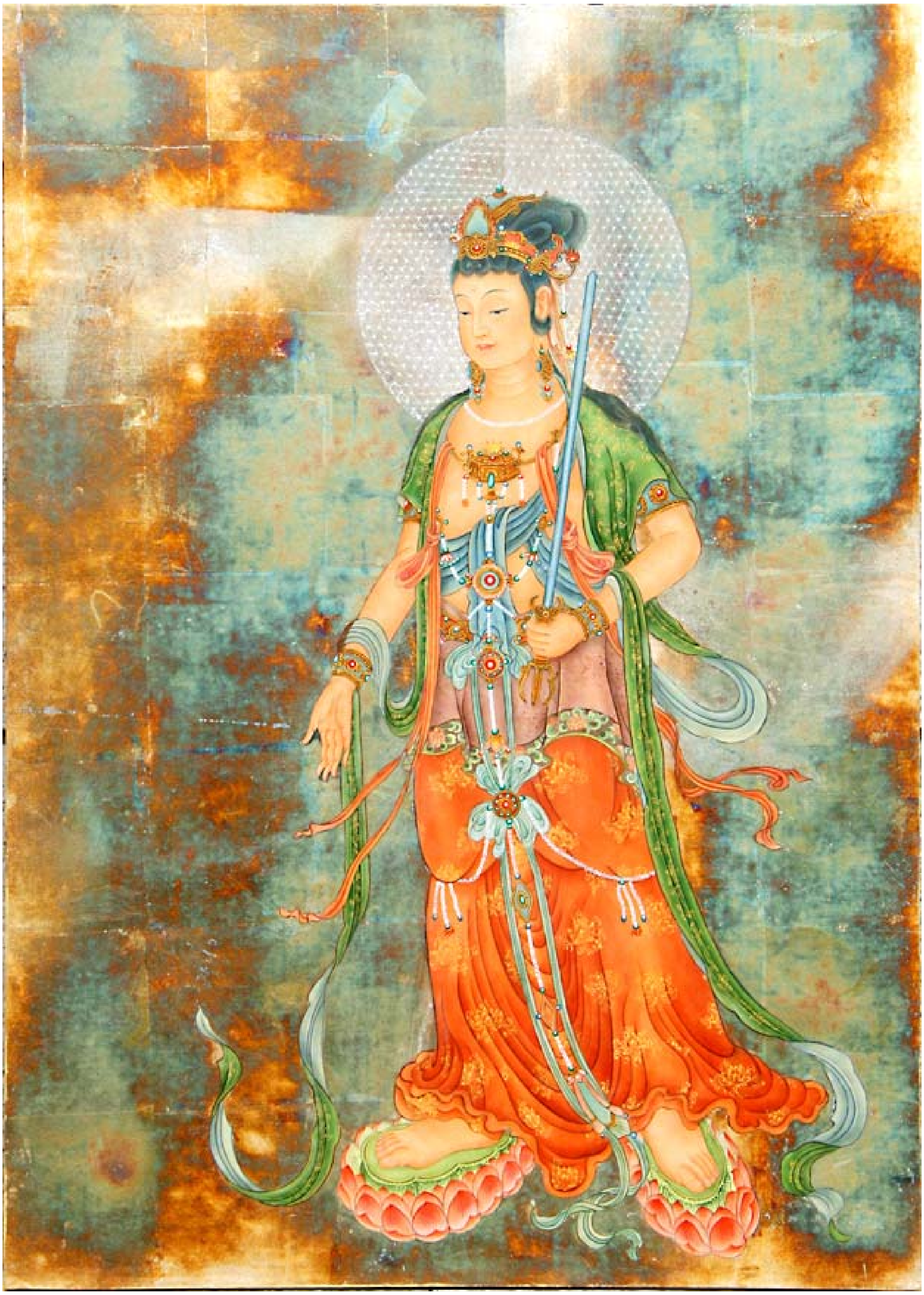
2. Nam mô nhất niệm Tâm vô quái ngại, Quán Âm Như Lai thường cư Nam Hải nguyện.



3. Nam mô trụ Ta Bà, U Minh Giới, Quán Âm Như Lai tầm thanh cứu khổ nguyện.



4. Nam mô hàng Tà Ma, trừ Yêu Quái, Quán Âm Như Lai, năng trừ nguy hiểm nguyện.



5. Nam mô thanh tịnh bình thùy Dương Liễu, Quán Âm Như Lai Cam Lộ sái Tâm nguyện.



6. Nam mô Đại Từ Bi, năng Hỷ Xả, Quán Âm Như Lai, thường hành bình đẳng nguyện.



7. Nam mô trú dạ tuần vô tổn hoại, Quán Âm Như Lai thệ diệt **Tam Đồ** nguyện.



8. Nam mô vọng Nam nham, cần lễ bái, Quán Âm Như Lai, già tỏa giải thoát nguyện.



9. Nam mô tạo Pháp Thuyền du khổ hải, Quán Âm Như Lai độ tận chúng sinh nguyện.



10. Nam mô tiền Tràng Phan, hậu Bảo Cái, Quán Âm Như-Lai tiếp dẫn Tây-Phương nguyện.



11. Nam mô Vô Lượng Thọ Phật cảnh giới, Quán Âm Như Lai, Di Đà thọ ký nguyện.



12. Nam mô đoan nghiêm thân vô tỉ trại, Quán Âm Như Lai, quả tu thập nhị nguyện.



TÔN TƯỢNG QUÁN ÂM TRONG MẬT GIÁO

_ Trong hệ thống Thuần Mật của Mật Giáo thì Đức Quán Thế Âm Bồ Tát được nhận định qua nhiều hình tượng và danh từ khác nhau.

*) Căn cứ vào **Kim Cương Giới Man Đà La** (Vajra-dhātu-Maṇḍala) thì vị Bồ Tát này được nhận biết dưới danh hiệu ***Kim Cương Pháp Bồ Tát*** (Vajra-dharma Bodhisatva) là một trong bốn vị Bồ Tát thân cận của Đức Phật A DI ĐÀ (Amitābha: Vô Lượng Quang) ở phương Tây.



Tôn này được sinh ra từ Trí **Tự Tại Vô Nhiễm** của tất cả Như Lai nên nói rằng vị Bồ Tát này và Đức Phật A DI ĐÀ nguyên chỉ khác nhau về Nhân Quả, hễ tìm được Bản Giác tức đồng với Vô Lượng Thọ xong do Bản Thệ nên thị hiện thành Bồ Tát Đại Bi.

Tâm chú của Tôn này là: "OṂ _ VAJRA DHARMA _ HRĪḤ" và câu xưng tán là: "***Nam mô Nhất Thiết Như Lai Trí Tuệ Môn Kim Cương Pháp Bồ Tát đẳng xuất sinh tận hư không biến pháp giới nhất thiết Bà La Mật Bồ Tát Ma Ha Tát*** ".

Chân Ngôn xưng tán Công Đức của Tôn này là

"VAJRADHARMA _ SUSATVA ARTHA_ VAJRA PADMA SUŚUDDHAKA LOKEŚVARA_ SUVAJRĀKṢA _ VAJRA NETRE _ NAMOSTUTE"

Trong ***Nhiếp Chân Thật Kinh phần thượng*** thì ghi nhận Tôn này là ***Kim Cương Nhãn Bồ Tát*** (Vajra-cakṣu-bodhisatva).

*) Căn cứ vào **Thai Tạng Giới Man Đà La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) thì vị Bồ tát này được an vị trong các viện: Trung Đài Bát Diệp viện, Biến Tri viện, Quán Âm viện, Thích Ca viện, Văn Thù viện, Hư Không Tạng viện, Tô Tất Địa viện. Tùy theo vị trí được an lập, vị Bồ Tát này biểu thị cho các phẩm Đức khác nhau.

+ *Trong Trung đài bát diệp Viện:* Vị Bồ Tát này biểu thị cho **Tịnh Đức** là Đức thứ tư trong 4 Đức *Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*. Hoặc biểu thị cho hạnh **chứng ngộ Tâm Bồ Đề** là một trong 4 hạnh của Như Lai là *Phát Tâm Bồ Đề, Tĩnh Tâm Bồ đề, Chứng Ngộ Tâm Bồ Đề, Nhập Tâm Bồ Đề.*

Tôn Hình: Thân hiện màu thịt trắng, tay trái để trước ngực thành Thí Vô Úy Ấn, tay phải cầm hoa sen, đầu đội mão báu, trên mão có Vô Lượng Thọ Như Lai



Tôn này có Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương**

+ ***Trong Biến Tri Viện:*** Vị Bồ tát này được nhận biết qua danh hiệu **Chuẩn Đề Phật Mẫu** (Cuṅdhe-buddha-mātṛ) biểu thị cho **Tĩnh Đức** và là Mẫu của tất cả các Tôn thuộc ***Liên Hoa Bộ*** trong **PHẬT BỘ.**

Tượng Chuẩn Đề Phật Mẫu với thân màu trắng vàng, ngồi Kiết Già trên hoa sen, thân tỏa hào quang tròn có dính hạt thóc nhẹ như áo của 10 Ba La Mật Bồ Tát, phía trên bên dưới đều tác màu trắng. Lại góc áo khoác ngoài (Thiên Y) có quấn anh Lạc, đội Mão Trời, cánh tay đều đeo vòng xuyến. Đàn Tuệ (2 bàn tay) đều đeo vòng báu. Mặt Tượng ấy có 3 mắt, 18 cánh tay.

Hai tay bên trên tác tướng Thuyết Pháp

Bên phải: Tay thứ hai tác Thí Vô Úy, tay thứ ba cầm cây Kiếm, tay thứ tư cầm vòng hoa báu, lòng bàn tay thứ năm cầm Cụ Duyên Quả, tay thứ sáu cầm cây Búa, tay thứ bảy cầm Móc Câu, tay thứ tám cầm chày Kim Cương, tay thứ chín cầm Tràng Hạt.

Bên trái: Tay thứ hai cầm cây Phướng báu Như Ý, tay thứ ba cầm Hoa Sen hồng hé nở, tay thứ tư cầm Quân Trì, tay thứ năm cầm Sợi Dây, tay thứ sáu cầm Bánh Xe, tay thứ bảy cầm **Thương Khư** (Śaṅkha: Vỏ ốc), tay thứ tám cầm Hiền Bình, tay thứ chín cầm rương Kinh Bát Nhã"



Tôn này có Mật Hiệu là **Tối Thắng Kim Cương**

+ ***Tại Quán Âm Viện:*** Vị Bồ Tát này biểu thị cho **Đức Giải Thoát** là một trong 3 Đức của Niết Bàn là *Pháp Thân Đức, Bát Nhã Đức, Giải Thoát Đức.*

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, đầu đội mão báu, trên mão có Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, tay trái cầm hoa sen đỏ, tay phải hơi co các ngón tay cầm một cánh hoa sen làm dạng bóc mở hoa sen, ngồi trên tòa hoa sen.



Đức Vô Lượng Thọ Phật trong mão báu biểu thị cho Quả cuối cùng của Hạnh Liên Hoa, tức là Trí **Phương Tiện Phổ Môn** của Như Lai

Hoa sen đỏ ở tay trái biểu thị cho Tâm sen (liên tâm) Bản Giác của chúng sinh bị vô minh phiền não ràng buộc che lấp trong vô lượng kiếp, chẳng thể hé nở cho nên bị chìm đắm trong biển khổ.

Tay phải làm thế bóc hoa tượng trưng cho ý nghĩa: dùng **Công Đức Đại Bi** làm phương tiện để giải trừ sự Vô Minh mê vọng và giúp cho Tâm sen của chúng sinh tự hé nở, tức là giác ngộ được Bản Tâm thanh tịnh vốn có của mình

Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương, Bản Tịnh Kim Cương**

+ ***Trong Văn Thù Viện:*** Vị bồ Tát này biểu thị cho **Đức Quyền Trí**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm hoa sen, tay phải ngửa lòng bàn tay úp trên đùi phải, ngồi trên hoa sen.



Mật Hiệu là: **Chính Pháp Kim Cương**

+ ***Trong Thích Ca Viện:*** Vị Bồ Tát này biểu thị cho **Đức Chân Tướng**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm cây phất trắng, tay trái chống eo, đứng thẳng trên hoa sen.



Mật Hiệu là: **Thanh Tịnh Kim Cương** , hoặc **Chính Pháp Kim Cương**

+ ***Trong Hư Không Tạng Viện:*** Vị Bồ Tát này được nhận biết qua danh hiệu **Thiên Thủ Quán Thế Âm**, biểu thị cho **Đức Pháp Tài.**

Tôn Hình: Thân có 27 đầu mặt, một ngàn cánh tay trong đó có 40 tay cầm khí trượng. Ngồi trên hoa sen báu.



+ ***Trong Tô Tất Địa Viện:*** Vị Bồ Tát này được nhận biết qua danh hiệu **Thập Nhất Diện Quán Thế Âm**, biểu thị cho dụng của **TỪ BI**.

Tôn Hình: Thân có 4 cánh tay, ngồi xếp bằng trên Hoa Sen, hai bên mặt chính đều có 1 mặt, bên trên có 5 mặt, lại ở trên nữa có 3 mặt, hợp với mặt chính nên thành 11 mặt. Bên phải tay thứ nhất Kết Thí Vô Úy Ấn, tay thứ hai cầm Tràng Hạt. Bên trái tay thứ nhất cầm Hoa Sen, Tay thứ hai cầm bình Quân Trì.



Ngoài ra trong Thai Tạng Giới Man Đà La còn liệt kê thêm nhiều vị Quán Âm tu trì Pháp Quán Âm.

❒ Trong Quán Âm Viện**:**

_ *Bạch Y Quán Âm* (Paṇḍara-vāsinī)



Tôn này trú ở tâm Bồ Đề trắng tịnh nên xưng là Đại Bạch Y Quán Âm, Bạch Xứ Tôn Bồ Tát, Bạch xứ Quán Âm, Bạch Y Quán Tự Tại Mẫu. Tôn này biểu thị cho **BỘ MẪU** của Liên Hoa Bộ (Padma Kulāya) hay sinh ra các Tôn thuộc Liên Hoa Bộ.

Tôn tượng có một mặt hai tay. Tay phải duỗi các ngón ngửa ra hướng xuống dưới thành Ấn **Dữ Nguyện** (Varada-mudra) tay trái co lại cầm cành hoa sen.

Ngoài ra còn có tượng 3 mặt 6 tay, phần nhiều là tượng nuôi con nít nên là đối tượng của những người cầu con. Do đó Tôn này còn có tên là **Tống Tử Quan Âm**



_ ***Bạch Thân Quán Tự Tại*** (Śveta-bhagavatī: Bạch Sắc Thế Tôn)



Tôn này biểu thị cho sự tu tập Đại Bi trắng tịnh. Tay trái cầm hoa sen biểu thị cho Đức thanh tịnh xưa nay, dùng sự tu hành thành tựu Đức ấy mà hiển Phật Trí. Tay phải để ngang vai biểu thị cho sự phổ hóa chúng sinh.

_ *Cát Tường đại Minh Quán Tự Tại* (Śrī-mahā-vidya-avalokiteśvara)



Tôn này biểu thị cho sự chẳng nhiễm sinh tử, trong sạch không nhơ. Tức dùng Pháp Môn thanh tịnh vô nhiễm phá trừ sự ưu ám của chúng sinh. Tay trái cầm hoa sen biểu thị cho sự thanh tịnh vô cấu nhiễm, tay phải dựng đứng chưởng co 3 ngón *vô danh, giữa, trỏ* sao cho ngón trỏ vịn vào đốt thứ nhất của ngón cái, ngón út duỗi thẳng chỉ lên trên .

_ *Đại Tùy Cầu Bồ Tát* (Mahā-pratisāraḥ)



Tôn này là thân biến hóa của Quán Thế Âm, thường tùy theo sự nguyện cầu của chúng sinh mà ban cho đầy đủ bản nguyện, do vậy mà có tên là Đại Tùy Cầu.

Tôn hình có một mặt 8 tay, ngồi bán già trên tòa sen. Bên trái : Tay thứ nhứt cầm hoa sen , bên trên hoa sen có bánh xe rực lửa, tay thứ hai cầm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa, tay thứ ba cầm cây lộng Như Ý, tay thứ tư cầm vòng dây. Bên phải : Tay thứ nhất ngửa chưởng cầm Chày **Tam Cổ** đặt nằm ngang , tay thứ hai cầm cây kích có 3 lưỡi, tay thứ ba cầm cây búa, tay thứ tư cầm cây kiếm.

_ *Mã Đầu Quán Âm* (Hayagrīva-avalokiteśvara)



Tôn này là một hiện thân của Quán Thế Âm với hình dáng to lớn , tóc dựng đứng lên, đôi mắt đầy phẫn nộ. Tôn tượng có 3 mặt, mỗi mặt có 3 mắt. Hiện tướng lộ 2 nanh cong lên hai bên mép miệng. Trên đỉnh trán của mặt chính có hình vị Hóa Phật, và đội đầu con ngựa ngay giữa đỉnh. Do đó Tôn này có tên là **Quán Âm Đầu Ngựa** (*Mã Đầu Quán Âm*).

Tôn này có đầy đủ tính cách của một vị Minh Vương nên được kể vào 8 đại Minh Vương (Mahā-vidya-rāja) và gọi là **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva-vidya-rāja). Tôn này do nhân Đại Bi nên không trú ở Niết Bàn mà trụ trong cảnh giới Vô minh để đoạn tận các nẻo ác. Nói cách khác, Quán Thế Âm hiện thân Mã Đầu là để tượng trưng cho sức tinh tiến của các vị Bồ Tát không bao giờ ngưng nghỉ ở bất cứ chỗ nào trong vòng sinh tử , cương quyết anh dũng đánh dẹp ***vô minh khổ não*** chẳng kể đến thân mệnh mình. Vì thế Tôn này có mật hiệu là **Tấn Tốc Kim Cương**

Lại nữa, Quán Thế Âm hiện thân Mã Đầu để biểu dương sức mạnh có thể nuốt được tất cả lửa dữ của Chúng Sinh nên Tôn này còn có Mật Hiệu là **Hám Thực kim Cương** (Khada Vajra)

_ *Bất Không Quyến Sách Quán Âm* (Amogha-pāśa)

Tôn tượng có 3 mặt 4 tay, mỗi mặt có 3 mắt . Mặt chính diện màu thịt, mặt bên phải màu xanh, mặt bên trái màu đen . Ba mặt biểu thị cho 3 Đức . *Bên trái* : Tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm dây lụa, *bên phải* : tay thứ nhất cầm tràng hạt, tay thứ hai cầm bình Quân Trì.



_ *Như Ý Luân Quán Âm* (Cintāmaṇi-cakra-avalokiteśvara)



Tôn này trụ ở Như Ý Bảo Châu Tam Muội, chuyển Pháp Luân cứu độ chúng sinh trong lục đạo thoát khỏi khổ não và hay làm cho tất cả chúng sinh được thành tựu ước nguyện, vì thế Ngài được hợp xưng là **Cứu Khổ Cứu nạn Cứu Thế Bồ Tát**

Tôn này có 6 tay, toàn thân màu vàng, trên đầu kết báu quanh đỉnh tóc biểu thị sự trang nghiêm. Trong mão có Đức Phật A Di Đà trụ tướng thuyết pháp.

Bên phải: tay thứ nhất nâng mặt làm dạng suy tư biểu thị cho sự mẫn niệm chúng hữu tình, tay thứ hai cầm báu Như ý biểu thị cho sự làm mãn túc ước nguyện của tất cả chúng sinh. Tay thứ ba cầm Tràng hạt biểu thị cho sự cứu khổ chúng sinh.

Bên trái: Tay thứ nhất duỗi thẳng xuống ấn núi Quang Minh biểu thị cho sự khiến chúng sinh chẳng dao động Tín hạnh, tay thứ hai cầm hoa sen biểu thị cho sự hay trừ các phi pháp, tay thứ ba cầm bánh xe biểu thị cho sự chuyển pháp Vô Thượng.

Tôn này thường dạo chơi trong lục đạo, dùng phương tiện Đại Bi giải trừ các khổ não cho chúng sinh.

_ *Bị Diệp Y Quán Âm* (Palāsambārī, hay Parṇa-śavari)



Tôn này là một thân biến hóa của Quán Thế Âm, chuyên trừ các loại bệnh tật, cầu trường thọ, đảo bệnh, an trấn phòng ốc. Tôn này có 2 tay: Tay trái cầm dây lụa, tay phải cầm hoa sen mới nở.

_ *Đa La Bồ Tát* (Tārā-bodhisatva)



Tàrā là con mắt hay con mắt tĩnh diệu. Tôn này là một thân Hóa Hiện của Quán Thế Âm được sinh ra bởi ánh quang minh phóng ra từ mắt của ngài. Tôn này luôn nhìn tất cả chúng sinh giống như bà mẹ hiền theo dõi chăm sóc con thơ. Mục đích của Ngài là cứu độ chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử. Do chủ về hai Đức ***Đại Bi*** và ***Giáng Phục*** nên Tôn này được xem là **Phật Mẫu** của Liên Hoa Bộ.

Tôn hình có hai tay chắp lại để ngang ngực, trên đỉnh đầu hiện Đức Phật A Di Đà đang trụ Tướng Thuyết Pháp.

Một Hóa Thân của Thánh Mẫu Tārā là **Tỳ Lý Câu Đê Bồ Tát** (Bhṛkuṭī)



Tôn này là chủ về sự kính vâng theo Pháp Cứu Độ thanh tịnh và nhằm chặn đứng sự tàn phá của **Trí Đại Không** (Mahā-śūnya-jñāna) để hoàn thiện phước báu Diệu Hữu. Tôn hình có búi tóc hình mũ giống như đất giữ gìn vạn vật , chung quanh kết bởi các báu, chính giữa có hình Đức Phật A Di Đà trụ tướng Thuyết Pháp . Điều này biểu thị cho sự kính vâng theo **Trí Tuệ Phổ Môn** (Viśva-mukhe-jñāna)của Như Lai để hoàn thiện Phước Đức.

Thân hình có 4 tay. *Bên phải*: Tay thứ nhất rũ xuống thành Ấn **Dữ Nguyện** , tay thứ hai co ngửa lên cầm Tràng hạt. *Bên trái*: tay thứ nhất co lên cầm hoa sen, tay thứ hai cầm Bình Quân Trì.

_ *Thủy Cát Tường Bồ Tát* (Ārya-Udaka-śrī-bodhisatva)



Tôn này được xem là quyến thuộc của Đa La Bồ Tát. Tôn hình màu vàng lợt, tay trái dựng đứng bàn tay, co 3 ngón: cái, trỏ, giữa lại, cầm hoa sen mới nở biểu thị cho phương tiện Đại Bi hay làm cho muôn điều lành tốt đẹp thêm lên. Tay phải duỗi các ngón xuống dưới thành Ấn Dữ Nguyện biểu thị cho sự làm thỏa mãn các nguyện của chúng sinh.

❒Trong Hư Không Tạng Viện

_ ***Phẫn Nộ Câu Quán Tự Tại Bồ Tát*** (Amogha-krodhāṅkuśa-rāja Avalokiteśvara: Bất Không Phẫn Nộ Câu Vương Quán Tự Tại)



Tôn hình có 3 mặt 4 tay, mỗi mặt có 3 mắt, trên trái mỗi mặt có một vị Hóa Phật đỉnh đầu có một vị Bồ Tát ngồi Kiết già, hai tay cầm hai cây kiếm. *Bên phải*: Tay thứ nhất co lên cầm **Phẫn Nộ Tam Xoa Câu** , tay thứ hai co cánh tay duỗi ngửa các ngón hướng xuống. *Bên trái*: tay thứ nhất co lên cầm hoa sen, tay thứ hai duỗi ngửa cầm dây lụa. Tôn này chủ về sự hàng phục ma chướng.

_ ***Bất Không Câu Quán Tự Tại*** (Ārya-amoghāṅkuśa Avalokiteśvara: Thánh Bất Không Câu Quán Tự Tại)



Tôn hình có 3 mặt 4 tay, mỗi mặt có 3 mắt, trên mỗi đỉnh trán có một vị Hóa Phật , hai mặt hai bên màu xanh. *Bên phải*: tay thứ nhất nâng cánh tay cao lên cầm **Tam Cổ Câu**, tay thứ hai rũ ngửa cầm **Tam Cổ Xử** (chày Tam Cổ). *Bên trái* tay thứ nhất co lại cầm hoa sen bên trên có móc câu, tay thứ hai hạ xuống dựng đứng bàn tay cầm vòng dây (*Luân sách*). Tôn này chủ về sự Câu Triệu, dẫn nhiếp chúng sanh vào Phật Đạo.

Ngoài các mục ghi trên đây. Phật giáo còn ghi nhận thêm 4 vị Bồ Tát Đa La tu trì thành tựu Pháp Quán Âm là:

① **Thanh Cảnh Quán Âm** (Nīlakaṇṭhī)



Tôn này có 3 mặt 4 tay hoặc một mặt 2 tay. Tâm Chú của Tôn này chính là bài Đại Bi Tâm Đà La Ni được lưu truyền rộng rãi trong nhân gian. Niệm Tôn này có thể giải thoát được tất cả sự sợ hãi ách nạn.

② **Hương Vương Quán Âm** (Gandha-rāja Avalokiteśvara)

Tôn này có 2 tay. Tay phải duỗi trên gối thành tay **Thí Vô Úy**, tay trái co khuỷu tay cầm hoa sen. Tôn này hay giáng mưa **Cam lộ** bố thí cho chúng sinh trong 5 nẻo.



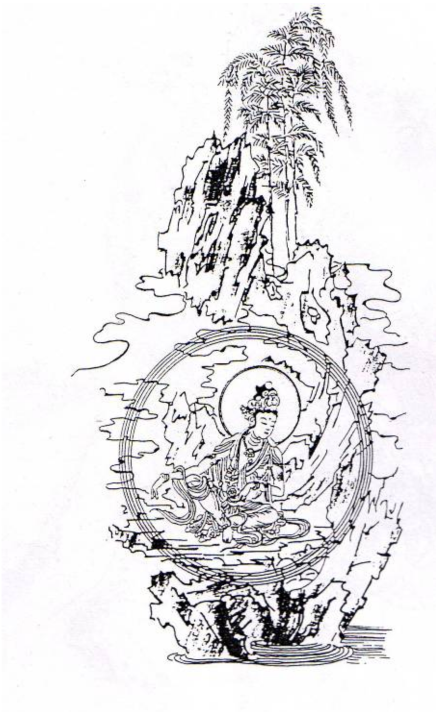
③ **A Ma Tai Quán Âm** (Avaṭai Avalokiteśvara)

Tôn này có tên là **Vô Úy Quán Tự Tại** (Abhayaṃ Avalokiteśvara). Tôn tượng có 3 mắt 4 tay ngồi trên lưng con sư tử trắng. Niệm Tôn này có thể mãn túc các nguyện, đắc Túc Mệnh Trí, được chúng sinh yêu quý, chứng đắc Tất Địa.



④ **Thủy Nguyệt Quán Âm** (Udaka-candra Avalokiteśvara)

Tôn này có hai tay, tay trái cầm báu **Như Ý**, tay phải kết ấn **Dữ Nguyện** . Tôn này đồng thể với **Thủy Cát Tường Bồ Tát**. Niệm Tôn này có thể đầy đủ tất cả ước nguyện một cách mau chóng.



_ Truyền thống Tây Tạng thường xưng tán câu Chú **Lục Tự Tại Minh**, phụng thờ Tôn Tượng **Tứ Thủ Quán Âm** (Tôn này được xem là thân biến hiện của Lục Tự Đại Minh, nên còn có tên gọi là **Lục Tự Đại Minh Quán Âm**) và cố gắng tu hành theo ý nghĩa của Tôn Tượng này.



Mật Giáo Tây Tạng còn thờ phụng Quán Thế Âm Bồ Tát qua Tôn Tượng **Tam Thánh** với Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) ở chính giữa, bên phải là **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi: Thân phẫn nộ của Đại Thế Chí Bồ Tát) biểu thị cho Trí Tuệ, bên trái là **Liên Hoa Thủ Bồ Tát** (Padma-pāṇi, tức Quán Âm Bồ Tát) biểu thị cho Từ Bi



Ngoài ra còn có Tôn Tượng **Quán Âm Tam Thánh** với Đức **Tứ Thủ Quán Âm Bồ Tát** ở chính giữa biểu thị như vị Thần Hộ Mệnh chống lại mười ách nạn, thú dữ, giặc cướp…Bên phải là **Đa La Bồ Tát** (Tārā) biểu thị cho Từ Bi, bên trái là **Tỳ Câu Chi Bồ Tát** (Bhṛkuṭī) biểu thị cho Trí Tuệ.



SÁU LOẠI TÔN TƯỢNG QUÁN ÂM

1_ Hóa Tôn địa ngục là **Thánh Quán Âm** (Ārya Avalokitasvara)



2_ Hóa Tôn Ngạ Quỷ là **Thiên Thủ Quán Âm** (Sahasra-bhūja Avalokitasvara)



3_ Hóa Tôn Súc sinh là **Mã Đầu Quán Âm** (Hayagrīva Avalokitasvara)



4_ Hóa Tôn Tu la là **Thập Nhất Diện Quán Âm** (Eka-daśa-mukhe Avalokitasvara)



5_ Hóa Tôn Nhân gian là **Bất Không Quyến Sách Quán Âm** (Amogha-pāśa Avalokitasvara)



6_ Hóa Tôn Thiên giới là **Như Ý Luân Quán Âm** (Cintāmaṇi-cakra Avalokitasvara)



Hệ **Đông Mật** của Nhật Bản thì thay Bất Không Quyến Sách Quán Âm bằng **Chuẩn Đề Quán Âm** (Cuṅdhe Avalokitasvara)



Hệ khác thì gộp chung các vị lại thành 7 vị Quán Âm.

NĂM LOẠI TÔN TƯỢNG THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Theo Truyền Thống Mật Giáo, để có thể rộng độ Chúng Sinh, chư Phật đã giảng dạy các Giáo Pháp tu hành qua Pháp tu Thiên Thủ Quán Âm. Tuy nhiên để phù hợp với căn cơ của từng loại chúng sinh nên chư Phật, chư Tổ đã vận dụng từng loại hình tượng kèm theo Chân Ngôn và Ấn Khế để giáo hóa.

A_ Vì muốn cho Chúng Sinh tự thấu ngộ rằng mình vốn có Lý Trí đầy đủ, **Giác Đạo** (Buddha-mārga) viên mãn chỉ vì **Vô Minh** (Avidya) che lấp mà chưa hiển lộ nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Quán Âm** có 497 đầu mặt xếp làm ba tầng trên mão mặt chính, bên phải mặt chính có mặt Liên Hoa màu xanh, bên trái mặt chính có mặt Kim Cương màu trắng (Tổng cộng là 500 đầu mặt), Thân có một ngàn cánh tay trong đó có 42 tay cầm khí trượng biểu thị cho việc thâm nhập vào 42 Tự Môn để tự chứng ngộ được Chính Pháp Giải Thoát. Danh hiệu của Tôn này là **Thiên Thủ Thiên Quang Nhãn Đại Liên Hoa Vương** và Pháp chính của Ngài là **Liên Hoa Phật** (Padma-buddha)



B_ Vì muốn giúp cho Chúng Sinh phá tan phiền não chướng đang ngăn che ánh sáng Thắng Diệu của Trí Tuệ bản nhiên trong tâm của mình nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Thiên Nhãn Thập Nhất Diện Quán Thế Âm.**

Ngài có thân màu trắng. 11 mặt xếp thành 5 tầng :

3 mặt của tầng một có mặt chính giữa màu trắng, mặt bên phải màu xanh lục, mặt bên trái màu đỏ

3 mặt của tầng thứ hai có mặt chính giữa màu xanh lục, mặt bên phải màu đỏ, mặt bên trái màu trắng

3 mặt của tầng thứ ba có mặt chính giữa màu đỏ, mặt bên phải màu trắng, mặt bên trái màu xanh lục. Tất cả khuôn mặt đều có mắt dài và nhỏ như đang mỉm cười

1 mặt của tầng thứ tư là khuôn mặt màu đen biểu lộ sự phẫn nộ, miệng ló răng nanh, có 3 mắt và tóc màu cam dựng đứng

1 mặt của tầng thứ năm là khuôn mặt hiền hòa màu đỏ đội vương miện

2 tay đầu tiên chắp lại trước ngực cầm viên ngọc báu

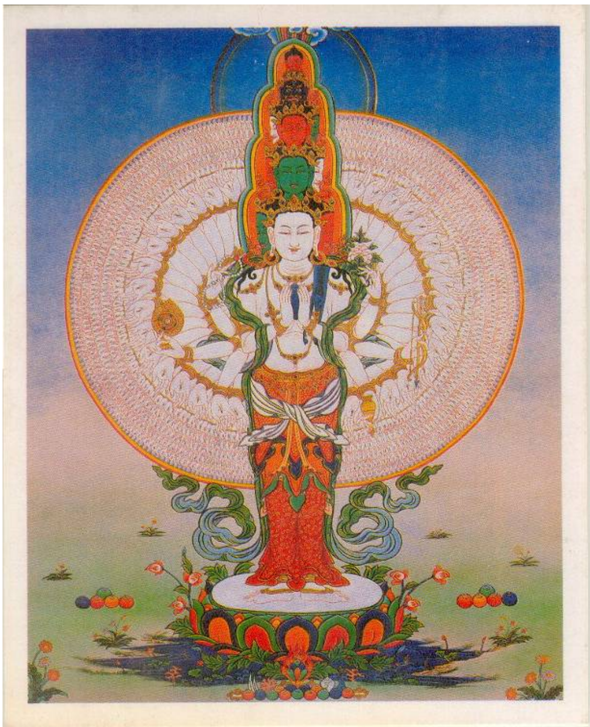
Bên phải: Tay thứ hai cầm tràng hạt, tay thứ ba kết Diệu Thí Thắng Ấn, tay thứ tư cầm Pháp Luân

Bên trái: Tay thứ hai cầm hoa sen vàng, tay thứ ba cầm bình có chứa nước Cam Lộ, tay thứ tư cầm cung tên

992 tay còn lại đều mềm mại như những cánh sen kết Diệu Thí Thắng Ấn.

Trong mỗi lòng bàn tay đều có một con mắt, không một cánh tay nào vượt quá vương miện và cũng không buông thấp quá đầu gối

Ngực trái của Ngài được che bằng miếng da hươu. Trang phục bên dưới làm bằng lụa vải tốt, thắt lưng bằng vàng có nạm ngọc quý, vương miện cũng nạm ngọc quý và thân của Ngài được trang điểm bằng mọi loại báu như vòng, xuyến, anh lạc, lụa nhiều màu … tỏa ánh hào quang sáng ngời.



Pháp chính của Tôn này là **Liên Hoa Kim Cương** (Padma-vajra)

Do Tôn này biểu thị cho lực gia trì của Kim Cương Bộ trong Quán Âm Bộ nên Mật Giáo Tây Tạng thường truyền dạy Pháp tu theo Tôn này.

C_Vì muốn cho Chúng Sinh nuôi lớn Phước Đức đang tiềm ẩn trong tâm của mình khiến cho họ tự nhận biết rằng mình vốn có đầy đủ Công Đức như chư Phật không khác nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Quán Âm với 27 đầu mặt** xếp thành 5 tầng, biểu thị cho 9 Giới hiển Phật Giới. Thân có 42 tay cầm khí trượng và 958 tay còn lại xếp vòng quanh thân.



Tôn này biểu thị cho Đức ***Pháp Tài*** và có danh hiệu là **Thiên Thủ Quán Âm.** Pháp chính của Tôn này là **Liên Hoa Ma Ni** (Padma-maṇi)

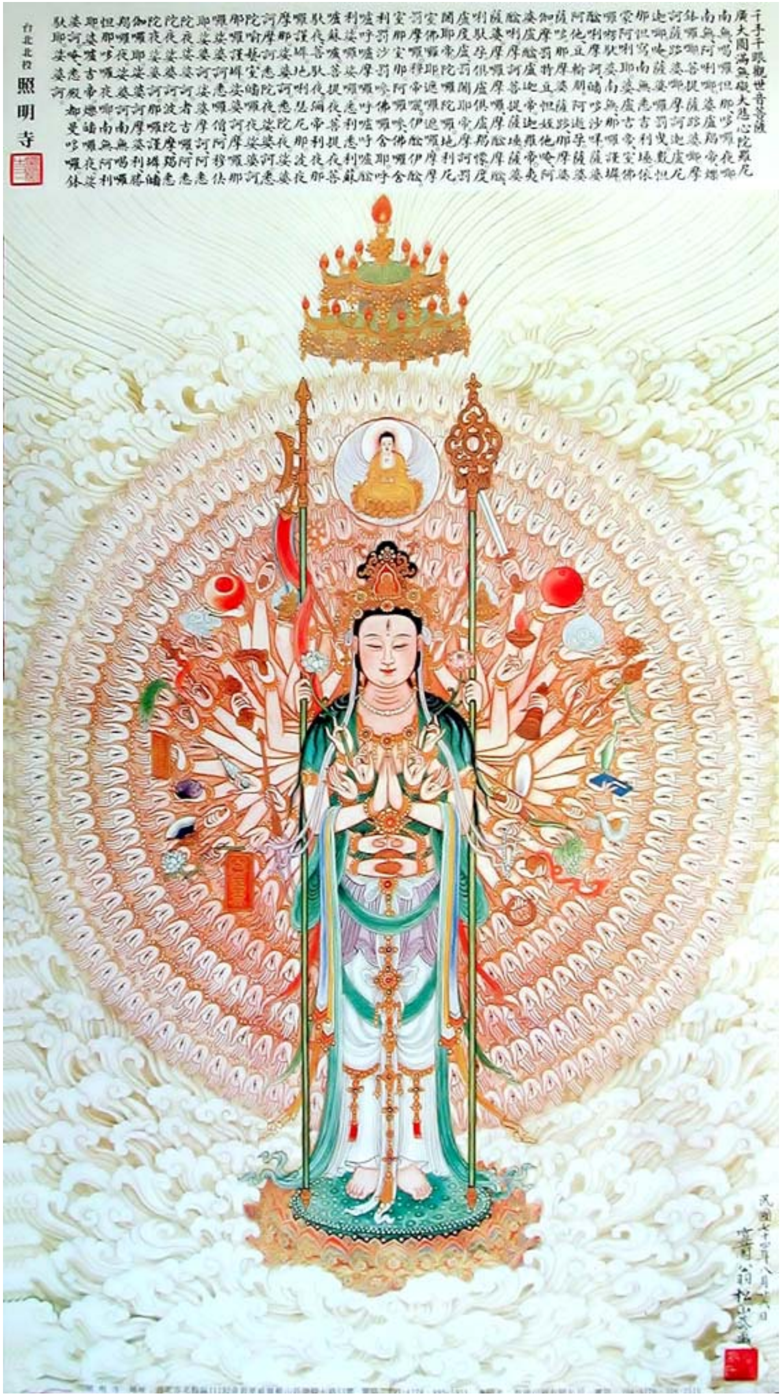
D_ Vì muốn làm tươi tốt muôn điều lành và khai mở cho Chúng Sinh tự thấu ngộ được bản tâm Thanh Tịnh Vô Cấu Nhiễm vốn có nơi mình nên các vị Đạo Sư đã minh họa Thân Thiên Thủ Thiên Nhãn Thanh Cảnh Quán Âm. Thân này có đầy đủ tướng tốt đẹp như thân Thánh Quán Âm với cái cổ màu xanh, hiện ngàn tay ngàn mắt.

Biến Thân của Tôn này là: Thân màu trắng có 3 mặt, mặt chính có dung mạo Từ Bi vui vẻ, bên phải là mặt sư tử, bên trái là mặt heo. Đầu đội mão báu, trong mão có vị Hoá Phật Vô Lượng Thọ. Thân có 4 cánh tay. Bên phải: Tay thứ nhất cầm cây gậy, tay thứ hai cầm Hoa Sen. Bên trái: Tay thứ nhất cầm bánh xe (Luân), tay thứ hai cầm vỏ ốc (Loa). Dùng da cọp làm quần, da hươu đen làm khăn quấn khoác ở góc vai trái, dùng con rắn đen làm Thần Tuyến. Ngồi trên hoa sen tám cánh, Anh Lạc, vòng xuyến tỏa ánh lửa trang nghiêm thân thể và Thần Tuyến từ bắp tay trái rũ xuống.



Do Tôn này biểu thị cho Pháp tu **Liên Hoa Pháp** (Padma-dharma) của Đức **Quán Tự Tại Vương Như Lai** (Avalokiteśvara-rājāya-tathāgata) nên Mật Giáo Trung Hoa thường truyền dạy Pháp tu theo Tôn này.

E_ Vì Đức Hóa Tha Nghiệp Dụng của chư Phật vì thương xót Chúng Sinh mà thi hành tất cả sự nghiệp nhằm giúp cho đoạn trừ mọi mê vọng để tự chứng được bản tâm Tịch Tĩnh an nhiên của chính mình nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Thiên Tý Quán Thế Âm** giống như thân Thánh Quán Âm với mọi tướng tốt đẹp , đầy đủ ngàn mắt ngàn tay.



Biến Thân của Tôn này là: Thân của Bồ Tát vẽ màu vàng Diêm Phù Đề, mặt có 3 mắt, tay có 1.000 bàn tay, ở mỗi lòng bàn tay đều có 1 con mắt, đầu đội mão báu, mão có vị Hóa Phật. Bàn tay lớn chính có 18 cánh tay. Trước tiên là hai tay để ngang trái tim chắp lại, 1 bàn tay cầm chày Kim Cương, 1 bàn tay cầm Tam Kích Xoa, 1 bàn tay kết Ấn Phạm Giáp, 1 bàn tay nắm cái Ấn Báu, 1 bàn tay cầm cây Thiết Trượng, 1 bàn

tay nâng Viên ngọc báu, 1 bàn tay cầm Bánh xe báu, 1 bàn tay cầm hoa sen hé nở, 1 bàn tay cầm sợi dây, 1 bàn tay cầm cành Dương liễu, 1 bàn tay cầm Tràng hạt, 1 bàn tay cầm cái bình Táo Quán, 1 bàn tay ban nước Cam Lộ tuôn chảy, 1 bàn tay tuôn mọi loại mưa báu ban cho sự không sợ hãi. Lại dùng hai bàn tay để ngang rốn, bên phải đè bên trái, ngửa lòng bàn tay. 982 bàn tay còn lại ở trong bàn tay đều nắm Ấn của mọi loại khí trượng.

Pháp chính của Tôn này là **Liên Hoa Yết Ma** (Padma-karma).

*) Khi Bồ Tát Quán Tự Tại nhập vào Tam Muội **Vô Sở Úy** thời hiện ra 25 vị Bồ Tát, mỗi một vị Bồ Tát đều có thân màu vàng, đủ các tướng tốt đẹp như Quán Tự Tại, nơi đỉnh đầu có 11 mặt, trên thân có đủ 40 cánh tay, trong mỗi bàn tay có một con mắt **Từ** (Maitra-Netra: Từ Nhãn), 40 tay mắt của một vị Hóa Bồ Tát lại hiện thành 40 vị Bồ Tát phá một Hữu. Như vậy 40 tay của 25 vị Hóa Bồ Tát này hợp thành ngàn tay ngàn mắt hiện thành một ngàn vị Bồ Tát phá các ưu ám của 25 Hữu. Riêng vị Hóa Bồ Tát hiện thân ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu có tên gọi là **Thí Vô Úy Quán Tự Tại Bồ Tát,** dùng 40 tay hóa thành 40 vị Bồ Tát tạo phương tiện hóa độ cho các Chúng Sinh.

Chân Ngôn chung của 25 vị Hóa Bồ Tát này là:

OṂ_ VAJRA-DHARMA VIŚUDDHA PADMA-SATVA HITA SPHARAṆA

40 Pháp này có thể dùng chung cho cả 5 Tôn Thiên Thủ.



ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI XUẤT TƯỢNG

Hán văn và đồ hình minh họa: Không rõ tên người soạn
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH



1) Nam mô hát la đát na đá la dạ gia

NAMO RATNA-TRAYĀYA

Đây là Bản Thân Quán Thế Âm Bồ Tát rất cần Từ Bi, dùng Tâm tụng đọc, đừng cao giọng mà Thần Tính ẩn mất



2) Nam mô a lợi gia

𑖡𑖦𑖾 𑖁𑖨𑖿𑖧

NAMAḤ ĀRYA

Đây là Bản Thân Như Ý Luân Bồ Tát. Đến đây nên tu tại Tâm



3) Bà lô yết đế thước bát la gia

AVALOKITEŚVARĀYA

Đây là Bản Thân TRÌ BÁT QUÁN THẾ ÂM Bồ Tát. Nếu muốn lấy Xá Lợi Tử Tụng đây, giữ gìn ý tưởng Bồ Tát cầm cái bát



4) Bồ đề tát đỏa bà gia

𑖤𑖺𑖠𑖰𑖭𑖝𑖿𑖪𑖯𑖧

BODHI-SATVĀYA

Đây là Bất Không Quyến Sách Bồ Tát, áp lĩnh đại binh



5) Ma ha tát đỏa bà gia

𑖦𑖮𑖯 𑖭𑖝𑖿𑖪𑖯𑖧

MAHĀ-SATVĀYA

Đây là Chủng Tử của Bồ Tát. Tự tụng Bản Thân của Chú vậy



6) Ma ha ca lô ni ca gia

𑖦𑖮𑖯 𑖎𑖯𑖨𑖲𑖜𑖰𑖎𑖯𑖧

MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

Đây là Bản Thân Mã Minh Bồ Tát, tay cầm Bạt Chiết La (chày Kim Cương)



7) Án

𑖌𑖽

OṂ

Chữ ÁN này là các Quỷ Thần chắp tay thuận theo tụng Chú



8) Tát bà la phạt duệ

𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖨𑖥𑖧𑖸

SARVA RABHAYE

Đây là Bản Thân của bốn vị Đại Thiên Vương giáng Ma



9) Số đát na đát tả

ŚUDDHA-NĀDAṢYA

Đây là danh tự Quỷ Thần thuộc Bộ Lạc của bốn vị Đại Thiên Vương



10) Nam mô tất cát lợi đỏa y mông a lợi gia

𑖡𑖦𑖭𑖿𑖎𑖴𑖝𑖿𑖪 𑖂𑖦𑖽 𑖁𑖨𑖿𑖧

NAMASKṚTVA IMAṂ ĀRYA

Đây là Bản Thân **Long Thọ Bồ Tát**. Rất cần dụng Tâm tụng điều này, đừng gấp gáp mà tính Bồ Tát ẩn đi



11) Bà lô cát đế thất phật la lăng đà bà

AVALOKITEŚVARA LAṂTABHA

Đây là Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Phật



12) Nam mô na la cẩn trì

𑖡𑖦𑖺 𑖡𑖱𑖩𑖎𑖜𑖿𑖙

NAMO NĪLAKAṆṬHA

Đây là Bản Thân Thanh Tĩnh Pháp Thân Tỳ Lô Xá Na Phật. Rất cần dụng Tâm



13) Hề lợi ma ha bà đá sa mế

HṚ MAHĀ-PATAŚAMI

Đây là Dương Minh Dương Đầu Thần Vương cùng với các Thiên Ma làm quyến thuộc

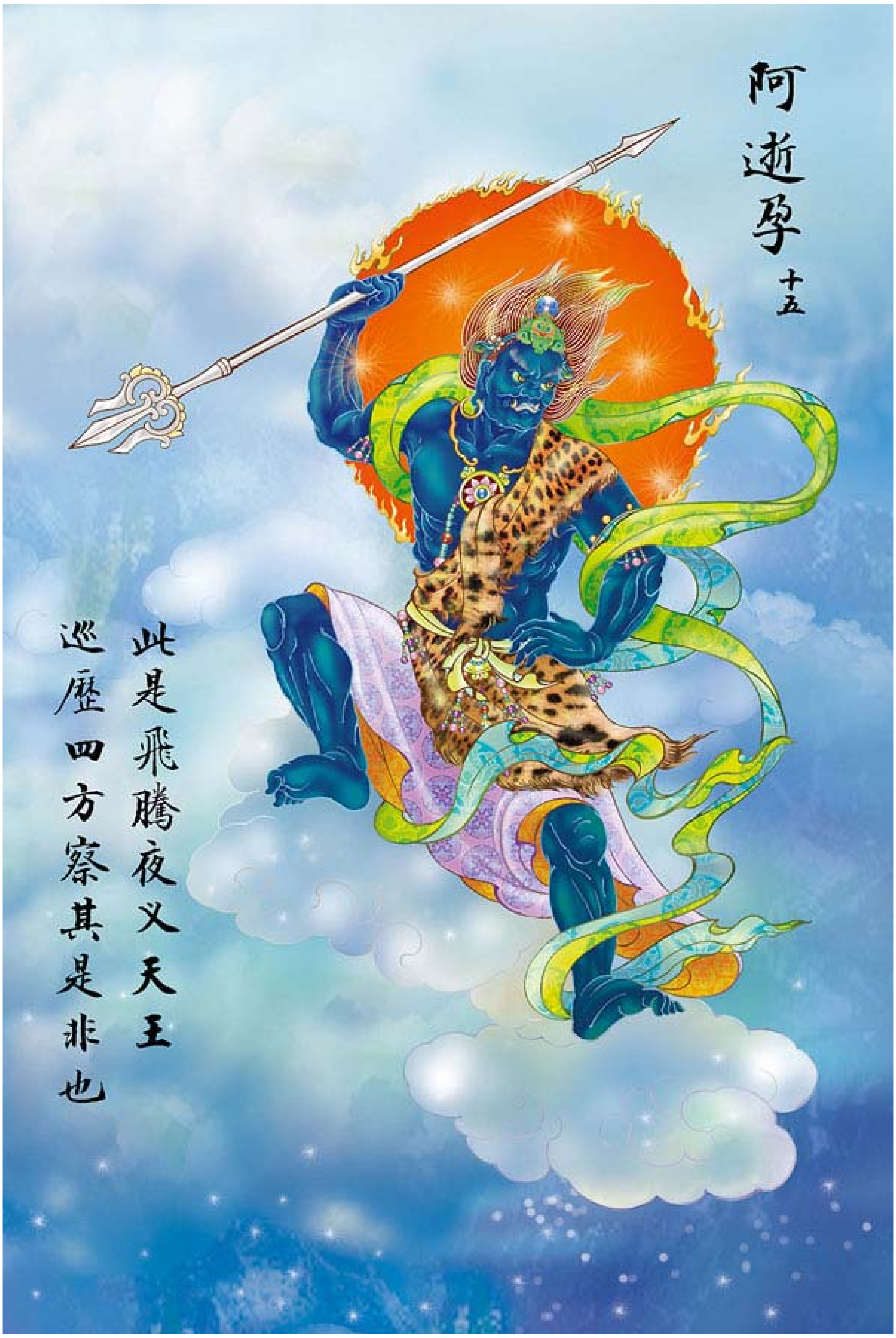


14) Tát bà a tha đậu thâu bằng

𑖭𑖨𑖿𑖪𑖯𑖞 𑖟𑖲 𑖫𑖲𑖣𑖽

SARVĀTHA DU ŚUPHAṂ

Đây là Cam Lộ Bồ Tát cũng là Bộ Lạc của Quán Thế Âm Bồ Tát dùng làm Quyến Thuộc



15) A thệ dựng

𑖀𑖕𑖰𑖧𑖽

AJIYAṂ

Đây là Phi Đằng Dạ Xoa Thiên Vương đi qua bốn phương xem xét điều thị phi



16) Tát bà tát đá, na ma bà tát đá, na ma bà già

SARVA (SATVA NĀMA) SATVA NĀMA BHAGA

Đây là Bà Già Bà Đế Thần Vương, hình màu đen đậm, dùng da beo làm quần, tay cầm kích xoa



17) Ma phạt đặc đậu

MĀ BHĀTI DU

Đây là Bản Thân Quân Tra Lợi Bồ Tát, tay cầm Thiết Luân và cầm sợi dây, có ba con mắt



18) Đát điệt tha

𑖝𑖟𑖿𑖧𑖞𑖯

TADYATHĀ

Đây là Kiếm Ngữ của bản thân A La Hán



19) Án, a bà lô hề

𑖌𑖼 𑖀𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰

OṂ AVALOKI

Đây là bản thân Quán Thế Âm Bồ Tát, chắp tay ngay lồng ngực.



20) Lô ca đế

𑖩𑖺𑖎𑖝𑖸

LOKATE

Đây là Bản Thân Đại Phạm Thiên Vương có Thần Tiên làm Bộ Lạc



21) Ca la đế

𑖎𑖩𑖝𑖰

KALATI

Đây là Đế Thần có thân dài lớn màu đen



22) Di hề lợi

𑖂 𑖮𑖸𑖩𑖰𑖾

I HELIḤ

Đây là Tam Thập Tam Thiên là Ma Hê Thủ La Thiên Thần thống lĩnh Thiên Binh, có thân màu xanh



23) Ma ha bồ đề tát đỏa

𑖦𑖮𑖯 𑖤𑖺𑖠𑖰𑖭𑖝𑖿𑖪

MAHĀ-BODHI-SATVA

Đây là THẬT TÂM, tức không có Tâm tán loạn, liền gọi là Tát Đỏa



24) Tát bà tát bà

𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖭𑖨𑖿𑖪

SARVA SARVA

Đây là Hương Tích Bồ Tát Thần áp lãnh Ngũ Phương Quỷ Binh làm tuỳ tung chẳng thể nghĩ bàn



25) Ma la ma la

𑖦𑖯𑖩 𑖦𑖯𑖩

MĀLA MĀLA

Đây là Bạch Y Bồ Tát, tay cầm Như Ý Tướng.



26) Ma hề ma hề lợi đà dựng

𑖦𑖭𑖱 𑖦𑖭𑖱 𑖮𑖴𑖟𑖧𑖽

MASĪ MASĪ HṚDAYAṂ

Đây là bản thân Bạch Phát Di Đà Phật, là thong dong



27) Câu lô câu lô yết mông

𑖎𑖲𑖨𑖲 𑖎𑖲𑖨𑖲 𑖎𑖨𑖿𑖦𑖽

KURU KURU KARMAṂ

Đây là Không Thân Bồ Tát áp lãnh Thiên Đại Tướng Quân, thống lĩnh 20 vạn ức Thiên Binh



28) Độ lô độ lô, phạt xà gia đế

𑖝𑖲𑖨𑖲 𑖝𑖲𑖨𑖲 𑖥𑖬𑖰 𑖧𑖝𑖰

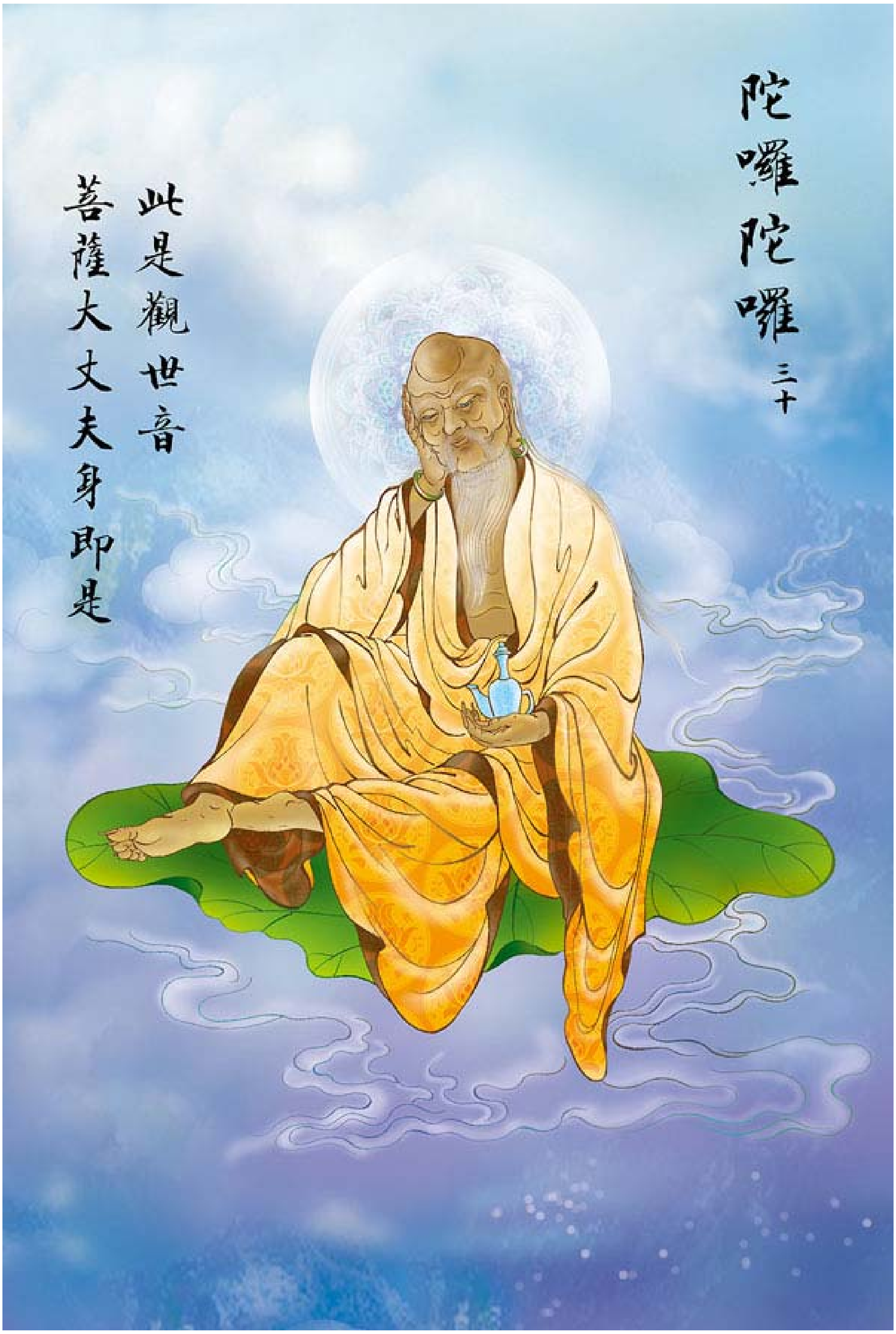
TURU TURU BHAṢI YATI

Đây là Nghiêm Tuấn Bồ Tát áp lãnh Khổng Tước Man binh (binh Mán ở phương Nam)



29) Ma ha phạt xà gia đế

MAHĀ-BHAṢI YATI
Đây là Đại Lực Thiên Tướng, tay cầm cây gậy báu.



30) Đà la đà la

𑖠𑖯𑖨 𑖠𑖯𑖨

DHĀRA DHĀRA

Đây là thân Đại Trượng Phu của Quán Thế Âm Bồ Tát



31) Địa lợi ni

𑖠𑖰𑖨𑖰𑖜𑖰

DHIRIṆI

Đây là Sư Tử Vương Binh, nghiệm tụng đọc



32) Thất phật la gia

IŚVARĀYA

Đây là Tồi Toái Bồ Tát, tay cầm cái chày vàng, giáng phục Quyến Thuộc của các Ma



33) Giá la giá la

𑖓𑖩 𑖓𑖩

CALA CALA

Đây là Bản Thân Tích Lịch Bồ Tát, tay cầm bánh xe vàng



34) Ma ma phạt ma la

𑖦𑖦 𑖪𑖰𑖦𑖩

MAMA VIMALA

Đây là Bản Thân Đại Giáng Ma Kim Cương cầm bánh xe vàng



35) Mục đế lệ

𑖦𑖲𑖎𑖿𑖝𑖸

MUKTE

Đây là chư Phật chắp tay thuận theo tụng Chân Ngôn



36) Y hề y hề

EHYEHI

Đây là Ma Hề Thủ La Thiên Vương



37) Thất na thất na

ŚINA ŚINA

Đây là Ca Gia Ma Tướng Thiên Vương



38) A la sâm phật la xá lợi

ARAṢIṂ BHALA ŚARI

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát cầm Bàng Bài, Nỏ, cung tên



39) Phạt xa phạt sâm

𑖥𑖬𑖯 𑖥𑖬𑖰𑖽

BHAṢĀ BHAṢIṂ

Đây là Kim Khôi Địa Tướng, tay cầm Linh Chung (cái chuông)



40) Phật la xá gia

𑖥𑖨 𑖫𑖧

BHARA ŚAYA

Đây là Bản Thân A Di Đà Phật, Sư Chủ của Quán Thế Âm Bồ Tát



41) Hô lô hô lô ma la

𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖢𑖿𑖨

HULU HULU PRA

Đây là tám Bộ Quỷ Thần Vương

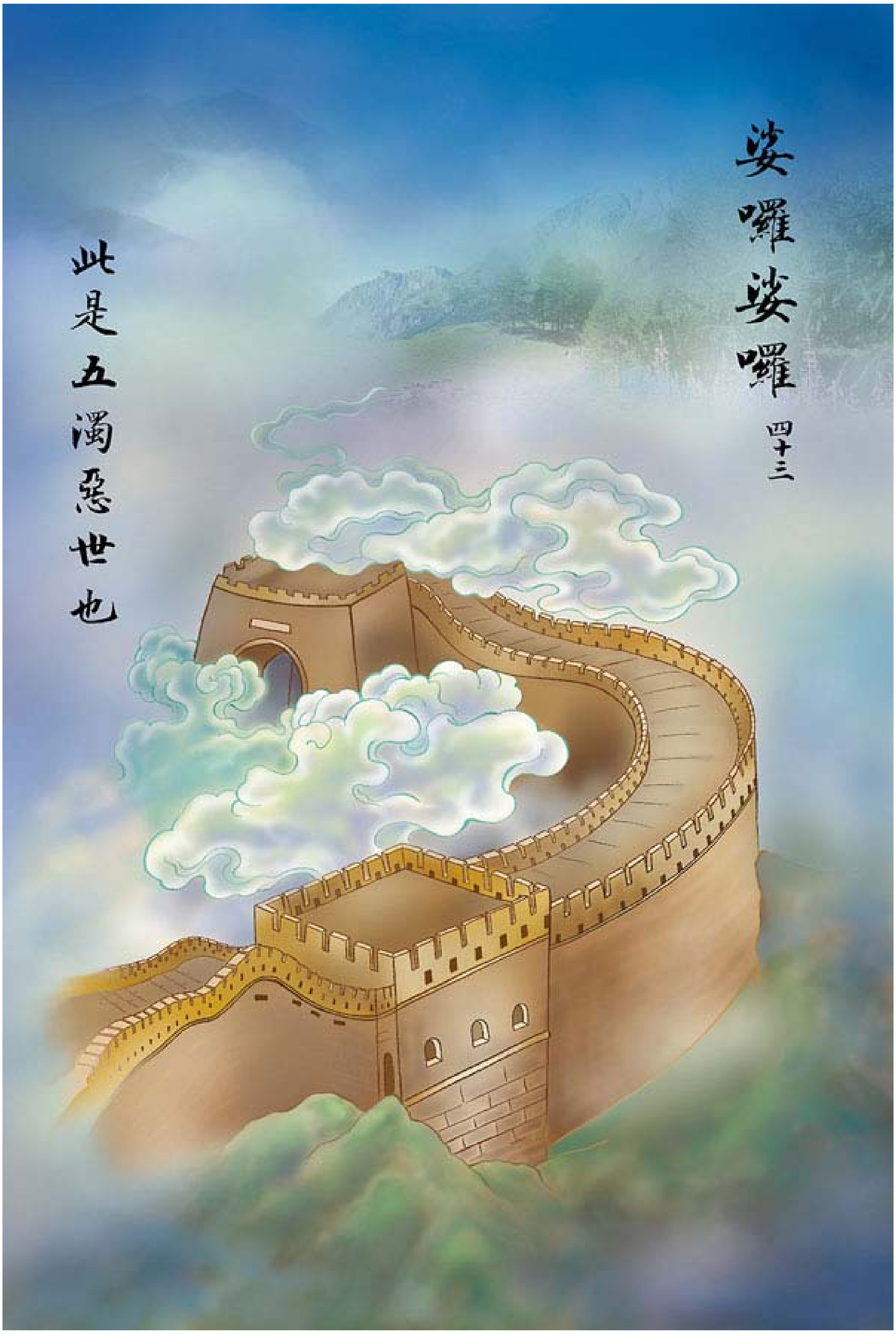


42) Hô lô hô lô hề lợi

𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖫𑖿𑖨𑖱

HULU HULU ŚRĪ

Đây là Tứ Tý Thiên Vương, thân mặc áo giáp lá liễu (Liễu Diệp Khải)



43) Sa la sa la
𑖭𑖨 𑖭𑖨
SARA SARA
Đây là đời ác năm trược



44) Tất lợi tất lợi

𑖭𑖰𑖨𑖰 𑖭𑖰𑖨𑖰

SIRI SIRI

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát lợi ích cho Chúng Sinh chẳng thể nghĩ bàn



45) Tô rô tô rô

𑖭𑖲𑖨𑖲 𑖭𑖲𑖨𑖲

SURU SURU

Đây là lá cây rơi của chư Phật



46) Bồ đề dạ, bồ đề dạ

BUDDHIYA BUDDHIYA

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát kết duyên với Chúng Sinh



47) Bồ đà dạ, bồ đà dạ

𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖧 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖧

BUDDHĀYA BUDDHĀYA

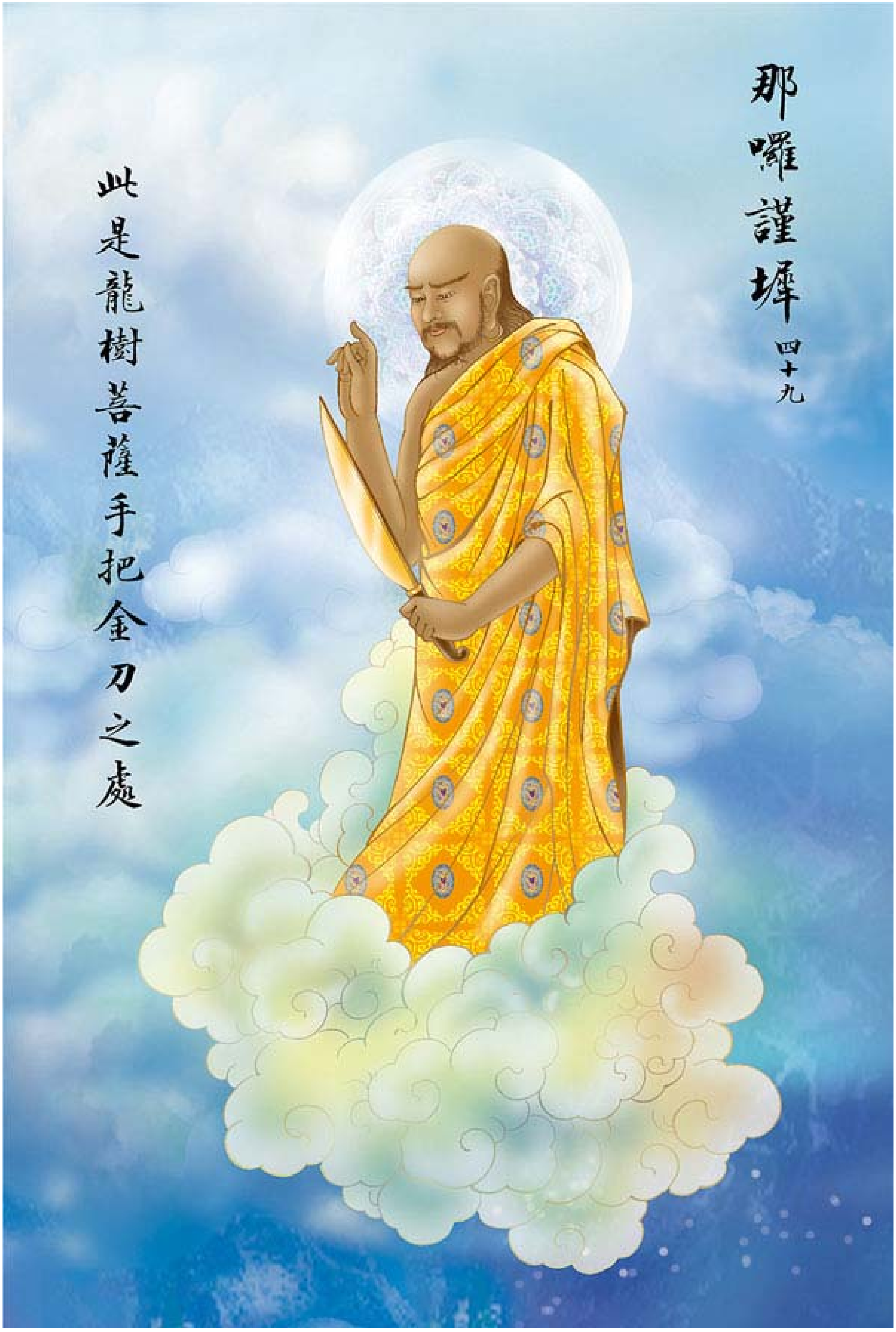
Đây là Bản Thân Tôn Giả **A Nan**



48) Di đế lợi gia

MAITRIYA

Đây là Đại Xa Bồ Tát, tay cầm cây đao vàng



49) Na la cẩn trì

NĪLAKAṆṬHA

Đây là Long Thọ Bồ Tát, tay cầm chuôi cây Đao vàng



50) Địa lợi sắt ni na

TRIŚARAṆA

Đây là Bảo Tràng Bồ Tát, tay cầm cây Thiết Xoa



51) Bà dạ ma na

𑖀𑖥𑖧 𑖦𑖡

ABHAYA MANA

Đây là cái chày Bạt Chiết La của Kim Cương Tràng Bồ Tát



52) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

Đây là Tam Đầu Bồ Tát, ngồi Kiết Già trên Ngải Long



53) Tất đà dạ

𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖰𑖧

SIDDHIYA

Đây là Xá Lợi Phất Bồ Tát, Liên Thủ Ấn đạt tất cả Pháp Môn



54) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

Đây là Hằng Hà Sa Bồ Tát đứng thẳng trên đầu cá Ngao ở trong biển Pháp vô biên.



55) Ma ha tất đà dạ

MAHĀ-SIDDHIYA

Đây là Phóng Quang Bồ Tát, tay cầm cây phan màu đỏ



56) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

Đây là Mục Kiền Liên Bồ Tát vác Tích Trượng quải áo cà sa



57) Tất đà dụ nghệ

𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠 𑖧𑖺𑖐

SIDDHA YOGA

Đây là hết cả Chư Thiên Bồ Tát đều đã tụ tập, tay cầm cây Đao vàng

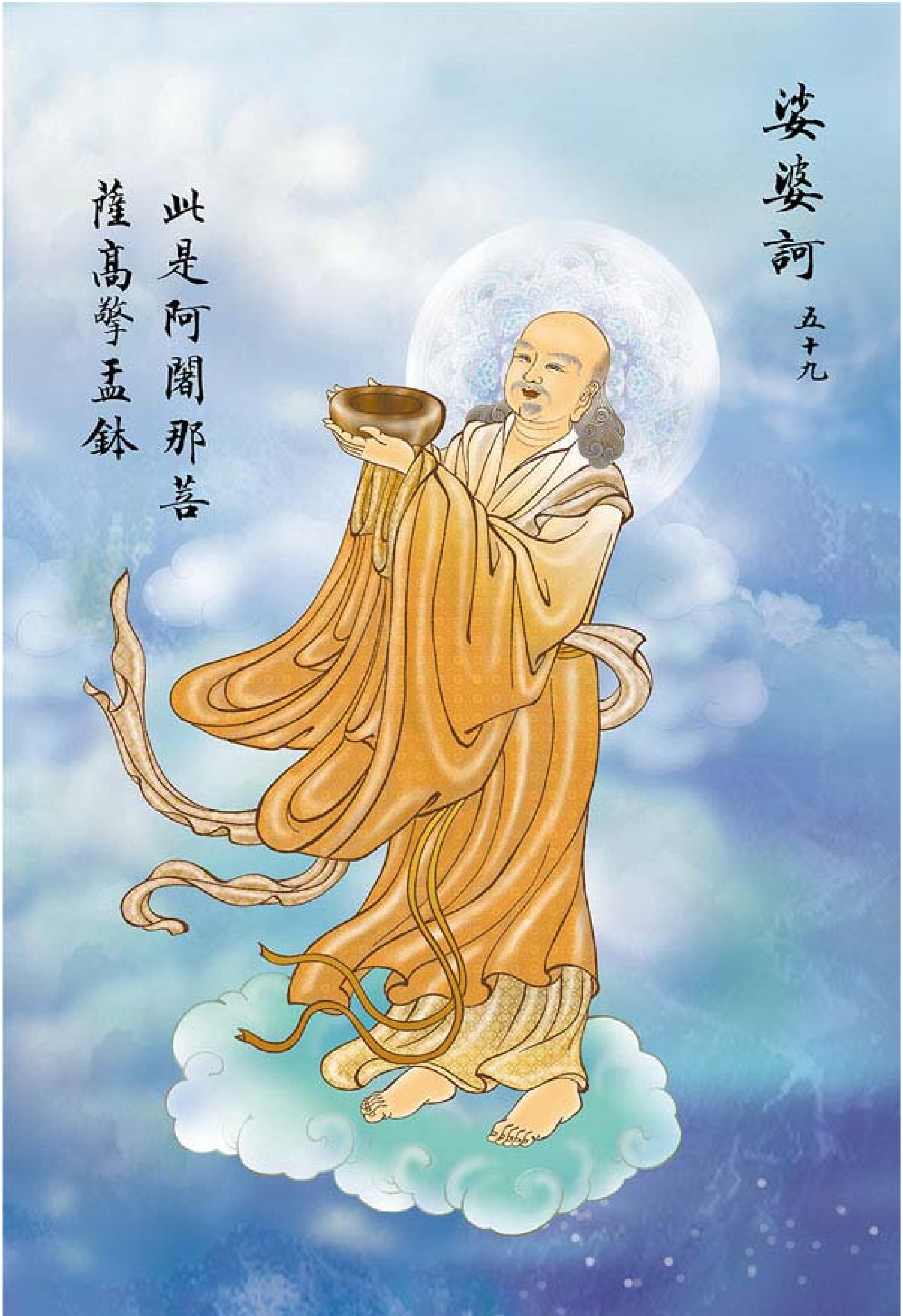


58) Thất bà la dạ

𑖂𑖫𑖿𑖪𑖨𑖯𑖧

IŚVARĀYA

Đây là An Tức Hương của Đức Phật A Di Đà và Quán Thế Âm Bồ Tát



59) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

Đây là A Xà Gia Bồ Tát giơ cao cái bình bát



60) Na la cẩn trì

NĪLAKAṆṬHA

Đây là Tiên Hải Tuệ Bồ Tát, tay cầm cây Kiếm vàng



61) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

Đây là Mai Đà La Bồ Tát gác cây gậy nằm ngang vai có treo cái nón.



62) Ma la na la

PRAVARĀHA-MUKHĀYA

Đây là Bảo Ấn Vương Bồ Tát, tay cầm cây Búa vàng



63) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

Đây là âm thanh do Câu Hy La Bồ Tát đi đôi hài cỏ đạp sóng vượt biển



64) Tất la tăng a mục khư gia

𑖫𑖿𑖨𑖱 𑖭𑖰𑖽𑖮 𑖦𑖲𑖏𑖯𑖧

ŚRĪ-SIṂHA-MUKHĀYA

Đây là Bản Thân Dược Vương Bồ Tát, chữa trị các bệnh



65) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

Đây là thân Viên Mãn Bồ Tát, mặc áo màu đỏ, tay Mẫu Đà La



66) Sa bà ma ha a tất đà dạ

𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖦𑖮𑖯 𑖦𑖲𑖎𑖿𑖝𑖯𑖧

SARVA MAHĀ-MUKTĀYA

Đây là Bản Thân Dược Thượng Bồ Tát, chữa trị các bệnh



67) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

Đây là Đại Trí Xá Lợi Phất Bồ Tát, eo đeo ngọc Chân Kinh bày trước gió.



68) Giả cát la a tất đà dạ

CAKRĀ YUDHĀYA

Đây là bản thân Hổ Hàm Thần Tướng, tay cầm cây búa



69) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

Đây là các Thiên Ma Vương, tay cầm Đĩnh Xà Thương



70) Ba đà ma yết tất đà dạ

𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖮𑖭𑖿𑖝𑖯𑖧

PADMA-HASTĀYA

Đây là Linh Hương Thiên Bồ Tát, tay cầm cái lò Như Ý.



71) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

Đây là hoa sen báu ngàn cánh của Tán Hoa Thiên Bồ Tát



72) Na la cẩn trì bá già la gia

𑖡𑖱𑖩𑖎𑖜𑖿𑖙 𑖫𑖒𑖿𑖏𑖨𑖯𑖕

NĪLAKAṆṬHA-ŚAṄKHA-RĀJA

Đây là Phú Lâu Na Bồ Tát, tay nâng cái chậu.



73) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

Đây là Đa La Ni Tử Bồ Tát, tay bưng quả



74) Ma bà lợi thắng yết la dạ

MĀ VARI ŚAṄKARĀYA

Đây là Tam Ma Thiền Na Bồ Tát, ngồi kiết già, Luân Chưởng Bảo Đăng



75) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

Đây là Đại Ca Diếp Bồ Tát, tay cầm tràng hạt của Phật



76) Nam mô hát la đát na đá la dạ gia

NAMO RATNA-TRAYĀYA

Đây là bản thân Hư Không Bồ Tát, vịn hoa ở trên phiến đá



77) Nam mô a lợi gia

𑖡𑖦𑖾 𑖁𑖨𑖿𑖧

NAMAḤ ĀRYA

Đây là Phổ Hiền Bồ Tát, Già Phu Thiền Tọa, bách bảo luân chưởng.



78) Bà lô cát đế

𑖀𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰𑖝𑖸

AVALOKITA

Đây là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, một tay chỉ lên hư không



79) Thước bà la dạ

IŚVARĀYA

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát hiểu hình sắc do nhãn căn thọ nhận, hiện hoa sen vàng ngàn cánh



80) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát hiểu rõ tiếng phân biệt của tai, buông rũ cánh tay màu vàng ròng



81) Án tất điện đô

OṂ SIDDHYANTU

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát hiểu rõ các mùi ngửi của mũi, mở năm ngón tay



82) Mạn đá la

𑖦𑖡𑖿𑖝𑖿𑖨

MANTRA

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát hiểu rõ vị nếm của lưỡi, hiện bàn tay Đâu La Miên



83) Bạt đà gia

𑖢𑖟𑖯𑖧

PADĀYA

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát hiểu rõ hết thảy sự tham cầu thọ nhận qua các sự tiếp chạm



84) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát hiểu rõ tất cả các Pháp do ý căn phân biệt.



85_ Kim Cương Thắng trang nghiêm, sa bà ha

𑖪𑖕𑖿𑖨𑖕𑖧 𑖪𑖿𑖧𑖳𑖮 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

VAJRA-JAYA-VYŪHA SVĀHĀ

Bồ Tát hiện thân Kim Cương



86_ Ma yết thắng trang nghiêm, sa bà ha

𑖦𑖯𑖨𑖿𑖐𑖕𑖧 𑖪𑖿𑖧𑖳 𑖮 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

MĀRGA-JAYA-VYŪHA SVĀHĀ

Bồ Tát hiện Kim Cương Đại Thân



87_ Thanh Văn thắng trang nghiêm, sa bà ha

ŚRĀVAKA-JAYA-VYŪHA SVĀHĀ

Bồ Tát hiện tướng viên mãn, khiến cho Hành Nhân trì Chú, được rất trong mát, tùy ý tự tại



88_ Án, phạt giả la, thất lý duệ, sa bà ha

OṂ _ VAJRA-ŚRĪYE SVĀHĀ

Bồ Tát hiện mười phương Thế Giới, tổng là một thân tướng to lớn

21/01/2012

40 THÂN SỞ HOÁ CỦA THÍ VÔ UÝ QUÁN TỰ TẠI

1) Dữ Nguyện Quán Tự Tại (Như Ý Thủ)



2) Trì sách Quán Tự Tại (Quyến Sách Thủ)



3) Bảo Bát Quán Tự Tại (Bảo Bát Thủ)



4) Bảo Kiếm Quán Tự Tại (Bảo Kiếm Thủ)



5) Kim Cương Quán Tự Tại (Bạt Chiết La Thủ)



6) Trì Xử Quán Tự Tại (Kim Cương Xử Thủ)



7) Trừ Bố Quán Tự Tại (Thí Vô Úy Thủ)



8) Nhật Tinh Quán Tự Tại (Nhật Tinh Ma Ni Thủ)



9) Nguyệt Tinh Quán Tự Tại (Nguyệt Tinh Ma Ni Thủ)



10) Trì Cung Quán Tự Tại (Bảo Cung Thủ)



11) Tốc Trực Quán Tự Tại (Bảo Tiễn Thủ)



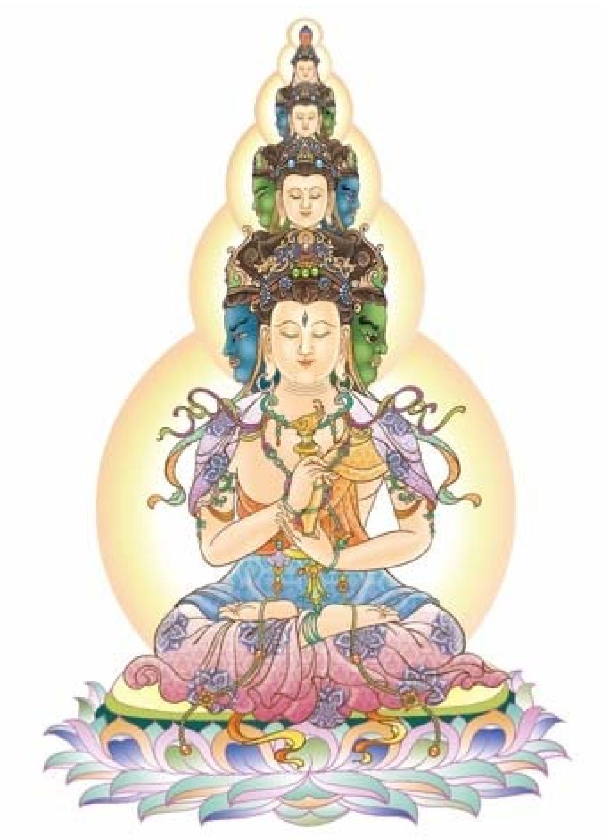
12) Dược Vương Quán Tự Tại (Dương Liễu Thủ)



13) Phất Nạn Quán Tự Tại (Bạch Phất Thủ)



14) Trì Bình Quán Tự Tại (Hồ Bình Thủ)



15) Hiện Nộ Quán Tự Tại (Bàng Bài Thủ)



16) Trấn Nạn Quán Tự Tại (Phủ Việt Thủ)



17) Trì Hoàn Quán Tự Tại (Ngọc Hoàn Thủ)



18) Phân Diệp Quán Tự Tại (Bạch Liên Hoa Thủ)



19) Kiến Phật Quán Tự Tại (Thanh Liên Hoa Thủ)



20) Kính Trí Quán Tự Tại (Bảo Kính Thủ)



21) Kiến Liên Quán Tự Tại (Tử Liên Hoa Thủ)



22) Kiến An Quán Tự Tại (Bảo Khiếp Thủ)



23) Tiên Vân Quán Tự Tại (Ngũ Sắc Vân Thủ)



24) Thiền Định Quán Tự Tại (Quân Trì Bình Thủ)



25) Thiên Hoa Quán Tự Tại (Hồng Liên Hoa Thủ)



26) Phá Tặc Quán Tự Tại (Kích Sao Thủ)



27) Niệm Châu Quán Tự Tại (Sổ Châu Thủ)



28) Trì Loa Quán Tự Tại (Bảo Loa Thủ)



29) Phộc Quỷ Quán Tự Tại (Độc Lâu Thủ)



30) Pháp Âm Quán Tự Tại (Bảo Đạc Thủ)



31) Trí Ấn Quán Tự Tại (Bảo Ấn Thủ)



32) Câu Triệu Quán Tự Tại (Thiết Câu Thủ)



33) Từ Trượng Quán Tự Tại (Tích Trượng Thủ)



34) Hiện Kính Quán Tự Tại (Hợp Chưởng Thủ)



35) Bất Ly Quán Tự Tại (Hóa Phật Thủ)



36) Đại Thế Quán Tự Tại (Hoá Cung Điện Thủ)



37) Bát Nhã Quán Tự Tại (Bảo Kinh Thủ)



38) Bất Chuyển Quán Tự Tại (Bảo Luân Thủ)



39) Quán Đỉnh Quán Tự Tại (Đỉnh Thượng Hóa Phật Thủ)



40) Hộ Địa Quán Tự Tại (Bồ Đào Thủ)



TÔN TƯỢNG ĐA LA BỒ TÁT

Vào khoảng 150 năm sau Tây Lịch, do duy trì ý tưởng Mẫu quyền nên tín ngưỡng về Nữ Thần Tính đã được du nhập vào giáo điển Phật Giáo Ấn Độ nhằm thỏa mãn cho ước vọng của con người. Trong giai đoạn này, một số giáo đồ Phật Giáo Ấn Độ chuyên xưng tán thờ phụng Đấng Cứu Thế Mẫu (Tārāyati) là bà mẹ chuyên giúp đỡ cho con người vượt qua các ách nạn sợ hãi, chấp nhận mọi ước nguyện và dắt dìu từng người vượt qua bờ bên kia. Đồng thời xuất hiện các Kinh Bản rất được ca ngợi và sùng bái là:

1_ **Đa La Bồ Tát 108 Danh Tán** (Ārya Tārā-Bhaṭṭārikā-Nāmâṣṭôttaraśataka – stotra).

2_ **Cứu độ Phật Mẫu 21 lễ tán** (Bhagavaty-Ārya-Tārā-Devyā Namaskārâika-Viṃśati sotraṃ guṇa – hita – sahitaṃ).

3_ **Thánh Đa La Trì Quan** (Cái mão) **Tán** (Ārya-Tārā-srag-dharā – sotrra).

4_ **Thánh Đa La Cứu Độ Bát Nạn Kinh** (Ārya-Tārā- Aṣṭa-ghora-Tārāṇi – Sùtra).

Dân gian thường ví Ngài như chiếc thuyền cứu vớt người vượt biển lớn sinh tử đi đến bờ bên kia được tự tại nên xưng Tôn này là **Đa La Nễ Vĩ** (Tārā-devī: Đa La Thiên Nữ) và hay gọi tắt là **Tārā**.

Sau này, do sự nhân cách hóa Trí Tuệ siêu việt nên Đa La Tôn được xem là nguyên lý Âm của **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Mañjuśrī-Bodhisatva) và biểu tượng cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtyāmuṣṭhāna-jñāna: Trí Tuệ chuyển mọi hành động của thế gian thành trạng thái giải thoát). Như thế, Tôn này thường song hành với Bồ Tát Văn Thù trong mọi công tác hóa độ chúng sinh.

Từ Ấn Độ, Tín ngưỡng **Tārā** lan rộng đến nhiều nơi trên Thế Giới như: Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Indonesia, Chiêm Thành, Cam Bốt, Thái Lan... và lưu lại rất nhiều Tôn Tượng

Hiện nay nhân dân Ấn Độ hiện đại thì đồng hóa Đa La Tôn với Mẹ Vũ Trụ và sùng kính Ngài qua ảnh tượng Phật Mẫu Śākti.

_Theo truyền thống Hoa Văn thì Đa La Tôn được xưng là: Đa La Bồ Tát, Đa Lợi Bồ Tát, Đa Lệ Bồ Tát, Đa Lợi Tôn, **Đạt Ma Đa La** (Dharma Tārā: Pháp Cứu Tôn), **Thánh Đa La Bồ Tát** (Ārya Tārā-bodhisatva) và xưng là **Thánh Cứu Độ Phật Mẫu** (Ārya-Tārā-buddha-mātā).

Hiện đồ **Thai Tạng Giới Man Đà La** (Garbha-dhātu maṇḍala) ghi nhận rằng: Đa La Tôn có vị trí ở hàng thứ nhất, phương bên phải (phương Tây) của Quán Tự Tại trung Quán Âm viện. Do Tôn này chủ về hai Đức: **Đại Bi** (Mahā Kāruṇa) và **Hàng Phục** (Abhicāruka) nên được xem là **Phật Mẫu** (Buddha-mātṛ) của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) và được tôn xưng là Đa La Phật Mẫu.

Ngoài ra trong Quán Âm viện còn ghi nhận thêm 04 vị Đa La Bồ Tát tu trì thành tựu pháp Quán Âm là:

1_ **Thanh Cảnh Quán Âm** (Nīlakaṇṭhī) đại chú của tôn này được truyền tụng là Đại Bi Tâm Đà La Ni (Mahā-kāruṇika-citta-dhāraṇī)

2_ **A Ma Tai Quán Âm** (Avaṭai: Nguồn hạnh phúc)

3_ **Hương Vương Quán Âm** (Gandha-rāja)

4_ **Thủy Nguyệt Quán Âm** (Udaka-candra)

Kinh **Bất Không Quyến Sách (28)** ghi là: "*Đa La Bồ Tát cũng gọi là **Thấp Phế Đa*** (Śveta) *tức Bạch Thân Quán Thế Âm Bồ Tát và cũng gọi là **Tỳ Câu Đê Quán Thế Âm Bồ Tát*** (Bhṛkuṭi: Phẫn Nộ Mẫu)".

Kinh **Đại Phương Quảng Man Thù Thất Lợi, phẩm Quán Tự Tại Bồ Tát** ghi là: *"Quán Tự Tại Bồ Tát nhập vào Tam Muội **Phổ Quang Minh Đa La**, dùng sức Tam Muội nên từ con mắt phóng ra ánh sáng lớn và Đa La Bồ Tát liền nương theo ánh sáng đó mà sinh ra. Ánh hào quang của Đa La Bồ Tát chiếu soi tất cả chúng sinh giống như lòng thương xót của người mẹ hiền nhằm cứu độ chúng sinh xa lìa biển khổ sinh tử"*.

Do ý nghĩa này mà Tàrà được dịch là con mắt, con ngươi hay **Mục Quang** (Tārā-jvala). Lại nữa, lúc chư Phật Bồ Tát mở mắt thì gọi là Mắt hoa sen xanh từ bi nên Tôn này được xem là thân sở biến của **Hoa sen xanh** (Nīlapadma, hay Utpāla) và có danh hiệu là ***Phật Thanh Liên Từ Bi Nhãn*** (Buddha-nīla-padma-maitra-kāruṇa-netre). Từ đó Tārā còn được dịch là **Diệu Mục** (Sunetre: Con mắt màu nhiệm).

Kinh **Bất Không Quyến Sách (Hạ)** ghi là: *"Đa La Thiên Nữ Mục Ngôn Đồng Tử"*

Kinh **Tô Ma Hô (Hạ)** cũng ghi là: "*Đa La là Diệu Mục Tinh"*

Ngoài ra Mật Giáo còn xưng tán Đa La qua danh xưng **Bạch Cứu Độ Phật Mẫu** tức vị Phật Mẫu có thân màu trắng tinh chuyên cứu tế thế gian.

Theo Thầy truyền thì dùng Đại Từ Bi của chư Phật Bồ Tát mà nhiếp Quán Âm, nên các bậc Đại Bi của Quan Âm đều là Đa La Bồ Tát như trong Đại Bản có ghi: *"500 Đa La Tôn đều sinh ra từ mắt của Quán Âm nên là Tam Muội Tỷ Muội (Chị Em gái) của Đức **Phật A Di Đà** (Amitābha-buddha)"*.

Theo nghĩa rộng thì TA (𑖝) có nghĩa là Thể Như Như, vì bên cạnh có ký hiệu hiển thị cho chữ A (𑖀) mà thành TÀ (𑖝𑖯) tức là Hạnh của Như Như

Chữ RA (𑖨) có nghĩa là Trần (bụi bặm) mà sáu Trần hiển thị cho biển lớn sinh tử tức là nơi mà hết thảy chúng sinh bị chìm đắm không thấy bến bờ. Do bên cạnh có ký hiệu chữ A (𑖀: có nghĩ là xưa nay vốn chẳng sinh) nên RÀ (𑖨𑖯) tức là Thật tướng của sáu Trần.

Do đó, TĀRĀ là quán LÝ TÍNH của Như Như, cho nên tấ cả các Trần đều được biết Như Thật, từ đấy vượt qua biển lớn sinh tử đi đến bờ giải thoát bên kia. Chính vì thế mà TĀRĀ được dịch ý là Cứu Độ hay Cực Độ và mọi người thường xưng tán Ngài qua câu "***Namo Ārya Tārā Jvala Bodhisatvāya mahā-satvāya"*** (Quy mệnh Thánh Mục Quang Bồ Tát Ma Ha Tát).

Riêng Mật Giáo Nhật Bản với nhân gian Trung Hoa, Đại Hàn thường xưng tụng Đa La Tôn là một trong 33 vị Quán Âm và sùng bái rộng rãi.

_Theo truyền thống Tây Tạng, vào vô lượng kiếp trước có thế giới tên là Tụ Quang, khi ấy có Đức Phật ra đời hiệu là **Cổ Âm Như Lai** (Duṇḍbhi-svara Tathāgata). Bấy giờ có cô công chúa tên là **Bát Nhã Nguyệt** (Prajñā-candra) có Tuệ căn, kính lễ Tam Bảo. Sau một quá trình cúng dường các Đệ tử của Đức Phật với các bậc Thượng Tọa, nàng Bát Nhã Nguyệt phát thệ nguyện rằng: ***"Từ thế giới này cho đến khi thế giới tận, hư không giới tận. Tôi dùng thân nữ để độ chúng sinh".*** Sau khi phát nguyện xong, Bát Nhã Nguyệt liền ngồi quán sáu căn cho đến lúc được Tâm khai, chứng nhập Vô Sinh Pháp Nhẫn thành Phật Mẫu độ tất cả Hữu Tình. Đây chính là tiền thân của Độ Mẫu Tārā.

Theo truyền thống khác, trong khi quán sát để cứu độ các chúng sinh đang trầm luân nơi sáu nẻo luân hồi, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát chợt xúc động khóc thương cho chúng Hữu Tình nên giọt nước mắt rơi ra từ mắt phải biến thành **Bạch Độ Mẫu** (Sgrol

– Ma dhar - Po) còn giọt nước mắt rơi ra từ mắt trái biến thành **Lục Độ Mẫu** (Sgrol – Ma Ljan - Khu) chuyên cứu khổ độ sinh cho chúng sinh. Do vậy, các vị đạo sư Mật Giáo Tây Tạng cho rằng Đa La Tôn là thân hóa hiện của Quán Thế Âm Bồ Tát nên xung là Đa La Tôn Quán Âm hay Đa La Quán Âm. Và lưu truyền pháp của 21 Độ Mẫu tượng trưng cho 21 hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, gồm có:



1) Lục Cứu Độ Mẫu:



2) Cứu Tai Nạn Độ Mẫu:



3) Cứu Địa Tai Độ Mẫu



4) Cứu Thủy Tai Độ Mẫu:



5) Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu:



6) Cứu Phong Tai Độ Mẫu:



7) Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu:



8) Cứu Thiên Tai Độ Mẫu:



9) Cứu Binh Tai Độ Mẫu:



10) Cứu Đạo Nạn Độ Mẫu:



11) Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu:



12) Tăng Uy Quyền Độ Mẫu:



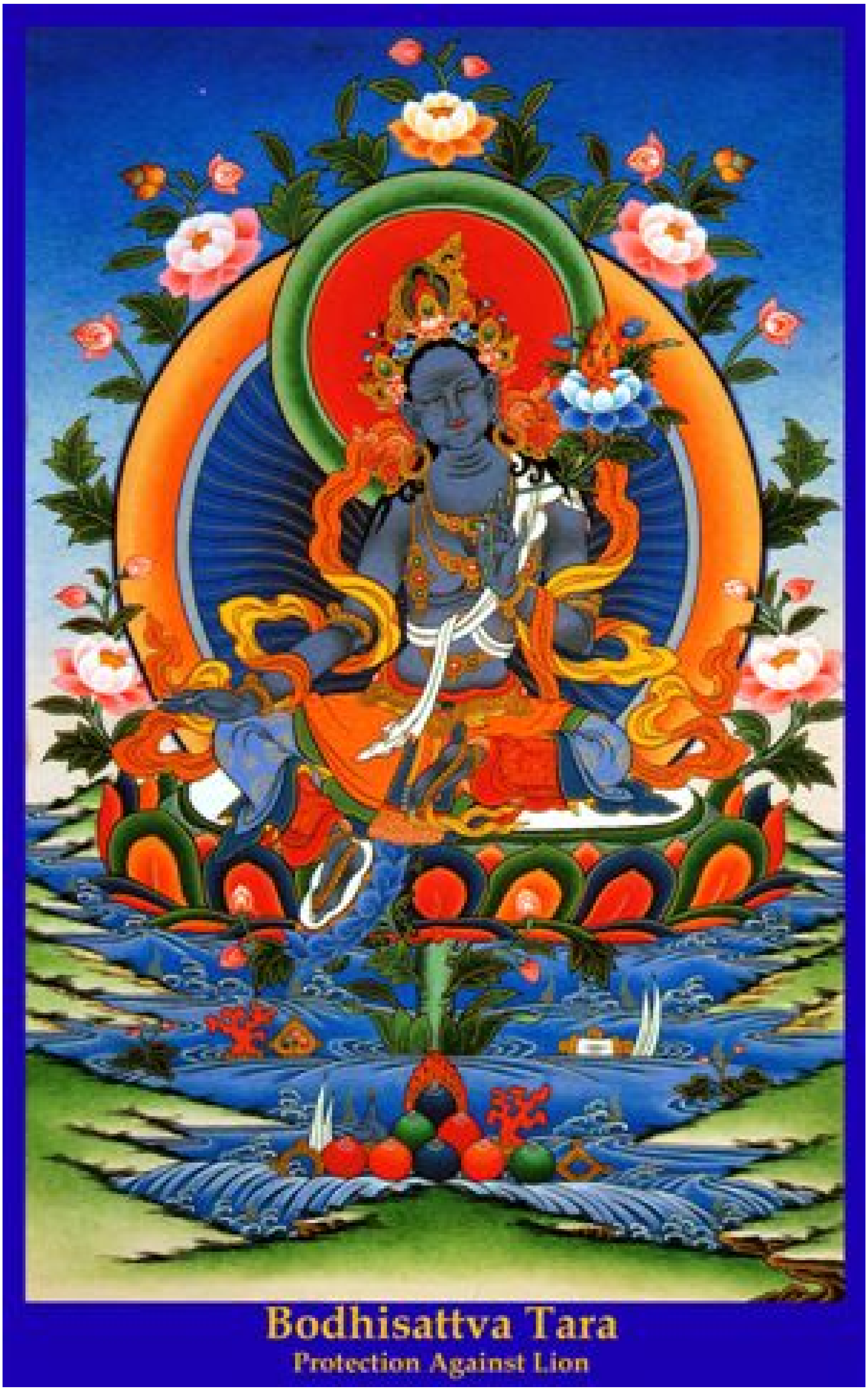
13) Cứu Ma Nạn Độ Mẫu:



14) Cứu Súc Nạn Độ Mẫu:



15) Cứu Thú Nạn Độ Mẫu:



16) Cứu Độc Nạn Độ Mẫu:



17) Phục Ma Độ Mẫu:



18) Dược Vương Độ Mẫu:



19) Trường Thọ Độ Mẫu:



20) Bảo Nguyên (Nguồn Báu) **Độ Mẫu:**



21) Như Ý Độ Mẫu:



Trong 21 Độ Mẫu (Sgrol – Ma) thì Đa La Tôn hiện tướng Thiếu nữ, toàn thân màu xanh lục nên được xưng là Lục Độ Mẫu.

Ngoài ra, các vị Lạt Ma Tây Tạng còn truyền dạy cách tu 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu của Ấn Độ là:

1_ **Cứu Độ Tốc Dũng Mẫu** (Tāre Ture vīre): có 08 tay, thân hình màu đỏ, ngồi kiết già trên tòa sen.



2_ **Bách Thu Lãng Nguyệt Mẫu** (Śata-śarac-candra): có 12 tay, thân hình màu trắng, đứng trên tòa sen.



3_ **Tử Ma Kim Sắc Mẫu** (Kanaka-Nīlâbja): có 10 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.



4_ **Như Lai Đỉnh Kế Mẫu** (Tathāgatôṣṇīṣa): có 04 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.



5_ **Đát La Hồng Tự Mẫu** (Tuttāra-Hūṃ-Kāra): có 02 tay, thân hình màu vàng ròng, ngồi kiết già trên tòa sen.



6_ **Thích Phạm Hỏa Thiên Mẫu** (Śakrânala-Brahma): có 04 tay, thân hình màu đỏ, ngồi kiết già trên tòa sen.



7_ **Đặc La Đê Phát Mẫu** (Traḍiti phaṭ-Kāra): có 04 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.



8_ **Đô Lị Đại Khẩn Mẫu** (Ture Mahā-Ghore): có 04 tay, thân hình màu hồng, ngồi theo thế Du Hý trên lưng rồng trên tòa sen.



9_ **Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu** (Tri-Ratna- Mudrânka): có 04 tay, thân hình màu hồng, ngồi kiết già trên tòa sen.



10_ **Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu** (Pramuditâtopa): có 04 tay, thân hình màu hồng, đứng trên hoa sen.



11_ **Thủ Hộ Chúng Địa Mẫu** (Samanta–bhū–pāla): có 02 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.



12_ **Đỉnh Quan Nguyệt Tướng Mẫu** (Śikhaṇḍa– khaṇḍêndu): có 08 tay, thân hình màu vàng ròng, ngồi kiết già trên tòa sen.



13_ **Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu** (Kalpânta-hutabhug): có 04 tay, thân hình màu đỏ, đứng trên tòa sen.



14_ **Thủ Án Đại Địa Mẫu** (Kara-Talâghāta): có 03 đầu 06 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.



15_ **An Ẩn Nhu Thiện Mẫu** (Śive-śubhe-śānte): có 06 tay, thân hình màu trắng, ngồi kiết già trên tòa sen.



16_ **Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu** (Pramuditābandha): có 02 tay, thân hình màu trắng, ngồi kiết già trên tòa sen.



17_ **Đô Lị Ba Đế Mẫu** (Ture padâghāta): có 02 tay, thân hình màu vàng, ngồi chéo chân trên tòa sen.



18_ **Tát La Thiên Hải Mẫu** (Sura–sarâkāra): có 04 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.



19_ **Chư Thiên Tập Hội Mẫu** (Sura–gaṇâdhyakṣa): có 02 tay, thân hình màu vàng ròng, ngồi kiết già trên tòa sen.



20_ **Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu** (Candrârkâ – saṃpūrṇa)có 02 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.



21_ **Cụ Tam Chân Thật Mẫu** (Tri–Tattva–vinyāsa): có 02 tay, thân hình màu xanh, ngồi trên lưng con trâu trên hoa sen.



Từ 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu nói trên, các vị Lạt Ma Tây Tạng đã ghi nhận thành 21 hóa thân của Đa La Tôn là:

1_ Pravīra- Tārā (Thắng Dũng Đa La).



2_ Candra-kānti-Tārā (Thu Nguyệt Đa La).



3_ Kanaka- varṇa-Tārā (Kim Sắc Đa La).



4_ Uṣṇīṣa-vijaya- Tārā (Tối Thắng Đỉnh Đa La).



5_ Hūṃ- sarva-nādinī-Tārā (Hồng Nhất Thiết Âm Thanh Đa La).



6_ Trailokya-vijaya-Tārā (Thắng Tam Thế Đa La).



7_ Vādi-Pramardaka-Tārā (Tồi Hoại Tranh Luận Đa La).



8_ Māra-sudanā-vasita-uttama-da-Tārā (Tội Hoại Ma Chướng Cập Thí Thắng Thượng Lực Đa La).



9_ Varada-Tārā (Dữ Nguyện Đa La).



10_ Śoka-vina-udana- Tārā (Diệt Tận Phiền Não Đa La).



11_ Jagad-vaśi-vipan-nirbarhaṇa-Tārā (Câu Triệu Hữu Tình Diệt Tận Ác Vận Đa La).



12_ Kalyāna-da-Tārā (Thí Cát Khánh Đa La).



13_ Paripācaka-Tārā (Thục Quả Đa La).



14_ Bhṛkuṭī-Tārā (Phẫn Nộ Đa La).



15_ Mahā-śānti-Tārā (Đại Tịch Tĩnh Đa La).



16_ Rāga-niṣūdana-Tārā (Tồi Phá Tham Ái Đa La).



17_ Sukha-sādhana-Tārā (Hỷ Lạc Thành Tựu Đa La).



18_ Vijaya-Tārā (Tối Thắng Đa La).



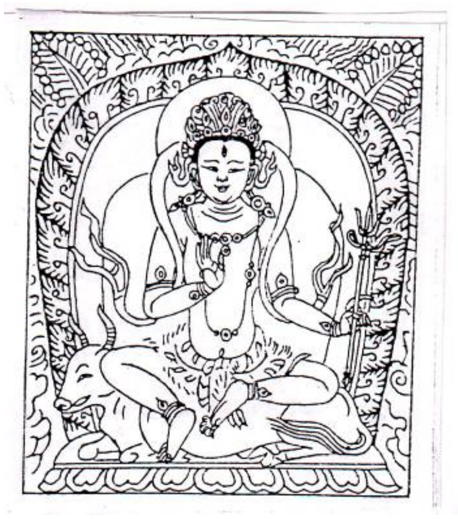
19_ Duḥkha-dahana-Tārā (Tiêu Tận Khổ Não Đa La).



20_ Siddhi-saṃbhava-Tārā (Thành Tựu Sinh Đa La).



21_ Paripūrṇa-Tārā (Thắng Mãn Đa La).



Ngoài 21 Tôn này, các vị Đạo Sư Tây Tạng còn ghi nhận thêm danh hiệu **Khadira-Vaṇi-Tārā** (Khadira Thọ Lâm Đa La tức vị Tārā của rừng cây Khadira) là thân chính của Lục Đa La, Ngài có thể đổi màu và thay thế cho vai trò của Dữ Nguyện Đa La



Riêng Giáo đồ Phật Giáo Tây Tạng đồng hóa Đa La Tôn với **Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Tự Tại Bồ Tát** nên xưng tán thờ phụng Ngài qua danh hiệu Đa La Quán Tự Tại Bồ Tát.

Maṇḍala Ngũ Trí Như Lai của Mật Giáo Tây Tạng ghi nhận rằng: Đa La Tôn chính là Cứu Độ Phật Mẫu hiển thị cho Thành Sở Tác Trí của **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata). Trí này nhằm kiện toàn sứ mệnh của chư vị Bồ Tát là thực hiện sự chứng ngộ hoàn toàn, chuyển năm Thức Thân thành phương tiện thiện xảo, chuyển nghiệp thành duyên, chuyển ý niệm tư tưởng thành sự sáng tác sống động, chuyển khổ hạnh thành quả giải thoát. Biểu tượng của Trí này là ánh hào quang màu xanh lục huyền bí được kết tinh qua màu xanh Pháp Tính vũ trụ với màu vàng Từ Bi bình đẳng nhằm nuôi dưỡng xác thân và làm lắng dịu tâm hồn cho mọi chúng sinh đang chìm trong biển khổ đau. Đây cũng chính là **năng lực gia trì** (Adhiṣṭhana) của chư Phật Bồ Tát phù hộ cho những chúng sinh có niềm tin chân thật vượt thoát mọi tai nạn khổ đau. Do ý nghĩa này mà Tàrà được tôn xưng bằng danh hiệu **Pháp Cứu Tôn** (Dharma-Tārā).

Mật Giáo Tây Tạng thường minh họa năm vị Tārā biểu thị cho những phương tiện khác nhau tương ứng với năm vị **Thiền Phật** (Dhyāna-buddha) ở năm phương là:

_ **Bạch Đa La** (Sīta-Tārā) ở phương trung ương: biểu thị cho Trí Tuệ siêu việt, tinh thần vô nhiễm, phương tiện của giải thoát.

_ **Lam Đa La** (Ekajaṭa:Nhất Kế, hay Ugra-Tārā:Uy mãnh Đa La) ở phương Đông: biểu thị cho tinh thần sung mãn, tâm tỉnh thức

_ **Hoàng Đa La** (Bhṛkuṭi:Tỳ Câu Chi) ở phương Nam: biểu thị cho tinh thần thuần khiết, giác ngộ tâm linh.

_ **Xích Đa La** (Kurukulla) ở phương Tây: biểu thị cho sức mạnh tình yêu từ Tārā nguyên thủy, tinh thần phấn chấn, đời sống khổ hạnh.

_**Thanh Đa La** (Syama-Tārā) ở phương Bắc là Tārā nguyên thủy: biểu thị cho tính sẵn sàng cứu khổ phò nguy, chuyển 5 giác quan thành phương tiện thiện xảo, chuyển khổ hạnh thành giải thoát.

_Ngoài ra Tạng Truyền Phật Giáo còn ghi nhận 5 hình thức của Tārā trong Thanhka của Tây Tạng ở Thế Kỷ 18 là: Trung tâm là Tārā màu xanh có 8 cánh tay cầm Pháp Khí, bốn góc là bốn vị Tārā màu xanh dương, màu đỏ, màu trắng và màu vàng

Trong năm vị Tārā này thì nhân dân Tây Tạng thường phụng thờ 2 vị **Bạch Tārā** và **Thanh Tārā**

Do tín ngưỡng Tārā phát triển rất mạnh trên đất nước Tây Tạng nên nhân dân Tây Tạng đã xưng tán hai vị Thứ phi của Nhà vua **Khí Tông Lộng Tán** (Srong – Tsan - Gampo) là: **Văn Thành công chúa** (con vua Đường Thái Tôn) là Bạch Đa La Bồ Tát và công chúa Xứ Nê Pan (Nepal) **Ba Li Khổ Cơ** (Bhṛkuṭi) là Lục Đa La Bồ Tát.



Tại Việt Nam, tín ngưỡng Tārā phát triển rất chậm, hầu hết Giáo đồ Phật Giáo Việt Nam chỉ mường tượng Tàrà dưới hình bóng Đức Quán Thế Âm qua câu chú: ***"Án, đa lị , đa lị, đốt đa lị, đốt đốt đa lị, đốt lị, ta bà ha"*** được ghi nhận trong nghi thức tụng niệm kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Phổ Môn.

Thời gian gần đây, Việt Nam mới ghi nhận được pháp tu Tārā qua **Đa Lợi Tâm Kinh** do Sa Môn **Trí Thông** truyền thụ, Pháp **"Tu Trì Thánh Cứu Độ Phật Mẫu"** do Kim Cương Thượng Sư Tây Khang **NẶC NA** Hô Đồ Khắc Đồ truyền thụ và đặc biệt là các nghi quỹ Tārā do các vị Lama Tây Tạng sang Việt Nam truyền thụ

Tại Âu Mỹ, tín ngưỡng Tārā tuy mới phát triển nhưng lan tỏa rất nhanh, nhiều nhà nghiên cứu Âu Mỹ đã tìm hiểu và ghi chép rất kỹ các kinh điển liên quan đến Tārā.

Tóm lại, hệ thống tín ngưỡng Đa La Bồ Tát phát triển rất mạnh ở Ấn Độ, Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn...... và mọi hệ thống Mật Giáo đều

xem Đa La Tôn là biểu tượng về năng lực Đại Bi "Ban Vui, Cứu Khổ" của chư Phật Bồ Tát nên thường xưng tán Ngài qua bài kệ trong Kinh **"Quán Tự Tại Bồ Tát Thụ Ký"** là:

Đấng Đại Bi Đa La
Từ Bi của tất cả
Trời, Người với Dạ Xoa
Đều là con của Ngài
Nên hiệu Thế Gian Mẫu
Và cho xuất Thế Gian.
Quán Âm, Đại Thế Chí
Kim Cương với Thiện Tài
Văn Thù, Tu Bồ Đề
Từ Thị với Hương Tượng
Nguyệt Quang, Vô Tận Ý
Vô Cấu, Hư Không Tạng
Diệu Nhãn với Đại Bi
Duy Ma, Đẳng Bồ Tát
Là con của Đa La
Các Như Lai ba đời
Tất cả Ma Ha Tát
Không ai không là con.
Đều xưng là MẸ TA
Nuôi dưỡng các Hữu Tình
Ôm nâng như Đại Địa



108 HÌNH THỨC CỦA QUÁN TỰ TẠI

Anh Văn: JAMPA-NAMGYAL trích từ **Benoytosh Bhattaryya, THE INDIAN BUDDHIST ICONOGRAPHY** (1958)
Việt dịch: HUYỀN THANH

1_ Hayagrīva-Lokeśvara (Mã Đầu-Thế Tự Tại)



2_ Mojaghāñjabala-Lokeśvara



3_ Hālāhala-Lokeśvara (Tửu Tinh Vũ Khí-Thế Tự Tại)



4_ Hariharihari-vāhana-Lokeśvara



5_ Māyājālakrama-Lokeśvara (Huyễn Hoá Võng Phương Pháp_Thế Tự Tại)



6_ Ṣaḍakṣarī-Lokeśvara (Lục Tự-Thế Tự Tại)



7_ Ānandādi-Lokeśvara (Hoan Hỷ Thí-Thế Tự Tại)



8_ Vaśyadhikāra-Lokeśvara (Hiện Tác Kính Ái-Thế tự Tại)



9_ Potapāda-Lokeśvara (Ly Túc-Thế Tự Tại)



_ Kamaṇḍalu-Lokeśvara (Tịnh Bình-Thế Tự Tại)



11_ Varadāyaka-Lokeśvara (Dữ Nguyện-Thế Tự Tại)



12_ Jaṭāmukuṭa-Lokeśvara (Kế Phát Mão-Thế Tự Tại)



13_ Sukhāvatī-Lokeśvara (Cực Lạc-Thế Tự Tại)



14_ Pretasantarpaṇa-Lokeśvara (Ngạ Quỷ Hữu Du Hý_Thế Tự Tại)



15_ Māyājālakramakrodha-Lokeśvara (Huyễn Hoá Võng Phương Kế Phẫn Nộ-Thế Tự Tại)



16_ Sugatisandarśana-Lokeśvara (Thiện Thú Đắc Kiến-Thế Tự Tại)



17_ Nīlakaṇṭha-Lokeśvara (Thanh Cảnh-Thế Tự Tại)



18_ Lokanātha-raktāryāvalokiteśvara (Thế Tôn Xích Châu Thánh Quán Tự Tại)



19_ Trilokasandarśana-Lokeśvara (Tam Thế Đắc Kiến-Thế Tự Tại)



20_ Siṃhanātha-Lokeśvara (Sư Tử Tôn-Thế Tự Tại)



21_ Khasarpaṇa-Lokeśvara (Cáp Lị-Thế Tự Tại)



22_ Maṇipadma-Lokeśvara (Như Ý Bảo Liên Hoa-Thế Tự Tại)



23_ Vajradharma-Lokeśvara (Kim Cương Pháp-Thế Tự Tại)



24_ Pupala (?)-Lokeśvara



25_ Utnauti (?)-Lokeśvara



26_ Vṛṣṇācana-Lokeśvara (Thọ Lâm_Thế Tự Tại)



27_ Brahmadaṇḍa-Lokeśvara (Phạm Trượng-Thế Tự Tại)



28_ Acāta-Lokeśvara



29_ Mahāvajrasattva-Lokeśvara (Đại Kim Cương Tát Đoả-Thế Tự Tại)



30_ Viśvahana-Lokeśvara (Xảo Diệu Đoạn_Thế Tự Tại)



31_ Śākyabuddha-Lokeśvara (Năng Nhân Giác-Thế Tự Tại)



32_ Sāntāsi_ Lokeśvara



33_ Yamadaṇḍa- Lokeśvara (Diêm Ma Trượng-Thế Tự Tại)



34_ Vajroṣṇīṣa- Lokeśvara (Kim Cương Đỉnh-Thế Tự Tại)



35_ Vajrahuntika- Lokeśvara



36_ Jñānadhātu- Lokeśvara (Trí Giới-Thế Tự Tại)



37_ Karaṇḍavyūha- Lokeśvara (Bảo Trang Nghiêm-Thế Tự Tại)



38_ Sarva-nivaraṇa-viskambhī- Lokeśvara (Trừ Nhất Thiết Cái Chướng-Thế Tự Tại)



39_ Sarva-śokatamo-nirghāta- Lokeśvara (Trừ Nhất Thiết Ưu Ám-Thế Tự Tại)



40_ Pratibhānaka-kūṭa- Lokeśvara (Biện Tích-Thế Tự Tại)



41_ Amṛtaprabha- Lokeśvara (Cam Lộ Quang-Thế Tự Tại)



42_ Jālinīprabha- Lokeśvara (Võng Quang-Thế Tự Tại)



43_ Candraprabha- Lokeśvara (Nguyệt Quang-Thế Tự Tại)



44_ Avalokita- Lokeśvara (Quán Chiếu-Thế Tự Tại)



45_ Vajragarbha- Lokeśvara (Kim Cương Tạng-Thế Tự Tại)



46_ Sāgara-mati- Lokeśvara (Hải Tuệ-Thế Tự Tại)



47_ Ratnapāṇi- Lokeśvara (Bảo Thủ-Thế Tự Tại)



48_ Gagana-gañja- Lokeśvara (Hư Không Khố-Thế Tự Tại)



49_ Ākāśagarbha- Lokeśvara (Hư Không Tạng-Thế Tự Tại)



50_ Kṣitigarbha- Lokeśvara (Địa Tạng-Thế Tự Tại)



51_ Akṣayamati- Lokeśvara (Vô Tận Tuệ-Thế Tự Tại)



52_ Sṛṣṭikāntā- Lokeśvara



53_ Samantabhadra- Lokeśvara (Phổ Hiền-Thế Tự Tại)



54_ Mahāsahasrabhuja- Lokeśvara (Đại Thiên Tý-Thế Tự Tại)



55_ Mahāratnakīrti- Lokeśvara (Đại Bảo Xưng-Thế Tự Tại)



56_ Mahāśaṅkha-nātha- Lokeśvara (Đại Loa Tôn-Thế Tự Tại)



57_ Mahāsahasra-sūrya- Lokeśvara (Đại Thiên Nhật-Thế Tự Tại)



58_ Mahāratnakula- Lokeśvara (Đại Bảo Bộ-Thế Tự Tại)



59_ Mahāpaṭala- Lokeśvara



60_ Mahāmañjudatta- Lokeśvara (Đại Diệu Phụng Sự_Thế Tự Tại)



61_ Mahācandrabimba- Lokeśvara (Đại Nguyệt Luân-Thế Tự Tại)



62_ Mahāsūryabimba- Lokeśvara (Đại Nhật Luân-Thế Tự Tại)



63_ Mahā-Abhayaphalada- Lokeśvara (Đại Vô Uý Quả-Thế Tự Tại)



64_ Mahā-abhayakarī- Lokeśvara (Đại Vô Uý Tác-Thế Tự Tại)



65_Mahāmañjubhūta- Lokeśvara (Đại Diệu Chân_Thế Tự Tại)



66_ Mahāviśvaśuddha- Lokeśvara (Đại Xảo Diệu Thanh Tịnh-Thế Tự Tại)



67_ Mahāvajradhātu- Lokeśvara (Đại Kim Cương Giới-Thế Tự Tại)



68_ Mahāvajradhṛk- Lokeśvara (Đại Kim Cương Chấp Trì-Thế Tự Tại)



69_ Mahāvajrapāṇi- Lokeśvara (Đại Kim Cương Thủ-Thế Tự Tại)



70_ Mahāvajranātha- Lokeśvara (Đại Kim Cương Tôn-Thế Tự Tại)



71_ Amoghapāśa- Lokeśvara (Bất Không Quyến Sách-Thế Tự Tại)



72_ Devadevatā- Lokeśvara (Thiên Thiên Thần-Thế Tự Tại)



73_ Piṇḍapātra- Lokeśvara (Bình Bát-Thế Tự Tại)



74_ Sārthavāha- Lokeśvara



75_ Ratnadala- Lokeśvara



76_ Viṣṇupāṇi- Lokeśvara (Tỳ Nữu Thủ-Thế Tự Tại)



77_ Kamalacandra- Lokeśvara (Xích Liên Hoa Nguyệt-Thế Tự Tại)



78_ Vajrakhaṇḍa- Lokeśvara



79_ Acalaketu- Lokeśvara (Bất Động Tràng-Thế Tự Tại)



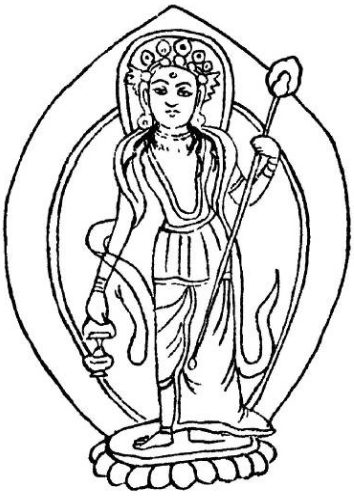
80_Ṣiriṣarā- Lokeśvara



81_ Dharmacakra- Lokeśvara (Pháp Luân-Thế Tự Tại)



82_ Harivāhana- Lokeśvara



83_ Sarasiri- Lokeśvara (Kiên Cố Dũng Mãnh-Thế Tự Tại)



84_ Harihara- Lokeśvara



85_ Siṃhanāda- Lokeśvara (Sư Tử Hống-Thế Tự Tại)



86_ Viśvavajra- Lokeśvara (Xảo Diệu Kim Cương-Thế Tự Tại)



87_ Amitābha- Lokeśvara (Vô Lượng Quang-Thế Tự Tại)



88_ Vajrasattvadhātu- Lokeśvara (Kim Cương Tát Đoả Giới-Thế Tự Tại)



89_ Viśvabhūta- Lokeśvara (Xảo Diệu Chân-Thế Tự Tại)



90_ Dharmadhātu- Lokeśvara (Pháp Giới-Thế Tự Tại)



91_ Vajradhātu- Lokeśvara (Kim Cương Giới-Thế Tự Tại)



92_ Śākya-buddha- Lokeśvara (Thích Ca Phật-Thế Tự Tại)



93_ Cittadhātu- Lokeśvara (Tâm Giới-Thế Tự Tại)



94_ Cintāmaṇi- Lokeśvara (Như Ý Ma Ni-Thế Tự Tại)



95_ Śāntamati- Lokeśvara (Tịch Tĩnh Tuệ-Thế Tự Tại)



96_ Mañjunātha- Lokeśvara (Diệu Tôn-Thế Tự Tại)



97_ Viṣṇucakra- Lokeśvara (Tỳ Nữu Luân-Thế Tự Tại)



98_ Kṛtāñjali- Lokeśvara (Tác Hợp Chưởng-Thế Tự Tại)



99_ Viṣṇukāntā- Lokeśvara



100_ Vajrasṛṣṭa- Lokeśvara (Kim Cương Tính Chất-Thế Tự Tại)



101_ Śañkhanātha- Lokeśvara (Loa Tôn-Thế Tự Tại)



102_ Vidyāpati- Lokeśvara (Minh Chủ Thế Tự Tại)



103_ Nityanātha- Lokeśvara (Thường Hằng Tôn Thế Tự Tại)



104_ Padmapāṇi- Lokeśvara (Liên Hoa Thủ-Thế Tự Tại)



105_ Vajrapāṇi- Lokeśvara (Kim Cương Thủ-Thế Tự Tại)



106_ Mahāsthāmaprāpta- Lokeśvara (Đắc Đại Thế- Thế Tự Tại)



107_ Vajranātha- Lokeśvara (Kim Cương Tôn-Thế Tự Tại)



108_ Śrīmad-Āryāvalokiteśvara (Cát Tường Hỷ-Thế Tự Tại)



08/01/2010

TIỀN THÂN CỦA QUÁN ÂM BỒ TÁT

1_ **Nhân Địa của Quán Âm Bồ Tát:**

_ Theo sự ghi nhận của ***Kinh Quán Âm Tam Muội*** và ***Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi*** thì Quán Âm Bồ Tát có sức uy thần chẳng thể tư nghị, ở vô lượng kiếp trước đã thành Phật rồi, hiệu là **Chính Pháp Minh Như Lai** (Samyak-dharma-vidya Tathāgata). Nay vì nguyện lực Đại Bi mới thị hiện thân Bồ Tát để cứu khổ chúng sinh.

_ Kinh **Bi Hoa** ghi nhận rằng: "Thuở xa xưa, ở Thế Giới **San Đề Lam** thuộc Đại Kiếp **Thiện Trì** (Sudhāra) có vị vua tên là **Vô Tránh Niệm** (Aranemin), có vị Đại Thần tên là **Bảo Hải** Phạm Chí (**Ratna-sāgara**-brāhmaṇa). Con trai của vị Đại Thần ấy tên là **Bảo Tạng** (Ratna-garbha) sau khi xuất gia, chứng Bồ Đề, hiệu là **Bảo Tạng Như Lai** (Ratna-garbha-tathāgata). Đức Như Lai rộng vì vua Vô Tránh Niệm nói Pháp, nhà vua cúng dường Đức Như Lai với các Thánh Chúng, thời Bảo Hải Phạm Chí khuyên Đức Vua với một ngàn người con của vua phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta). Nhà vua liền phát Tâm Bồ Đề, nguyện cầu cõi nước thanh tịnh. Đức **Bảo Tạng Như Lai** bèn thọ ký cho nhà vua, sau này được thành Phật tên là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) tại Thế Giới **An Lạc** (Sukhavatī) ở phương Tây.

Hai người con của vua **Vô Tránh Niệm** cũng được Đức **Bảo Tạng Như Lai** thọ ký cho: vị thứ nhất tên là **Bất Thuấn** sau này là **Quán Âm Bồ Tát**, vị thứ hai tên là **Ni Ma** sau này là **Đắc Đại Thế Bồ Tát** (tức Đại Thế Chí Bồ Tát) đồng ở Thế Giới **An Lạc** phụ giúp Đức Phật **Vô Lượng Thọ** giáo hoá chúng sinh.

Sau khi Đức Phật Vô Lượng Thọ vào Niết Bàn thì **Quán Âm Bồ Tát** sẽ nối ngôi Phật có hiệu là **Biến Xuất Nhất Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Vương Như Lai**, Thế Giới tên là **Nhất Thiết Trân Bảo Sở Thành Tựu.** Tiếp theo, Đức **Đắc Đại Thế Bồ Tát** sẽ thành Phật có hiệu là **Thiện Trụ Trân Bảo Sơn Vương Như Lai**, Thế Giới tên là **Đại Thế.**"

_ Kinh **Quán Thế Âm Bồ Tát Thọ Ký** cũng ghi nhận là: "**Quán Thế Âm Bồ Tát** sẽ thành Phật tên là **Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai**, Thế Giới tên là **Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm.** Tiếp theo, Đức **Đắc Đại Thế Bồ Tát** sẽ thành Phật tên là **Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương Như Lai**."

2_ **Công Hạnh tu hành và hoá độ của Quán Âm Bồ Tát:**

_ Trong **Kinh Lăng Nghiêm quyển 6** có ghi: "Về vô số kiếp xa xưa, có Đức Phật ra đời hiệu **Quán Âm Như Lai** (Avalokitasvara-tathāgata). Tôi đến trước Đức Phật mà phát Tâm Bồ Đề rộng lớn. Đức Phật dạy tôi ba Pháp **Văn, Tư, Tu** có nghĩa là nghe lời giảng dạy, suy nghĩ kỹ lưỡng về đạo lý và theo đó thực hành để vào **Tam Ma Đề** (Samādhi) tức là nơi vắng vẻ rốt ráo. Đức Phật khen tôi chứng được Pháp môn Viên Thông, liền ngay trong Đại Hội thọ ký cho tôi và ban Hiệu là **Quán Âm** (Avalokitasvara)"

_ **Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh** ghi nhận việc **Quán Tự Tại Bồ Tát** dạy truyền Trí Tuệ Bát Nhã cho ngài **Xá Lợi Phất**

_ Kinh **Phương Đẳng Như Lai Tạng** và **Đại Phương Quảng Như Lai** ghi nhận rằng: "Quán Thế Âm Bồ Tát cùng với Đại Thế Chí Bồ Tát vì lòng Từ Bi, không chịu vào cảnh giới tối thượng của chư Phật, nguyện dấn thân vào con đường phụng sự đem lại lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh"

_ Kinh **Đại Thừa Vô Lượng Bảo Trang Nghiêm** ghi nhận các công hạnh hoá độ sáu nẻo của Quán Thế Âm Bồ Tát

_ Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa**, Phẩm **Phổ Môn** ghi nhận 33 thân ứng hoá của Quán Thế Âm Bồ Tát trong công hạnh *tuỳ Duyên ứng hoá cứu độ chúng sinh*….

Ngoài ra trong các ***Kinh Tạng Mật Giáo*** ghi nhận rất nhiều Đà La Ni, Mật Chú, Thủ Ấn, Nghi Quỹ do Đức Quán Âm Bồ Tát truyền dạy để cứu giúp chúng sinh….



TRÚ XỨ CỦA QUÁN ÂM BỒ TÁT

Tất cả mọi truyền thống đều tin rằng trú xứ của Bồ Tát Quán Âm là đỉnh núi **Bồ Đà Lạc Ca** (Potala), xong ngọn núi đó ở địa phương nào thì có nhiều quan điểm khác nhau.

_ Theo Kinh **A Di Đà** ***quyển thượng***, Kinh **Vô Lượng Thọ** ***quyển thượng*** và Kinh **Quán Thế Âm Thọ Ký** thì Bồ Tát Quán Âm theo hầu cận Đức Phật A Di Đà để phụ giúp Ngài giáo hóa chúng sinh trong Thế giới Cực Lạc. Như vậy trú xứ của Bồ Tát này phải là Tịnh Thổ Cực Lạc ở phương Tây.

_ Theo Kinh **Nhất Thiết Trang Nghiêm Công Đức**, Kinh **Thanh Tịnh Quán Âm Phổ Hiền Đà La Ni** và Kinh **Quán Âm Tam Muội** thì Bồ Tát Quán Âm là vị hầu cận của Đức Phật Thích Ca. Như vậy trú xứ của Bồ Tát này phải là Uế Độ Ta Bà. Và quan điểm này được số đông chấp nhận.

Kinh **Tân Liên Hoa** quyển 68 ghi nhận vị Bồ Tát này trú ngụ ở núi Bổ Đà Lạc nơi biển Nam.

Ngài Huyền Trang tin tưởng rằng đỉnh núi Potala ở miền Nam Ấn.

Phật giáo đồ Tây Tạng tin tưởng rằng tu viện của Đạt Lai Lạt Ma ở L'hasa là Potala vì Đức Đạt Lai Lạt Ma là hóa thân của Bồ Tát Quán Âm.

Nhân dân Trung Hoa thì tin tưởng rằng quần đảo Châu Sơn ngoài khơi Triết Giang gần Ninh Po là núi Phổ Đà và họ thường tổ chức hành hương đến lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm.

Đại đa số tín đồ Phật giáo trên thế giới đều tin tưởng rằng núi Phổ Đà ở ngoài khơi Nam Hải nên họ thường xưng tụng là:

"Nam mô Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát"

hoặc **"Nam mô Nam Hải Viên Thông Giáo Chủ, Đại Từ Đại Bi, Tầm Thanh Cứu Khổ Cứu Nạn, Linh Cảm Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát"**



PHÁP MÔN CỦA QUÁN ÂM BỒ TÁT

Hệ phái **Đại Thừa** (Mahā-yāna) được phát triển từ ý nguyện tôn sùng **lý tưởng Bồ Tát**, nên danh xưng khởi nguyên của hệ này chính là **Bồ Tát Thừa** (Bodhisatva-yāna), còn những người tu hành không tin tưởng vào **lý tưởng Bồ Tát** thì được gọi là **Tiểu Thừa** (Hīna-yàna) chứ không hề có ý tưởng phân biệt *cao thấp, rộng hẹp*...như một số người đời sau nhận định !...

Do **lý tưởng Bồ Tát** được xây dựng trên nền tảng **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) tức là người tu hành theo Lý Tưởng này phải phát Tâm **Thệ Nguyện Thành Phật** rồi chuyên chú gia công tu tập mọi Công Đức để *hoàn thiện chính mình qua việc giúp ích cho chúng sinh.*

Từ ý nghĩa này mà các bậc Đạo Sư đã nhấn mạnh rằng: "*Hết thảy các chúng sinh đều là ruộng Phước, giúp cho người tu Đạo Bồ Tát thực hiện viên mãn mọi Công Hạnh để mau chóng thực chứng Phật Quả*". Tức là thực hiện một điều rất quan trọng mà ít ai chú ý đến: ***"Nếu ta mong mỏi giúp ích cho người thì chính điều đó lại giúp ích cho ta"***

Hoặc nói theo thời hiện đại là: *"Người ích kỷ khôn ngoan nhất là người biết quên thân mình để giúp đỡ cho mọi chúng sinh"*

Thế nên các vị Đạo Sư Tây Tạng nhận định rằng: *"Tâm Đại Bi là trọng tâm hoạt động giác ngộ của các Bậc Thánh Giải Thoát và Tâm Đại Bi là cội nguồn tinh túy để dẫn dắt chúng sinh tiến đến sự Giác Ngộ Tối Thượng".*

_ Chính vì *Tâm Đại Bi là trọng tâm hoạt động giác ngộ của các Bậc Thánh Giải Thoát* cho nên Đức **Quán Âm Bồ Tát** tuy đã sớm thành Phật, hiệu là **Chính Pháp Minh Như Lai**, nhưng vì muốn tế độ tất cả chúng sinh, cho nên quay ngược thuyền Từ, thị hiện làm thân Bồ Tát, như trong Kinh "**Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**" nói rằng: "*Quán Thế Âm Bồ Tát có sức uy thần chẳng thể nghĩ bàn, trong quá khứ vô lượng kiếp về trước, đã thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Do Nguyện Lực Đại Bi là làm an vui cho chúng sinh, cho nên hiện làm Bồ Tát.*"

Trong quá trình *hoá độ chúng sinh*, do căn tính của các chúng sinh không giống nhau, nên **Quán Âm Bồ Tát** đã nương vào Tam Muội **Phổ Hiện Sắc Thân** khởi hiện các **thân ứng hoá** chẳng thể nghĩ bàn, luôn luôn ở trong mười phương Thế Giới làm việc cứu giúp vô biên khiến cho chúng sinh bị khổ nạn được đến chỗ an ổn và trong mát vô hạn. Tức là tuỳ theo nhu cầu riêng của mỗi một chúng sinh, Quán Âm Bồ Tát sẽ thị hiện ra các loại nhân vật tương ứng với nguyện cầu của mỗi một chúng sinh để cứu độ cho họ.

Điều này được gọi là **Phổ Môn Thị Hiện** và cũng là một nét đặc sắc riêng của Quán Âm Bồ Tát và được kinh hoạ rất rõ trong Phẩm **Phổ Môn** của Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa**.

Do công hạnh hiện bày **thân ứng hoá** ở khắp mọi cõi đã khiến cho Quán Âm Bồ Tát thành vị Bồ Tát rất hợp với chúng sinh ở Thế Giới **Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu). Thế nên, Trung Quốc có câu tục ngữ là: "*Nhà nhà A Di Đà, cửa cửa Quán Thế Âm*" chính là khắc họa rất tốt của các loại hiện tượng này.

_ Lại nữa, để nhấn mạnh ý nghĩa "*Tâm Đại Bi là cội nguồn tinh túy để dẫn dắt chúng sinh tiến đến sự Giác Ngộ Tối Thượng"* nên trong Kinh **Hoa Nghiêm**, quyển 68 đã minh hoạ việc ***Quán Tự Tại Bồ Tát vì Thiện Tài Đồng Tử mà tuyên nói Pháp Môn Đại Bi Hạnh Giải Thoát của Bồ Tát*** là:

Khi Quán Tự Tại Bồ Tát nhìn thấy Thiện Tài từ xa đi đến, liền vui mừng nói rằng:

Này Thiện Nam Tử! Ông đến được đây là quá tốt rồi. Ông đã trải qua tư tưởng, chí nguyện nhiếp thọ khắp cả chúng sinh, hay phát khởi Đại Thừa, phát khởi Tâm chính trực chuyên cầu Phật Pháp, phát khởi Tâm Đại Bi sâu nặng cứu giúp chúng sinh, khiến tất cả ***Hạnh màu nhiệm của Phổ Hiền*** *nối tiếp nhau hiện ngay trước mắt, Đại nguyện thâm tâm viên mãn thanh tịnh. Phàm người nào siêng năng thỉnh cầu Phật Pháp đều hay lãnh thọ và gom chứa các loại căn lành, xưa nay chưa bao giờ đầy đủ và hay thuận theo Thiện Tri Thức chẳng trái lời dạy dỗ ấy.*

Này Thiện Tài ! Ông từ ***biển lớn Trí Tuệ Công Đức của Văn Thù Sư Lợi*** *mà sinh ra, Tâm của Ông đã thành thục, lại hay được thế lực lớn của Chư Phật, thu được ánh sáng Tam Muội rộng lớn, chuyên tâm mong cầu Pháp màu nhiệm thâm sâu, thường xuyên yết kiến Chư Phật, sinh khởi Tâm rất vui mừng. Trí Tuệ thanh tịnh của Ông giống như hư không, không chỉ tự chứng minh lại hay vì người khác diễn nói, khiến cho người khác đều hay an trụ trong ánh sáng Trí Tuệ của Như Lai*".

Khi ấy, Thiện Tài Đồng Tử cung kính đỉnh lễ hai bàn chân của Quán Tự Tại Bồ Tát, sau khi nhiễu quanh vô số vòng xong, mới chắp tay lại nói rằng: *"Bạch Thánh Giả! Con đã trải qua việc* ***phát khởi Tâm Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác****, nhưng lại chẳng biết phải tu học Hạnh Bồ Tát như thế nào, tu tập Đạo Bồ Tát ra sao? Con nghe nói Thánh Giả hay khéo dạy bảo chúng sinh, xin Ngài có thể vì con diễn nói".*

Bồ Tát bảo rằng: *"Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Ông đã trải qua, hay phát khởi Tâm Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác !*

Này Thiện Nam Tử! Ta đã trải qua việc thành tựu Pháp Môn Đại Bi Hạnh giải thoát của Bồ Tát.

Này Thiện Nam Tử! Ta hay dùng môn ***Đại Bi Hạnh*** *này, bình đẳng giáo hóa chúng sinh nối tiếp nhau chẳng dứt*

Này Thiện Nam Tử! Ta luôn luôn an trụ môn Đại Bi Hạnh này, lại an trụ ở nơi tất cả Như Lai và hay hiện bày khắp cả ngay trước mặt tất cả chúng sinh. Có khi Ta, hoặc là dùng ***Bố Thí*** *để nhiếp lấy chúng sinh. Hoặc là dùng lời nói yêu thương. Hoặc là dùng hành vi làm lợi ích cho người khác. Hoặc là dùng hành vi hòa chung với công việc của chúng sinh để nhiếp lấy họ. Hoặc là hiện bày các loại lưới ánh sáng trong sạch chẳng thể nghĩ bàn để nhiếp lấy chúng sinh. Hoặc là dùng âm thanh, hoặc là có đủ uy nghi để vì họ nói Pháp. Hoặc là hiện bày Thần Thông biến hóa, khiến họ đều hay thành thục khai ngộ. Hoặc vì họ hóa hiện thân đồng loại, cùng ở chung với họ để thành tựu họ.*

Này Thiện Nam Tử! Bởi vì Ta tu hành môn Đại Bi Hạnh này, nguyện xin cứu giúp chúng sinh, nguyện khiến cho tất cả chúng sinh đều hay xa lìa sợ hãi con đường khó khăn nguy hiểm, xa lìa sợ hãi phiền não, xa lìa sợ hãi mê hoặc, xa lìa sợ hãi bị trói buộc, xa lìa sợ hãi bị giết hạ, xa lìa sợ hãi nghèo túng, xa lìa sợ hãi chẳng thể sinh sống, xa lìa sợ hãi mang tiếng xấu, xa lìa sợ hãi chết chóc, xa lìa nơi sợ hãi trong Đại Chúng, xa lìa sợ hãi đầu thai nẻo ác, xa lìa sợ hãi ám tối, xa lìa sợ hãi dời đổi, xa lìa sợ hãi cùng với quyến thuộc thân yêu biệt ly, xa lìa sợ hãi cùng với oán thù gặp nhau, xa lìa tất cả sợ hãi bức bách sinh lý, xa lìa tất cả sợ hãi bức bách tâm lý, xa lìa sợ hãi lo lắng buồn thương.

Do đó, Ta lại phát Nguyện rằng: ***Phàm có người nào nhớ niệm Ta, tụng xưng tên Ta, hoặc là thấy được thân tướng chúng sinh của Ta, đều hay miễn trừ hết thảy sợ hãi."***

Này Thiện Nam Tử! Ta dùng Pháp Môn phương tiện này, hay khiến cho chúng sinh xa lìa các loại sợ hãi, và dạy bảo họ phát khởi Tâm Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển".

Ngoài ra, để minh chứng cho Pháp Môn **Đại Bi Hạnh Giải Thoát của Bồ Tát** được thực hiện không hề ngưng nghỉ nên trong "**Bi Hoa Kinh**" ghi chép rằng: "*Tương lai, sau khi Đức Phật **A Di Đà** tại Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây nhập Niết Bàn thời **Quán Thế Âm Bồ Tát** sẽ nối tiếp làm Phật tên là **Biến Xuất Nhất Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Như Lai**, Tịnh Thổ của Ngài tên là **Nhất Thiết Trân Bảo Sở Thành Tựu Thế Giới** so với thế giới Cực Lạc hiện tại lại càng trang nghiêm vi diệu hơn, chẳng thể nghĩ bàn".*

Điều cần biết nữa là, với Tâm Đại Bi nhằm giúp cho chúng sinh nắm vững được mọi phương tiện thiện xảo trong khi tu hành **Bồ Đề Hạnh** (Bodhi-caryā), Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã hiển thị uy lực của Tam Muội **Như Huyễn Kim Cương** để tự trang nghiêm mình và tế độ muôn loài Hữu Tình

1) Cứu độ bằng Pháp Như Ý Thắng Thượng:

Nếu người nào lễ bái cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát thì:

_ Cầu con trai liền được con trai có đầy đủ Phước Tuệ

_ Cầu con gái liền được con gái xinh đẹp hiền lành , ai thấy cũng mến yêu

_ Được Phước Đức ngang bằng với Phước Đức lễ bái cúng dường, thọ trì danh tự của 62 ức hằng hà sa Bồ Tát.

2) Cứu độ bằng Pháp Cát Tường Tự Tại:

Nếu người nào trì niệm Danh Hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát thì:

_ Vào lửa, lửa chẳng thể đốt cháy được

_ Bị nước cuốn trôi, liền đến chỗ cạn

_ Đi thuyền giữa Đại Dương tìm châu báu, gặp gió bão đánh dạt vào nước của Quỷ La Sát, thì được thoát nạn La Sát.

_ Sắp bị đánh chém thì dao gậy của kẻ ấy liền gãy nát không phạm vào thân được

_ Nếu bị xiềng xích, gông cùm thì xiềng gông đều tan rã

_ Không bị Quỷ Dạ Xoa, La Sát, Cưu Bàn Trà, Tỳ Xá Già, Phú Đan Na làm hại

_ Đi buôn lạc vào nơi hiểm trở gặp giặc cướp đầy dẫy trong cõi Tam Thiên Đại Thiên thì liền được thoát khỏi và không sợ hãi

3) Cứu độ bằng Pháp Kiên Cố Dũng Mãnh Thù Thắng:

Nếu còn nhiều ái dục, giận hờn, si mê mà trì niệm Hồng Danh Quán Thế Âm thì sẽ hết ái dục, hết giận hờn, hết si mê.

Trong công tác hóa độ Hữu Tình, một phương tiện không thể thiếu được đó là tính Nhẫn Nhục. Vì chúng Hữu Tình thường có nghiệp chướng sâu dầy, ít khi biết lẽ phải. Họ thường thuận theo Bản Ngã, chiều theo dục vọng cá nhân nên rất khó làm cho họ xoay chuyển. Đôi khi vì lợi ích thấp hèn, họ sẵn sàng phản bội lại người ân. Do vậy, người thi hành ***hạnh độ sinh*** cần phải biết kiên nhẫn, cam chịu lao nhọc lâu dài, khéo tùy duyên, thuận theo các chúng sinh cang cường ngang ngược mà uốn nắn họ đi vào nẻo chân chính nghĩa là phải dùng **Đức Tính Nhẫn Nhục** (Kṣānti-guṇa) làm cho viên mãn sự tế độ và đấy chính là sức mạnh kiên cố thù thắng của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nay muốn dứt trừ Tham, Sân Si thì chúng ta cũng phải có sức kiên nhẫn bền bỉ tu trì Giới, Định, Tuệ ắt sẽ dập tắt 3 độc Tham ái, giận hờn, si mê mà chứng quả giải thoát.

4) Cứu độ bằng cách rưới nước Cam Lồ Bất Tử:

Amṛta nghĩa đen là Bất Tử (Không bị chết) và thường dịch là Cam Lộ. Đây là thứ nước rất trong mát và thơm ngọt thường giúp cho người bị khát khô cổ được mát mẻ an lành. Trong Phật Giáo, Cam Lộ tượng trưng cho nguồn an lạc vô biên và hay được ví cho dòng sống an vui tối thượng của các cõi Phật thanh tịnh.

Kinh **Quán Vô Lượng Thọ Phật** có ghi rằng :

*"Nếu người nào tu theo pháp quán tưởng "**Sắc chân thật"** của Quán Thế Âm Bồ Tát thì không gặp các điều tai họa, trừ sạch hết các nghiệp chướng và dứt hết những tội trong đường sinh tử ở vô số kiếp. Một khi thành tựu Pháp Quán này thì người tu tập sẽ không còn thọ sanh ở trong bào thai nữa, lại thường đi dạo chơi khắp các cõi nước thanh tịnh nhiệm màu của chư Phật ở mười phương"*

5) Cứu độ bằng các hiện ra Ứng Thân:

Tuỳ theo căn tính của người tu học, Quán Thế Âm Bồ Tát hiện ra một trong 33 Ứng Thân để giúp cho người ấy mau chóng xa lìa khổ não, giác ngộ được Trí Giác Thanh Tịnh.

Chính các loại công hạnh **Đại Bi** này đã khiến cho rất nhiều người lập chí đi theo Hạnh Bồ Tát, hy vọng nhận được sự cứu giúp của Quán Thế Âm Bồ Tát, siêng năng tinh tiến tu tập các Pháp: *Trì niệm xưng tán Hồng Danh **Quán Thế Âm**, lễ bái cúng dường Tôn Tượng **Quán Thế Âm**, quán tưởng Sắc Tướng chân thật của **Quán Thế Âm**, trì tụng **Đại Bi Tâm Đà La Ni....***siêng năng tinh tiến tu tập các Pháp**: *Chân Như Quán, Nhĩ Căn Viên Thông, Ngũ Uẩn Quán, Như Huyễn Kim Cương Tam Muội*** (Đây là các Pháp Môn căn bản để tu Pháp của Quán Thế Âm) nhằm giúp cho bản thân mình, tự thấu hiểu từng giai đoạn của Pháp Tu. Nhờ Tâm sùng kính chân thành, người tu hành nương theo lực gia trì của Bản Tôn Quán Thế Âm Bồ Tát tinh tiến tu hành, mau chóng trực nhận được cảnh giới cực thanh tĩnh của chư Phật và hợp nhất với Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Sự kiện này chính là ***"Lý Tưởng Bồ Tát được thể hiện như nó đã thể hiện trong hình tướng Quán Thế Âm"*** và đây cũng là quan điểm ***"Nhập Ngã, Ngã Nhập"*** của Mật Tông Phật Giáo.

Khi viên mãn được các Pháp này thì người tu hành được xem là một **Hoá Thân Quán Âm**. Sau đó, để báo đáp Ân Đức của Giáo Pháp này, Hành Giả phải thành tâm nương theo 4 món **Vô Tác Diệu Đức** của Bản Tôn Quán Thế Âm là:

1) Hiện ra nhiều hình dung nhiệm màu có một hay nhiều đầu, hai hay nhiều tay, hai mắt hoặc nhiều mắt và nói ra vô số Thần Chú Bí Mật để cứu độ chúng sinh được tự tại

2) Hiện hình tụng Chú, mỗi mỗi Thân mỗi mỗi Chú. Hình đó, Chú đó có thể đem sức Vô Úy Thí cho các chúng sinh

3) Phát ra Căn Tính ***Diệu Viên Thông Thanh Tịnh*** khiến cho chúng sinh xả bỏ thân mệnh và của cải để cầu xin (Bản Tôn Quán Âm) xót thương cứu hộ.

4) Đắc được Tâm Phật, chứng Quả rốt ráo, có thể đem từng các thứ quý báu cúng dường 10 phương Như Lai, cả đến Lục Đạo chúng sinh trong Pháp Giới: Ai cầu vợ thì được vợ, ai cầu con thì được con, cầu Tam Muội thì được Tam Muội, cầu sống lâu thì được sống lâu, như thế cho đến cầu Niết Bàn thì được Niết Bàn.

Từ 4 Đức không thể nghĩ bàn này, Hành Giả noi theo Bản Tôn hiển hiện **Đại Bi Tâm** ứng hóa cứu độ muôn loài qua các công hạnh:

_ Giúp cho người tu hành mau đầy đủ Công Đức của Lục Độ và mau chóng phát sinh mầm giống Bồ Đề

_ Khiến cho hàng Thanh Văn mau được chứng quả

_ Khiến cho các vị **Thần** (Devatā) **Tiên** (Ṛṣī) trong cõi Đại Thiên mau phát Tâm Bồ Đề Vô Thượng

_ Giúp cho các chúng sinh mau được **Tín Căn Đại Thừa** và khiến cho sự mưu cầu của họ được thành tựu

_ Giúp cho những chúng sinh bị đọa lạc ở 3 đường Ác , ở chỗ sâu kín tối tăm trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới mau xa lìa sự khổ não

_ Khiến cho các vị Bồ Tát mau chứng ngộ Thập Trụ và mau đắc Quả Phật, thành tựu 32 tướng tốt với 80 vẻ đẹp tùy hình.



_ LIÊN HOA THẬP NHƯ THỊ PHÁP_

1_ **Hình Tướng:** Hoa sen là hình thức biểu thị cho sự nẩy nở của vạn hạnh trong Nhân Duyên sinh diệt. Là hình thức hàm chứa muôn Pháp Giải Thoát thúc đẩy chúng sinh vượt thoát khỏi bùn lầy ô nhiễm của sinh tử luân hồi.

2_ **Tự Tính:** Trong sạch tinh khiết không nhiễm dính mọi bụi dơ, biểu thị cho **Phật Tính** (Buddhatā) bất sinh bất diệt.

3_ **Bản Thể:** Tâm Bồ Đề cực tịnh vốn có của mọi chúng sinh

4_ **Năng Lực:** Hiển bày Lý thanh tịnh vô nhiễm cấu vốn có trong Tâm của mọi chúng sinh

5_ **Tác dụng:** Giúp cho chúng sinh mau chóng xa lìa ***Khổ, Chướng, Hoặc*** trong ba cõi, sáu đường

6_ **Chính Nhân:** Phát khởi Đại Nguyện cứu độ tất cả chúng sinh và tinh tiến tu tập Phạm Hạnh (Brahma-caryā)

7_ **Trợ duyên:** Dùng Phạm Hạnh phát khởi Tâm Từ Bi bình đẳng, thi hành vạn hạnh hoá độ chúng sinh

8_ **Kết quả:** Hiển lộ Bản Tính thanh tĩnh vốn có, làm cho Pháp Giới trở nên thanh tịnh và chứng ngộ Phật Pháp.

9_ **Nghiệp Báo:** Viên mãn Phước Đức, thành tựu 32 tướng tốt và 80 mươi vẻ đẹp của bậc Chính Đẳng Chính Giác

10_ **Bản Mạt Cứu Cánh:** Thành tựu ***Trí Phương Tiện Phổ Môn*** của Như Lai. Tức viên mãn ***Diệu Quán Sát Trí.***

PHÁP THÂN MẬT NGỮ QUÁN (𑖭_SA)

1_ Chẳng chấp dính sáu cảnh
2_ Hay cắt đứt nhiễm ô
3_ Có thể lìa các tướng
4_ Tâm trụ chỗ không trụ (Vô Sở Trụ)
5_ Không nhiễm, không hý luận
6_ Tâm chư Phật cũng vậy
7_ Hư không cũng ***Vô Tướng*** (không có tướng)
8_ Như trăng nước không giữ
9_ Chẳng chấp dính ***Xứ, Giới***
10_ ***Ngã Kiến*** đều bình đẳng
11_ Chẳng giữ cũng chẳng bỏ
12_ Thông đạt khắp các Pháp
13_ ***Hữu Vô*** chẳng thể đắc
14_ Chẳng một cũng chẳng hai
15_ Ba nghiệp thường vắng lặng (tịch tĩnh)
16_ Ứng hiện không công dụng (vô công dụng)
17_ Không ***Căn***, không phân biệt
18_ Đều biết tất cả Tâm
19_ Thường trụ Pháp không ngại (vô ngại Pháp)
20_ ***Tự Tha*** chẳng thể đắc
21_ Đều thấy khắp các cõi

22_ Rốt ráo không ***sở hữu***
23_ ***Như Huyễn*** chẳng thể đắc
24_ Nên chẳng nhiễm **Thế Pháp** (Pháp thế gian)
25_ Tính rỗng, cảnh giới rỗng
26_ Được ***Như Huyễn Tam Muội***
27_ Chẳng gần cũng chẳng xa
28_ Sát na thành Chính Giác
29_ Thành tựu các phương tiện
30_ Không bờ này bờ kia
31_ Không lo không hý luận
32_ Vắng lặng không phân biệt
33_ Không Căn, không trú xứ
34_ Chẳng giữ cũng chẳng bỏ
35_ Lìa có (hữu) và lìa không (vô)
36_ Ngang bằng như hư không
37_ Đi, đến với ngủ, thức
38_ Dùng trụ nơi bình đẳng
39_ Thấy các Pháp vắng lặng
40_ Nơi Pháp được tự tại.



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
QUYỂN THỨ BẢY

QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN
_ PHẨM THỨ HAI MƯƠI LĂM_
-

Hán dịch: Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư CƯU MA LA THẬP dịch **Trường Hàng**

Đời Tuỳ_ Bắc Thiên Trúc Sa Môn XÀ NA QUẬT ĐA dịch **Trùng Tụng**

Việt dịch: HUYỀN THANH

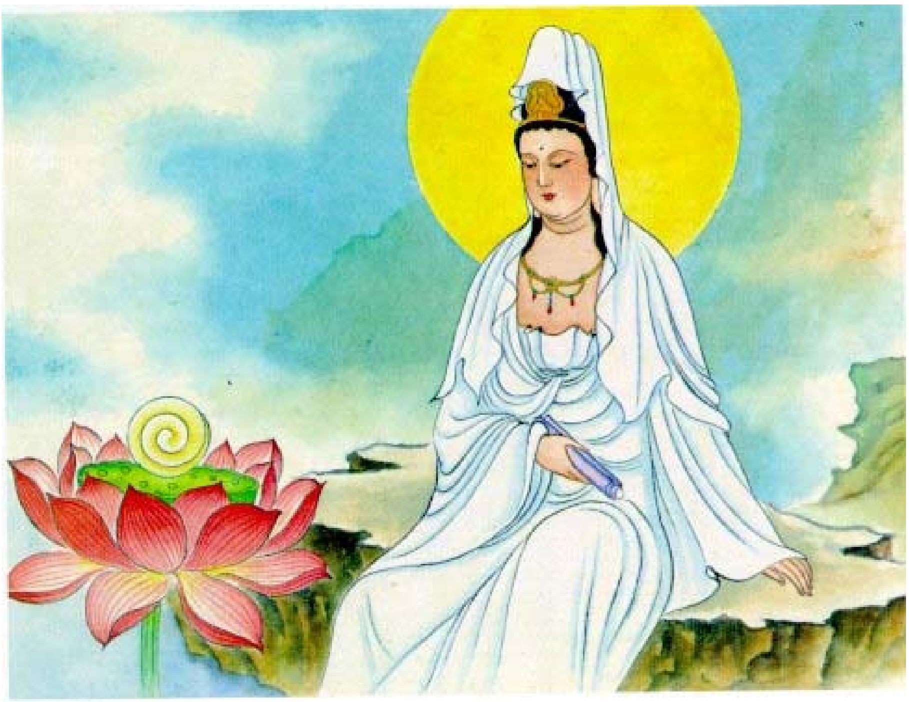
Hình ảnh minh hoạ: Sưu tập từ Album hình trên Facebook và tài liệu của Cư Sĩ NGÔ TRỌNG ĐỨC



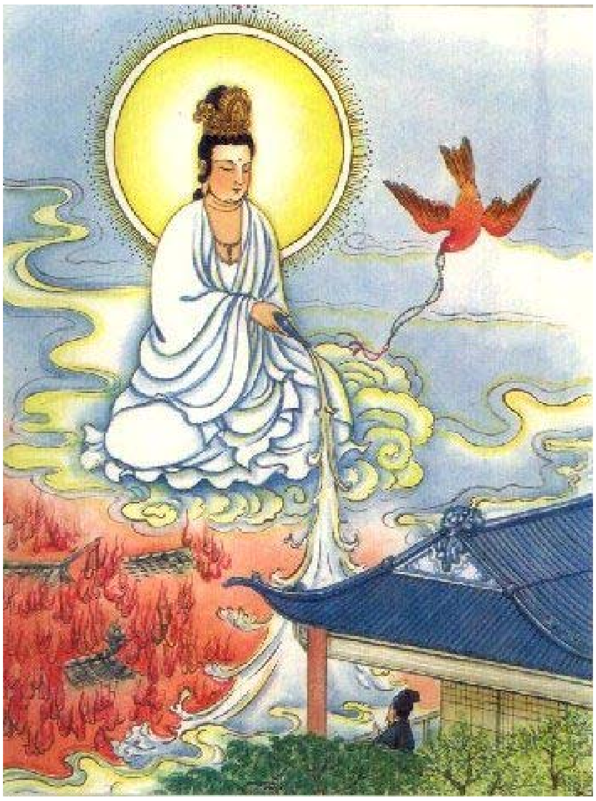
Bấy giờ **Vô Tận Ý Bồ Tát** (Akṣaya-matirbodhisattva) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, chắp tay hướng về Đức Phật rồi nói lời này: "Thế Tôn ! **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisattva) do Nhân Duyên gì mà có tên gọi là **Quán Thế Âm**?"



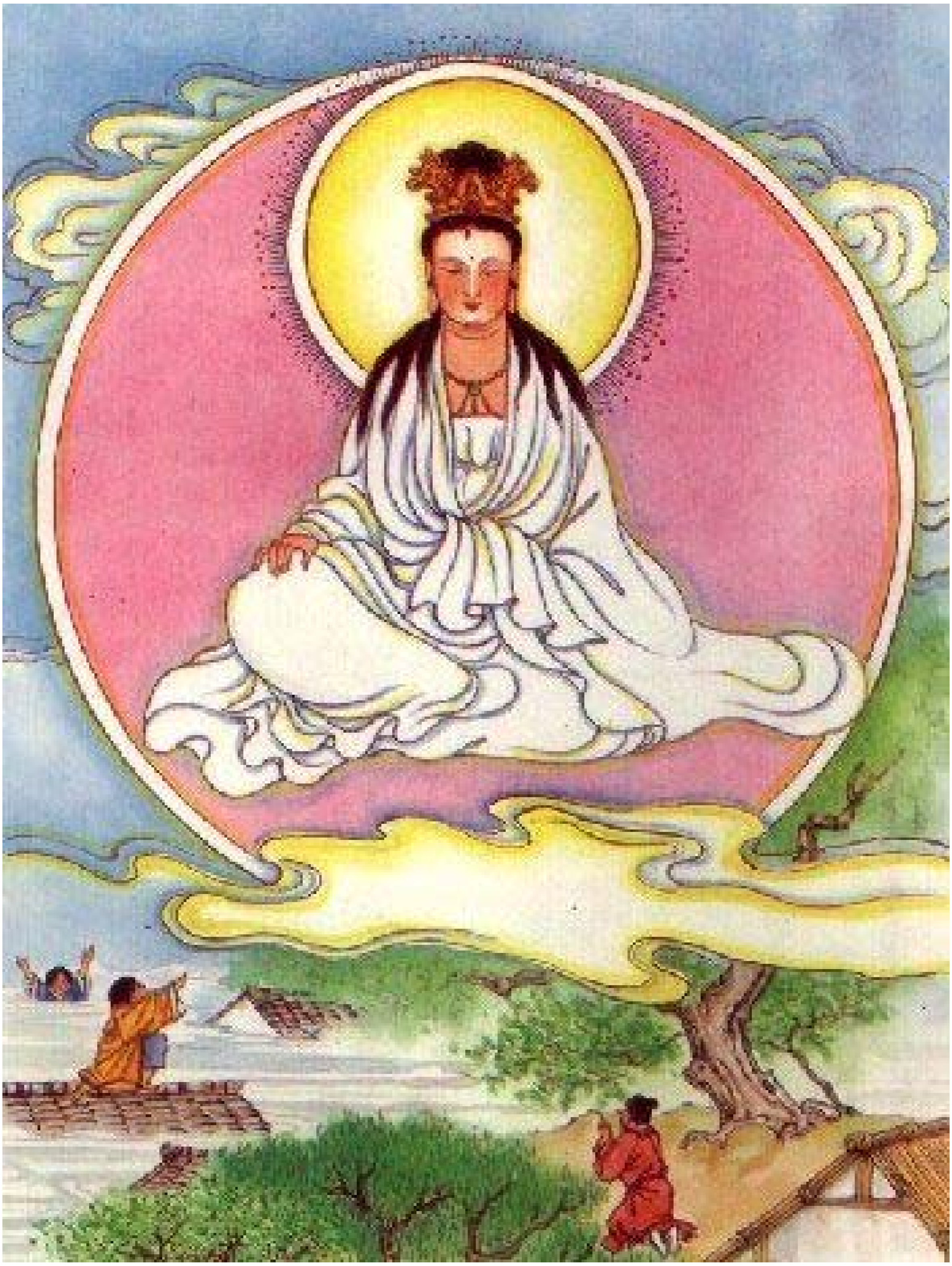
Đức Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát: "Này Thiện Nam Tử (Kulaputra)! Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh bị các khổ não, nghe được tên vị **Quán Thế Âm Bồ Tát** đó, một lòng xưng tên gọi thời **Quán Thế Âm Bồ Tát** liền quán sát âm thanh ấy, và đi đến giúp cho chúng sinh đó đều được thoát khỏi mọi khổ não.



Nếu có người trì niệm tên gọi của Quán Thế Âm Bồ Tát đó. Giả sử vào trong lửa lớn thì lửa chẳng thể thiêu đốt.



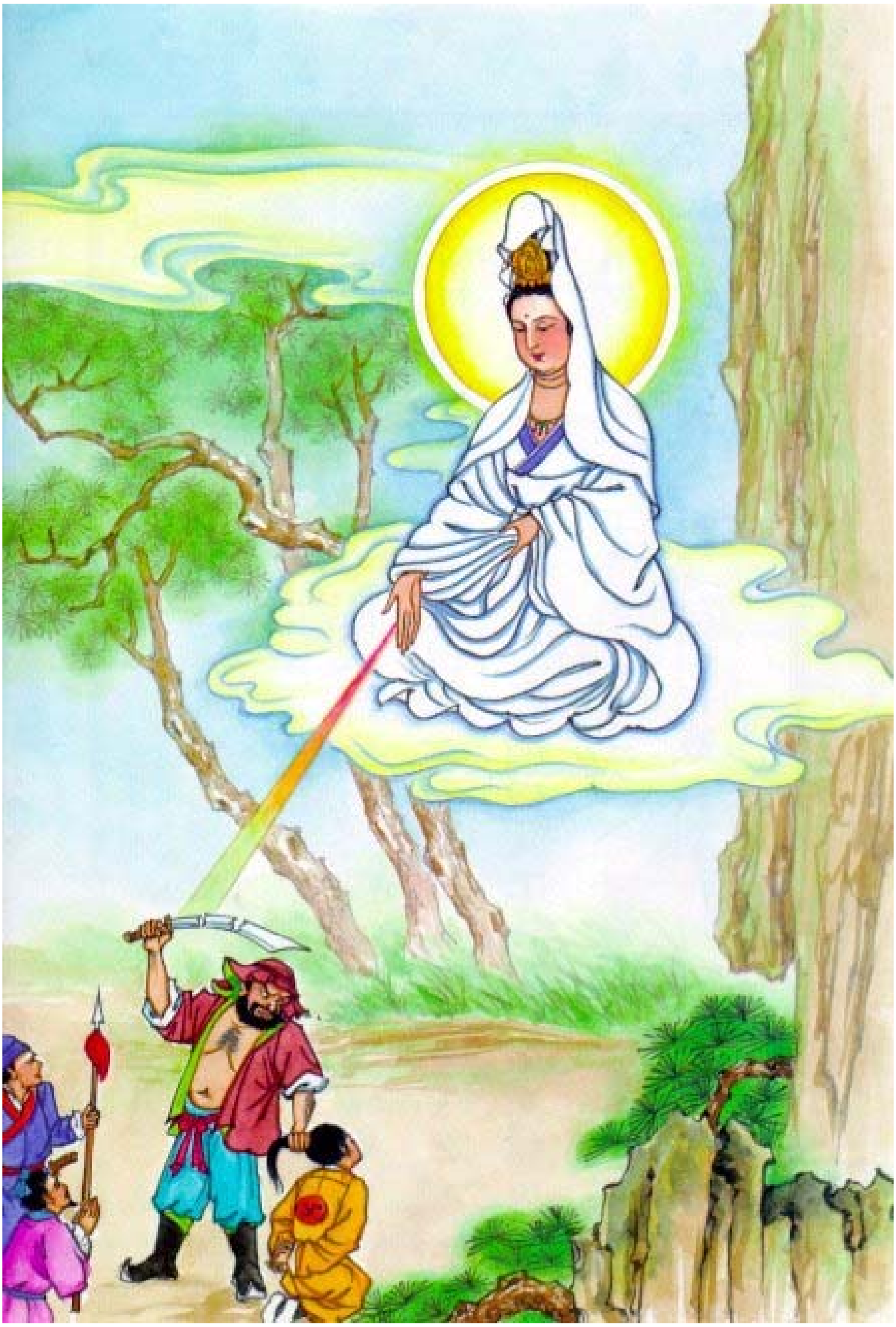
Do sức Uy Thần của Bồ Tát đó cho nên nếu bị nước lớn cuốn trôi, hễ xưng danh hiệu ấy liền được gặp chỗ cạn.



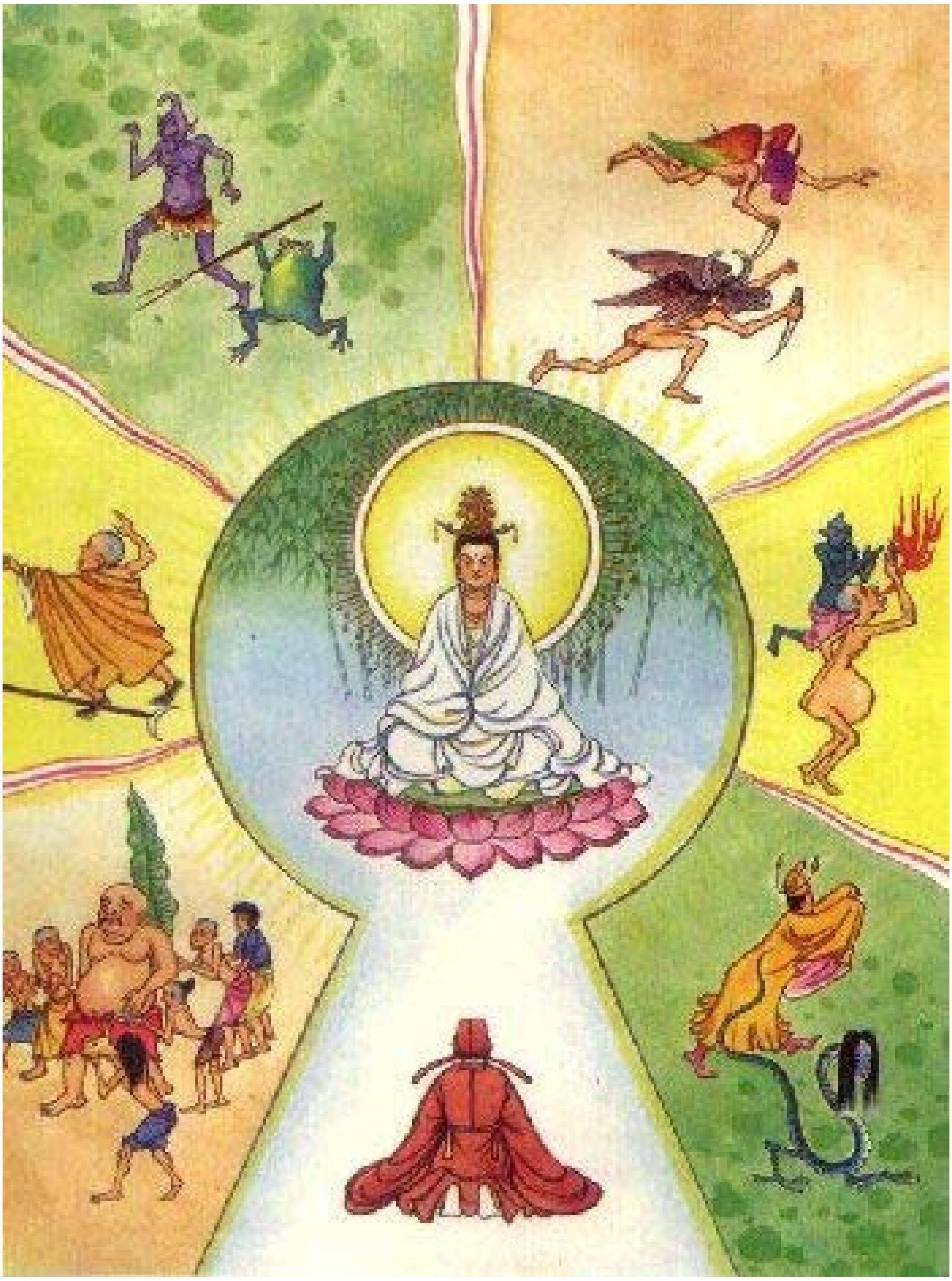
Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sinh vì tìm cầu **vàng** (Survaṇa), **bạc** (Rūpya), **Lưu Ly** (Vaiḍurya), **Xa Cừ** (Musāragalva), **San Hô** (Śaṅkha), **Hổ Phách** (Aśmagarbha), các thứ **Trân Châu** (Lohita-mukta), **vật báu** (Maṇi-mukta)…mà đi vào biển lớn. Giả sử gió lớn thổi chiếc thuyền ấy trôi nổi, tấp vào nước của **Quỷ La Sát** (Rākṣasa). Trong nhóm ấy, nếu có, cho đến một người xưng tên gọi của Quán Thế Âm Bồ Tát thì nhóm người đó đều được thoát khỏi nạn của La Sát. Do nhân duyên đó nên gọi là **Quán Thế Âm**



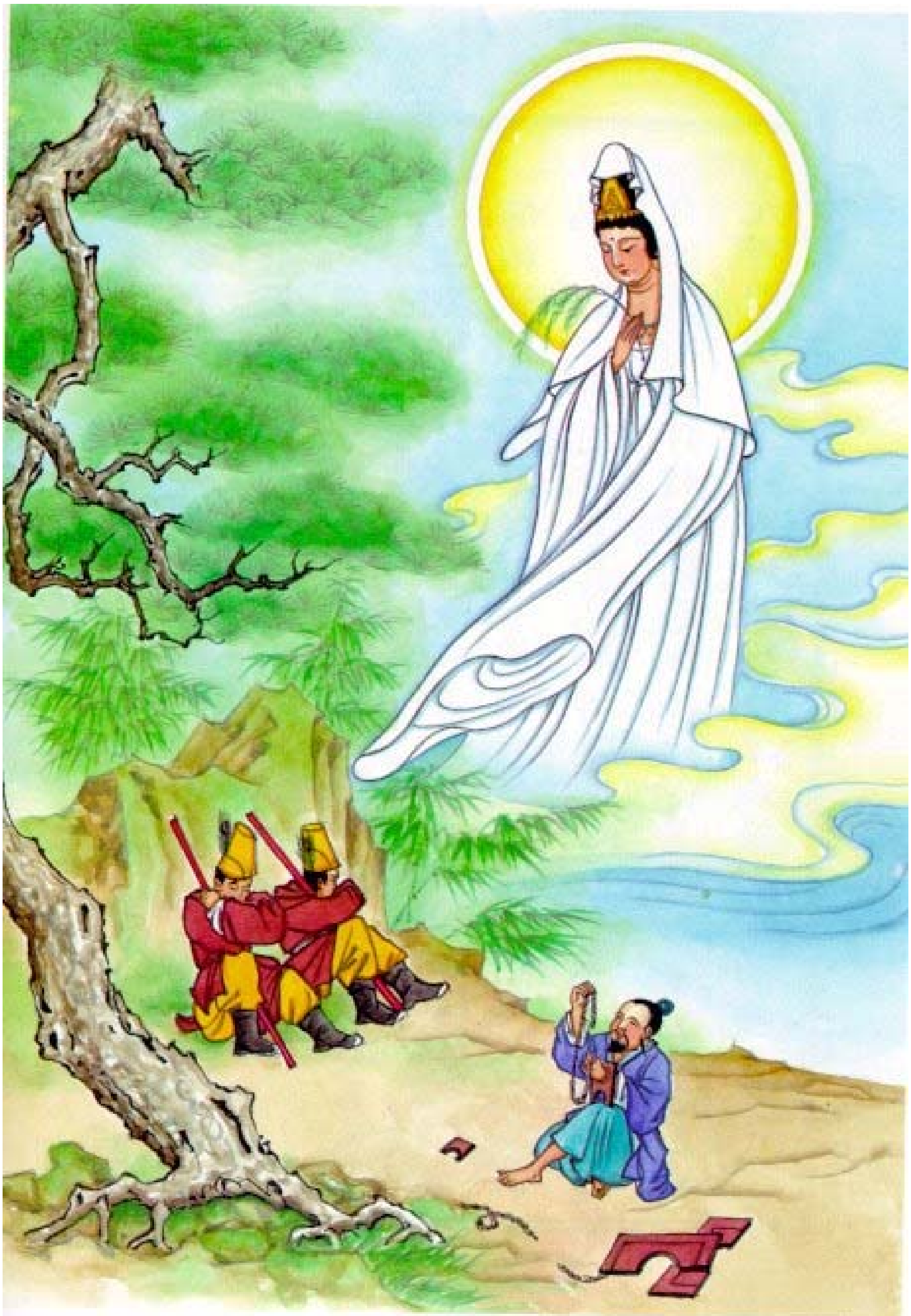
Nếu lại có người sắp sửa bị hại mà xưng tên gọi của Quán Thế Âm Bồ Tát thì dao gậy mà kẻ kia đã cầm, bỗng bị gãy từng khúc…nhờ thế mà được giải thoát.



Nếu trong ba ngàn Đại Thiên quốc độ tràn đầy **Dạ Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa) muốn đến hại người mà nghe người ấy xưng tên gọi của Quán Thế Âm Bồ Tát thì các Quỷ ác đó còn chẳng dám dùng mắt hung ác nhìn vào người đó, huống chi lại hãm hại được.

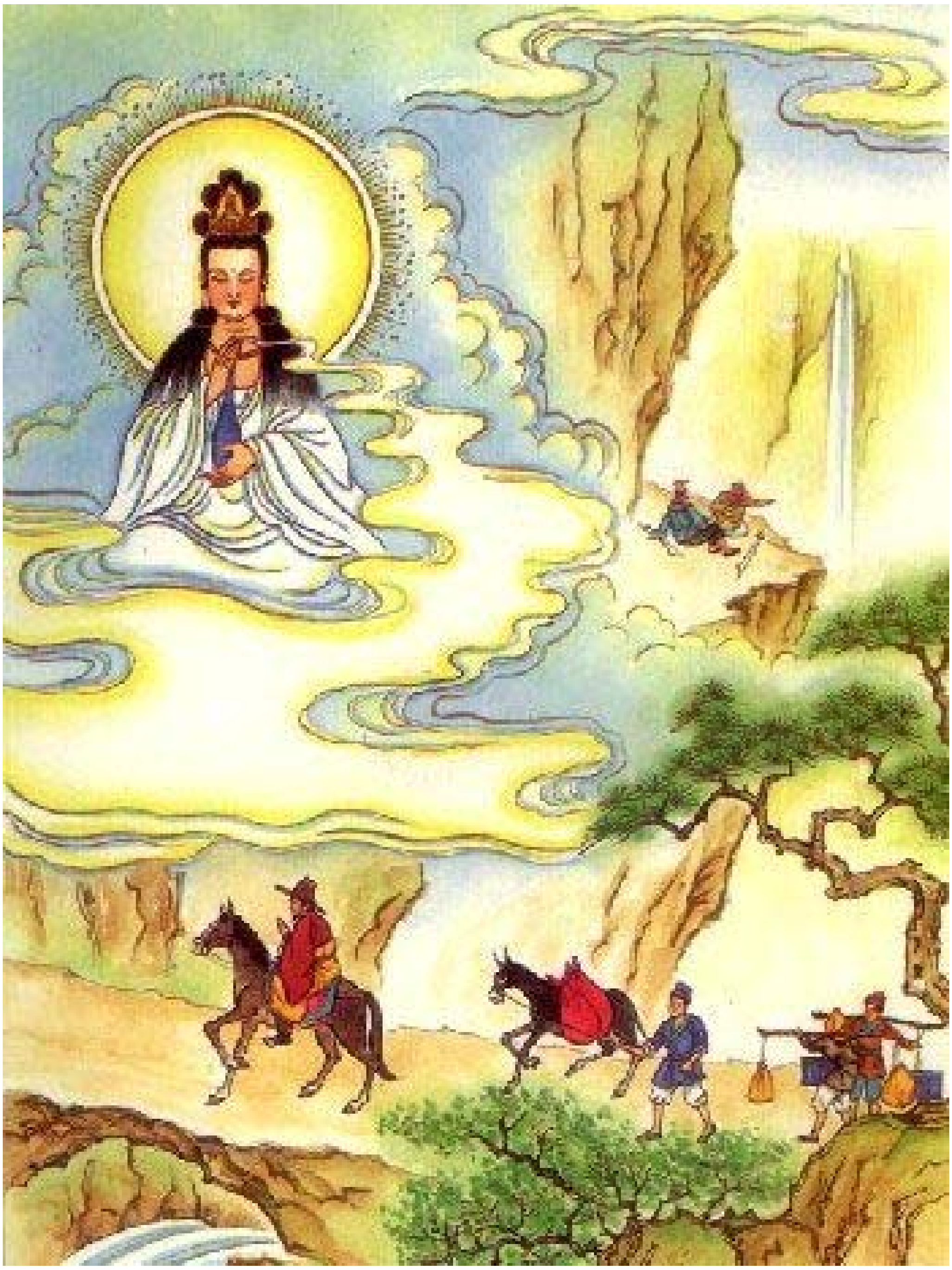


Giả sử lại có người, hoặc có tội hoặc không có tội mà bị gông cùm, xiềng xích…cột trói thân ấy. Hễ xưng tên gọi của Quán Thế Âm Bồ Tát thì hết thảy gông cùm, xiềng xích đều bị gãy nát, liền được giải thoát.



Nếu trong ba ngàn Đại Thiên quốc thổ tràn đầy Oán Tặc. Có một vị Thương Chủ dẫn các người buôn đem theo nhiều vật qúy báu vượt qua con đường nguy hiểm. Một người trong nhóm đó xướng lên rằng: *"Các người trai lành đừng có hoảng sợ, các ông cần phải một lòng xưng danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát vì Bồ Tát đó hay đem sự không sợ hãi ban cho chúng sinh. Nếu các ông xưng tên gọi của Ngài ắt sẽ được thoát khỏi nạn oán tặc này"*. Các người buôn nghe xong, đều phát ra tiếng nói rằng: "**Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát**". Do xưng tên gọi của Bồ Tát ấy cho nên liền được giải thoát.

Này Vô Tận Ý ! Quán Thế Âm Bồ Tát có sức Uy Thần to lớn như vậy.



Nếu chúng sinh có nhiều lòng dâm dục mà thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, liền được lìa sự dâm dục.

Nếu nhiều giận dữ mà thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, liền được lìa sự giận dữ

Nếu nhiều ngu si mà thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, liền được lìa sự ngu si.

Này Vô Tận Ý ! Quán Thế Âm Bồ Tát có sức Đại Uy Thần của nhóm như vậy, hay ban cho nhiều sự lợi ích. Chính vì thế cho nên chúng sinh thường nên tâm niệm.



Nếu có người nữ, giả sử muốn cầu con trai thì nên lễ bái cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, liền sinh con trai có Phước Đức Trí Tuệ. Giả sử muốn cầu con gái, liền sinh con gái có tướng đoan chính. Do đời trước đã giao trồng gốc Đức nên được mọi người yêu kính.



Này Vô Tận Ý ! Quán Thế Âm Bồ Tát có sức như vậy. Nếu có chúng sinh cung kính lễ bái Quán Thế Âm Bồ Tát thì Phước Đức chẳng hề luống mất. Chính vì thế cho nên chúng sinh đều nên thọ trì danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát.



Này Vô Tận Ý ! Nếu có người thọ trì sáu mươi hai ức hằng hà sa số danh tự của Bồ Tát. Lại suốt đời cúng dường thức ăn uống, quần áo, vật dụng nằm nghỉ, thuốc men…Ý của ông thế nào ? Kẻ trai lành, người nữ thiện đó có Công Đức nhiều chăng?”

Vô Tận Ý nói: “Bạch Đức Thế Tôn ! Phước Đức của người đó rất nhiều”



Đức Phật nói: “Nếu lại có người thọ trì danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát, cho đến một thời lễ bái cúng dường thì Phước của hai người đó ngang bằng không có khác, ở trăm ngàn vạn kiếp chẳng thể cùng tận.

Này Vô Tận Ý ! Thọ trì danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát được lợi của vô lượng vô biên Phước Đức như vậy”

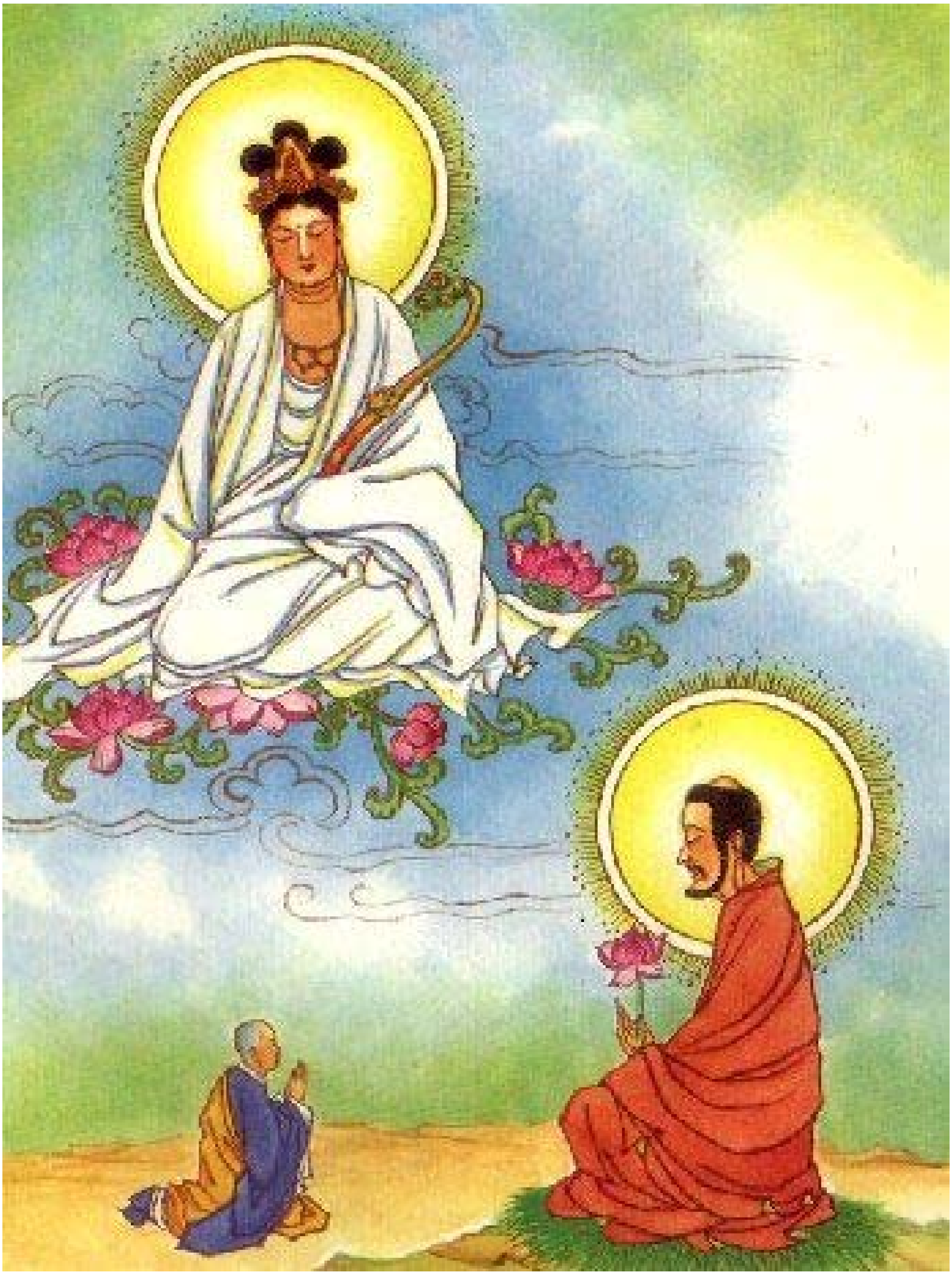


Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Quán Thế Âm Bồ Tát làm sao dạo chơi ở cõi Sa Bà này ? Làm thế nào mà vì chúng sinh nói Pháp ? Sức của phương tiện nào ? Việc ấy ra sao ?"

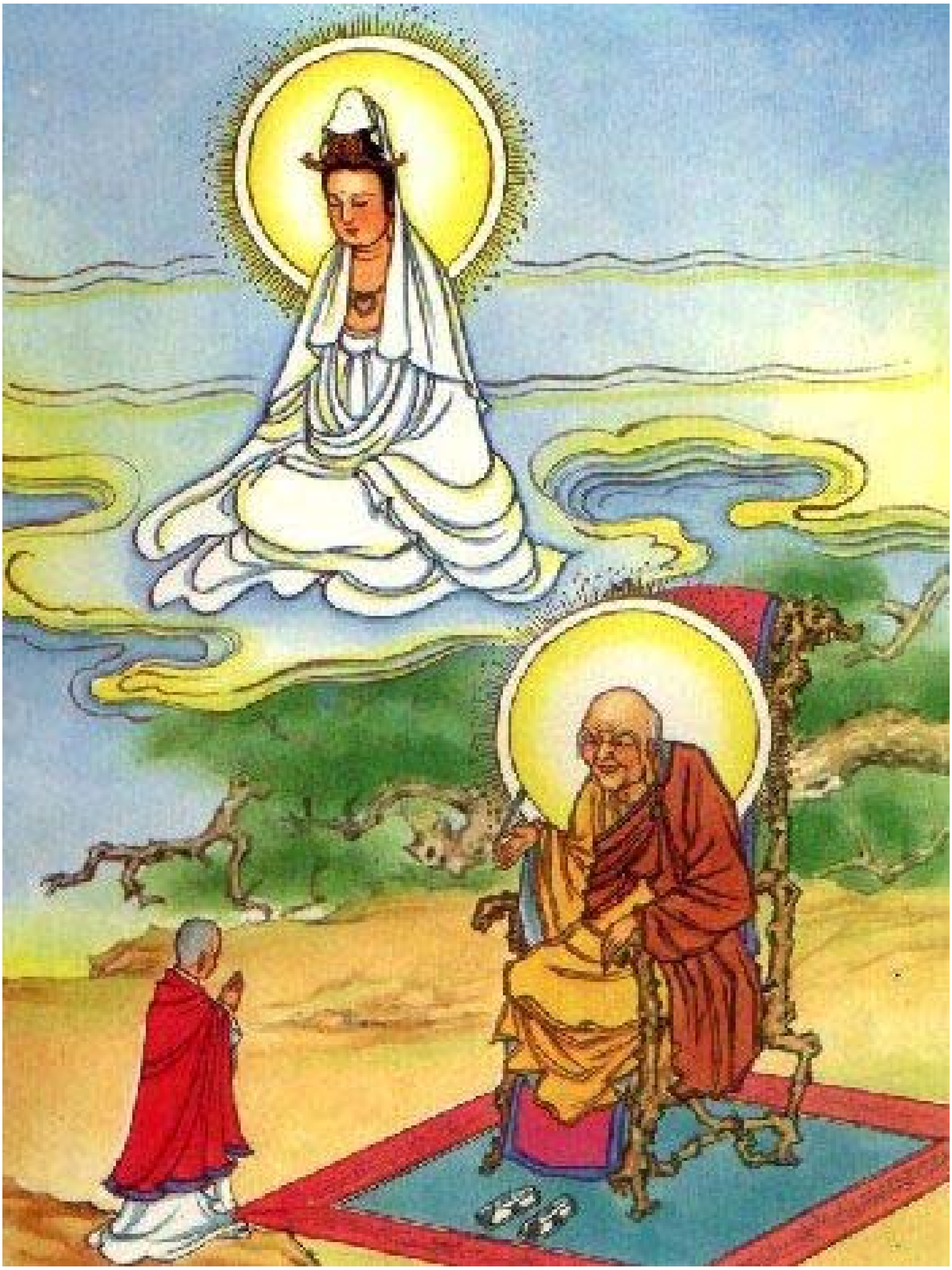
Đức Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát: "Này Thiện Nam Tử ! Nếu có chúng sinh trong quốc độ, cần phải dùng **thân Phật** (Buddha-rūpeṇa) để hoá độ được thì Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân Phật mà nói Pháp cho kẻ đó.



Người cần phải dùng **thân Bích Chi Phật** (Pratyekabuddha-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Bích Chi Phật mà nói Pháp cho kẻ đó.



Người cần phải dùng **thân Thanh Văn** (Śrāvaka-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Thanh Văn mà nói Pháp cho kẻ đó.



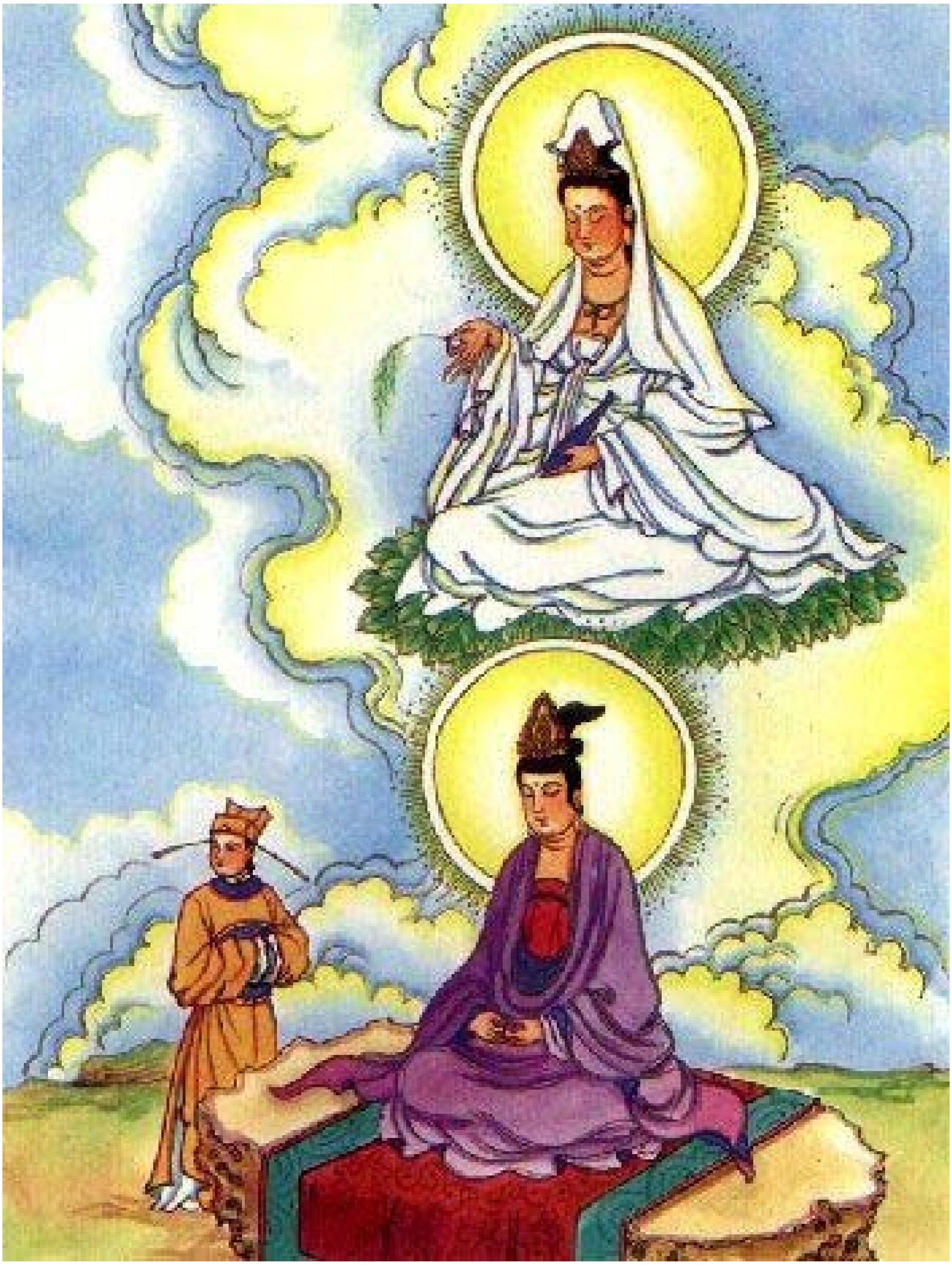
Người cần phải dùng **thân Phạm Vương** (Brahma-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Phạm Vương mà nói Pháp cho kẻ đó.



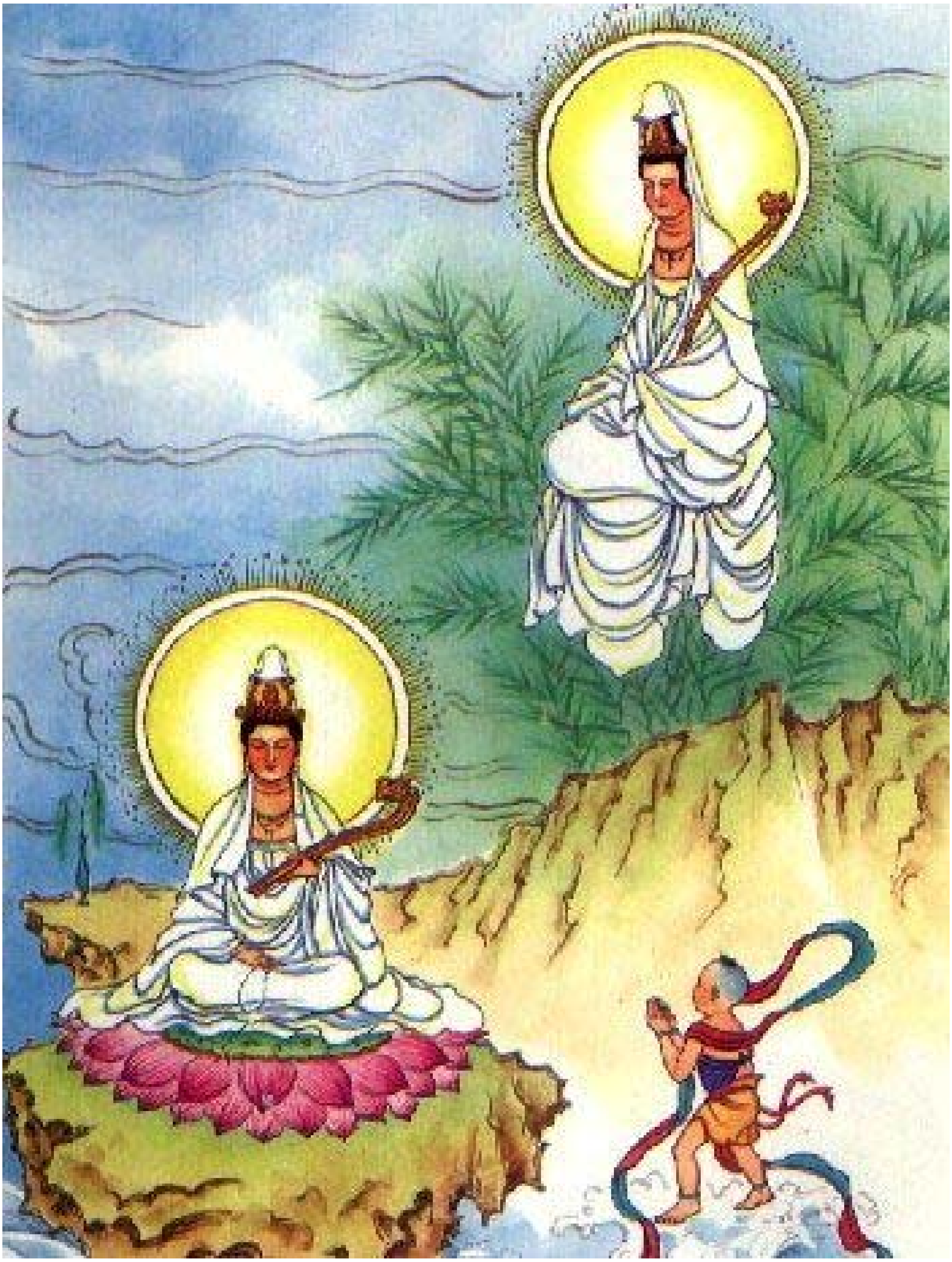
Người cần phải dùng **thân Đế Thích** (Śakra-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Đế Thích mà nói Pháp cho kẻ đó.



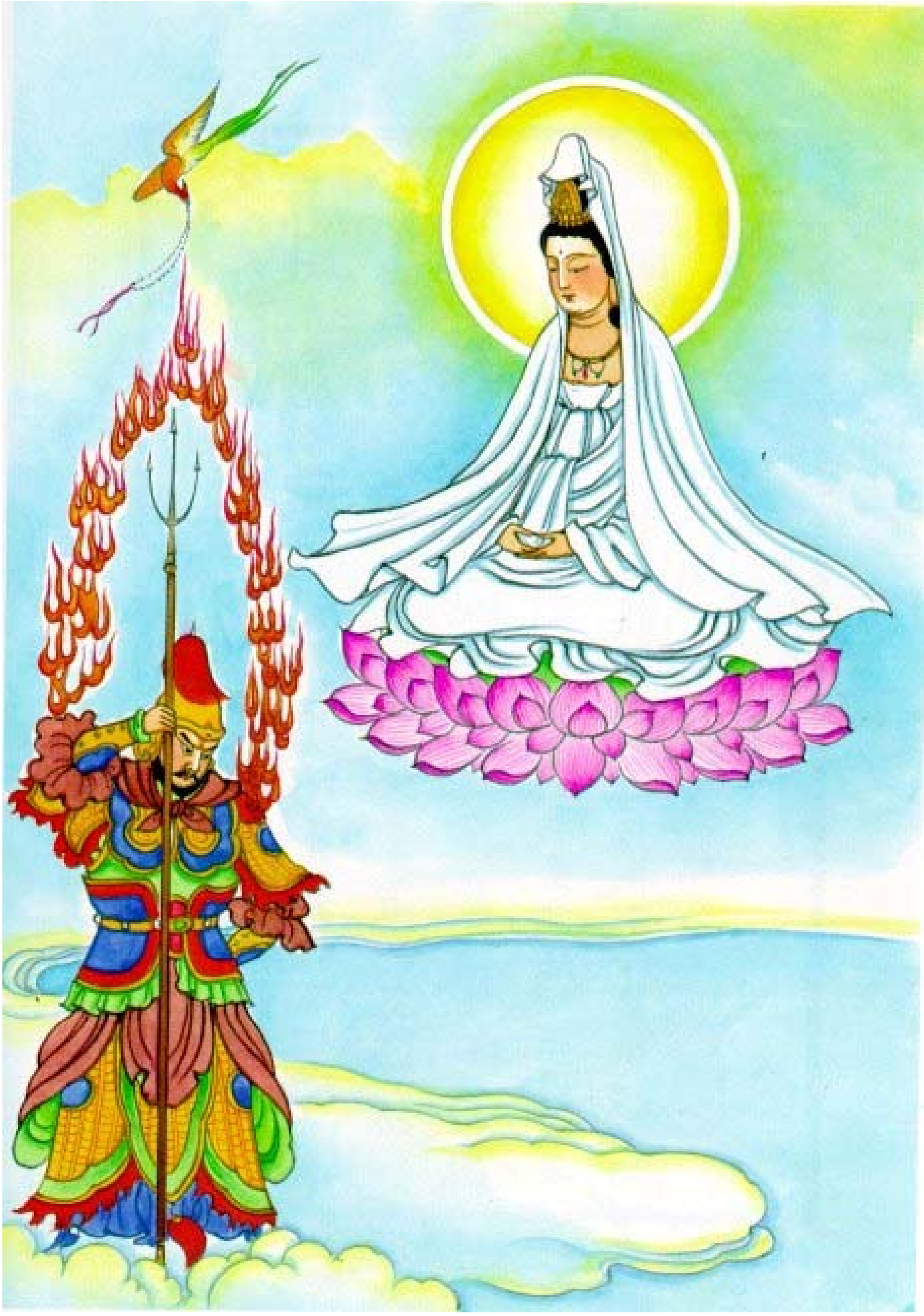
Người cần phải dùng **thân Tự Tại Thiên** (Īśvara-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Tự Tại Thiên mà nói Pháp cho kẻ đó.



Người cần phải dùng **thân Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Đại Tự Tại Thiên mà nói Pháp cho kẻ đó.



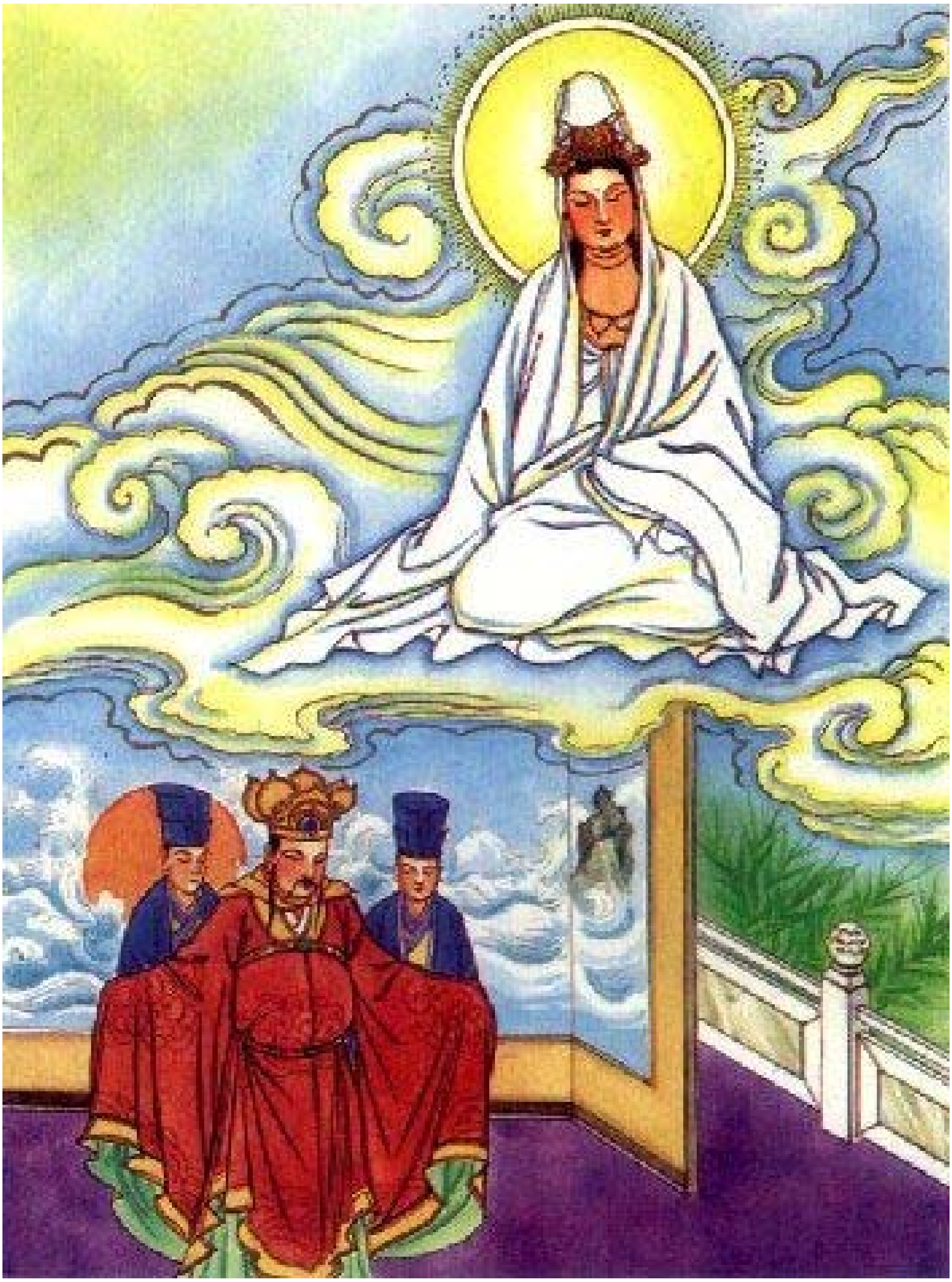
Người cần phải dùng **thân Thiên Đại Tướng Quân** (Skandha-senāpatirūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Thiên Đại Tướng Quân mà nói Pháp cho kẻ đó.



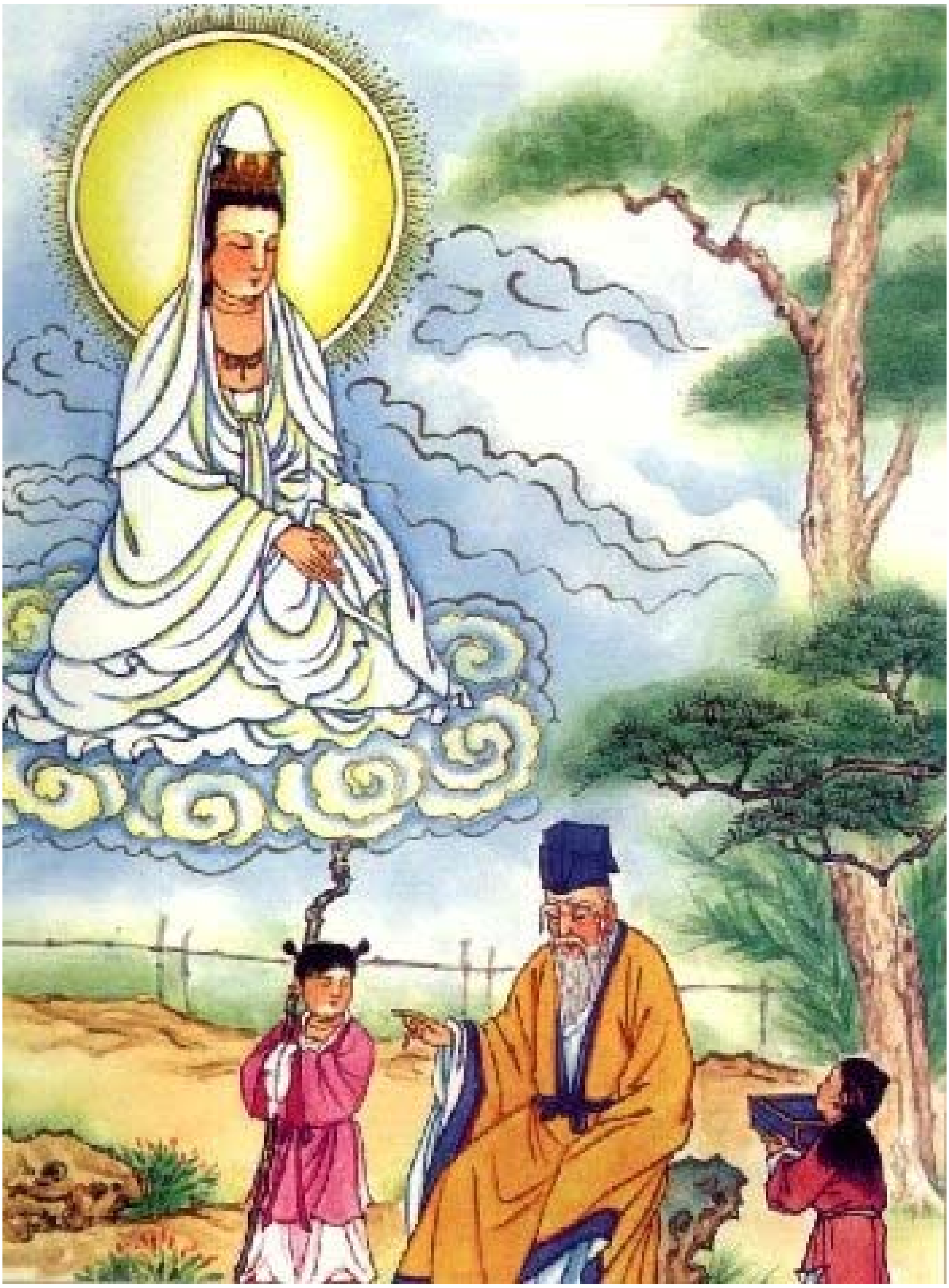
Người cần phải dùng **thân Tỳ Sa Môn** (Vaiśravana-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Tỳ Sa Môn mà nói Pháp cho kẻ đó.



Người cần phải dùng **thân Tiểu Vương** (Hīna-rāja-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Tiểu Vương mà nói Pháp cho kẻ đó.



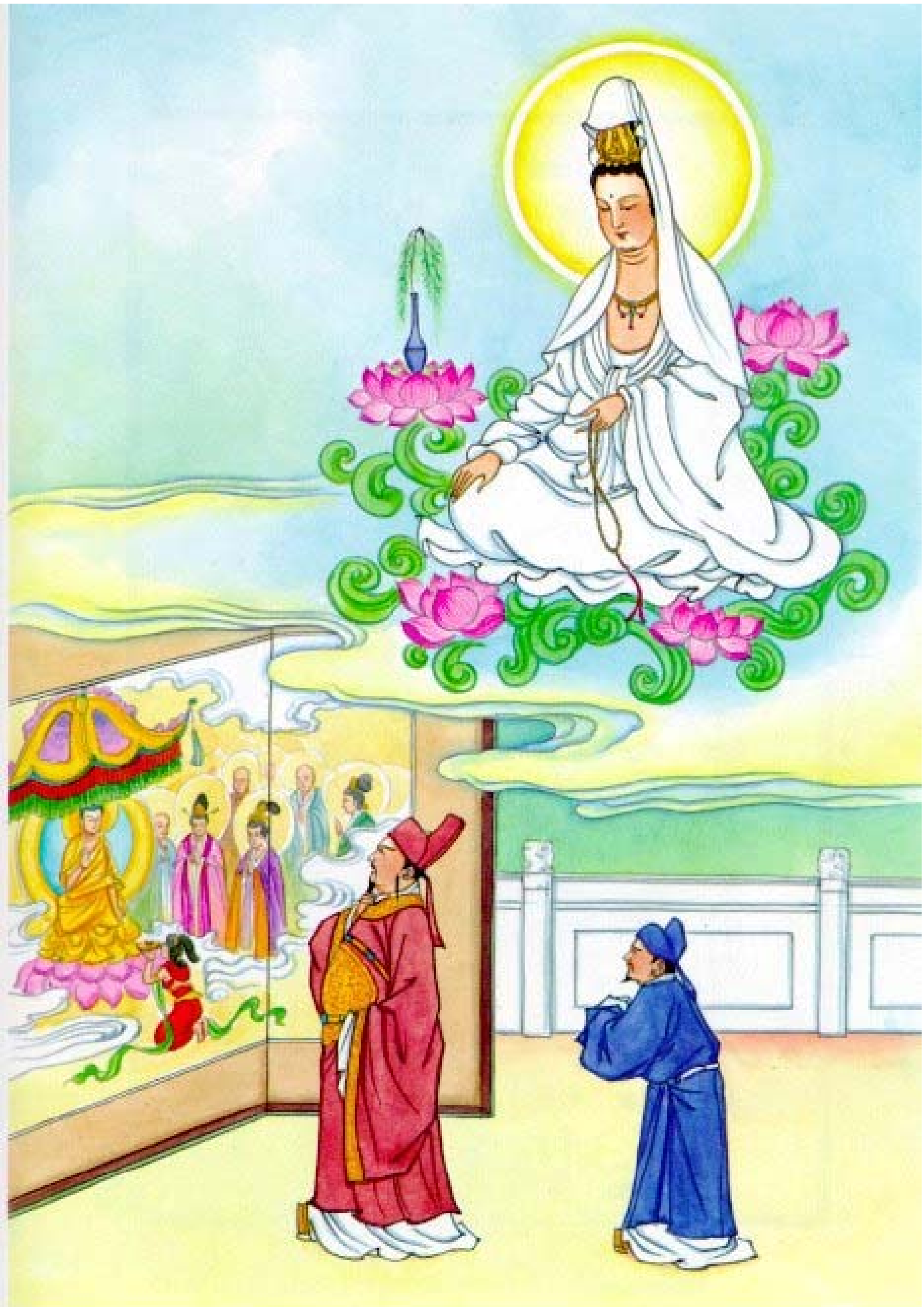
Người cần phải dùng **thân Trưởng Giả** (Gṛhapati-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Trưởng Giả mà nói Pháp cho kẻ đó.



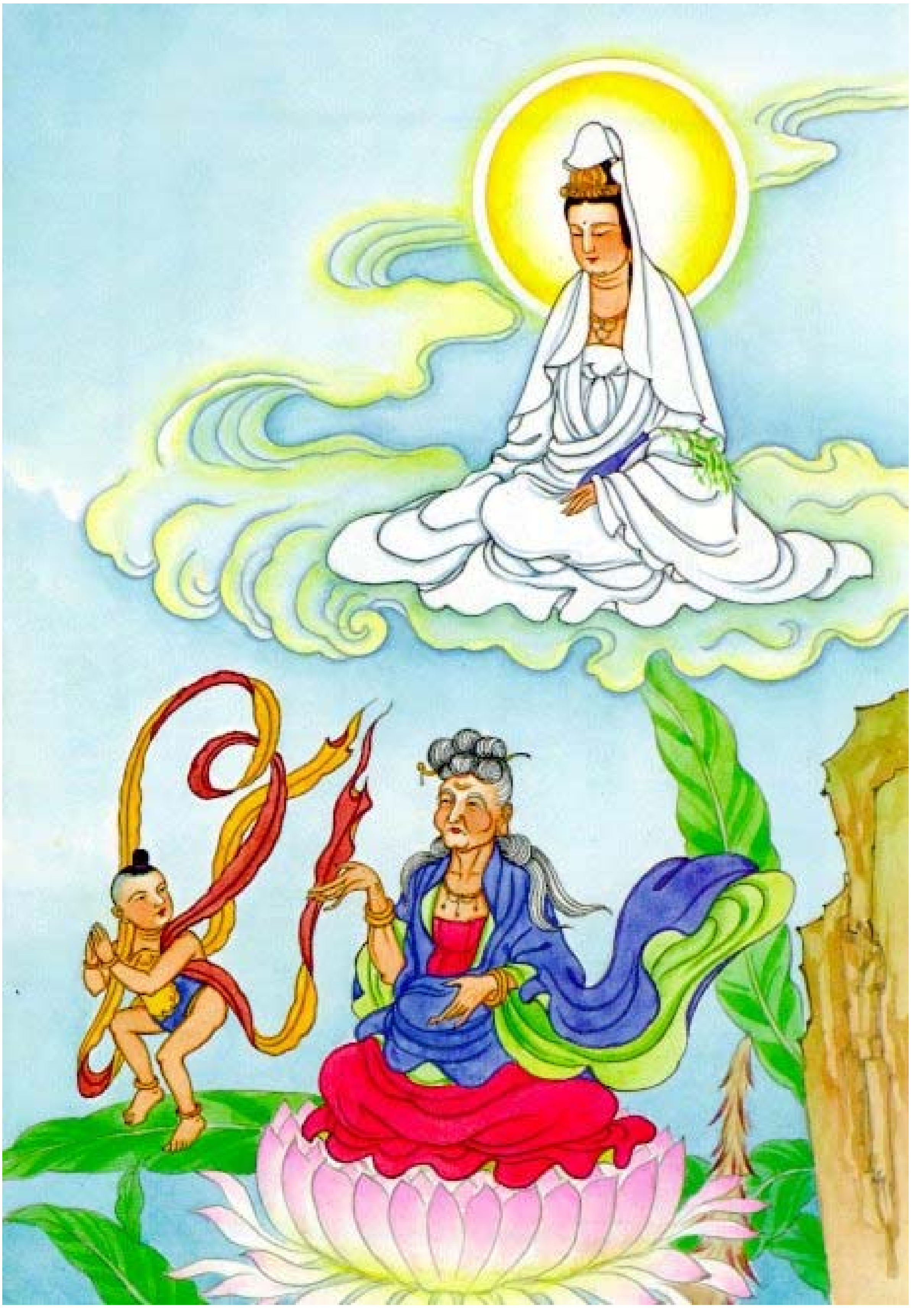
Người cần phải dùng **thân Cư Sĩ** (Dānapati-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Cư Sĩ mà nói Pháp cho kẻ đó.



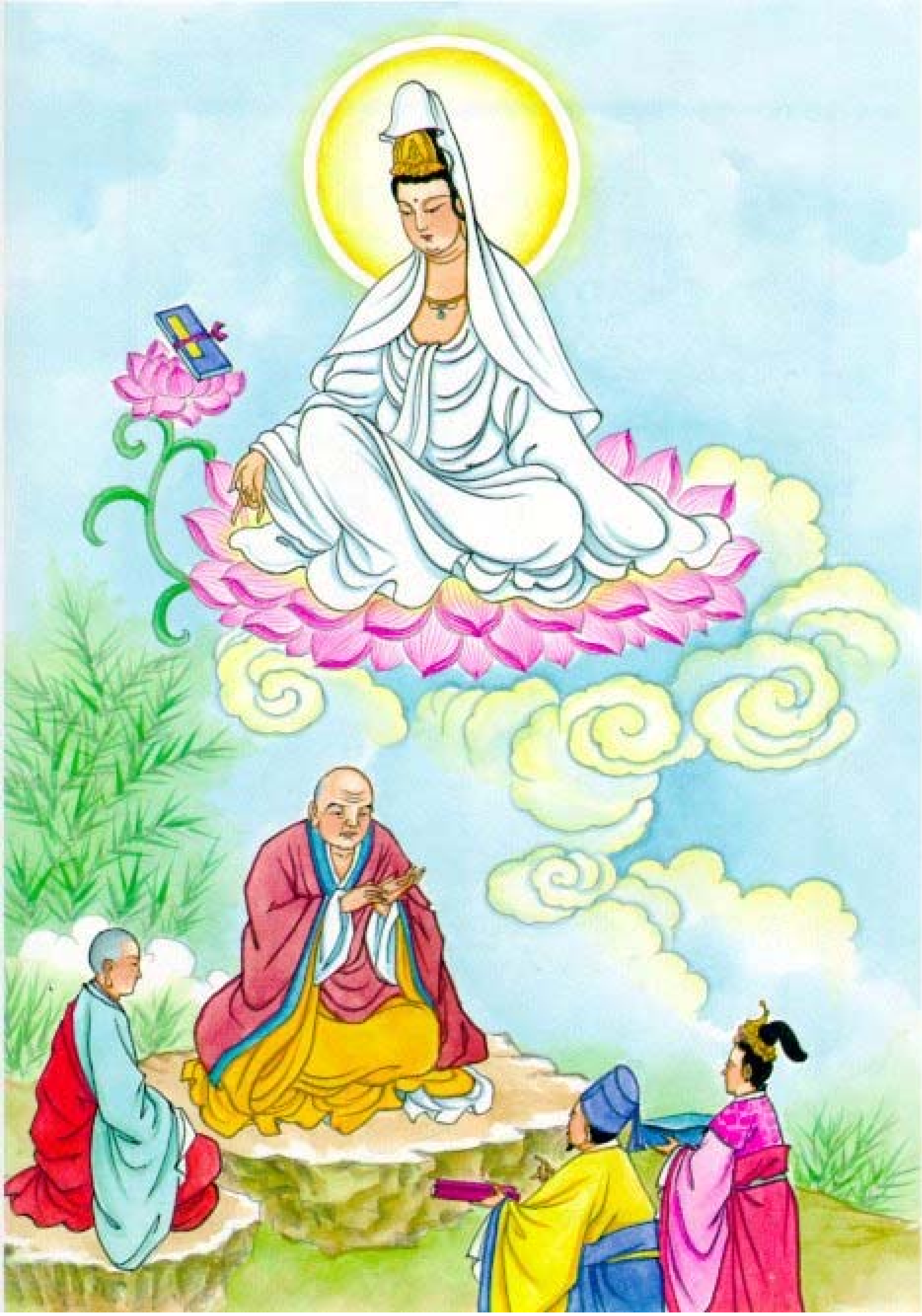
Người cần phải dùng **thân Tể Quan** (Puruṣa-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Tể Quan mà nói Pháp cho kẻ đó.



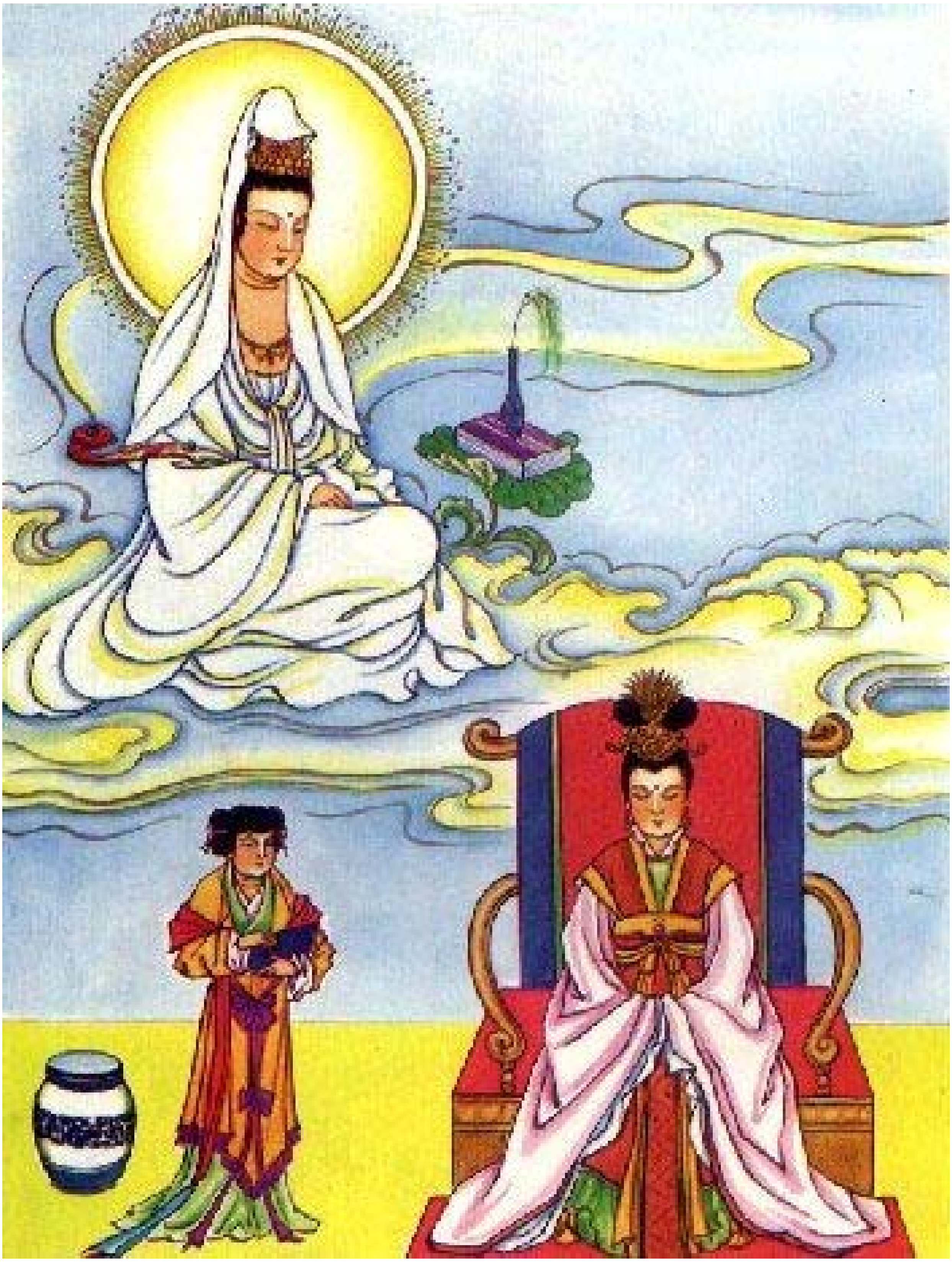
Người cần phải dùng **thân Bà La Môn** (Brahman-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Bà La Môn mà nói Pháp cho kẻ đó.



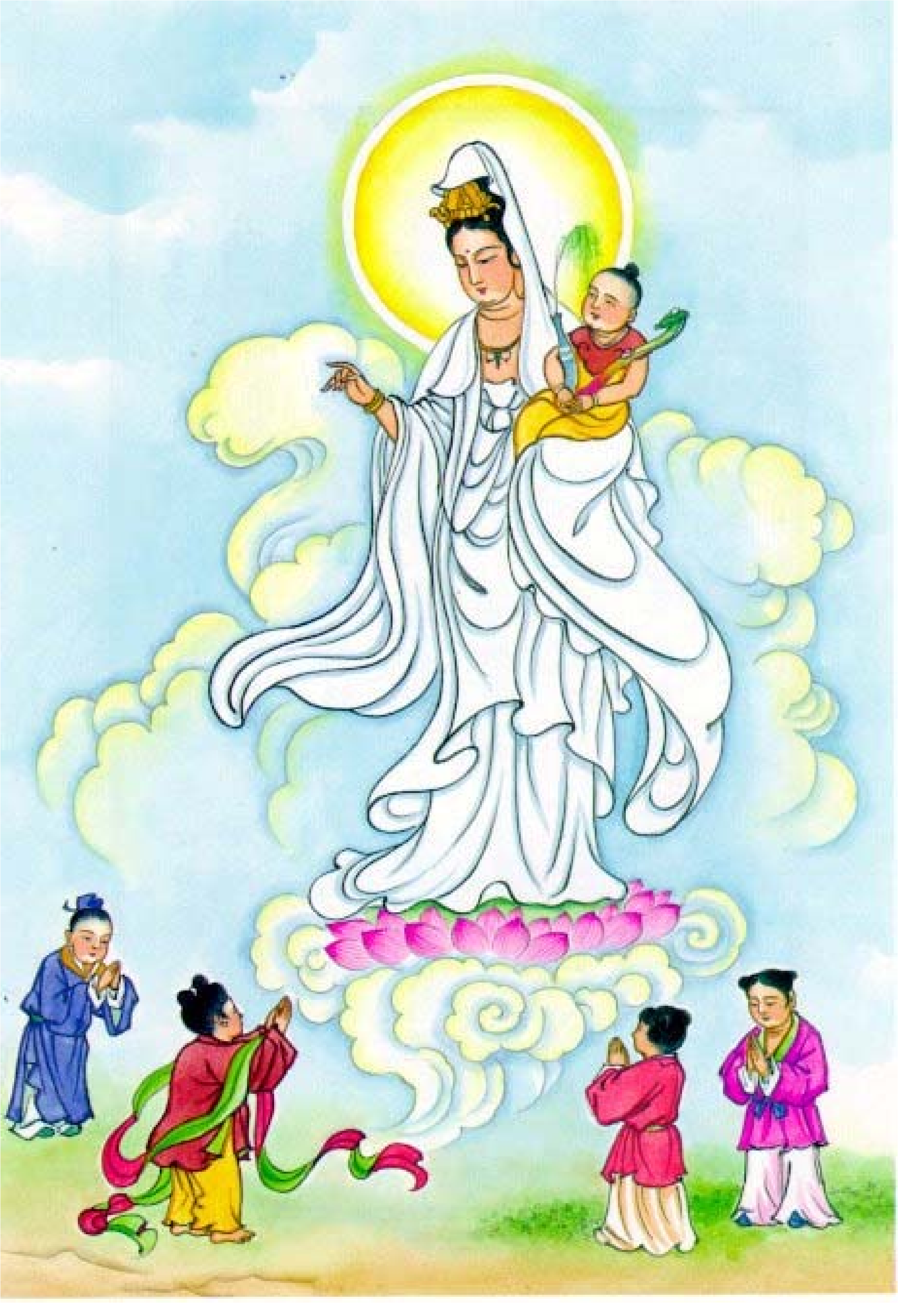
Người cần phải dùng thân **Tỳ Khưu** (Bhikṣu-rūpeṇa)**, Tỳ Khưu Ni** (Bhikṣunī-rūpeṇa)**, Ưu Bà Tắc** (Upāsaka-rūpeṇa)**, Ưu Bà Di** (Upāsīka-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di mà nói Pháp cho kẻ đó.



Người cần phải dùng **thân phụ nữ Trưởng Giả** (Gṛhapati-bhāryā-rūpeṇa)**, Cư Sĩ** (Dānapati-bhāryā-rūpeṇa)**, Tể Quan** (Puruṣa-bhāryā-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Phụ Nữ mà nói Pháp cho kẻ đó.



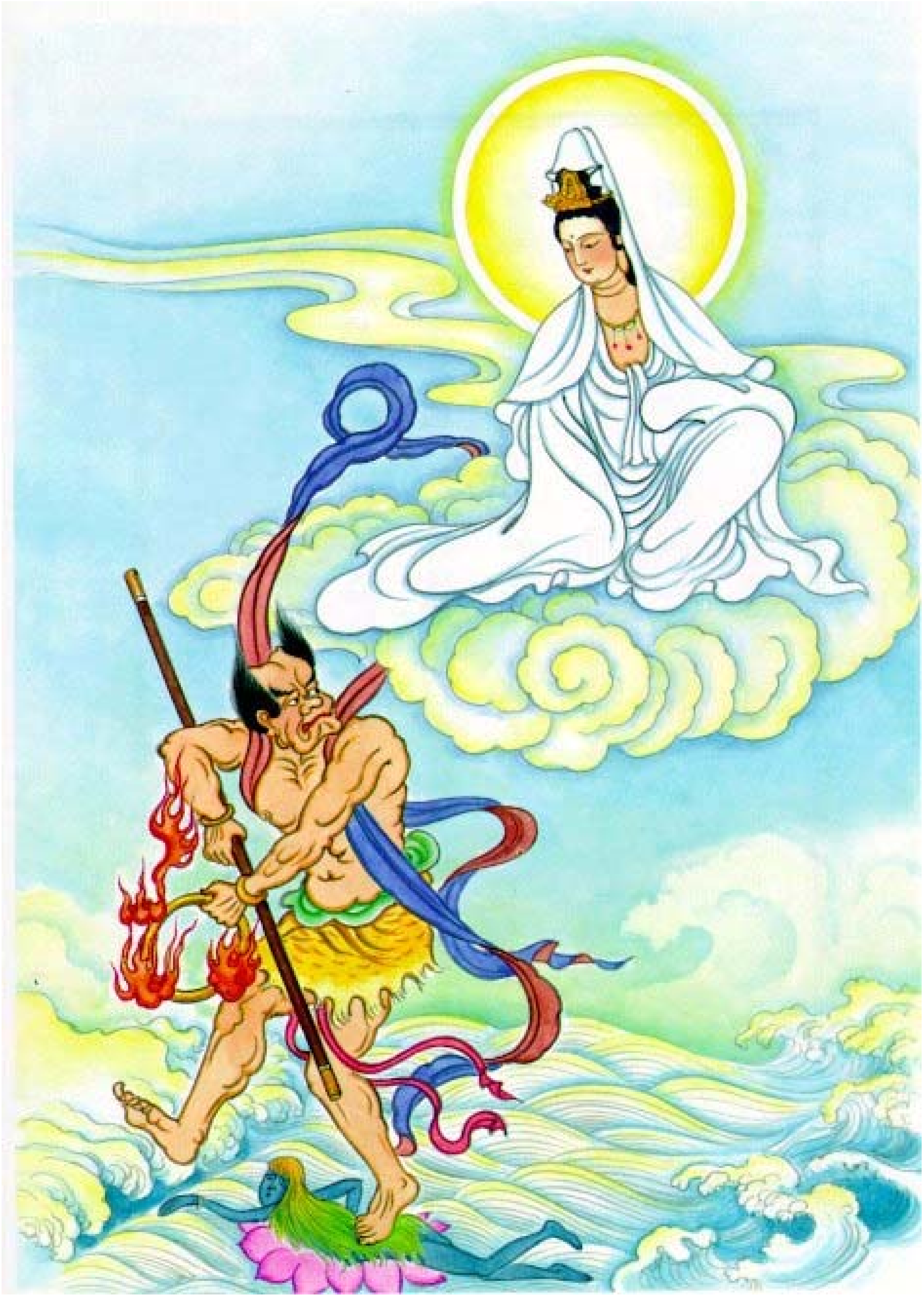
Người cần phải dùng **thân Đồng Nam** (Putra-rūpeṇa)**, Đồng Nữ** (Kanyā-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Đồng Nam, Đồng Nữ mà nói Pháp cho kẻ đó.



Người cần phải dùng **thân của nhóm Trời** (Deva-rūpeṇa)**, Rồng** (Nāga-rūpeṇa)**, Dạ Xoa** (Yakṣa-rūpeṇa)**, Càn Thát Bà** (Gandharva-rūpeṇa)**, A Tu La** (Asura-rūpeṇa)**, Ca Lâu La** (Garuḍa-rūpeṇa)**, Khẩn Na La** (Kiṃnara-rūpeṇa**, Ma Hầu La Già** (Mahoraga-rūpeṇa)**, Người** (Manuṣya-rūpeṇa)**, Phi Nhân** (Amanuṣya-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền đều hiện ra thân ấy mà nói Pháp cho kẻ đó.



Người cần phải dùng **thân Chấp Kim Cương** (Vajrapāṇi-rūpeṇa) để hoá độ được thì liền hiện thân Chấp Kim Cương mà nói Pháp cho kẻ đó.



Này Vô Tận Ý ! Quán Thế Âm đó thành tựu Công Đức như vậy, dùng mọi loại hình dạo chơi các cõi nước, độ thoát chúng sinh. Chính vì thế cho nên các ông cần phải một lòng cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát đó ở trong các nạn nguy cấp đáng sợ thì hay ban cho sự không sợ hãi. Chính vì thế mà Thế Giới Sa Bà này đều gọi Ngài là ***bậc ban cho sự không sợ hãi*** (Thí Vô Úy Giả:Abhayaṃdada)



Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Nay con sẽ cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát"

Liền cởi chuỗi Anh Lạc do mọi viên ngọc báu kết thành đeo ở cổ, trị giá trăm ngàn lạng vàng, đem dâng cho Quán Thế Âm Bồ Tát rồi nói rằng: "Xin Ngài nhận chuỗi Trân Bảo Anh Lạc này đúng như Pháp Thí"

Thời Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng chịu nhận lấy

Vô Tận Ý lại bạch với Quán Thế Âm Bồ Tát rằng: "Xin Ngài thương xót chúng tôi mà nhận chuỗi Anh Lạc này"



Bấy giờ Đức Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: "Ông nên xót thương Vô Tận Ý Bồ Tát với bốn Chúng, Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Người, Phi Nhân… mà nhận chuỗi Anh Lạc đó"

Ngay lúc đó, Quán Thế Âm Bồ Tát xót thương các nhóm bốn Chúng với hàng Trời, Rồng, Người, Phi Nhân… nhận chuỗi Anh Lạc ấy, rồi chia ra làm hai phần, một phần dâng cúng Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākyamuṇi) một phần dâng cúng cái tháp của Đức Phật **Đa Bảo** (Prabhūta-ratna).



_ Này Vô Tận Ý ! Quán Thế Âm Bồ Tát có Thần Lực tự tại như vậy mà dạo chơi ở Thế Giới Sa Bà”

Khi ấy Vô Tận Ý Bồ Tát dùng **Kệ** hỏi rằng:

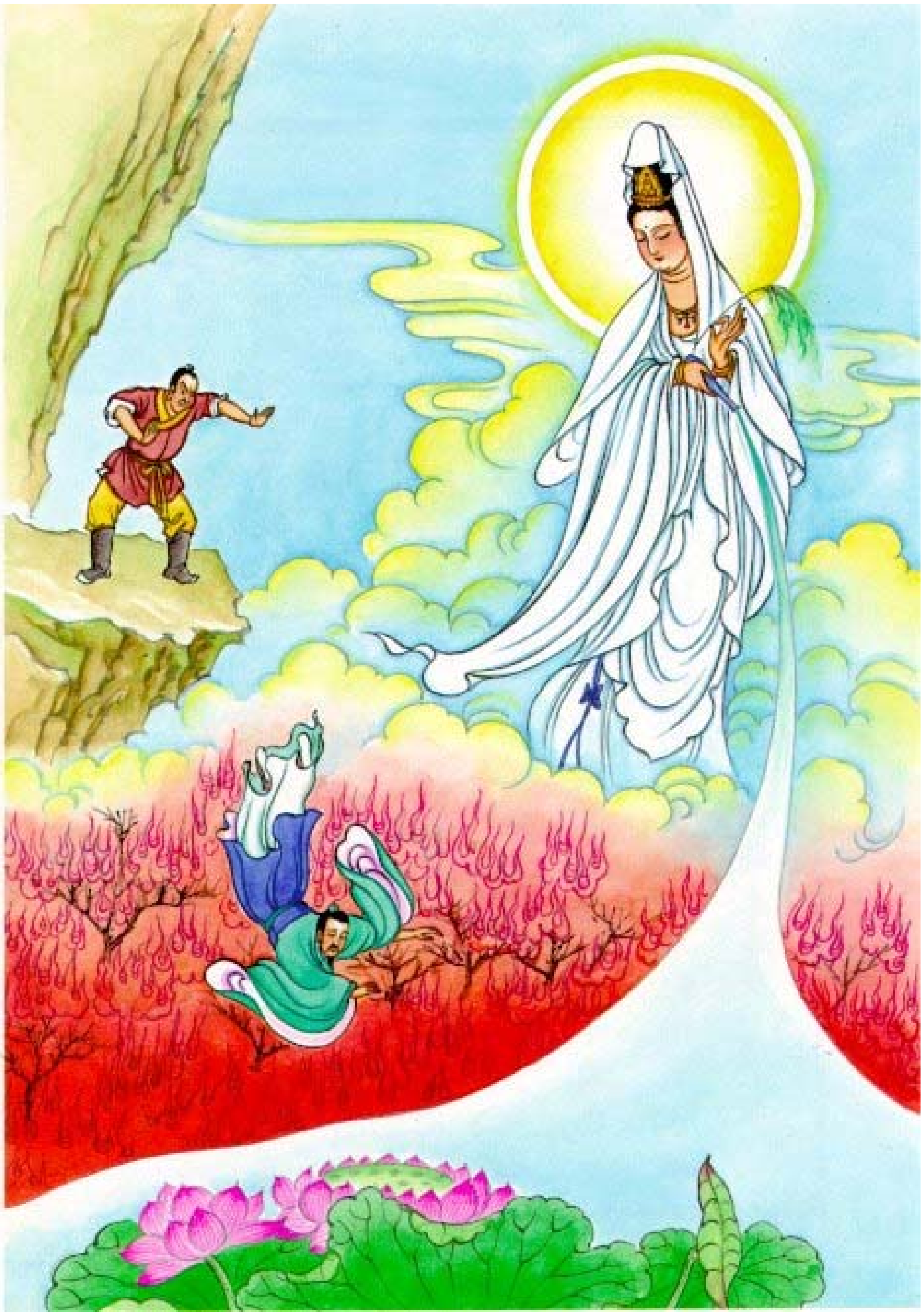
“Thế Tôn đủ tướng tốt
Nay con lại hỏi rằng
*Phật Tử nhân **Duyên** gì*
*Tên là **Quán Thế Âm** ?”*

_ Đấng đầy đủ tướng tốt
Kệ đáp Vô Tận Ý:

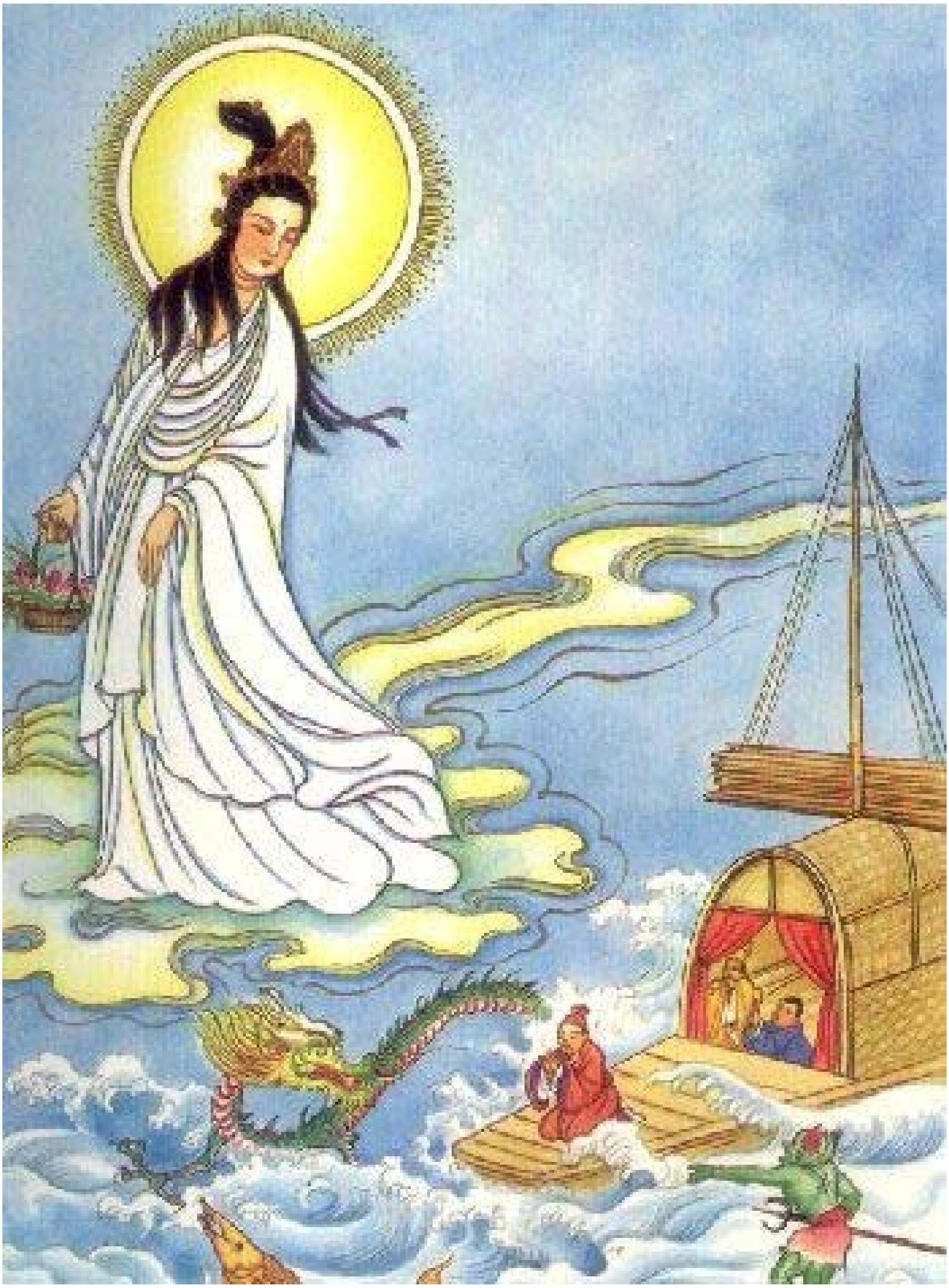
*“Ông nghe **Hạnh Quán Âm*** (Avalokiteśvara-caryā)
Khéo ứng các nơi chốn
Thệ rộng sâu như biển
Muôn kiếp khó nghĩ bàn
Hầu nhiều ngàn ức Phật
Phát Nguyện đại thanh tịnh
Ta vì ông lược nói
Hay diệt khổ các cõi



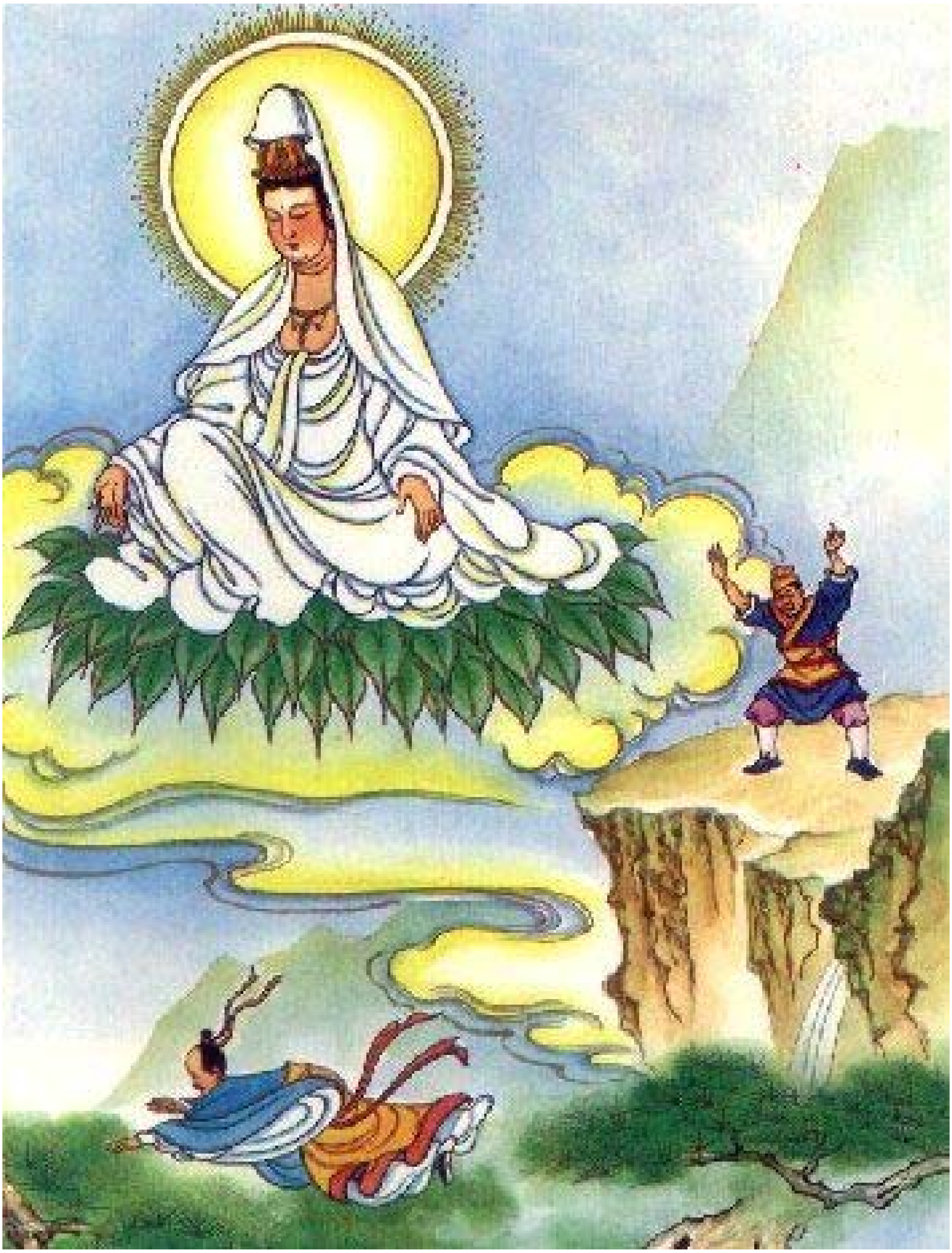
_ Giả sử khởi Ý hại
Đẩy xuống hầm lửa lớn
Do sức niệm Quán Âm
Hầm lửa biến thành ao



_ *Hoặc trôi trong biển rộng*
Gặp nạn Quỷ, Rồng, cá
Do sức niệm Quán Âm
Chẳng chìm trong sóng nước



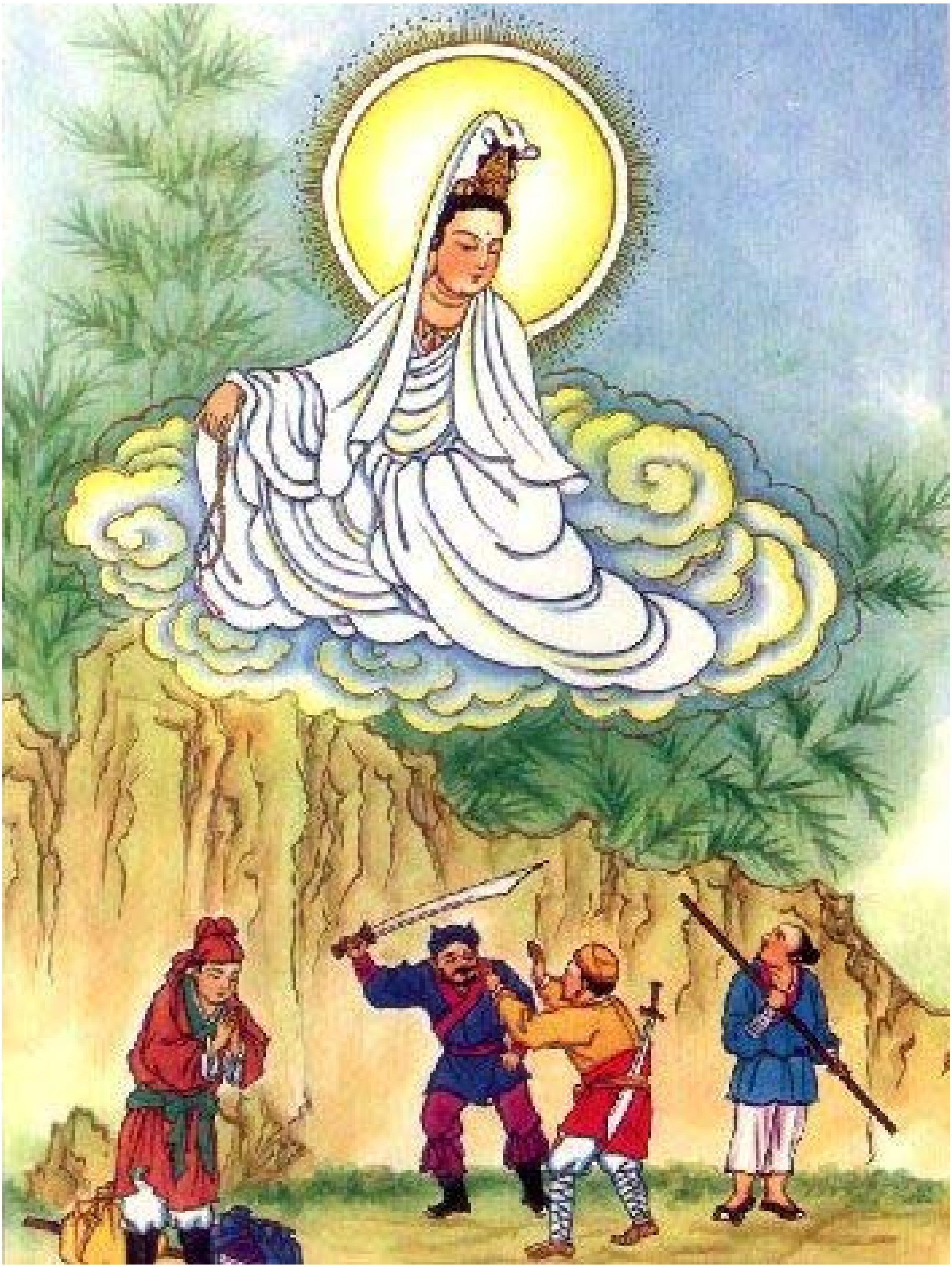
_ *Hoặc tại ngọn* ***Tu Di*** (Meru)
Bị người xô té xuống
Do sức niệm Quán Âm
Như mặt trời trên không



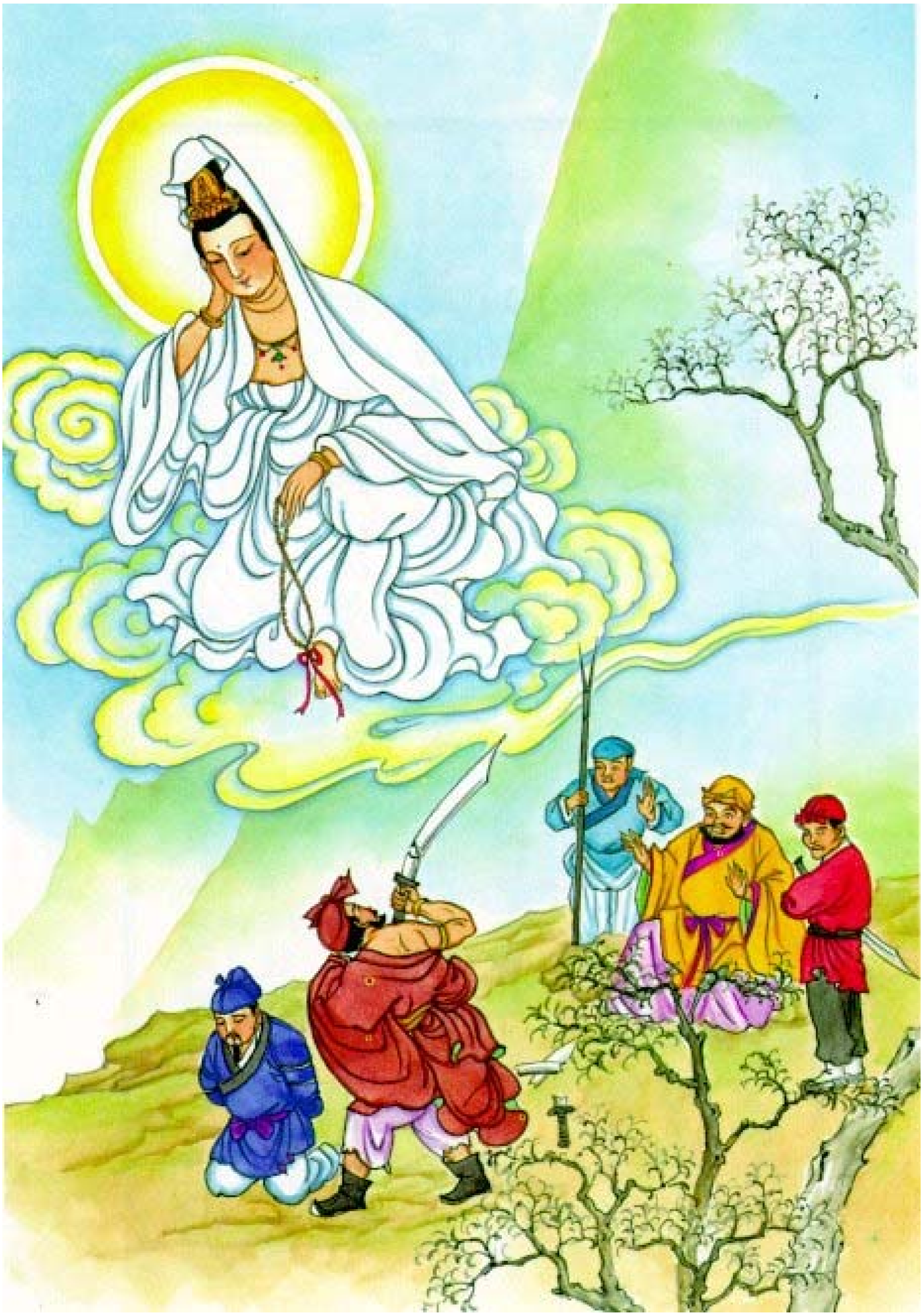
_ Hoặc bị người ác rượt
Rơi xuống núi Kim Cương
Do sức niệm Quán Âm
Chẳng mất một sợi lông



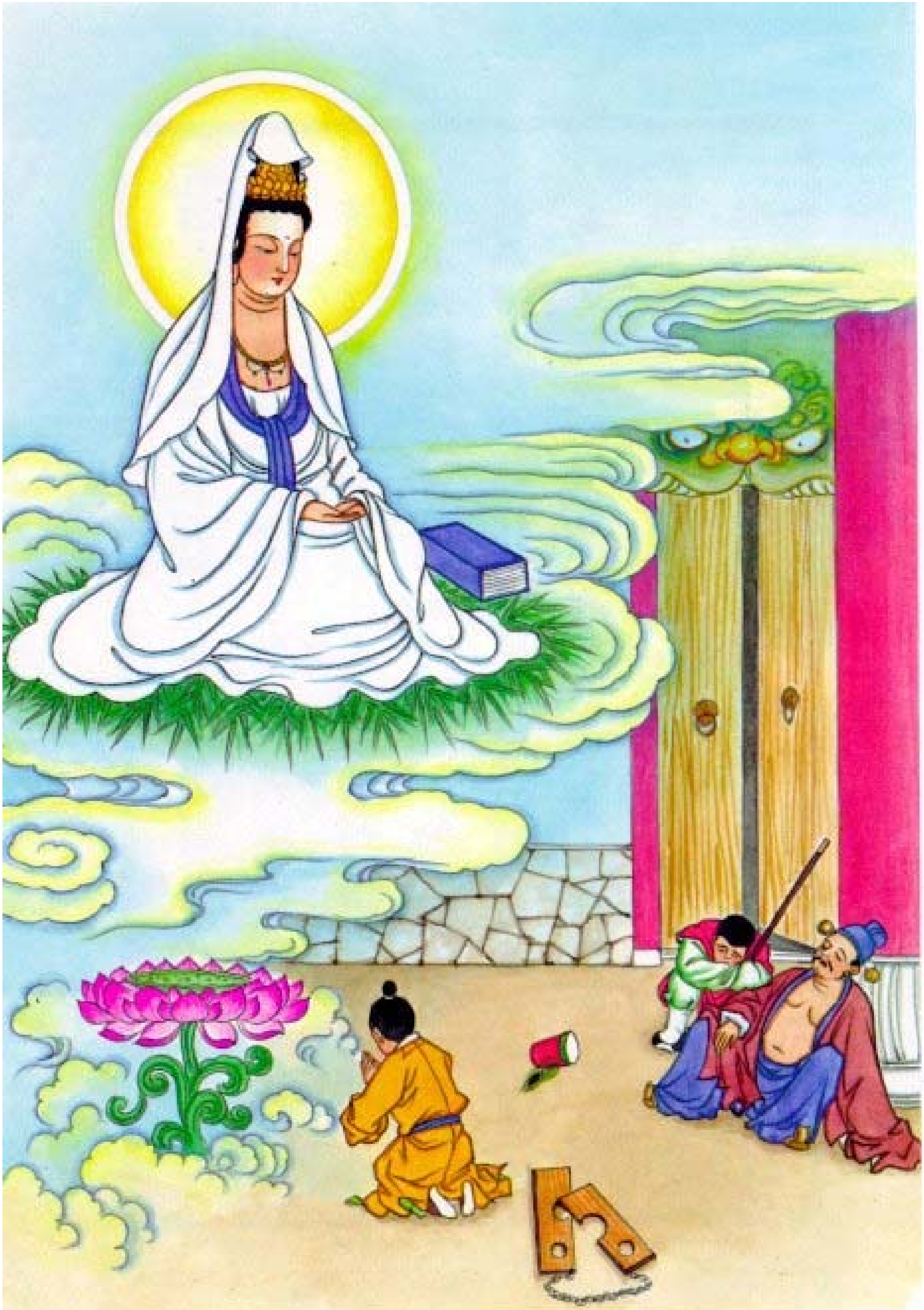
_ Hoặc bị Oán Tặc vây
Đều cầm đao hãm hại
Do sức niệm Quán Âm
Chúng đều sinh Tâm lành



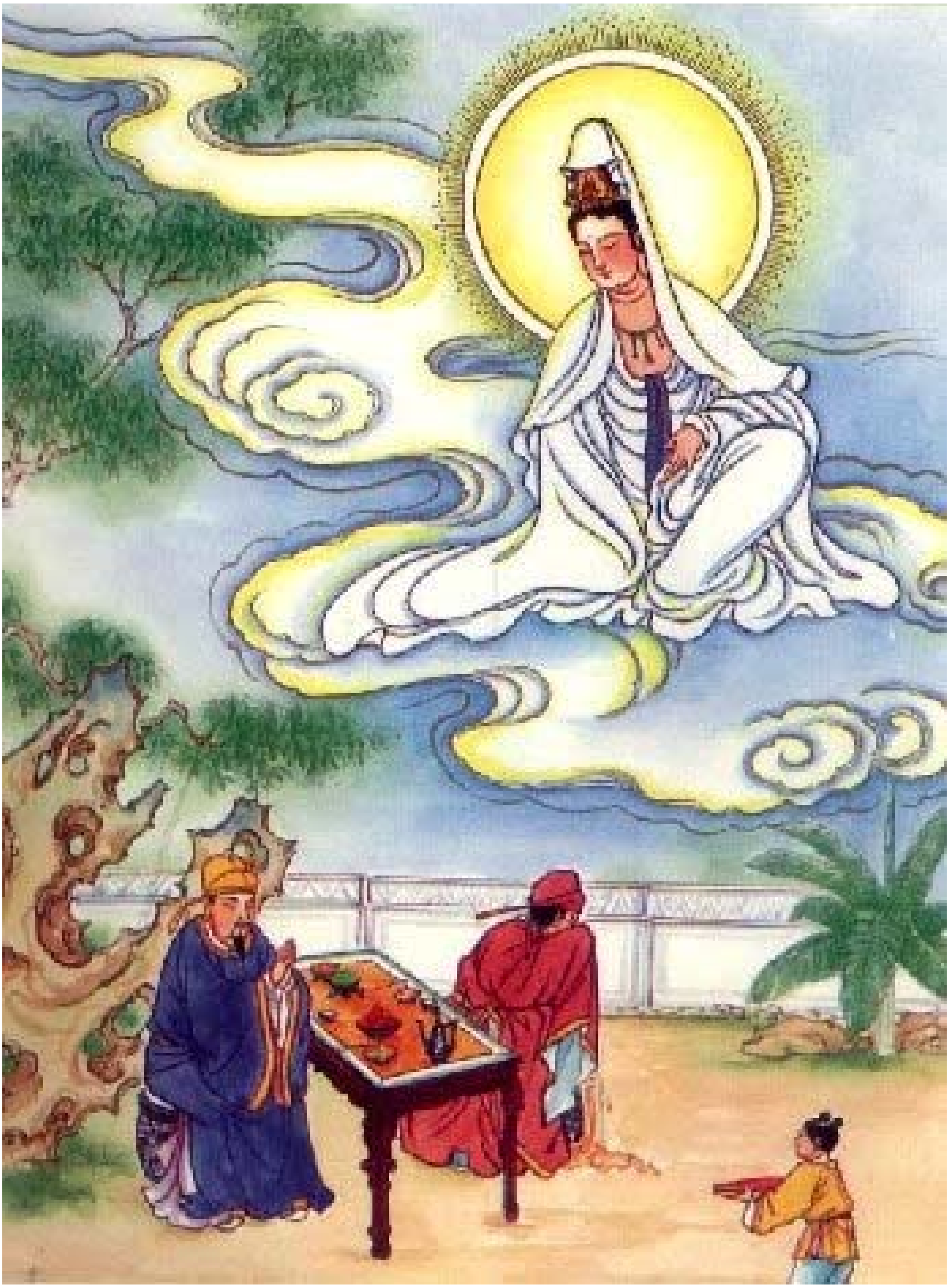
_ *Hoặc vướng nạn vua chúa*
Bị hành hình sắp chết
Do sức niệm Quán Âm
Đao liền gẫy từng đoạn



_ *Hoặc tù cấm, xiềng xích*
Chân tay bị gông cùm
Do sức niệm Quán Âm
Được giải thoát nhẹ nhàng



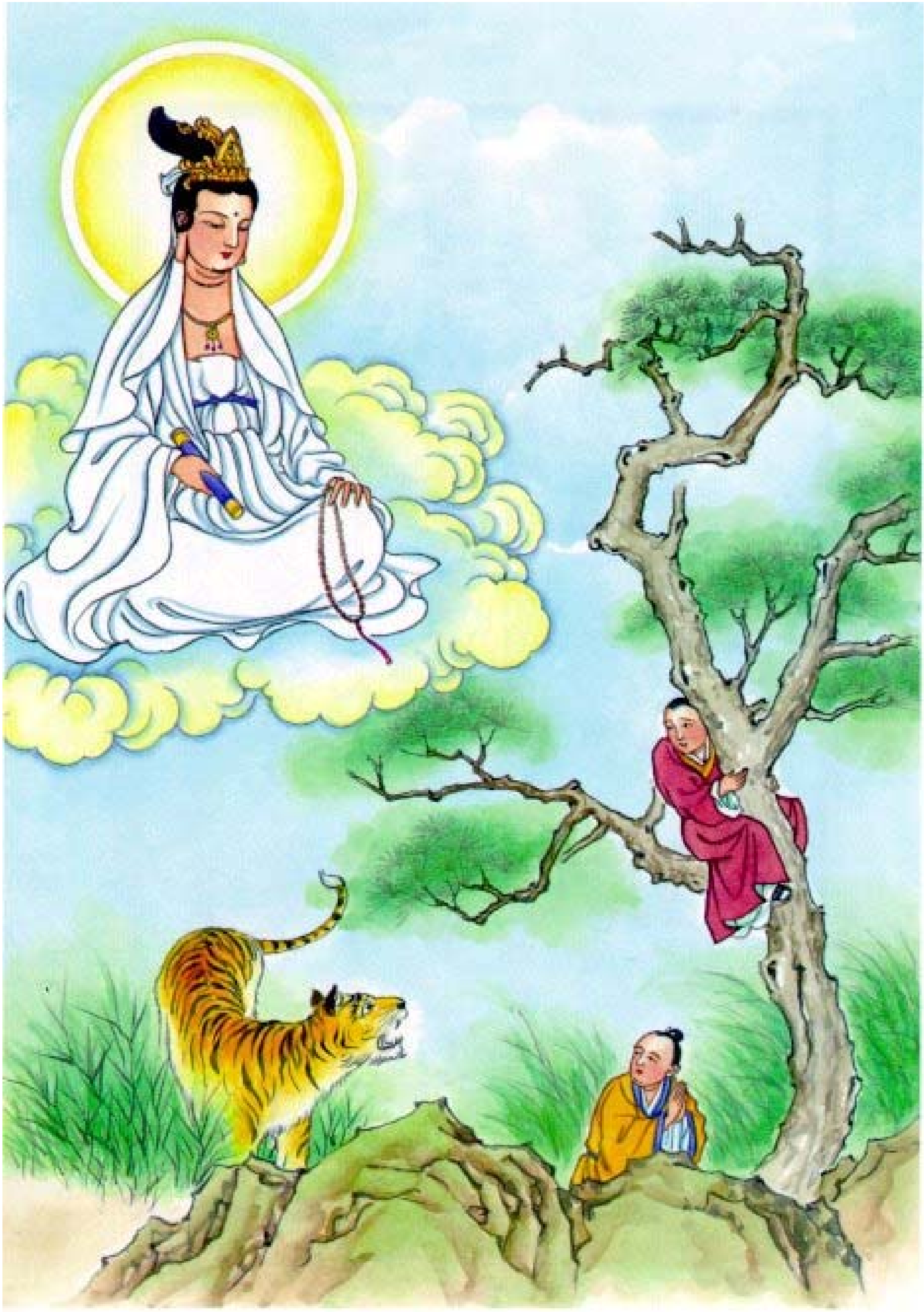
_ *Các thuốc độc, ếm đối*
Muốn gây hại thân mệnh
Do sức niệm Quán Âm
Quay về hại người gây



_ *Hoặc gặp La Sát ác*
Rồng độc, các loài Quỷ
Do sức niệm Quán Âm
Chúng đều chẳng dám hại



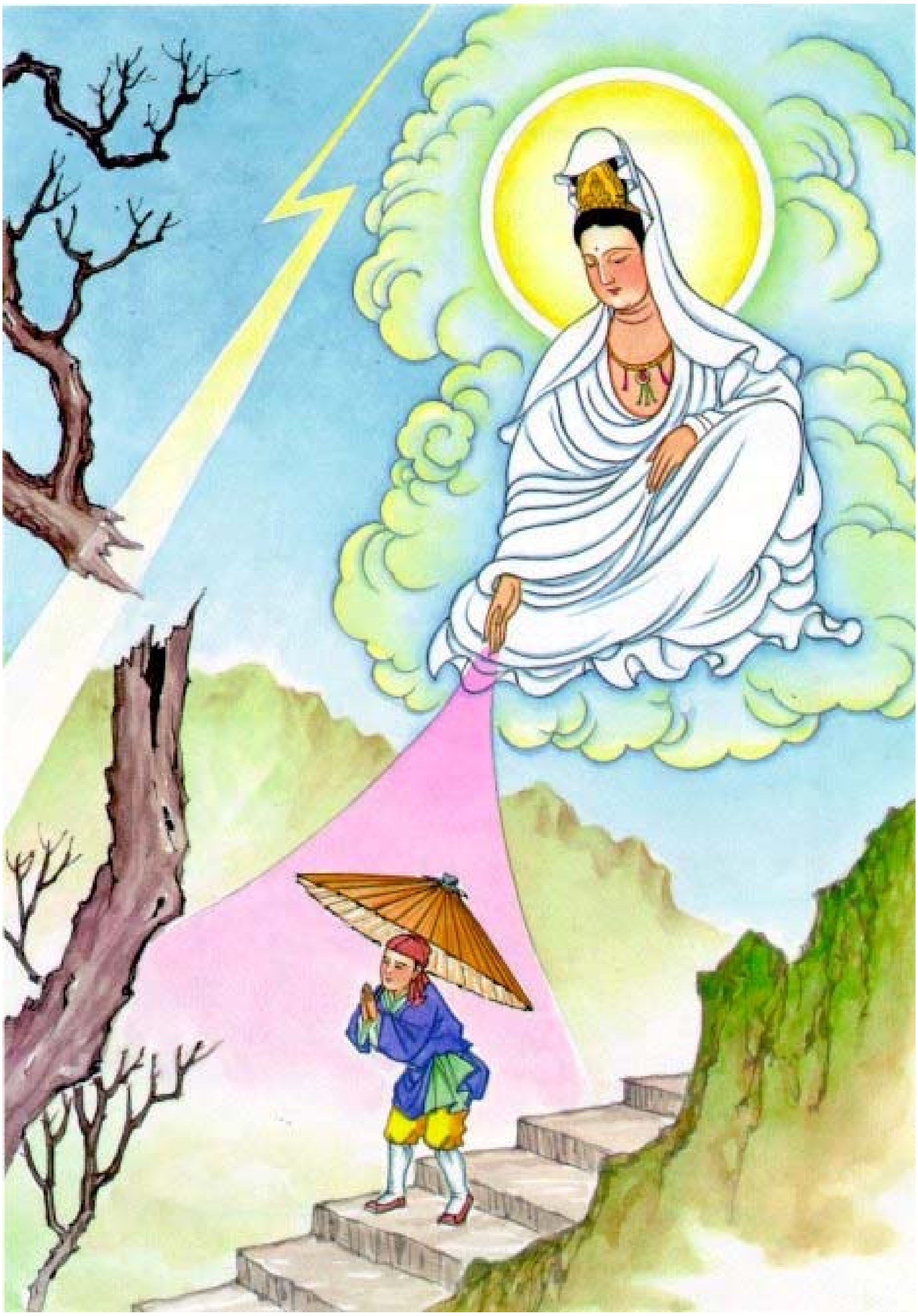
_ Nếu bị thú dữ vây
Nanh vuốt nhọn đáng sợ
Do sức niệm Quán Âm
Chúng vội vàng bỏ chạy



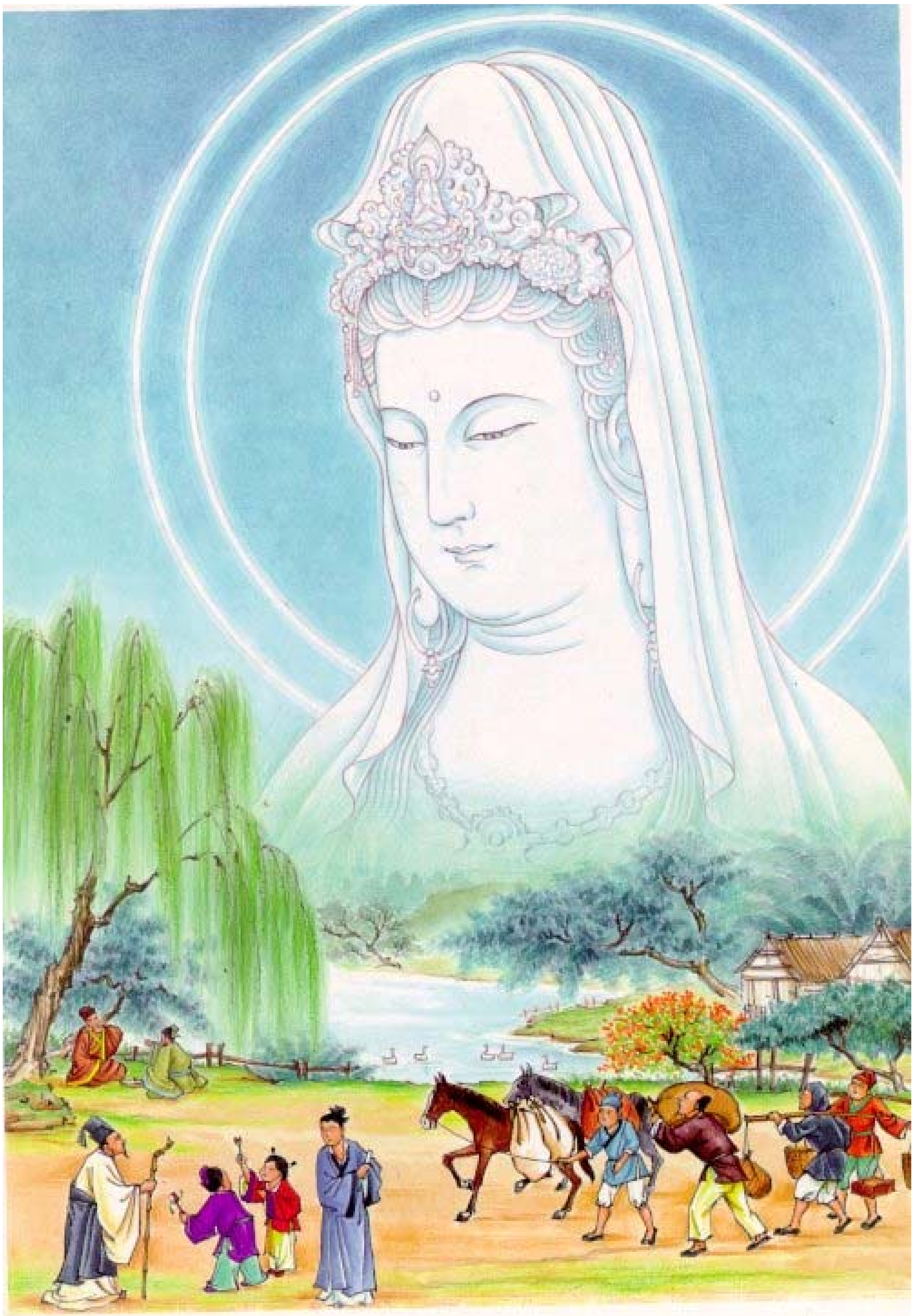
_ Rắn độc với Bò Cạp
Hơi độc, khói, lửa đốt
Do sức niệm Quán Âm
Chúng theo tiếng tự đi



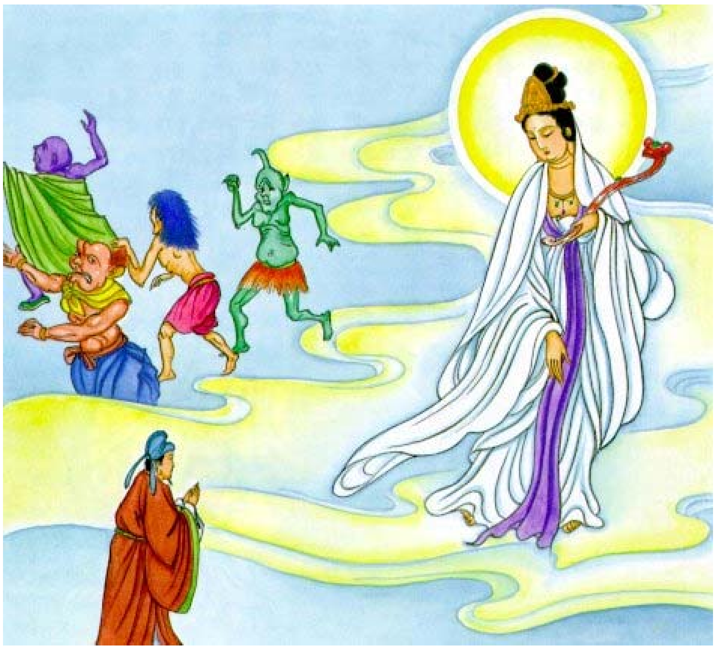
_ *Mây sấm nổ, sét đánh*
Tuôn mưa đá, mưa lớn
Do sức niệm Quán Âm
Tiêu tan ngay lập tức



_ *Chúng sinh bị khốn ách*
Vô lượng khổ ép thân
Sức Diệu Trí Quán Âm
Hay cứu khổ Thế Gian
Đầy đủ sức Thần Thông
*Rộng tu **Trí Phương Tiện***
Các cõi nước mười phương
Không cõi nào không hiện



_ *Mọi loại các nẻo ác*
Địa Ngục, Quỷ, Súc Sinh
Khổ: ***sinh, già, bệnh, chết***
Dần dần khiến diệt hết



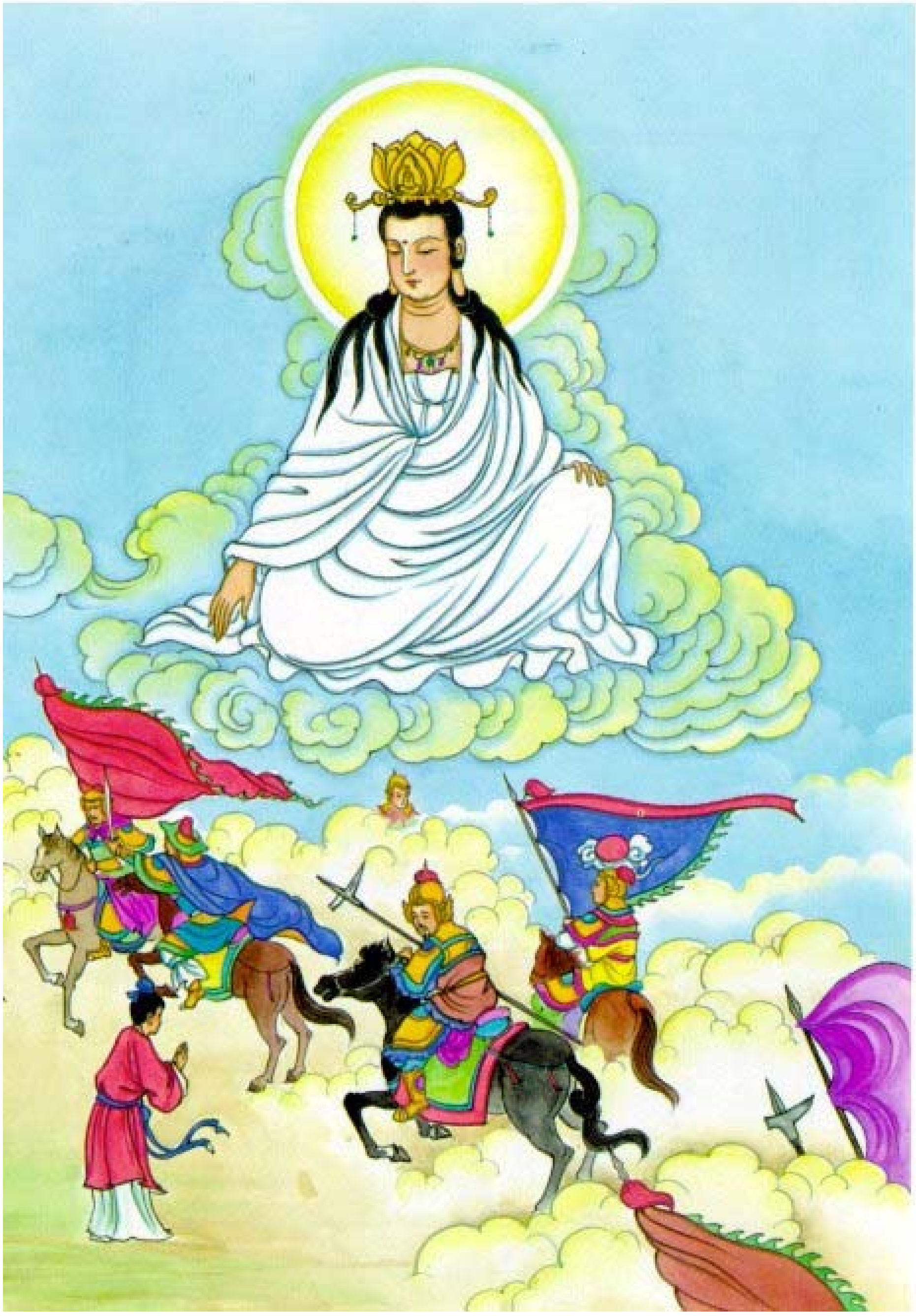
_ ***Chân Quán*** (? kṛpalocana)***, Thanh Tịnh Quán*** (śuddhalocanā)
Quảng Đại Trí Tuệ Quán (prajñājñānaviśiṣṭalocanā)
Bi Quán (? śubhalocana: Hảo Quán) *với* ***Từ Quán*** (Maitra-locanā)
Thường Nguyện, thường chiêm ngưỡng
Ánh sáng sạch không dơ (amalāmalanirmalaprabhā)
Mặt trời Tuệ (jñānadivākaraprabhā) *phá ám*
Hay trừ nạn, gió, lửa
Soi sáng khắp Thế Gian



_ ***Thể Bi*** (? śubhaguṇa: Hảo Đức) *răn sấm sét*
Ý lành (maitramanā: Từ Ý) *khéo như mây*
Tuôn ***mưa Pháp*** (dharmavarṣaṃ) ***Cam Lồ*** (Amṛta)
Diệt trừ ***lửa phiền não*** (kleśāgni)



_ *Kiện tụng đến cửa Quan*
Trong quân trận sợ hãi
Do sức niệm Quán Âm
Mọi oán đều lui tan



[Bản Phạn ghi thêm một câu là: ***Vân Âm*** (meghasvara: tiếng của đám mây) *với* ***Cổ Âm*** (duṇḍubhisvara: tiếng của cái trống)]

_ ***Diệu Âm*** (Susvara)*,* ***Quán Thế Âm*** (Avalokiteśvara)
Phạm Âm (Brahmasvara)*,* ***Hải Triều Âm*** (jala-dhara-garjita-svara)
Hơn hẳn tiếng Thế Gian
Vì thế nên thường niệm
Niệm niệm chớ nghi ngờ
Quán Âm, bậc ***Tịnh Thánh*** (śuddhasattvaṃ)
Nơi nạn chết khổ não
Hay làm nơi nương tựa
Đủ tất cả Công Đức
Mắt hiền (maitralocana: Từ Nhãn) *nhìn chúng sinh*
Biển gom Phước vô lượng
Vì thế nên Đỉnh Lễ"



Bấy giờ **Trì Địa Bồ Tát** (Dharanim-dhara) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước mặt Đức Phật bạch rằng: “Thế Tôn ! Nếu có chúng sinh nghe được Nghiệp tự tại, **Phổ Môn** (samantamukha) hiện bày sức Thần Thông trong **Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát**. Nên biết người đó có Công Đức chẳng ít”



Khi Đức Phật nói **Phẩm Phổ Môn** (samantamukhaparivartaḥ) đó xong thời tám vạn bốn ngàn chúng sinh trong **Chúng** đều phát Tâm **Vô Đẳng Đẳng A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (asamasamāyāmanuttarāyāṃ)



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN PHẨM
_ Hết_

30/12/2012

BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Hán dịch: Đời Đường_ Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG
Việt dịch: HUYỀN THANH

Khi Bồ Tát Quán Tự Tại thực hành Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu thời soi thấy năm Uẩn đều trống rỗng mà vượt qua tất cả ách khổ đau

Này Xá Lợi Tử! Hình chất chẳng khác trống rỗng, trống rỗng chẳng khác hình chất. Hình chất tức là trống rỗng, trống rỗng tức là hình chất. Cảm giác, tri giác, hoạt động tâm ý, nhận thức cũng đều như vậy

Xá Lợi Tử! Tướng trống rỗng của các Pháp vốn chẳng sinh chẳng diệt, chẳng dơ bẩn chẳng trong sạch, chẳng tăng thêm chẳng giảm bớt

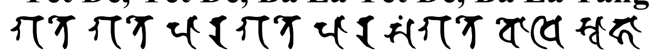
Chính vì thế cho nên trong Trống rỗng không có hình chất, không có: cảm giác, tri giác, hoạt động tâm ý, nhận thức. Không có: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Không có: hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, cảm xúc va chạm, pháp cảnh. Không có giới của mắt cho đến không có giới nhận thức của ý. Không có Vô Minh cũng không có chấm dứt Vô Minh cho đến không có già chết cũng không có chấm dứt già chết. Không có: khổ não, nguyên nhân kết tạo khổ não, trạng thái xóa bỏ khổ não, đường lối thoát khỏi khổ não. Không có Trí cũng không có đắc

Nhờ không có sở đắc cho nên bậc Giác Hữu Tình y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa mà tâm không có trở ngại. Do không có trở ngại nên không có sợ hãi, xa lìa điên đảo mộng tưởng, rốt ráo đạt đến Niết Bàn. Chư Phật ba đời y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa nên đắc được Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác

Nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là Thần Chú to lớn, là bài Chú sáng tỏ to lớn, là bài Chú không có gì cao hơn, là bài Chú không có gì sánh bằng cho nên nói Bát Nhã Ba La Mật Đa Chú

Liền nói Chú là:

“Yết Đế, Yết Đế, Ba La Yết Đế, Ba La Tăng Yết Đế, Bồ Đề Tăng Sá Ha”



GATE GATE PĀRAGATE PĀRASAṂGATE BODHI SVĀHĀ

BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH
Hết

22/10/1997

BÁT NHÃ TÂM KINH SÁM PHÁP

Soạn dịch: HUYỀN THANH

PHẬT NÓI
THÁNH PHẬT MẪU BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

[Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triều Phụng Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh_ Truyền Pháp Đại Sư , kẻ bầy tôi được ban áo tía là THI HỘ phụng chiếu dịch
Việt dịch : HUYỀN THANH]

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Thế Tôn ngự trong núi **Thứu Phong** thuộc thành **Vương Xá** cùng với Chúng **Đại Bật Sô** gồm hai trăm năm mươi người đến dự, cùng với các Chúng **Bồ Tát Ma Ha Tát** cùng nhau vây quanh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nhập vào Tam Ma Địa **Thậm Thâm Quang Minh Diễm Thuyết Chính Pháp**. Thời **Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát** ở trong Phật Hội, vị Bồ Tát Ma Ha Tát này đã hay tu hành **Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu**, quán thấy tự tính của năm Uẩn đều trống rỗng.

Khi ấy **Tôn Giả Xá Lợi Tử** nương theo uy thần của Đức Phật đến trước mặt Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát thưa rằng: "Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện đối với Pháp Môn **Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu** này vui muốn tu học thì cần phải học như thế nào?"

Thời Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát bảo Tôn Giả Xá Lợi Tử rằng:

"Ông nay lắng nghe, tôi sẽ vì ông mà nói. Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện nào vui muốn tu học Pháp Môn Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu này thì nên quán tự tính của năm Uẩn đều trống rỗng

Thế nào gọi là **Tự Tính của năm Uẩn trống rỗng?** Ấy là ngay hình chất chính là trống rỗng, ngay trống rỗng tức là hình chất. Hình chất không khác với trống rỗng, trống rỗng không khác với hình chất. Cảm giác, Tri Giác, hoạt động tâm ý, nhận thức cũng đều như vậy

Này Xá Lợi Tử ! Tướng **Trống Rỗng** như vậy của tất cả Pháp này không có chỗ sinh,không có nơi diệt, không có cấu nhiễm, không có trong sạch, không có tăng trưởng, không có giảm bớt

Xá Lợi Tử ! Chính vì thế cho nên trong **Trống Rỗng** không có hình chất, không có:cảm giác, tri giác, hoạt động tâm ý, nhận thức.

Không có: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Không có hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, cảm xúc va chạm, pháp cảnh.

Không có giới của mắt, không có giới nhận biết của mắt cho đến không có giới của ý, không có giới của nhận biết của ý.

Không có Vô Minh, không có không vô minh cho đến không có già chết cũng không có chấm dứt già chết.

Không có khổ não, nguyên nhân kết tạo khổ não, trạng thái xóa bỏ khổ não, đường lối thoát khỏi khổ não.

Không có Trí, không có đắc, cũng không có không đắc.

Xá Lợi Tử ! Do **không có đắc** này, cho nên Bồ Tát Ma Ha Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, tương ứng hành nên tâm không có dính mắc cũng không có trở ngại. Do không dính mắc, không có trở ngại cho nên không có sợ hãi, xa lìa tất cả vọng tưởng

điên đảo, rốt ráo Viên Tịch. Hết thảy chư Phật ba đời đều y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa cho nên đắc được Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác

Vì thế nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là bài Minh rộng lớn, là bài Minh không có gì cao hơn, là bài Minh không có gì sánh bằng lại hay trừ tất cả khổ. Chân thật không có pháp hư vọng. Các kẻ tu học nên học như vậy

Nay Ta diễn nói **Bát Nhã Ba La Mật Đa Đại Minh** là:

TADYATHĀ: OṂ GATE GATE PĀRAGATE PĀRASAṂGATE BODHI SVĀHĀ

Xá Lợi Tử! Các Bồ Tát Ma Ha Tát nếu hay tụng Minh Cú **Bát Nhã Ba La Mật Đa** này tức là tu học Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu

Bấy giờ Đức Thế Tôn từ Tam Ma Địa an lành đứng dậy khen ngợi Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: "Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Như ông đã nói. Như vậy! Như Vậy! Bát Nhã Ba La Mật Đa nên học như vậy. Đây tức là Ý chân thật tối thượng tột cùng, tất cả Như Lai cũng đều tùy hỷ"

Đức Phật nói Kinh này xong, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát và các Bật Sô cho đến hàng Trời, Người, A Tu La, Càn Đạt Bà của Thế Gian, tất cả Đại Chúng nghe lời Phật dạy đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành

PHẬT THUYẾT THÁNH PHẬT MẪU BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA KINH
(Hết)

Nam mô Phật
Nam mô Pháp
Nam mô Tăng
Nam mô Thánh Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa
Nam mô thập phương thường trụ chư vị Bồ Tát
Nam mô thập phương thường trụ chư vị Hiền Thánh
Nay con xin kính nguyện
Đỉnh lễ khắp tất cả
Nguyện cho lời Nguyện này
Mau chóng được thành tựu
Như trong đời quá khứ
Vua Trời **Kiều Thi Ca**
Luôn chuyên chú nhớ nghĩ
Nghĩa sâu xa màu nhiệm
Bát Nhã Ba La Mật
Ngày ngày luôn tụng niệm
[Tụng là]
_ *"Như sao, như đèn, lọng*
Mộng, huyễn với bọt, sương
Như điện cũng như mây
Nên tác quán như vậy

_ *Nay Ta lược nói đây*
Bát Nhã Ba La Mật
Chẳng sinh cũng chẳng diệt
Chẳng Đoạn cũng chẳng Thường
Chẳng một chẳng nhiều nghĩa
Chẳng đến cũng chẳng đi

Như vậy mười hai Duyên
Ngưng nghỉ khiến vắng lặng (tịch tĩnh)

_ *Chính Đẳng Chính Giác nói*
Cung kính Thầy tối thượng (Tối Thượng Sư)
Quy y Phật mười phương
Quá khứ, hiện, vị lai
Tam Bảo, Ba La Mật
Vô lượng biển Công Đức
Cúng dường các Như Lai
***Đại Minh**, chân bí mật"*
Nhờ đấy giáng phục được
Hết thảy chúng Ma Vương

_ Nay con cũng Nguyện xin
Làm y theo như vậy
Luôn chuyên chú nhớ nghĩ
Nghĩa sâu xa màu nhiệm
Của **Phật Mẫu Bát Nhã**
Ba La Mật Đa này
Ngày ngày luôn tụng niệm
Mọi lời chữ thâm sâu
Vi diệu rất nhiệm màu
Nguyện hết thảy bệnh tật
Ma Chướng với Ác Chướng
Mọi chướng ngại mười phương
Từ Nghiệp xưa đi đến
Hợp với Duyên ác nay
Nguyện cho khắp tất cả
Đồng loạt cùng tan biến
Đồng loạt cùng ngừng hiện
Đồng loạt được dẹp yên.
NAMO ĀRYA-BHAGAVATĪ-PRAJÑA-PĀRAMITĀYA
TADYATHĀ: OṂ _ GATE GATE PĀRAGATE PĀRASAṂGATE BODHI SVĀHĀ (3 lần đến 108 lần)

_ Nay con nguyện nương vào
Sức uy thần vô biên
Được đến từ Chân Lý
Chính Pháp của Tam Bảo
Nguyện xin khắp hết thảy
Chướng ngại trong với ngoài
Tức thời được chuyển hoá
Tức thời được tan biến
Tức thời được dẹp yên
Dẹp yên không còn sót

_ Nguyện cho mọi trở lực
Muốn ngăn che Chính Pháp

Thảy đều bị giáng phục

_ Nguyện cho khắp tất cả
Hết thảy các chướng ngại
Đều được **dẹp yên** hết

_ Nguyện con với chúng sinh
Mau chóng xa lìa được
Cảnh nghịch với **Duyên nghịch**
Vĩnh viễn được an trụ
Trong niềm vui Chính Pháp
Nguyện ngay từ bây giờ
Hết thảy mọi công việc
Đều tràn đầy hạnh phúc
An vui với tốt lành.

Hết

08/04/2011



KINH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT THỌ KÝ

(Avalokiteśvara-bodhisattva-mahāsthāma-prāpta-bodhisattva-vyākaraṇa-sūtra)

Hán dịch: Đời Tống_ Nước Hoàng Long_ Sa Môn ĐÀM VÔ KIỆT (Dharmodgata)
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự trong **Tiên Nhân Lộc Uyển** (Mṛgadava) tại **Ba La Nại** (Vārāṇasī) cùng với Chúng Đại Tỳ Khưu gồm hai vạn người cùng đến dự.

Bồ Tát gồm có một vạn hai ngàn người, tên của các vị ấy là: **Sư Tử** Bồ Tát, **Sư Tử Ý** Bồ Tát, **An Ý** Bồ Tát, **Vô Dụ Ý** Bồ Tát, **Trì Địa** Bồ Tát, **Ba La Đạt** Bồ Tát, **Thần Thiên** Bồ Tát, **Thật Sự** Bồ Tát, **Già Hầu Đa** Bồ Tát, **Hiền Lực** Bồ Tát, **Minh Thiên** Bồ Tát, **Ái Hỷ** Bồ Tát, **Văn Thù Sư Lợi** Bồ Tát, **Trí Hạnh** Bồ Tát, **Chuyên Hạnh** Bồ Tát, **Hiện Vô Ngại** Bồ Tát, **Di Lặc** Bồ Tát …Nhóm như vậy là bậc **Thượng Thủ** (Pramukha) cùng với Bồ Tát Ma Ha Tát gồm một vạn hai ngàn người đến dự.

Lại có hai vạn vị **Thiên Tử** (Devaputra), **Thiện Giới** Thiên Tử, **Thiện Trụ** Thiên Tử…là bậc Thượng Thủ đều trụ ở **Đại Thừa** (Mahā-yāna).

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng với vô lượng trăm ngàn **Quyến Thuộc** (Parivāra) vây quanh rồi vì họ nói Pháp.

Khi ấy trong Hội có một vị Bồ Tát tên là **Hoa Đức Tạng** (Puṣpa-guṇa-garbha) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất,chắp tay hướng về Đức Phật rồi nói lời này: "Nguyện xin Đức Thế Tôn cho phép con đứng trung gian, muốn có điều thưa hỏi"

Đức Phật bảo Hoa Đức Tạng Bồ Tát rằng: "Tuỳ theo điều ông muốn hỏi. Tất cả việc nghi ngờ, Ta đã biết , sẽ vì ông giải nói khiến cho ông vui vẻ"

Lúc đó Hoa Đức Tạng Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Bồ Tát Ma Ha Tát làm sao chẳng thoái lui nơi **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksaṃbuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) với năm Thần Thông, được Tam Muội **Như Huyễn**, dùng phương tiện khéo, hay hoá ra thân ấy tuỳ theo mọi hình loại tạo thành **căn lành** (Kuśala-mūla) rồi vì họ nói **Pháp** (Dharma), khiến cho được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề?"

Đức Phật bảo Hoa Đức Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát: "Lành thay ! Lành thay ! Ông hay ở trước mặt Như Lai Chính Đẳng Giác hỏi nghĩa như vậy.

Này Hoa Đức Tạng ! Ông đã ở chỗ của chư Phật quá khứ gieo trồng các căn lành, cúng dường vô số trăm ngàn vạn ức chư Phật Thế Tôn, đối với chúng sinh hưng khởi **Tâm Đại Bi** (Kāruṇa-citta)

Lành thay Hoa Đức Tạng ! Hãy lắng nghe ! Hãy nghe cho kỹ ! Hãy khéo nghĩ nhớ ! Ta sẽ vì ông mà nói"

_Đáp rằng: "Thưa vâng ! Con vui nguyện muốn nghe"

Đức Phật bảo Hoa Đức Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát: "Thành tựu **một Pháp**, được Tam Muội **Như Huyễn.** Được Tam Muội đó xong, dùng phương tiện khéo, hay hoá ra thân ấy tuỳ theo mọi hình loại tạo thành **căn lành** (Kuśala-mūla) rồi vì họ nói Pháp, khiến cho được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Thế nào là **một Pháp** ? Ấy là: không có chỗ nương cậy, chẳng dựa theo ba cõi, cũng chẳng dựa theo bên trong, lại chẳng dựa theo bên ngoài, ở *không có chỗ nương cậy* được quán sát chính đúng. Quan sát chính đúng xong, liền được làm trọn chính đúng rồi đối với sự hiểu biết không có chỗ tổn giảm. Dùng Tâm không có giảm, ắt vượt đến **Chính Tuệ**, nghĩa là *Tất cả Pháp theo **Duyên** mà khởi, hư giả mà có. Tất cả các Pháp do **Nhân Duyên** mà sinh, nếu không có Nhân Duyên thì không có sinh Pháp. Tuy tất cả Pháp theo **Nhân Duyên** sinh, nhưng không có chỗ sinh ra, như vậy thông đạt Pháp **không có sinh*** (Vô Sinh Pháp: Anutpattika-dharma), được vào lối nẻo chân thật của Bồ Tát, cũng gọi là *được vào Tâm Đại Từ Bi*, thương xót độ thoát tất cả chúng sinh. Khéo hay hiểu sâu nghĩa như vậy xong, liền biết tất cả các Pháp như huyễn. Chỉ dùng ghi nhớ, nghĩ tưởng Ngữ Ngôn…hoá làm Pháp vậy. Xong *ghi nhớ, nghĩ tưởng Ngữ Ngôn…hoá làm các Pháp* rốt ráo đều ***trống rỗng*** (Śūnya: Không). Khéo hay thông đạt sự trống rỗng của các Pháp xong, thì gọi là *đạt được Tam Muội **Như Huyễn***. Được Tam Muội đó xong, dùng phương tiện khéo, hay hoá ra thân ấy, tuỳ theo mọi hình loại mà thành căn lành rồi vì họ nói Pháp, khiến cho được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề”

Bấy giờ Hoa Đức Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Ở trong Chúng này có thể có Bồ Tát được Tam Muội đó ư ?”

Đức Phật nói: “Có ! Nay trong Hội này: sáu mươi vị **Chính Sĩ** (Bodhisatva: Bồ Tát) thuộc nhóm **Di Lặc Bồ Tát** (Maitreya), **Văn Thù Sư Lợi** (Maṃjuśrī) có Đại Thệ trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn, đắc được Tam Muội đó”

Lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Chỉ có Bồ Tát trong Thế Giới này được Tam Muội đó hay Thế Giới ở phương khác lại có Bồ Tát thành tựu Tam Muội **Như Huyễn** như vậy?”

Đức Phật bảo Hoa Đức Tạng: “Vượt qua nơi này một ức trăm ngàn cõi về phương Tây có Thế Giới tên là **An Lạc** (Sukha-vatī), nước ấy có Đức Phật hiệu là **A Di Đà Như Lai Ứng Chính Biến Tri** (Amitāyus-tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya) ngày nay hiện đang nói Pháp. Nước ấy có Bồ Tát, vị thứ nhất tên là **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara), vị thứ hai tên là **Đắc Đại Thế** (Mahā-sthāma-prāpta) được Tam Muội đó.

Lại nữa Hoa Đức Tạng ! Nếu có Bồ Tát theo vị **Chính Sĩ** ấy, bảy ngày bảy đêm nghe nhận Pháp đó, liền đạt được Tam Muội **Như Huyễn**”

Hoa Đức Tạng Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Nước ấy ứng theo có vô lượng Bồ Tát được Tam Muội đó. Tại sao thế ? Vì còn có Bồ Tát khác sinh về nước ấy, đều sẽ sinh về chỗ của vị **Chính Sĩ** ấy nghe nhận Pháp đó”

Đức Phật nói: “Như vậy ! Như vậy ! Như ông đã nói. Có vô lượng a tăng kỳ Bồ Tát Ma Ha Tát theo vị Chính Sĩ ấy được Tam Muội đó”

Hoa Đức Tạng Bồ Tát bạch Phật rằng: “Lành thay ! Thế Tôn Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri ! Nguyện dùng Thần Lực khiến cho vị Chính Sĩ ấy đi đến Thế Giới này. Lại khiến cho hai cõi này được nhìn thấy nhau. Tại sao thế ? Vì vị Chính Sĩ ấy đến cõi này, sẽ khiến cho kẻ trai lành, người nữ thiện phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, nguyện sinh về nước ấy. Sinh vào nước ấy xong, hoàn toàn chẳng thoái chuyển A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề”

Khi ấy Đức Thế Tôn nhận sự thỉnh cầu ấy xong, liền phóng ánh sáng của tướng **Bạch Hào** ở tam tinh (Ūrṇa: sợi lông trắng xoáy vòng theo bên phải ở tam tinh) chiếu khắp ba ngàn Đại Thiên quốc độ. Ở Thế Giới này: cỏ, cây, đất, đá, **Tu Di Sơn Vương** (Sumeru), núi **Mục Chân Lân Đà** (Mucilinda), núi **Đại Mục Chân Lân Đà** (Mahā-mucilinda), núi **Chước Ca La** (Cakravāla), núi **Đại Chước Ca La** (Mahā-cakravāla)…cho đến chốn u minh ở khoảng giữa của Thế Giới này , khắp cả đều là

màu vàng ròng, không nơi nào chẳng sáng rực. Ánh sáng chói lọi với đại lực uy quang của mặt trời mặt trăng đều chẳng hiện trở lại, chiếu khắp ức trăm ngàn cõi ở phương Tây cho đến Thế Giới An Lạc thảy đều là màu vàng ròng. Ánh sáng lớn nhiễu quanh Đức Phật ấy theo bên phải bảy vòng, rồi ở trước mặt Đức Như Lai đột nhiên chẳng hiện. Chúng sinh, Thanh Văn của nước ấy đều nhìn thấy Đức **Thích Ca Văn** (Śākya-muṇi) của cõi này cùng với các Đại Chúng vây quanh nói Pháp, giống như xem xét **quả A Ma Lặc** (Amla-phala) trong lòng bàn tay, đều sinh Tâm yêu thích vui vẻ, xướng lên lời như vầy: "*Nam mô **Thích Ca Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri***" (Namo śākyamuṇāye tathāgataya-arhate-samyaksaṃbuddhāya)

Ở Chúnh Hội này: **Tỳ Khưu** (Bhikṣu), **Tỳ Khưu Ni** (Bhikṣunī), **Ưu Bà Tắc** (Upāsaka), **Ưu Bà Di** (Upāsikā), **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **Dạ Xoa** (Yakṣa), **Càn Thát Bà** (Gandharva), **A Tu La** (Asura), **Ca Lâu La** (Garuḍa), **Khẩn Na La** (Kiṃnara), **Ma Hầu La Già** (Mahoraga), **Người** (Manuṣya), **Phi Nhân** (Amanuṣya)…**Thích** (Indra), **Phạm** (Brahma), **bốn vị Thiên Vương** (Catvāsraḥ mahā-rājikāḥ), **Bồ Tát** (Bodhisatva), **Thanh Văn** (Śrāvaka) đều nhìn thấy **Thế Giới An Lạc** (Sukhavatī), Đức Phật **A Di Đà** (Amitāyus), Bồ Tát, Thanh Văn quyến thuộc vây quanh…chói sáng như ngọn núi báu cao lớn thù đặc, uy quang hách dịch chiếp khắp các cõi. Như người có con mắt trong sạch, ở bên trong **một tầm** (8 thước) nhìn thấy diện mạo của con người rõ ràng không có ngăn ngại. Đã nhìn thấy xong, vui vẻ hớn hở, xướng lên lời như vầy: "***Nam mô A Di Đà Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri***" (Namo Amitāyur-tathāgataya-arhate-samyaksaṃbuddhāya)

Thời trong Chúng này, tám vạn bốn ngàn chúng sinh đều phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề với gieo căn lành, nguyện sinh về nước ấy.

Bấy giờ Bồ Tát, Thanh Văn của Thế Giới An Lạc nhìn thấy cõi này xong, cho là lạ lùng chưa từng có, vui vẻ, chắp tay lễ Đức **Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri** rồi nói lời như vầy: "*Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật, hay vì Bồ Tát, Thanh Văn nói Pháp như vậy*"

Lúc đó Thế Giới An Lạc chấn động theo sáu cách: **Động** là chuyển động đều khắp, chuyển động khắp cả. **Lay Động** là lay động đều khắp, lay động khắp cả. **Rung động** là rung động đều khắp, rung động khắp cả.

Bấy giờ Quán Thế Âm với Đắc Đại Thế Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Đức Phật ấy rằng: "Rất lạ kỳ ! Bạch Đức Thế Tôn! Đức **Thích Ca Như Lai** hiện việc hiếm có. Tại sao thế ? Vì Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri ấy hơi hiện Danh Hiệu đã khiến cho Đại Địa **Vô Tưởng** (Asaṃjñā) chấn động theo sáu cách"

Khi ấy Đức Phật A Di Đà bảo Bồ Tát ấy: "Đức Thích Ca Mâu Ni chẳng phải chỉ ở cõi này hiện danh hiệu ấy mà vô lượng Thế Giới của chư Phật khác đều hiện Danh Hiệu, ánh sáng lớn chiếu khắp, chấn động theo sáu cách cũng lại như vậy. Vô lượng a tăng kỳ chúng sinh của các Thế Giới ấy, nghe **Thích Ca Mâu Ni**, khen xưng Danh Diệu đều thành tựu căn lành, đều được chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề"

Thời trong Chúng ấy, bốn mươi ức Bồ Tát nghe danh hiệu của **Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chính Giác** đều đồng thanh phát Nguyện, hồi hướng căn lành về A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Đức Phật liền **Thọ Kí** (Vyākaraṇa) sẽ được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Lúc đó Quán Thế Âm với Đắc Đại Thế Bồ Tát Ma Ha Tát đi đến chỗ của Đức Phật ấy, cúi đầu mặt lễ bàn chân của Đức Phật, cung kính chắp tay, đứng ở một bên rồi bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Do Nhân nào Duyên nào mà Đức Thích Ca mâu Ni phóng ra ánh sáng này ?"

Bấy giờ Đức Phật ấy bảo Quán Thế Âm: "Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chính Giác phóng ra ánh sáng này, chẳng phải không có Nhân Duyên. Tại sao thế ? Vì ngày hôm nay, Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri sắp muốn diễn nói Kinh **Bồ Tát Trân Bảo Xứ Tam Muội** cho nên trước tiên hiện ra điềm lành"

Khi ấy Quán Thế Âm với Đắc Đại Thế Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Chúng con muốn đến **Thế Giới Sa Bà** (Saha-Loka-dhātu) lễ bái, cúng dường Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, nghe ngài nói Pháp"

Đức Phật nói: "Hãy thích hợp biết thời đó !"

Thời hai vị Bồ Tát liền cùng nhau nói rằng: "Hôm nay, chúng con quyết định nghe Pháp màu nhiệm do Đức Phật ấy đã nói"

Khi hai vị Bồ Tát nhận lời răn dạy của Đức Phật xong, thời bảo bốn mươi ức Bồ Tát quyến thuộc ấy: "**Thiện Nam Tử** (Kulaputra) nên cùng nhau đi đến Thế Giới Sa Bà, lễ bái cúng dường Đức Thích Ca mâu Ni Phật, nghe nhận Chính Pháp. Tại sao thế ? Vì Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chính Giác hay làm việc khó làm, buông bỏ cõi nước Tịnh Diệu, dùng sức của Bản Nguyện, hưng Tâm Đại Bi, ở trong đời ác trược, Đức mỏng, ít Phước, tăng Tham Sân Si…thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề mà vì họ nói Pháp"

Khi nói lời đó xong thời Bồ Tát, Thanh Văn đồng thanh khen rằng: "Chúng sinh của cõi ấy được nghe danh hiệu của Đức Thích Ca Mâu Ni Ứng Cúng Chính Biến Tri còn mau chóng được Thiện Lợi, huống chi là được nhìn thấy, phát Tâm vui vẻ !

Thế Tôn ! Chúng con sẽ cùng nhau đi đến Thế Giới ấy, lễ bái cúng dường Đức Thích Ca Mâu Ni Phật"

Đức Phật nói: "Này Thiện Nam Tử ! Hãy thích hợp biết thời đó !"

Bấy giờ Quán Thế Âm với Đắc Đại Thế Bồ Tát Ma Ha Tát cùng với bốn mươi ức Bồ Tát trước sau vây quanh, ở Thế Giới ấy dùng sức Thần Thông, đều vì quyến thuộc hoá làm bốn mươi ức đài báu trang nghiêm. Các đài báu đó rộng dài mười hai **Do Tuần** (Joyana) đoan nghiêm vi diệu.

_ Trên đài báu ấy, có chỗ bằng **vàng ròng** (Suvarṇa), có chỗ bằng **bạc trắng** (Rūpya), có chỗ bằng **Lưu Ly** (Vaiḍūrya), có chỗ bằng **Pha Lê** (Sphaṭika), có chỗ bằng **ngọc đỏ** (Lohita-mukta), có chỗ bằng **Xa Cừ** (Musāra-galva), có chỗ bằng **Mã Não** (Aśma-garbha). Có chỗ bằng hai loại báu là vàng ròng, bạc trắng. Có chỗ bằng ba loại báu là vàng, bạc, Lưu Ly. Có chỗ bằng bốn loại báu là vàng ròng, bạc trắng, Lưu Ly, Pha Lê. Có chỗ bằng năm loại báu là vàng, bạc, Lưu Ly, Pha Lê, ngọc đỏ. Có chỗ bằng sáu loại báu là vàng ròng, bạc trắng, Lưu Ly, Pha Lê, Xa Cừ, ngọc đỏ. Có chỗ bằng bảy loại báu, cho đến Mã Não

Lại dùng ngọc đỏ, **Chiên Đàn** (Candana), **Ưu Bát La** (Utpāla), **Bát Đàm Ma** (Padma), **Câu Vật Đầu** (Kumuda), **Phân Đà Lợi** (Puṇḍarika) để trang nghiêm

_ Lại tuôn mưa hoa **Tu Mạn Na** (Sumana), hoa **Chiêm Bặc** (Campaka), hoa **Ba La La** (Pāṭalā), hoa **A Đề Mục Đa** (Ati-muktaka), hoa **La Ni**, hoa **Cồ La Ni**, hoa **Mạn Đà La** (Māndāra), hoa **Ma Ha Mạn Đà La** (Mahā-māndāra), hoa **Ba Lâu Sa**, hoa **Ma Ha Ba Lâu Sa**, hoa **Mạn Thù Sa** (Mañjuṣaka), hoa **Ma Ha Mạn Thù Sa** (Mahā-mañjuṣaka), hoa **Lô Giá Na** (Rocana), hoa **Ma Ha Lô Giá Na** (Mahā-rocana), hoa **Già Ca**, hoa **Ma Ha Già Ca**, hoa **Tô Lâu Chí Già Ca**, hoa **Chiên Na** (Kuna), hoa **Ma Ha Chiên Na** (Mahā-kuna), hoa **Tô Lâu Chí Chiên Đàn Na**, hoa **Chiên Nô Sa La**, hoa **Tha La**, hoa **Ma Ha Tha La**.

_ Trên đài báu ấy, mọi loại màu sắc rực rỡ sáng chói, trong sạch chiếu sáng.

_ Trên các đài báu có tám vạn bốn ngàn **Hoá Ngọc Nữ** hoặc cầm đàn **Không Hầu** (Vīṇā), đàn Cầm, đàn Sắt, đàn Tranh, ống sáo, đàn Tỳ Bà, cái trống, vỏ sò…Vô lượng

mọi nhạc khí báu như vậy tấu lên tiếng vi diệu…với dáng nghiêm túc trang trọng rồi trụ.

Hoặc có **Ngọc Nữ** cầm hương Chiên Đàn đỏ, hương Trầm Thuỷ Chiên Đàn, hoặc cầm hương Trầm Thuỷ Chiên Đàn màu đen… với dáng nghiêm túc trang trọng rồi trụ.

Hoặc có **Ngọc Nữ** cầm hoa Ưu Bát La, Câu Vật Đầu, Phân Đà Lợi… với dáng nghiêm túc trang trọng rồi trụ.

Hoặc có **Ngọc Nữ** cầm hoa Mạn Đà La, hoa Ma Ha Mạn Đà La, hoa Ba Lâu Sa, hoa Ma Ha Ba Lâu Sa, hoa Lô Giá Na, hoa Ma Ha Lô Giá Na, hoa Chiên Na, hoa Ma Ha Chiên Na, hoa Tô Lâu Chí Chiên Na, hoa Già Ca, hoa Ma Ha Già Ca, hoa Tô Lâu Chí Già Ca, hoa **Đà La** (Dhāra), hoa **Ma Ha Đà La** (Mahā-dhara), hoa Tô Lâu Chí Đà La…với dáng nghiêm túc trang trọng rồi trụ.

Hoặc có **Ngọc Nữ** cầm tất cả hoa quả với dáng nghiêm túc trang trọng rồi trụ.

_ Trên các đài báu có toà Sư Tử được trang nghiêm bằng mọi vật báu. Trên toà đều có vị **Hoá Phật** với ba mươi hai tướng, tám mươi chủng tử để tự trang nghiêm

Trên đài đều treo tám vạn bốn ngàn thứ châu báu tạp màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng…nối tiếp nhau

Trên các đài báu đều có tám vạn bốn ngàn cái bình được làm bằng mọi vật báu tinh xảo chứa đầy hương bột… xếp bày bên trên

Trên các đài báu đều có tám vạn bốn ngàn cái lọng được làm bằng mọi vật báu tinh xảo…che trùm bên trên

_ Trên các đài báu đều có tám vạn bốn ngàn cái cây báu được trồng bên trên

Trên các đài báu đều có tám vạn bốn ngàn cái chuông báu giăng che bên trên

Khoảng giữa của các cây báu có cái ao bảy báu tràn đầy nước *tám Công Đức*. Trong ao ấy có đủ loại hoa sen báu màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng… với màu của ánh sáng in bóng rực rỡ

Trên các đài báu đều có tám vạn bốn ngàn sợi dây bằng mọi báu chăng ràng liên tục khoảng giữa của các cây

_ Ánh sáng của mỗi một cái đài báu chiếu sáng tám vạn bốn ngàn Do Tuần, không có chỗ nào chẳng sáng rực.

Khi ấy Quán Thế Âm với Đắc Đại Thế Bồ Tát Ma Ha Tát cùng với quyến thuộc gồm tám ngàn ức chúng các Bồ Tát đều đến dự, với đài báu trang nghiêm thảy đều ngang bằng nhau. Ví như khoảng thời gian của người Lực Sĩ co duỗi cánh tay, từ nước ấy ẩn mất đi đến Thế Giới này. Thời Bồ Tát ấy dùng sức Thần Thông khiến mặt đất của Thế Giới này bằng phẳng như mặt nước…cùng với tám mươi ức Bồ Tát trước sau vây quanh, dùng Đại Công Đức trang nghiêm thành tựu, đoan nghiêm rất đặc biệt không thể ví dụ. Ánh sáng chiếu khắp Thế Giới Sa Bà. Các Bồ Tát đó đến chỗ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cúi đầu mặt lễ bàn chân của Đức Phật, nhiễu quanh theo bên phải bảy vòng, lui về trụ một bên rồi bạch Phật rằng: *"Thế Tôn ! Đức Phật **A Di Đà** hỏi thăm Đức Thế Tôn có ít bệnh, ít buồn bực, khởi cư* (đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, ngủ nghỉ…) *được nhẹ nhàng nhanh nhẹn, an vui làm việc chăng ?"*

Lại khi hiện việc màu nhiệm trang nghiêm của cõi đó thời vị Bồ Tát này với Chúng Thanh Văn nhìn thấy mọi sự trang nghiêm màu nhiệm của cái đài báu này, liền khen ngợi *chưa từng có*…đều tác niệm này: "*Các đài báu trang nghiêm vi diệu này từ nước An Lạc đi đến Thế Giới này, là sức của Đức Phật đó hay là sức của Bồ Tát vậy?"*

Bấy giờ Hoa Đức Tạng Bồ Tát nương vào Thần Lực của Đức Phật rồi bạch Phật rằng: "Rất lạ kỳ ! Bạch Đức Thế Tôn ! Thật chưa từng có vậy ! Nay tại Thế Giới Sa Bà này có mọi cái đài báu màu nhiệm, trang nghiêm như vậy là uy lực của ai ?"

Đức Phật nói: "Là sức Thần Thông của Quán Thế Âm với Đắc Đại Thế, ở Thế Giới này hiện trang nghiêm to lớn"

_ "Rất lạ kỳ ! Bạch Đức Thế Tôn ! Thật chẳng thể nghĩ bàn ! Thiện Nam Tử ấy có Hạnh Nguyện thanh tịnh, hay dùng Thần Lực trang nghiêm cái đài báu hiện ra ở Thế Giới này"

Đức Phật nói: "Như vậy ! Như vậy ! Như ông đã nói ! Thiện Nam Tử ấy đã ở trong vô số ức na do tha trăm ngàn Kiếp, trong sạch các căn lành, được Tam Muội **Như Huyễn**. Trụ tại Tam Muội đó, hay dùng Thần Thông biến hoá, hiện ra việc như vậy.

Lại Hoa Đức Tạng ! Nay ông hãy quán sát Thế Giới ở phương Đông, xem ông đã nhìn thấy điều gì ?"

Thời Hoa Đức Tạng Bồ Tát liền dùng mọi loại **Thiên Nhãn** (Divya-cakṣu) của Bồ Tát xem xét Thế Giới của chư Phật nhiều như số cát sông Hằng ở phương Đông, nhìn thấy trước mặt Đức Phật ấy đều có Quán Thế Âm với Đắc Đại Thế, trang nghiêm như lúc trước, cung kính cúng dường, đều nói là: "*Đức Phật **A Di Đà** hỏi thăm Đức Thế Tôn có ít bệnh, ít buồn bực, khởi cư* (đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, ngủ nghỉ…) *được nhẹ nhàng nhanh nhẹn, an vui làm việc chăng ?"* Phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới cũng lại như vậy.

Bấy giờ Hoa Đức Tạng Bồ Tát nhìn thấy việc đó xong, vui vẻ hớn hở, được điều chưa từng có, rồi bạch Phật rằng: "Rất lạ kỳ ! Bạch Đức Thế Tôn ! Nay Đại Sĩ này lại hay thành tựu Tam Muội như vậy. Tại sao thế ? Vì nay vị **Chính Sĩ** này hay hiện trang nghiêm các cõi Phật đó"

Khi ấy Đức Thế Tôn liền dùng Thần Lực khiến cho Chúng Hội này nhìn thấy việc đó xong thời ba vạn hai ngàn người phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Hoa Đức Tạng Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Hai **vị chính** Sĩ đó dường như từ lâu đã phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề ở chỗ của Đức Phật nào ? Nguyện xin nói việc đó khiến cho các Bồ Tát tu Hạnh Nguyện này được thành tựu đầy đủ"

Đức Phật nói: "Hãy nghe cho kỹ ! Hãy khéo nghĩ nhớ ! Ta sẽ vì ông mà nói"

_ "Lành thay ! Bạch Đức Thế Tôn ! Con vui nguyện muốn nghe"

Đức Phật nói: "Trước kia, từ quá khứ xa rộng, vô lượng chẳng thể nghĩ bàn a tăng kỳ Kiếp. Vào thời đó, Ta từng làm trăm ngàn vị vua. Khi Kiếp của vị vua đầu tiên muốn tận thời có Thế Giới tên là **Vô Lượng Đức Tụ An Lạc Thị Hiện**, nước ấy có Đức Phật hiệu là **Kim Quang Sư Tử Du Hí *Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn***. Hết thảy việc nghiêm sức thanh tịnh trong cõi nước của Đức Phật đó, nay Ta vì ông nói. Ý của ông thế nào ? Hết thảy việc nghiêm tịnh trong cõi nước của Đức Phật A Di Đà tại Thế Giới An Lạc…há là nhiều chăng ?"

_ Đáp rằng: "Rất nhiều ! Chẳng thể nghĩ bàn, khó thể nói đủ"

Đức Phật bảo Hoa Đức Tạng: "Giả sử có người phân tích một sợi lông, chia làm một trăm sợi lông, đem sợi lông của một phần ấy nhúng vào nước biển lớn. Ý ông thế nào ? nước trên đầu một sợi lông với nước của biển lớn, cái nào nhiều hơn ?"

Đáp rằng: "Nước biển rất nhiều, chẳng thể đem ví dụ được"

_ "Như vậy ! Này Hoa Đức Tạng ! Nên tiến hành cái biết đó. Việc trang nghiêm của cõi nước A Di Đà như nước trên đầu sợi lông, còn nước của Đức Phật **Kim Quang Sư Tử Du Hí** như nước của biển lớn. Thanh Văn, Bồ Tát sai khác nhau cũng thế. Đức **Kim Quang Sư Tử Du Hí Như Lai** cũng vì chúng sinh nói Pháp của ***ba Thừa*** (Trīṇi yānāni). Ta ở hằng hà sa đẳng Kiếp nói Công Đức trang nghiêm, việc khoái lạc của Bồ Tát, Thanh Văn … trong nước Phật này cũng chẳng thể hết"

Khi ấy trong Pháp của Đức **Kim Quang Sư Tử Du Hí Như Lai** có vị vua tên là **Uy Đức Vương** dùng Chính Pháp cai trị, cảm hoá một ngàn Thế Giới, có hiệu là **Pháp**

Vương (Dharma-rāja). Vị **Uy Đức Vương** ấy có nhiều người con đều đầy đủ hai mươi tám tướng của bậc Đại Nhân. Các Vương Tử đó thảy đều trụ ở **Đạo Vô Thượng** (Agra-mārga). Vị vua có bảy vạn sáu ngàn cái vườn có đài cao (viên quán) để cho các người con của vị vua ấy chơi đùa bên trong"

Hoa Đức Tạng bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Cõi nước của Đức Phật ấy có người nữ chăng ?"

Đức Phật nói: "Thiện Nam Tử ! Cõi nước Phật ấy còn không có tên gọi của người nữ, huống chi là có thật ? Chúng sinh của nước ấy trong sạch tu **Phạm Hạnh** (Brahma-caryā), thuần một loại **Hoá Sinh** (Upapāduka), dùng Thiền Duyệt làm thức ăn. Vi **Uy Đức Vương** ấy ở tám vạn bốn ngàn ức năm, phụng sự Đức Như Lai, chẳng tập Pháp khác. Đức Phật biết chí tâm, liền vì vị vua diễn nói vô lượng **Pháp Ấn** (Dharma-mudra). Nhóm nào là **vô lượng Pháp Ấn** ?

Này Hoa Đức Tạng Bồ Tát ! Phàm đã tu hành, cần phải phát ở vô lượng Thệ Nguyện. Tại sao thế ? Vì Bồ Tát Ma Ha Tát: **Bố Thí** (Dāna) vô lượng, **Trì Giới** (Śīla) vô lượng, **Nhẫn Nhục** (Kṣānti) vô lượng, **Tinh Tiến** (Vīrya) vô lượng, **Thiền Định** (Dhyāna) vô lượng, **Trí Tuệ** (Prajñā) vô lượng, **sáu Độ** (Ṣaḍ-pāramitā: 6 Ba La Mật) đã hành nhiếp sinh tử vô lượng, yêu thương chúng sinh vô lượng, **trang nghiêm** (Vyūha) **Tịnh Thổ** (Buddha-kṣetra: Phật Thổ) vô lượng, âm thanh vô lượng, biện tài vô lượng

Này Hoa Đức Tạng ! Cho đến một niệm **Thiện** tương ứng hồi hướng vô lượng.

Thế nào là **hồi hướng vô lượng** ? Như hồi hướng tất cả chúng sinh khiến cho tất cả chúng sinh được **Vô Sinh Chứng**, dùng **Niết Bàn** (Nirvāṇa) của Phật mà **Bát Niết Bàn** (Parinirvāṇa). Đấy gọi là **hồi hướng vô lượng**

Vô Biên Không (Ananta-śūnya) vô lượng, **Vô Tướng** (Animitta) vô lượng, **Vô Nguyện** (Apraṇihita) vô lượng, **Vô Hành** (Anabhisaṃskāra) vô lượng, không ham muốn **Thật Tế** (Bhūta-koṭi), **Pháp Tính** (Dharmatā) không có sinh, không dính vào **Giải Thoát** (Vimukti), **Niết Bàn** (Nirvāṇa) vô lượng.

Này Thiện Nam Tử ! Ta chỉ lược nói các Pháp vô lượng. Tại sao thế ? Vì dùng tất cả Pháp không có hạn lượng.

Lại nữa, Hoa Đức Tạng ! Vị Uy Đức Vương ấy ở cái vườn có đài cao kia, nhập vào Tam Muội. Hai bên trái phải của vị vua ấy có hai hoa sen từ dưới đất phun vọt lên với nhiều màu sắc trang nghiêm, toả hương thơm phức như Chiên Đàn của cõi Trời. Có hai vị **Đồng Tử** (Kumāra) hoá sinh trong hoa sen ấy, ngồi Kiết Già. Vị thứ nhất tên là **Bảo Ý** (Ratna-citta), vị thứ hai tên là **Bảo Thượng** (Ratnottama). Thời Uy Đức Vương từ Thiền Định đứng dậy, nhìn thấy hai vị Đồng Tử ngồi trong hoa sen, nên dùng **Kệ** hỏi rằng:

"Ngươi là **Trời** (Deva), **Long Vương** (Nāga-rāja)
Dạ Xoa (Yaṣa), **Cưu Bàn Trà** (Kuṃbhaṇḍa)
Là **Người** (Manuṣya), là **Phi Nhân** (Amanuṣya) ?
Nguyện nói danh hiệu ấy"

_ Thời Đồng Tử ở bên phải vị vua, dùng Kệ đáp rằng:

"Tất cả các Pháp **Không** (Śūnya:Trống rỗng)
Vì sao hỏi danh hiệu ?
Pháp quá khứ đã diệt
Pháp đương lai chưa sinh
Pháp hiện tại chẳng trụ
Ngài muốn hỏi tên ai ?
Pháp Không (Śūnya-dharma) chẳng phải **Trời** (Deva)

Chẳng phải **Rồng** (Nāga) **La Sát** (Rākṣasa)
Người cùng với Phi Nhân
Tất cả chẳng thể được"
_ Đồng Tử ở bên trái nói Kệ rằng:
"Tên, tên người đều **Không** (Śūnya:Trống rỗng)
Tên, tên chẳng thể được
Tất cả Pháp không tên
Mà muốn hỏi tên gọi
Muốn cầu tên chân thật
Chưa từng được thấy nghe
Phàm **Pháp Sinh** (Prasava-dharma, hay Prasava-dharmin) liền ***diệt***
Vì sao lại hỏi tên
Nói danh tự, ngữ ngôn
Đều là mượn đặt bày
Ta tên là **Bảo Ý**
Vị kia tên **Bảo Thượng** "

Này Hoa Đức Tạng ! Hai Đồng Tử đó nói Kệ xong, cùng với Uy Đức Vương đi đến chỗ của Đức Phật, cúi đầu mặt lễ bàn chân của Đức Phật, nhiễu quanh theo bên phải bảy vòng, chắp tay cung kính, đứng ở một bên.

Thời hai Đồng Tử liền cùng nhau đồng thanh dùng Kệ hỏi Đức Phật:
"Thế nào là **cúng dường** (Pūja) ?
Vô Thượng Lưỡng Túc Tôn (Tôn hiệu của Đức Phật)
Nguyện nói *nghĩa thú* ấy
Người nghe sẽ phụng hành
Hoa, hương, mọi kỹ nhạc
Áo, cơm, thuốc, giường nằm
Nhóm cúng dường như thế
Thế nào là *tối thắng* ?"
_ Bấy giờ Đức Phật ấy liền vì Đồng Tử mà nói Kệ là:
"Nên phát Tâm Bồ Đề
Rộng giúp các Quần Sinh
Đấy tức cúng **Chính Giác**
Ba mươi hai tướng sáng
Bày khắp hằng sa cõi
Vật trân diệu trang nghiêm
Phụng hiến các Như Lai
Vui vẻ, đội trên đỉnh
Chẳng bằng dùng **Tâm Từ** (Maitra-citta)
Hồi hướng ở Bồ Đề
Phước đó là tối thắng
Vô lượng không bờ mé
Cúng khác không thể hơn
Vượt hẳn, chẳng thể tính
Tâm Bồ Đề như vậy
Ắt thành **Đẳng Chính Giác** (Samyaksaṃbodhi)"
_ Thời hai Đồng Tử lại nói Kệ rằng:
"Các Trời, Rồng, Quỷ Thần
Nghe Ta **sư tử hống** (tiếng sư tử rống)
Nay ở trước Như Lai

Rộng thề phát Bồ Đề
Sống chết vô lượng Kiếp
Bản Tế (LÝ THỂ của bình đẳng tuyệt đối) chẳng thể biết
Vì một chúng sinh nên
Số Kiếp ấy hành **Đạo**
Huống, trong các Kiếp này
Độ thoát vô lượng Chúng
Tu hành **Đạo Bồ Đề**
Mà sinh Tâm mệt mỏi
Nếu Ta từ nay, mới
Khởi nơi *Tâm tham dục*
Đấy tức là lừa dối
Tất cả Phật mười phương
Bọn dơ *giận, ngu si*
Ganh ghét cũng như thế
Nay Ta nói lời thật
Xa lìa nơi hư vọng
Nếu Ta ngày nay mới
Khởi nơi *Tâm Thanh Văn*
Chẳng vui tu Bồ Đề
Đấy tức lừa Thế Tôn
Cũng chẳng cầu *Duyên Giác*
Tự giúp lợi thân mình
Sẽ ở vạn ức Kiếp
Đại Bi độ chúng sinh
Như cõi Phật ngày nay
Thanh tịnh diệu trang nghiêm
Khiến Ta *được Đạo*, thời
Vượt hơn ức trăm ngàn
Nước không có Thanh Văn
Không có **Duyên Giác Thừa** (Pratyeka-buddha-yāna)
Thuần có các Bồ Tát
Số ấy không hạn lượng
Chúng sinh sạch, không dơ
Đều đủ *Thượng Diệu Lạc*
Sinh ra, ở Chính Giác
Tổng trì các **Pháp Tạng** (Dharma-garbha)"
_ Nói Kệ như vậy xong
Ứng thời chấn động khắp
Trăm ngàn mọi Kỹ Nhạc
Diễn phát âm hoà nhã
Áo vi diệu sáng rực
Xoay chuyển đến giáng xuống
Chư Thiên trong hư không
Tuôn mưa, rải hương bột
Hương ấy xông, lan khắp
Đẹp lòng Tâm chúng sinh

_ Đức Phật bảo Hoa Đức Tạng: "Ý ông thế nào ? Uy Đức Vương bấy giờ, há là người khác ư ? Đấy là thân của Ta vậy. Hai Đồng Tử trong thời đó, nay là Quán Thế Âm với Đắc Đại Thế Bồ Tát Ma Ha Tát vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Hai vị Bồ Tát đó ở chỗ của Đức Phật ấy, mới bắt đầu phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề"

Bấy giờ Hoa Đức Tạng bạch Phật rằng :"Rất lạ kỳ ! Bạch Đức Thế Tôn ! Thiện Nam Tử đó chưa từng phát Tâm mà lại thành tựu Trí Tuệ thâm sâu như vậy, thấu đạt *Danh Tự đều chẳng thể được*

Thế Tôn ! Hai vị **Chính Sĩ** đó ở chỗ của Đức Phật lúc trước ấy, chắc đã từng cúng dường, làm các Công Đức ?"

_ "Này Thiện Nam Tử ! Cát của sông Hằng này đều có thể đếm biết được, còn hai vị Đại Sĩ này trước kia cúng dường Phật, gieo trồng các căn lành thì chẳng thể xưng tính. Tuy chưa phát khởi Tâm Bồ Đề nhưng đã dùng điều chẳng thể nghĩ bàn để tự trang nghiêm, đối với các chúng sinh làm việc rất dũng mãnh"

Khi ấy Hoa Đức Tạng Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Cõi nước **Vô Lượng Đức Tụ An Lạc Thị Hiện** ấy ở tại phương nào ?"

Đức Phật nói: "Thế Giới **An Lạc** ở phương Tây ngày nay, ngay lúc bấy giờ có hiệu là **Vô Lượng Đức Tụ An Lạc Thị Hiện**"

Hoa Đức Tạng Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Nguyện vì con giải nói, khiến cho vô lượng chúng sinh được lợi ích lớn. Quán Thế Âm đó ở cõi nước nào, thành Đẳng Chính Giác ? Thế Giới, sự trang nghiêm, hào quang rực sáng, danh hiệu, Thanh Văn, Bồ Tát, thọ mệnh có được, cho đến thành Phật…Các việc ấy như thế nào ? Nếu Đức Thế Tôn nói Hạnh Nguyện trước kia của Bồ Tát đó thì Bồ Tát khác nghe Nguyện đó xong đều sẽ tu hành mà được đầy đủ"

Đức Phật nói: "Lành thay ! Hãy nghe cho kỹ ! Ta sẽ vì ông mà nói"

Đáp rằng: "Thưa vâng ! Con vui nguyện muốn nghe"

Đức Phật nói: "Này Thiện Nam Tử ! Đức Phật A Di Đà có thọ mệnh vô lượng trăm ngàn ức Kiếp, nhưng sẽ có lúc kết thúc.

Thiện Nam Tử ! Ngày sau với số Kiếp rộng xa chẳng thể tính đếm thì Đức Phật A Di Đà sẽ **Bát Niết Bàn**. Sau khi Bát Niết Bàn thì Chính Pháp trụ ở đời ngang bằng với Thọ Mệnh của Đức Phật, ngay sau khi đời diệt, chúng sinh được độ thảy đều đồng một dạng. Sau khi Đức Phật vào Niết Bàn, hoặc có chúng sinh chẳng nhìn thấy Phật. Có các Bồ Tát được Tam Muội **Niệm Phật** (Buddhānusmṛti-samādhi) thường nhìn thấy Đức Phật A Di Đà.

Lại nữa Thiện Nam Tử ! Sau khi Đức Phật ấy nhập diệt thì tất cả vật báu, ao tắm, hoa sen, mọi hàng cây báu..thường diễn **Pháp Âm** (Dharma-ghoṣa) cùng với Đức Phật không có khác

Này Thiện Nam Tử ! Sau khi Chính Pháp của Đức Phật A Di Đà đã tan hết, khoảng hơn nửa đêm, lúc có tướng sáng hiện ra thời Quán Thế Âm Bồ Tát ngồi Kiết Già ở dưới cây Bồ Đề bảy báu, thành **Đẳng Chính Giác**, hiệu là **Phổ Quang Công Đức Sơn Vương** *Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn*. Cõi nước của Đức Phật ấy tự nhiên có bảy báu, mọi thứ tốt đẹp hợp thành việc trang nghiêm. Các Phật Thế Tôn ở hằng sa Kiếp nói chẳng thể hết.

Thiện Nam Tử ! Ta ở ngày nay ví ông nói ví dụ: Đem việc trang nghiêm trong cõi nước của Đức **Kim Quang Sư Tử Du Hí Như Lai** ấy so sánh thời cõi nước của Đức **Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai** hơn gấp trăm vạn ngàn lần, gấp ức lần, gấp ức triệu lần cho đến tính đếm chẳng thể theo kịp. Cõi nước của Đức Phật ấy không có tên gọi của Thanh Văn, Duyên Giác, chỉ thuần các Bồ Tát đầy dẫy trong nước ấy"

Hoa Đức Tạng Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Cõi nước của Đức Phật ấy có tên gọi là **An Lạc** ư ?"

Đức Phật nói: "Thiện Nam Tử ! Cõi nước của Đức Phật ấy có hiệu là **Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm**.

Này Thiện Nam Tử ! Đắc Đại Thế Bồ Tát tuỳ theo thọ mệnh của Đức **Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai** mà gần gũi cúng dường cho đến khi Ngài vào Niết Bàn. Sau khi Đức Phật đã Bát Niết Bàn, lại phụng trì Chính Pháp cho đến lúc tan mất hết. Khi Pháp đã diệt tận xong. Đắc Đại Thế Bồ Tát liền ở nước ấy thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, hiệu là **Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương** *Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn*. Như cõi nước của Đức **Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai**: từ hào quang sáng rực, thọ mệnh, chúng Bồ Tát cho đến Pháp Trụ….đều ngang bằng không có khác. Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện nghe tên của Đức **Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương Như Lai** đều được chẳng thoái lui nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề

Lại Thiện Nam Tử ! Nếu có người nữ được nghe tên của Đức **Kim Quang Sư Tử Du Hí Như Lai** đời quá khứ, tên của Đức **Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương Như Lai** đều chuyển thân nữ, đẩy lui tội trong bốn mươi ức kiếp sinh tử, đều chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, thường được thấy Phật, nghe nhận Chính Pháp, cúng dường chúng Tăng. Buông bỏ thân này xong, xuất gia thành **Vô Ngại Biện**, mau được **Tổng Trì** (Dhāraṇī)"

Khi ấy sáu mươi ức Chúng trong Hội, đồng thanh khen ngợi rằng: "**Nam mô Thập Phương Bát Niết Bàn Phật**" đồng tâm cùng luận bàn, phát A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Đức Phật liền Thọ Kí sẽ thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Lại có tám vạn bốn ngàn na do tha chúng sinh xa lìa bụi dơ, ở trong các Pháp được sự trong sạch của **con mắt Pháp** (Dharma-cakṣu: Pháp Nhãn), bảy ngàn vị Tỳ Khưu được **Lậu Tận Ý Giải**

Bấy giờ Quán Thế Âm với Đắc Đại Thế Bồ Tát liền dùng Thần Lực khiến cho Chúng Hội này đều nhìn thấy vô số chư Phật Thế Tôn ở mười phương đều vì họ trao truyền **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề Kí** ấy. Nhìn thấy xong, khen rằng: "*Rất lạ kỳ! Bạch Đức Thế Tôn ! Các Như Lai đó vì Đại Sĩ này mà trao truyền* ***Kí*** (Vyākaraṇa) *như vậy"*

Khi ấy Hoa Đức Tạng Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn !Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện đối với Kinh Điển thâm sâu của Đức Như Lai này, thọ trì, đọc tụng, giải nói, viết chép, rộng tuyên lưu bày…sẽ được bao nhiêu Phước ? Nguyện xin Đức Như Lai phân biệt giải nói. Tại sao thế ? Vì đời ác đương lai, chúng sinh mỏng Đức, đối với Kinh Điển của Đức Như Lai này chẳng thể tin nhận. Do nhân duyên đó mà đêm dài chịu khổ, khó được giải thoát"

Thế Tôn ! Nguyện xin diễn nói. Hãy thương xót vì lợi ích cho các chúng sinh"

Thế Tôn ! Nay trong Hội nài, phần lớn kẻ trai lành, người nữ thiện đều có Căn nhạy bén, ở đời đương lai sẽ làm ánh sáng lớn"

_Đức Phật nói: "Hoa Đức Tạng ! Lành thay ! Hãy nghe cho kỹ ! Ta sẽ vì ông mà nói"

Đáp rằng: "Con xin nhận lời răn dạy, vui nguyện muốn nghe"

Đức Phật nói: "Nếu kẻ trai lành đem tất cả chúng sinh trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, đặt trên hai vai rồi suốt cả đời, tuỳ theo việc cần muốn: áo, thức ăn, giường nằm, cái giá để đồ vật, đệm, thuốc thang…đều đem cúng dường…thì Công Đức đã được, há có nhiều chăng?"

"Rất nhiều ! Bạch Đức Thế Tôn ! Nếu dùng **Tâm Từ** cúng một chúng sinh tuỳ theo điều mà kẻ ấy cần, còn có Công Đức vô lượng, huống chi là tất cả "

Đức Phật nói: "Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện đối với Kinh Điển này, thọ trì, đọc tụng, giải nói, viết chép, mọi loại cúng dường, rộng tuyên lưu bày, phát Tâm Bồ Đề thời Công Đức đạt được, gấp trăm ngàn vạn lần chẳng thể đem ví dụ được"

Hoa Đức Tạng Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Con từ ngày hôm nay, đối với Kinh Điển do Đức Như Lai đã nói với danh hiệu của ***ba Đức Phật quá khứ, đương lai***, thường sẽ thọ trì, đọc tụng, giải nói, viết chép, rộng tuyên lưu bày, xa lìa Tâm *tham, giận, si mê* …phát A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, trọn hết chẳng hư vọng.

Thế Tôn ! Khi con thành Phật. Nếu có người nữ nghe Pháp như vậy thì ngay trong đời chuyển được thân nữ. Chuyển thân nữ xong, sẽ vì kẻ ấy **thọ kí** được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, hiệu là **Ly Cấu Đa Già A Già Độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà** (Vimala-tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya: Ly Cấu Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác)

_ Nói Kinh đó xong thời Hoa Đức Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát với các Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Bồ Tát, Thanh Văn, Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Người, Phi Nhân…nghe điều Đức Phật đã nói, đều rất vui vẻ.

KINH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT THỌ KÝ

Hết

24/03/2011



KINH BẢN DUYÊN VÃNG SINH TỊNH THỔ CỦA BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM

Hán dịch: Mất tên người dịch_ Nay phụ bản ghi chép của đời Tây Tấn
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự tại đỉnh núi **Thứu Phong** (Gṛdhra-kuṭa) trong thành **Vương Xá** (Rāja-gṛha) cùng với **chúng Đại Tỳ Khưu** (Mahatā-bhikṣu-saṃgha) và các vị Đại Bồ Tát, tám Bộ Trời Rồng, Người, Phi Nhân…cung kính vây quanh để nghe nói về **Nhân Duyên Bản Sinh của Đại Bồ Tát.**

Bấy giờ trước mặt Đức Phật có ánh sáng lớn, chiếu khắp cõi **Nam Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa) dần dần lan đến cõi nước ở phương khác. Rồi trong ánh sáng có nói **Kệ** rằng:

"Thành tựu Môn **Đại Bi Giải Thoát**
Thường tại **Sa Bà** (Sahā-loka-dhātu), núi **Bổ Đà** (Potala)
Ngày đêm sáu lần, quán Thế Gian
Bản Nguyện, Nhân Duyên lợi tất cả"

Lúc đó Chúng Hội nhìn thấy ánh sáng này, nghe nói lời Kệ, sinh tưởng chưa từng có, không có ai chẳng nghi ngờ lấy làm lạ, liền theo thứ tự hỏi Nhân Duyên, nhưng không có người đáp.

Khi ấy trong Chúng có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát tên là **Tổng Trì Tự Tại** (Dhāraṇīśvara) từ chỗ ngồi đứng dậy, liền bạch Phật rằng: "Thế Tôn ! Có Nhân Duyên gì mà hiện ánh sáng này ? Người nào đã phóng ra ? Đại Chúng chúng con nhìn thấy ánh sáng này, nghe nói Kệ Tụng, nhưng chưa biết Nhân Duyên. Nguyện xin vì chúng con mà nói Nhân Duyên ấy"

Đức Phật bảo Tổng Trì Tự Tại Bồ Tát: "Lành thay ! Lành thay ! Các ông hãy nghe cho kỹ ! Từ đây đến phương Tây, vượt hơn 20 hằng hà sa cõi Phật, có Thế Giới tên là **Cực Lạc** (Sukhā-vatī). Chúng sinh ở cõi ấy không có mọi điều khổ, chỉ thọ nhận các điều vui sướng. Nước ấy có Đức Phật, hiệu là **A Di Đà** (Amita) có đầy dẫy chúng Thánh thuộc **ba Thừa** (Trīṇi yānāni), trong ấy có một vị **Nhất Sinh Bổ Xứ Đại Sĩ** (Eka-jāti-pratibaddha) tên là **Quán Thế Âm Tự Tại** (Avalokiteśvara) từ lâu đã gieo trồng căn lành (Kuśala-mūla: Thiện căn), thành tựu Hạnh Nguyện **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) ngày nay đi đến cõi này. Vì muốn hiển bày Nhân Duyên **gốc ngọn** sinh về Tịnh Thổ mà hiện ra ánh sáng này chiếu khắp Thế Giới, chẳng lâu sẽ tự đi đến. Các ông nên hỏi Nhân Duyên của Kệ Tụng"

Bấy giờ Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát, trăm ngàn chúng Đại Bồ Tát đều cùng nhau đi đến đỉnh núi **Thứu**, cúi đầu mặt lễ Đức Phật, tán thán cúng dường xong thì lui ra ngồi ở một bên.

Thời Tổng Trì Tự Tại Bồ Tát nương theo uy lực của Đức Phật, đến chỗ của Quán Thế Âm thăm hỏi lẫn nhau rồi bạch với Quán Thế Âm rằng: "Thiện Nam Tử (Kula-putra) đã phóng ra ánh sáng, diễn nói **Già Đà** (Gāthā: Kệ Tụng) vi diệu, nhưng chưa biết Nhân Duyên **gốc ngọn**. Nay ý của ông như thế nào ?"

Thời Quán Thế Âm Bồ Tát bảo Tổng Trì Bồ Tát rằng: "Vào thời quá khứ cách nay A Tăng Kỳ Kiếp chẳng thể nói, ngay ở **Nam Diêm Thiên Trúc** có một nước tên là **Ma Niết Bà Tra**, nước ấy có một vị Phạm Sĩ tên là **Trưởng Na** vốn là nhà giàu có sung túc, có người vợ tên là **Ma Na Tư La,** chưa có con cái. Hai vợ chồng thường than

thở hối hận: *"Tài sản của chúng ta tuy giàu có sung túc, cũng không có niệm khác, chưa có con cái, thật đáng ân hận !..."*.

Hai vợ chồng cầu đảo Thiên Thần, ân trọng cầu con. Chẳng bao lâu thì người vợ mang thai, đủ tháng sinh ra đứa con trai đoan chính khôn sánh. Khi con được ba tuổi thì lại sinh thêm đứa con trai.

Vị Phạm Sĩ được hai đứa con, liền mời Thầy coi Tướng đến xem cho hai đứa con. Thầy Tướng nhìn xem rồi chẳng thích, rất lâu mới bảo rằng: *"Đứa con này tuy đoan chính nhưng chẳng lâu sẽ ly biệt cha mẹ. Người anh gọi là* ***Tảo Ly*** (sớm xa lìa), *người em gọi là* ***Tốc Ly*** (mau chóng xa lìa)"

Tuy nghe lời này nhưng hai vợ chồng đều cùng nhau yêu thương, nuôi dưỡng, không có chán ghét. Khi **Tảo Ly** được bảy tuổi, **Tốc Ly** được năm tuổi thời người mẹ **Ma Na Tư La** bị bốn Đại trái ngược chẳng điều hoà, phát khởi bệnh nặng, hình sắc suy kém, lo lắng bệnh khổ chẳng được ngồi yên, dứt hẳn ăn uống. Lúc sắp vào cửa Tử thời hai đứa con ở hai bên mẹ, kính nhìn mặt mắt, lo buồn khóc lóc. Bà mẹ nghe tiếng buồn khóc của con thì máu lệ tuôn trào, từ giường bệnh ngồi dậy, đưa hai bàn tay xoa đầu hai đứa con rồi nói rằng: "*Sống chết tổn hại chẳng thể thoát được. Lời Thầy xem tướng đã nói, có thật thế chăng ?!...Chỉ ân ận là các con chưa được trưởng thành, phải chịu biệt ly. Ta có tội báo gì ?!... Các con không có Hạnh nào đây ?!..."*

Khi ấy **Tảo Ly** ở ngay bên cạnh chiếc gối, mê man nằm xuống, rất lâu mới tỉnh dậy, kêu Trời, xướng rằng: "*Chúng con như ngày hôm nay, chỉ là kẻ thơ dại không có sự nhận thức. Không có* ***Sinh Mẫu*** *thì ai là người bày lối cầm giữ sự sáng suốt ?! Trời Đất trống rỗng mênh mông, Thần Tâm không có nơi nương cậy, sao mà buông xả, bảo lời biệt ly ?!..."*

Bi Mẫu liền khuyên bảo rằng: *"Pháp của Thế Gian như thế, có sinh ắt có diệt. Ví như ngựa chạy, nước chảy đều chẳng trụ lâu. Nay nghe tiếng khóc thương, càng sinh thêm bệnh yêu tiếc"*

Lại **Tốc Ly** do Tâm còn thơ dại, duỗi hai bàn tay ôm chặt cái cổ, lớn tiếng khóc lóc.

Lúc ấy, **Ma Na Tư La** nói với hai đức con rằng: "*Nắm giữ sự sáng suối đi đến Đạo thì không có gì qua được cách* ***phát Tâm Bồ Đề****. Tâm Bồ Đề chính là Đại Bi. Nếu đến lúc lớn tuổi, muốn báo đáp bốn Ân thì thích hợp nên phát Tâm. Như chỉ biết việc hôm nay, con đừng khóc lóc nữa, mẹ tuy chết đi nhưng còn có cha chung sống"*

Liền kêu gọi **Trưởng Na**, rồi nói lời trăn trối rằng: "*Nay tôi cùng với ông như bánh xe, như cánh chim, rồi có hai đứa con. Tôi chết, ông sống. Ông nên yêu thương nuôi dưỡng chúng chẳng khác gì lúc tôi còn sống, nhưng lại theo Duyên khác thì đừng có Tâm thay đổi"*

Phạm Sĩ nghe lời trăn trối của vợ thì mê man té xuống đất. Khi tỉnh lại thì xướng rằng: "*Chiếc xe không có một bánh, chẳng thể tiến được một bước. Con chim không có một cánh, chẳng thể bay một thước trên hư không được. Bà vào cửa chết thì tôi cùng với ai nuôi dưỡng hai đứa con đây ?!... Vợ chồng biệt ly, ân ái đến lúc buồn thương. Tôi chẳng ưa thích Thế Gian, muốn bỏ mạng đi vào cửa chết"*

Thời người vợ lại nói: "*Hai đứa con do tôi cùng với ông sinh ra. Nguyện dừng biệt ly mà nuôi dưỡng hai con"*

Nói xong, nhắm mắt. Người cha với hai đứa con giữ lấy lời trăn trối, mai táng thân thể mẹ xong, quay về nhà. Người anh ở ngay trên đầu gối phải lưu luyến yêu mến mẹ, người em ở ngay trên đầu gối trái tìm thức ăn mà buồn thương.

Vị Phạm Sĩ ôm giữ sự lo âu nên tác niệm này: "*Ta không có sức, phải tìm người nữ khác làm vợ để nuôi dưỡng con thơ"*

Bởi thế, có một vị Phạm Sĩ tên là **Tỳ La**, có một cô con gái, tâm tình trinh lương. Liền lấy cô gái ấy về làm vợ. Gặp lúc đời sống đói khổ, tiền tài, lúa đậu cạn dần, kho tàng rỗng không, sinh hoạt không có chỗ dựa. Ông **Trưởng Na** liền bảo vợ rằng*: "Tôi nghe ở phía Bắc, đến đấy khoảng bảy ngày, có một ngọn núi tên là **Đàn Na La** có quả trái ngon ngọt tên là **Trấn Đầu**, nên tôi sẽ đi đến núi ấy lấy Diệu Quả để nuôi bà với hai đức con, sau một thời gian bà chờ tôi quay về, ắt sẽ có thể nuôi nấng nhau"*

Người vợ nhận lời chồng, nuôi dưỡng hai đức con như mẹ đẻ. Người chồng một mình đi đến núi ấy, sau 14 ngày vẫn chưa quay về. Thời người vợ sinh niệm khác, tác suy nghĩ này: "*Nếu **Trưởng Na** trụ ở núi ấy chẳng về thì Ta làm thế nào nuôi dưỡng hai đức con được. Nếu hái được quả trái, tuy trở về nhưng ông ấy chỉ nghĩ đến hai đứa con, còn phần của Ta ra sao?!... Nay dùng phương tiện trừ bỏ hai đức con"*

Suy nghĩ xong, nói chuyện với **Hải Sư** (người đóng thuyền đi biển) rồi bảo hai đức con: *"Mẹ không có khả năng nuôi dưỡng hai con mà cha con lại đi chưa về. Từ đây về phương Nam, rất gần có cái đảo, bờ biển cao vót, bờ ấy có quả trái ngon ngọt, bãi biển có cỏ đẹp. Mẹ với các con cùng nhau đến cái đảo có một không hai ấy (*Tuyệt đảo)"

Liền đến chỗ người lái thuyền cùng với hai đứa con nương theo thuyền vượt biển, đến bờ của **Tuyệt Đảo**, rồi bảo hai đứa con: *"Hai người các con, trước tiên bước xuống, vui đùa với cát ở bãi biển. Mẹ ở ngay trong thuyền, xem xét lương thực còn lại, tiếp theo đi xuống tìm kiếm cỏ, quả"*

Hai đứa con liền bước xuống, vui đùa chạy nhảy Đông Tây, chẳng hề biết việc sau này. Bà mẹ kế âm thầm nương theo chiếc thuyền cũ, quay về làng xưa. Hai đứa con quay lại đến bãi biển cũ, không nhìn thấy cái thuyền và chẳng biết bà mẹ chẳng đi đâu.Liền chạy khắp bờ biển, mệt mỏi cất tiếng gọi mẹ, nhưng không có người trả lời. Hai đứa con buồn khóc ngày đêm.

Người anh **Tảo Ly** nói lời như vầy: "*Bi Mẫu bảo biệt ly, một lần đi chẳng trở lại. Cha hiền đi đến núi **Đàn Na La** cũng chưa quay về. Mẹ kế đưa chúng ta đến Tuyệt Đảo rồi ngầm quay lại. Như thế thì làm sao giữ được thân mạng đây ?!..."*

Thời nhớ lại lời trăn trối của mẹ đẻ (sinh mẫu): "*Con nên phát Tâm Vô Thượng Đạo, thành tựu Đại Bi của Bồ Tát, hành Môn giải thoát, trước tiên hoá độ người khác, sau đó thành Phật. Hoặc vì người không có cha mẹ thì hiện hình tượng của cha mẹ. Hoặc vì người không có Sư Trưởng thì hiện thân sư trưởng. Hoặc vì người bần tiện thì hiện thân phú quý, quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà La Môn, bốn Chúng, tám Bộ, tất cả tuỳ theo loại không có gì chẳng hiện. Nguyện cho con thường ở tại hòn đảo này, đối với cõi nước ở mười phương, hay ban cho sự an vui, khiến cho người thọ dụng sớm ra khỏi sinh tử. Nguyện cho con tuỳ theo chỗ mẹ sinh ra, chẳng lìa nơi cha sinh ra"*.

Như vậy phát một trăm lời Nguyện, rồi chấm dứt tuổi thọ

Người cha **Trưởng Na** từ núi **Đà Na La** hái quả **Trấn Đầu** rồi quay về nhà cũ, trước tiên hỏi hai đứa con ấy, bà mẹ kế liền đáp rằng: "*Con của ông, ngày nay chỉ biết đi xin, tìm thức ăn uống nên đã đi xa rồi"*

Người cha ấy có một vị bằng hữu, nên đến chỗ của người ấy hỏi xem con mình ở chốn nào.

Người ấy đáp rằng: "*Sau khi ông ra đi, hơn 14 ngày thì bà mẹ kế đưa đến Tuyệt Đảo ở biển Nam, bị đói mà chết, quyết chẳng nghi ngờ"*

Lúc đó **Trưởng Na** than thở, rất tự trách mình: "*Ta đến núi **Đàn Na La** lấy quả trái ngon ngọt rồi trở về để nuôi dưỡng hai đứa con. Nhưng có tội gì mà chợt gặp hai*

nỗi buồn ly biệt ? Sự biệt ly lúc trước đã khó nhẫn nổi, nay cũng gặp phải cảnh biệt ly người sống, thật chẳng thể chịu đựng nổi !...”

Liền tìm kiếm chiếc thuyền nhỏ, đến bãi biển ở Tuyệt Đảo, vội vã tìm khắp bốn phương thì chỉ nhìn thấy xương trắng gom tụ tại một chỗ, quần áo phân tán ngay bãi biển, nên biết đấy là xương cốt của con mình. Liền ôm xương, áo, khóc lóc, phát Nguyện: *“Nguyện tôi độ thoát các chúng sinh ác mau thành Phật Đạo. Hoặc biến làm Đại Địa, hoặc nước, lửa, gió. Hoặc biến làm cỏ, cây, rừng rậm vì chúng sinh làm nơi nương tựa, dừng nghỉ. Hoặc biến làm năm loại lúa đậu tăng ích cho người khác, Hoặc nếu Trời, nếu Người, nếu Thần, tất cả loại hình quý tiện ...không có cõi nào chẳng hiện thân”*

Như vậy phát năm trăm lời Nguyện, lại nguyện *“Tôi thường trụ ở Thế Giới Sa Bà, nói Pháp giáo hoá”*

Như thời gian này, chẳng ăn nên dứt mạng. Cõi Diêm Phù Đề chấn động lớn, chư Thiên đi đến tập hội, chim thú buồn kêu chẳng yên, trong hư không tán hoá, cúng dường đám xương trắng.

Vị Phạm Sĩ **Trưởng Na** khi ấy, nay là **Thích Ca Mâu Ni Như Lai**, bà mẹ **Ma Na Tư La** là Đức **A Di Đà Như Lai** ở phương Tây, vị bằng hữu là **Tổng Trì Tự Tại Bồ Tát**. Núi **Đàn Na La** khi xưa , nay là **Linh Sơn**. **Tuyệt Đảo** xưa kia, nay là núi **Bổ Đà Lạc** vậy

Khi **Kiếp Hoại** thời Thế Giới vật chất (Khí giới) tuy hoại, lúc **Kiếp Thành** thời mặt bắc của ngọn núi ấy có cái hang như Kim Cương, có tảng đá lớn, hiệu là **Bảo Nghiệp**. Ta thường ở ngay trên tảng đá ấy, nói Môn **Đại Bi Hạnh Giải Thoát** thành tựu chúng sinh.

Xưa kia, vì **Tảo Ly** phát nguyện ở trên đỉnh núi, có điện đường bảy báu trang nghiêm kỳ diệu. Ta thường ở tại cung điện báu dạy bảo lợi vui.

Xưa kia, nơi kêu gọi cha mẹ. Ta y theo chỗ ấy sinh về Tịnh Thổ được địa vị Bất Thoái, do nghĩ nên chỗ xả thân khi xưa nên thường ở tại núi ấy, chim thú khác loài. Chỗ Ta đã hoá khi xưa hiện ra cây cỏ hướng về chỗ xả thân, cúi gập cành lá. Nên biết **Kệ Tụng** trong ánh sáng cũng là Nhân Duyên *đầu cuối* như vậy

Bấy giờ Đức **Thích Ca Mâu Ni Như Lai** khen ngợi Quán Thế Âm Bồ Tát: “Lành thay ! Lành thay ! Thật như lời đã nói Nân Duyên vãng sinh, mỗi mỗi như điều này. Các ngươi nên biết, như ngày hôm nay, Ta với Đức A Di Đà một lần hoá *đầu cuối* vậy

Ví như cha mẹ có một đứa con thơ dại bị rơi xuống đáy giếng, người cha ấy liền xuống đáy giếng cứu đứa con ấy đem lên trên bờ. Người mẹ kia ở trên bờ, ôm lấy nuôi nấng, các người thân thuộc trợ giúp cho người mẹ nuôi chí, kết bạn bè thích hợp, chẳng quay lại trong chỗ dơ bẩn của cái giếng cũ.

Ta như người *cha hiền* (Từ Phụ), chúng sinh năm Trược như tuỳ ở đáy giếng.

Đức **A Di Đà** như *bà mẹ yêu thương* (Bi Mẫu) ở ngay trên bờ.

Như nhóm Quán Thế Âm ở Tịnh Thổ như bạn bè

Được **Bất Thoái** như chẳng quay lại.

Nên biết vào cõi **Sa Bà**, ở trong năm uế trược, giáo hoá chúng sinh ngu si trong sáu nẻo. Nay sinh về Tịnh Thổ thì **Di Đà** dẫn dắt chẳng buông. **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara)**, Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta) thủ hộ khiến cho chẳng thoái lui quay trở lại…đều y theo Nhân Duyên Thệ Nguyện xưa kia vậy”

Bấy giờ Đức **A Di Đà Như Lai**, vô số trăm ngàn chúng Thánh, hiện trong hư không, nói **Kệ** rằng:

"Lành thay ! **Thích Ca Văn** (Śākya-muṇi) !
Tại **Trược** (Kaṣāya) lợi chúng sinh
Người nghe tên, thấy thân
Quyết định thành Phật Đạo
Do Nhân Duyên xưa kia
Nay đến hiện trong không
Muốn sinh vào nước Ta
Đều đón đến phương Tây"

Khi ấy Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi) khen Đức **A Di Đà**, nói **Kệ** là:
"Lành thay ! **Lưỡng Túc Tôn** (Dvipadottama)
Hay lợi cõi **Sa Bà** (Sahā-lokadhātu)
Chứng minh Pháp chân thật
Từ Bi cho tất cả
Nếu có nghiệp chướng nặng
Không **nhân** (Hetu) sinh Tịnh Thổ
Nương sức nguyện **Di Đà**
Sinh về nước **An Lạc** (Sukhāvatī)
Nếu người tạo nhiều tội
Đáng đoạ trong Địa Ngục
Mới nghe tên **Di Đà**
Lửa mạnh hoá mát mẻ
Nếu niệm **Di Đà Phật**
Liền diệt vô lượng tội
Nay, nhận vui khôn sánh
Sau, sinh về Tịnh Thổ"

Bấy giờ **Quán Thế Âm** từ chỗ ngồi đứng dậy, nói **Kệ** rằng:
"Hai Tôn như *Nhật xuất* (mặt trời hiện ra)
Hay phá ám sinh tử
Hiển bày Nhân Duyên xưa
Trải kiếp chẳng bại vong
Ta nhớ vô lượng kiếp
Ngay bên cạnh **Tuyệt Đảo**
Nhân Duyên lúc phát Tâm
Thường ở **Bổ Đà Lạc** (Potala)
Hai Tôn là cha mẹ
Nay tại cõi **Tịnh, Uế**
Trợ nhau dạy Thế Gian"

Khi ấy, **Đại Thế Chí** nói **Kệ** rằng:
"Ta từ mới phát Tâm
Theo hai Tôn chẳng lìa
Nay nghe Nhân Duyên xưa
Hay biết Duyên chẳng hết
Lúc Ta động một chân
Ba ác lìa khổ não
Nếu khi sinh Tịnh Thổ
Trao tay, đón phương Tây"

Lúc đó, **Tổng Trì Tự Tại Vương** cũng lại dùng **Kệ** nói rằng:
"Xưa ta là bạn bè
Ngày nay hay biết nhau
Ngày sau người được nghe
Quyết định sinh Tịnh Thổ"

Bấy giờ Đức Phật A Di Đà đột nhiên chẳng hiện. Đại Chúng vui vẻ, làm lễ rồi lui ra.

KINH BẢN DUYÊN SINH VỀ TỊNH THỔ CỦA QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT
Hết

11/08/2011



Mật Tạng Bộ 3 _ No.1031 (Tr.04 _ Tr.06)

THÁNH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÂM CHÂN NGÔN DU GIÀ QUÁN HẠNH NGHI QUỸ

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Phàm người tu Du Già, trước tiên ở một nơi trong sạch xây dựng **Mạn Trà La** (Maṇḍala: Đạo Trường), dùng nước thơm rưới vẩy, đem mọi loại hoa mùa rải trên Đàn. Hành Giả, trước tiên nên tắm gội, mặc áo mới sạch. Tiếp theo vào Đạo Trường đối trước tượng Bản Tôn, gieo năm vóc sát đất, phát Tâm ân trọng đỉnh lễ tất cả Như Lai với các Bồ Tát. Liền ngồi Kiết Già, quán tưởng chư Phật như ở ngay trước mắt. Sau đó chí thành sám hối tất cả tội lỗi rồi bạch rằng:

"Con tên là…. Đã luân hồi từ vô thủy cho đến ngày nay, từng tạo ra vô lượng vô biên tội mà chẳng tự hiểu biết. Hoặc tự mình làm hoặc dạy người làm, tùy vui theo sự* Kiến Tác. *Ngày nay con xin sám hối chẳng dám làm nữa. Nguyện xin chư Phật Từ Bi nhiếp thọ khiến cho tội chướng của con mau được tiêu diệt" (nói như vậy 3 lần)

_Lại nên tự thọ Giới **Tam Quy** và bạch rằng:

"Xin chư Phật Bồ Tát thương xót giúp đỡ cho con. Con tên là…. Bắt đầu từ hôm nay cho đến lúc được ngồi ở Bồ Đề Đạo Trường (Bodhi-maṇḍala). ***Con xin quy y* Ba Thân Vô Thượng *của Như Lai, quy y Pháp Tạng Đại Thừa Phương Quảng, quy y các chúng Bồ Tát của Tăng Già"*** (nói như vậy 3 lần)

"Con tên là…. Quy y Phật xong, quy y Pháp xong, quy y Tăng xong. Từ nay về sau cho đến khi thành Phật, con chẳng quy y hàng Nhị Thừa và nhóm Ngoại Đạo. Nguyện xin chư Phật từ bi nhiếp thọ"

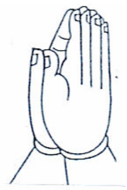
_Tiếp nên xả thân cúng dường, liền bạch rằng:

"Nguyện xin chư Phật Bồ Tát thương xót nhiếp thọ con. Từ nay trở đi cho đến khi thành Phật, con thường xả thân cúng dường tất cả Như Lai với các Bồ Tát. Nguyện xin Từ Bi thương xót gia hộ" (Nói như vậy 3 lần)

_Tiếp ở tận cùng khoảnh hư không thuộc phương dưới, quán chữ **Hạ** (𑖮: HA) màu đen, chữ ấy biến thành Phong Luân có *hình nửa vành trăng* (◡). Ở trên Phong Luân quán chữ **Phộc** (𑖪: VA) màu trắng, chữ ấy biến thành Thủy Luân có *hình tròn đều đặn* (◯). Ở trên Thủy Luân nên quán chữ **La** (𑖨 : RA) màu vàng, chữ ấy biến thành chày Kim Cương mạnh mẽ sắc bén tỏa ra ánh lửa Kim Cương cháy bùng có *hình Tam Giác* (△). Từ dưới hướng lên trên cho đến Địa Luân, lửa mạnh thiêu đốt hết thảy, kể cả thân của mình , chỉ còn lại đám tro tàn. Liền dùng tro này biến thành Kim Cương Luân, Luân đó màu trắng bền kín (kiên mật) tùy lượng lớn nhỏ có *hình vuông vắn* (□).Tiếp ở trên Kim Cương Luân, quán tưởng hoa sen 8 cánh có đầy đủ râu nhụy quý báu. Ở trên đài sen, tưởng chữ **Sa** (𑖭: SA) màu vàng ròng, chữ đó có đủ vô lượng ánh sáng. Biến chữ **Sa** (𑖭) thành **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara) ngồi Kiết Già. Thân như màu vàng có vầng hào quang tròn trịa sáng rực rỡ, mặc áo tơ lụa đẹp, quần màu đỏ. Tay trái để ngang rốn cầm hoa sen chưa nở. Tay phải để ngang ngực làm thế bóc hoa (Khai Hoa Diệp Khế)

Thân có đủ mão mũ, chuỗi Anh Lạc. Đầu đội Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) trụ ở tướng Thiền Định.

Tác Quán này xong, liền kết **Tam Muội Gia Ấn**: Đặt hai tay ngang trái tim, mật hợp chưởng, kèm thẳng hai ngón cái.



Tụng Chân Ngôn là:

"Na mô tam mãn đa mẫu đà nẫm. A tam minh, để-lị tam minh, tam ma duệ, sa-phộc hạ"

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖀𑖭𑖦𑖸 𑖝𑖿𑖨𑖰𑖭𑖦𑖸 𑖭𑖦𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ ASAME TRISAME SAMAYE SVĀHĀ

Tụng Chân Ngôn 3 biến, đem ấn 5 nơi gia trì là: Vầng trán, vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng rồi bung Ấn trên đỉnh đầu. Do kết Ấn này liền mau mãn Hạnh Nguyện của 10 Địa, 10 Ba La Mật, hay thấy tất cả Như Lai Địa. Hay vượt qua Pháp Đạo Giới, ấy là: Thắng Giải Địa, Tĩnh Tâm Địa, Như Lai Địa (gọi là **Siêu Quá Pháp Đạo Giới**)

_Tiếp kết Ấn **Pháp Giới Sinh**: Hai tay nắm thành Kim Cương Quyền, đặt 2 cạnh tay dính nhau, dựng 2 ngón trỏ sao cho cạnh đầu ngón dính nhau.



Đem Ấn đặt trên đỉnh đầu, tưởng chữ **Lam** (𑖨𑖽 _RAṂ**).**Từ chữ ấy tuôn ra ánh sáng màu trắng chiếu khắp thân của mình, cả trong lẫn ngoài. Liền quán thân của mình đồng với **Pháp Giới** (Dharma-dhātu). Tụng Chân Ngôn là:

"Na mô tam mãn đa mẫu đà nam. Đạt ma đà đô, sa-phộc bà phộc cú hàm"

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖠𑖨𑖿𑖦𑖠𑖯𑖝𑖲 𑖭𑖿𑖪𑖥𑖯𑖪𑖎𑖺𑖮𑖽

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ DHARMA-DHĀTU SVABHĀVAKA-UHĀṂ

Tụng Chân Ngôn 3 biến. Đem Ấn từ trên đỉnh đầu, liền chia ra làm 2 Quyền theo hai bên đỉnh đầu từ từ hạ xuống rồi buông ra.

_Tiếp kết Ấn **Chuyển Pháp Luân**: Hai tay đặt ngang trái tim sao cho hai lưng bàn tay cùng phụ nhau, bên phải đè bên trái, 4 ngón tay cùng móc lẫn nhau, ngón trỏ trái đặt trong lòng bàn tay phải cùng nắm giữ ngón cái phải.



Quán thân mình như **Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát** (Vajra-satva) tay trái cầm cái chuông Kim Cương đặt ở tròng mắt bên trái, tay phải cầm chày Ngũ Cổ đặt ngang trái tim, tác thế nhảy ném (khiêu trịch). Thân có màu như vành trăng màu trắng, đầu đội mão Ngũ Phật, ngồi trong vành trăng, tụng Chân Ngôn là:

"Ná mô tam mãn đa phộc nhật la noản. Phộc nhật-la đát ma cú hàm"



NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀṂ _ VAJRA-ATMAKA-UHĀṂ

Tụng Chân Ngôn 3 biến xong, liền bung Ấn trên đỉnh đầu

_Tiếp kết **Đại Nhật Như Lai Kiếm Ấn**: Chắp 2 tay lại để ngang trái tim, co 2 lóng giữa của ngón trỏ sao cho đầu ngón đặt nằm ngang dính nhau, đem 2 ngón cái kèm nhau đè lóng trên của 2 ngón giữa như hình cây kiếm.



Kết Ấn này xong liền quán ngay trong trái tim của mình có hình hoa sen 8 cánh. Ở trong hoa sen tưởng chữ **A** (𑖀) phóng ra ánh sáng màu vàng tương ứng với Ấn. Tưởng chữ A ấy xong thời ***tất cả Pháp vốn chẳng sinh***. Liền tụng Chân Ngôn là:

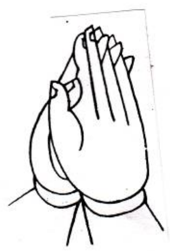
"Nam mô tam mãn đá mẫu đà nam. Ác vĩ la hồng khiếm"



NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _AḤ VIRA HŪṂ KHAṂ

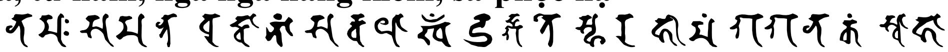
Tụng Chân Ngôn 8 biến, dùng Ấn như trước gia trì 5 nơi trên thân mình rồi bung Ấn trên đỉnh đầu.

_Tiếp kết Ấn **Phổ Cúng Dường**: Chắp 2 tay lại, bên phải đè bên trái, giao lóng trên của các ngón liền thành.



Tụng Chân Ngôn là:

"Ná mô tam mãn đa mẫu đà nam. Tát phộc tha, khiếm, ôn ná-nghiệt đế, táp-phả la, tứ hàm, nga nga nẵng kiếm, sa-phộc hạ"



NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ SARVATHĀ KHAṂ UDGATE SPHARA HĪMAṂ GAGANAKAṂ SVĀHĀ

Kết An đặt ngang trái tim, tụng Chân Ngôn 5 biến. Tưởng từ Ấn tuôn ra vô lượng hương hoa, thức ăn uống… cúng dường tận hư không khắp Pháp Giới tất cả Hiền Thánh rồi bung Ấn trên đỉnh đầu .

Tiếp Quán Hạnh **Bố Tự Pháp**: Người tu Du Già nên quán tưởng ngay thân của mình. Ở tam tinh để chữ **Hồng** (HŪṂ) màu vàng đỏ biến thành tướng **Bạch Hào** (Ūrṇa). Ở chỗ giao phòng của não đặt chữ **Ám** (_AṂ) có ánh sáng màu trắng tràn đầy trong não ấy. Ở trên đỉnh đầu đặt chữ **Lam** (_ RAṂ) có ánh sáng màu đỏ với phần lửa bốc lên trên. Ở trên Phật Đỉnh tưởng chữ **Án** (_ OṂ) có ánh sáng màu trắng chiếu soi Pháp Giới. Ở ngay bàn chân phải thường đặt chữ **Sa-phộc** (_SVĀ) chân trái thường đặt chữ **Hạ** (_ HĀ)

Liền quán trái tim của mình là **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) lìa tất cả **Ngã**. Lìa **Uẩn, Xứ, Giới, Năng Thủ, Sở Thủ** … Ở sự bình đẳng của Pháp rõ biết Tâm của mình xưa nay chẳng sinh, là **Không** (Śūnya:trống rỗng), không có Tự Tính. Chính vì thế cho nên phải quán sát **Tự Tâm** chẳng phải là tính của nhóm ***Ta, Người, Chúng Sinh, Thọ Giả***. Tại sao vậy? Vì tính của nhóm **Ta Người** ấy không có chỗ tạo, không có chỗ đắc cho nên nhóm Ta Người vốn không thuận theo điều **có tự tính**, liền mau được lìa tất cả **Ngã Kiến**. Tâm này cũng chẳng phải là Tính của Uẩn, Xứ, Giới. Tại sao thế? Vì tính của nhóm **Uẩn** này ở trong Thắng Nghĩa, thật ra chẳng thể đắc. Tự tính phân biệt của Uẩn, Xứ, Giới tức chẳng phải là Tâm ấy. Tâm này cũng chẳng phải là Năng Thủ, Sở Thủ. Chẳng phải là tâm vọng tưởng của Năng Thủ. Chẳng phải là tướng xanh, vàng… của Sở Thủ. Đức Thế Tôn nói: ***"Tâm chẳng trụ bên trong cũng chẳng trụ bên ngoài, chẳng phải trụ ở khoảng giữa. Tại sao vậy? Vì xưa nay thanh tĩnh, không có phân biệt"***

Quán sát Tâm của mình như vậy, liền biết bình đẳng. Thấu tỏ tất cả Pháp xưa nay chẳng sinh, lìa sự phân biệt hư vọng, đều không có Tự Tính giống như hư không. Duyên các Hữu Tình: suy tư, xót thương cho họ từ vô thủy đến nay chẳng biết Tâm của mình xưa nay thanh tĩnh, lại vọng sinh phân biệt điên đảo… như loài Quỷ Mỵ chỉ biết ăn nuốt, ở trong sinh tử chịu mọi thứ đau khổ. Nay Ta khởi đại tinh tiến, làm thế nào để khiến cho các Hữu Tình giác ngộ Tự Tâm, thấu rõ Pháp thanh tĩnh khiến cho họ mau lìa sự phân biệt hư vọng. Đại Bi như vậy là Tâm Bồ Đề.

Phát Tâm đó xong. Ở trên chữ **La** (_ RA) chấm thêm điểm tròn tức chữ **Lãm** (_RAṂ) là chủng tử (Bīja) của Pháp Giới. Tưởng hai chữ **La** ( ) đặt trong 2 con mắt như ngọn đèn cháy lớn tỏa ánh sáng chiếu soi khắp tất cả. Cùng với ánh sáng Trí Tuệ của ánh sáng này, quán chữ **A** () ngay trong trái tim của mình, thấu rõ tất cả Pháp xưa nay chẳng sinh. Liền ở chữ A tuôn ra ánh sáng màu trắng chiếu soi vô biên trần sa Thế Giới, trừ tất cả Vô Minh Si Ám trong thân của Hữu Tình. Liền tưởng thân của mình chuyển thành **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana Tathāgata) có đủ mão, chuỗi Anh Lạc, ngồi trên tòa sen trắng, thân như ánh sáng vàng chiếu diệu, trụ **Tam Ma Địa** (Samādhi). Nên tương ứng quán như vậy.

_Tiếp kết **Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Ấn** : Hai tay cùng cài chéo nhau bên trong rồi nắm chặt lại (Kim Cương Phộc Ấn) dựng đứng ngón cái phải liền thành tướng An.



Kết Ấn đặt ngang trái tim, tụng **Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Chân Ngôn** 7 biến. Đem Ấn gia trì: trái tim, vầng trán, cổ họng, đỉnh đầu. Tụng Chân Ngôn là:

"Án, a lô lực ca, sa-phộc hạ"

𑖌𑖼 𑖀𑖨𑖺𑖩𑖰𑖎𑖿 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ AROLIK SVĀHĀ

Tùy tụng Chân Ngôn, đem ngón cái phải hướng vào thân triệu mời liền thành **Câu Thỉnh** (Akarṣaṇa). Liền quán trên trái tim của Bản Tôn có vành trăng vắng lặng tròn đầy. Ở trong vành trăng, xoay theo bên phải, an bày các chữ của Đà La Ni. Chữ đó đều phóng ra ánh sáng màu trắng tràn khắp Pháp Giới. Ánh sáng đó quay trở lại nhập vào đỉnh đầu của Hành Giả. Ở trong vành trăng nơi trái tim của người tu Du Già y theo trước an bày mỗi mỗi rõ ràng. Chữ đó lại phóng ra ánh sáng, y theo trước mà tác quán.

Quán như vậy xong thì tự thân của người tu Du Già và thân của Bản Tôn Quán Tự Tại Bồ Tát ngang bằng không có sai khác như ảnh tượng trong gương, không phải một không phải khác.

Tiếp nên suy tư nghĩa của chữ:

A Tự Môn (𑖀_ A) là tất cả Pháp vốn chẳng sinh

LÔ Tự Môn (𑖨𑖺 _ RO) là tất cả Pháp mau lìa bụi dơ

LA (𑖩_LA) là tất cả Pháp Tướng chẳng thể đắc. Chữ LA này gia thêm tiếng thì biến thành chữ LỰC (𑖩𑖰_LI)

Từ trong chữ LỰC này tuôn ra chữ CA (𑖎𑖿_ K). **CA Tự Môn** (𑖎_ KA) là tất cả Pháp không có tạo tác.

Nên như vậy quán sát Tâm ở trên văn tự của Chân Ngôn. Liền suy nghĩ Nghĩa Môn đã ghi rõ bên dưới chữ. Ấy là: ***Xưa nay vốn chẳng sinh….*** Như 4 nghĩa bên trên. Tác quán như vậy xong thì cuối cùng mà lại bắt đầu tức là **Tam Ma Địa Niệm Tụng**.

Nếu người tác niệm ra tiếng thì ở trong Chân Ngôn nên tác câu này. Tụng Chân Ngôn là:

"**Án, a lô lực ca, chỉ la-để, lạc khất-nhĩ, vĩ bộ đề, minh, ná ná, sa-phộc hạ"**

𑖌𑖼 𑖀𑖨𑖺𑖩𑖰𑖎𑖿 𑖎𑖱𑖨𑖿𑖝𑖰 𑖨𑖫𑖿𑖦𑖰 𑖪𑖰𑖥𑖳𑖝𑖸 𑖦𑖸 𑖟𑖟 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ AROLIK KIRTTI RAŚMI VIBHŪTE ME DADA SVĀHĀ

_Tiếp nên quán 4 chữ của nhóm **a Lô Lực Ca (𑖀𑖨𑖺𑖩𑖰𑖎𑖿)** lúc trước có màu vàng ròng. Tụng Chân Ngôn lúc trước liền được tăng ích, đều được sự mong cầu trong Pháp.

Chỗ quán lúc trước là chữ A (𑖀) trong trái tim với chữ ÁM (𑖀𑖽) trong não là một Thể vậy. Chữ LA (𑖨) trong con mắt, chữ LAM (𑖨𑖽) trên đỉnh đầu. Nghĩa của 4 chữ như vậy dùng thành **Giác Cú** của tự thân.

_Lại quán Tâm Bồ Đề. Liền kết Tam Muội Gia Ấn lúc trước. Lại kết Pháp Giới Sinh, Chuyển Pháp Luân và Kiếm Ấn…. Lúc trước gia trì 5 nơi trên thân mình, mỗi mỗi đều tụng Bản Chân Ngôn. Liền Lễ Phật, Phát Nguyện, Hồi Hướng…

Xong ra khỏi Đạo Trường. Thường chuyển Giáo của đẳng Đại Thừa: Hoa Nghiêm, Bát Nhã…. Với ấn Phật, ấn Tháp, đi Kinh Hành, nhiễu quanh **Suất Đổ Ba** (Stūpa: tháp có nhiều tầng) khiến mau thành tựu.

Hết

Hoàn chỉnh xong vào ngày 22/03/2011

QUÁN TỰ TẠI ĐẠO SƯ PHÁP

TĨNH KHÍ THẾ GIỚI CHÂN NGÔN:
Kính lễ tất cả Pháp lìa bụi trần
OṂ_ RAJA-UPAGATAḤ SARVA DHARMA (3 lần)

TĨNH TAM NGHIỆP CHÂN NGÔN:
Kính lễ sự tĩnh trừ Ngã Mạn đem lại sự thanh tĩnh
OṂ _ ŚUDDHE ANUŚUDDHANĀYA SVĀHĀ (3 lần)

Tự Tính của con vốn thanh tịnh
Như Tự Tính thanh tịnh của các Pháp
OṂ_ SVABHĀVA ŚUDDHA SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAṂ (3 lần)

THỈNH TRIỆU BẢN SƯ
Từ đóa sen lòng sùng kính trong tim con
Hỡi Đức Thầy Từ Bi! Chỗ mong cậy duy nhất của con
Hãy xuất hiện che chở con trong cơn nguy khốn
Bởi các Nghiệp quá khứ và cảm xúc hỗn loạn
Như viên ngọc an trú trên đầu con, Man Đa La của Đại Lạc
Khơi dậy tỉnh giác và sáng suốt trong con
Xin Thầy!

(**Thế Tôn Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Đà La Ni**)
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ BUDDHA-DHĀRAṆĪ SMṚTI BALĀ DHĀNA KARI_ DHARA DHARA _ DHARĀYA DHARĀYA _ SARVA BHAGAVATI ĀKĀRA-VATI SAMAYE _ SVĀHĀ (3 lần)

Bậc Thầy Thánh Thiện của con_ Chúa Tể của bốn Thân
Con khẩn cầu Thầy: Thánh Quán Tự Tại Liên Hoa Vương
OṂ MAHĀ-PADMA-RĀJĀYA HRĪḤ HŪṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con_ Chúa Tể Pháp Thân Vô ngại
Con khẩn cầu Thầy: Thánh Quán Tự Tại Liên Hoa Vương
OṂ MAHĀ-PADMA-RĀJĀYA HRĪḤ HŪṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con_ Chúa Tể Báo Thân Phước lạc
Con khẩn cầu Thầy: Thánh Quán Tự Tại Liên Hoa Vương
OṂ MAHĀ-PADMA-RĀJĀYA HRĪḤ HŪṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con_ Chúa Tể vô lượng Ứng Thân
Con khẩn cầu Thầy: Thánh Quán Tự Tại Liên Hoa Vương
OM MAHÀ PADMA RÀJÀYA HRÌH HÙM

Bậc Thầy Thánh Thiện của con_ Hiện thân của tất cả vị Thầy
Con khẩn cầu Thầy: Thánh Quán Tự Tại Liên Hoa Vương
OṂ MAHĀ-PADMA-RĀJĀYA HRĪḤ HŪṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con_ Hiện thân của tất cả vị Trời
Con khẩn cầu Thầy: Thánh Quán Tự Tại Liên Hoa Vương
OṂ MAHĀ-PADMA-RĀJĀYA HRĪḤ HŪṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con_ Hiện thân của tất cả chư Phật
Con khẩn cầu Thầy: Thánh Quán Tự Tại Liên Hoa Vương
OṂ MAHĀ-PADMA-RĀJĀYA HRĪḤ HŪṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con_ Hiện thân của tất cả Pháp
Con khẩn cầu Thầy: Thánh Quán Tự Tại Liên Hoa Vương
OṂ MAHĀ-PADMA-RĀJĀYA HRĪḤ HŪṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con_ Hiện thân của Tăng Già
Con khẩn cầu Thầy: Thánh Quán Tự Tại Liên Hoa Vương
OṂ MAHĀ-PADMA-RĀJĀYA HRĪḤ HŪṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con_ Hiện thân của tất cả Nam Thần
Con khẩn cầu Thầy: Thánh Quán Tự Tại Liên Hoa Vương
OṂ MAHĀ-PADMA-RĀJĀYA HRĪḤ HŪṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con_ Hiện thân của chư Thần Hộ Pháp
Con khẩn cầu Thầy: Thánh Quán Tự Tại Liên Hoa Vương
OṂ MAHĀ-PADMA-RĀJĀYA HRĪḤ HŪṂ

Bậc Thầy Thánh Thiện của con_ Hiện thân của tất cả chỗ Quy y
Con khẩn cầu Thầy: Thánh Quán Tự Tại Liên Hoa Vương
OṂ MAHĀ-PADMA-RĀJĀYA HRĪḤ HŪṂ

BẢN TÔN GIA TRÌ
Hỡi! Đức Bản Sư Tôn Quý của con
Hãy an vị trên tòa sen trong vành trăng trên đỉnh của con
Xin xót thương con vì lòng Bi Mẫn
Cho con thành tựu về Thân, Lời, Ý
OṂ ĀḤ LOKEŚVARĀYA HŪṂ (3 lần)

(**Quán Tự Tại Bồ Tát Thượng Thủ Liên Hoa Bộ Chân Ngôn**)
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ SA_ SARVA TATHĀGATA AVALOKITA KĀRUṆA-MAYA_ RA RA RA_ HŪṂ JAḤ _SVĀHĀ (3 lần)

Con xin quay về nương tựa Bậc Thầy Thánh Thiện của con và ba ngôi Báu
Xin ban phước cho dòng Tâm Thức của con
Để cho con và tất cả Hữu Tình, những người đã từng làm cha mẹ và quyến thuộc của con
Xin các Ngài ban phước cho chúng con
Để cho chúng con phát sinh CHÍNH KIẾN một cách dễ dàng, kính trọng bậc Đạo Sư
Xin Thầy và ba ngôi Báu gia hộ cho chúng con
Và tĩnh trừ cho chúng con tất cả chướng ngại NỘI TÂM và NGOẠI CẢNH

(**Đại Bi Quán Âm Quán Đỉnh Chân Ngôn**)
OṂ_ MAHĀ-MUDRA-JVALATI MAṆI-PADME VAJRI HŪṂ (3 lần)

(**Lục Tự Đại Minh Thần Chú**)
OṂ_ MAṆI-PADME HŪṂ (108 lần)

(**Liên Hoa Bộ Tâm Chân Ngôn**)
OṂ_ AROLIK SVĀHĀ (108 lần)

(**Thiên Thủ Quán Âm Tâm Chân Ngôn**)
OṂ_ VAJRA-DHARMA HRĪḤ (108 lần)

HỒI HƯỚNG
Bao nhiêu chút ít Công Đức con có được
Do việc tu tập ngày hôm nay
Con xin hồi hướng cho sự Toàn Giác của con
Sở dĩ con gặp được Giáo Lý của Đấng Đạo Sư Vô Thượng
Là nhờ vào lòng tử tế của Thầy con
Nên con hồi hướng Công Đức này
Xin cho tất cả Hữu Tình đều được những Đạo Sư săn sóc

Nam mô Phật
Nam mô Pháp
Nam Mô Tăng
Nam mô Thế Tôn Thánh Quán Tự Tại Liên Hoa Vương Bồ Tát
Nam mô Thập Phương Thường Trụ chư vị Hộ Pháp

Nguyện cho tất cả chúng sinh thường được an vui
Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não
Nguyện cho tất cả chúng sinh sớm khởi Từ Bi
Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng Bồ Đề

27/09/1997

NGHI THỨC QUÁN TƯỞNG VÀ TRÌ NIỆM
LIÊN HOA BÁCH TỰ MINH

Hành Giả tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới sạch, đối trước Tượng Bản Tôn, gieo năm vóc sát đất, phát Tâm ân trọng đỉnh lễ tất cả Như Lai với các Bồ Tát. Hành Giả liền ngồi Kiết Già quán tưởng chư Phật ở ngay trước mắt, sau đó chí thành sám hối tất cả tội lỗi và bạch rằng:

"Con (Họ tên… Pháp Danh…) đã luân hồi từ vô thủy cho đến ngày nay, từng tạo ra vô lượng vô biên tội lỗi mà chẳng tự biết. Hoặc tự mình làm, hoặc dạy người làm, chỉ biết tùy vui theo sự KIẾN TÁC . Ngày nay con xin sám hối chẳng dám làm nữa. Nguyện xin chư Phật từ bi nhiếp thọ khiến cho tội chướng của con mau được tiêu diệt" (3 lần)

Tiếp, nên tự thọ Tam Quy và bạch rằng :

"Xin chư Phật Bồ Tát sót thương, giúp đỡ cho con. Con (Họ tên… Pháp Danh….) bắt đầu từ ngày hôm nay cho đến lúc được ngồi ở Đạo Trường Bồ Đề. Con xin quy y Ba Thân Vô Thượng của Như Lai. Con xin quy y Pháp Tạng Đại Thừa Phương Quảng. Con xin quy y các Chúng Bồ Tát của Tăng Già" (3 lần)

Hành Giả lại bạch tiếp :

"Con (Họ tên.. Pháp Danh…) quy y Phật xong, quy y Pháp xong, quy y Tăng xong. Từ nay trở về sau cho đến khi thành Phật. Con chẳng quy y hàng Nhị Thừa và nhóm Ngoại Đạo. Nguyện xin chư Phật từ bi nhiếp thụ" (3 lần)

Tiếp phát thệ xả thân cúng dường là :

"Nguyện xin chư Phật Bồ Tát xót thương nhiếp thọ cho con. Từ nay trở đi cho đến khi thành Phật.Con thường xả thân cúng dường tất cả Như Lai với các Bồ Tát. Nguyện xin Từ Bi xót thương gia hộ" (3 lần)

Tiếp chân thành phát Tâm Bồ Đề là :

"Con (Họ tên… Pháp Danh…) từ hôm nay trở đi cho đến khi thành Chính Đẳng Chính Giác. Con thề phát Tâm Bồ Đề, thệ nguyện cứu độ vô lượng vô biên chúng Hữu Tình , khiến cho tất cả đều được giải thoát như con không khác. Nguyện xin chư Phật Bồ Tát từ bi chứng tri và khuyến tấn cho con mau viên mãn lời thệ nguyện" (3 lần)

Tiếp theo là sự Thiền Định trên thực thân. Điều này bắt đầu bằng việc tinh lọc thiền định trong TÍNH KHÔNG (Śūnyatā) nhờ sự trợ giúp của Thần Chú TỰ TÍNH (Svabhāva-mantra)

OṂ ĀḤ HŪṂ (3 lần)

OṂ_ SVABHĀVA ŚUDDHA_ SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAṂ (3 lần)

Hành Giả quán tưởng tất cả các Pháp và sự tồn tại của Bản Ngã đều trống rỗng và tan thành TÍNH KHÔNG. Từ khoảng không của sự trống rỗng mênh mông này xuất hiện chữ PAṂ (𑖢𑖽_ Chủng Tự biểu thị cho Đệ Nhất Nghĩa Vô Nhiễm) màu trắng tinh. Chữ PAṂ biến thành hoa sen màu trắng tinh, trên hoa sen này có chữ ĀḤ (𑖁𑖾_ Chủng Tự biểu thị cho Ngữ Giác Ngộ là nguyên lý bao quát tất cả nghĩa của Chú Thuật hay âm thanh sáng tạo) màu trắng. Chữ ĀḤ biến thành vành trăng tròn trịa, bên trong vành trăng có chứa chữ HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾_ Chủng Tự biểu thị cho năng khiếu nội quán trực giác với trí phân tích cùng tột của Diệu Quán Sát Trí) màu trắng. Chữ HRĪḤ tỏa ra ánh sáng tạo thành các lễ vật dâng lên Đức Thế Tôn và tạo ra mọi điều tốt lành cho các loài Hữu Tình, sau đó ánh sáng quay trở về nhập vào chữ HRĪḤH. Liền đó, chữ HRĪḤ biến thành Đức Quán Tự Tại Bồ Tát có thân hình màu trắng với đầy đủ mọi tướng tốt đẹp, ngồi trên tòa sen trắng, tay trái cầm hoa sen trắng, tay phải kết Khai Hoa Diệp Ấn.



Từ chữ HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾) trong vành trăng trên trái tim của Ngài phát ra những tia sáng rực rỡ thỉnh mời các Bậc Trí Giả (Jñāna-satva) giống hệt như Ngài. Hành Giả chí thành vận Tâm, tưởng dâng các vật cúng dường đến cho các Vị ấy.

OṂ_ ARGHAṂ (Nước uống) PRATĪCCHÀYA_ SVĀHĀ
OṂ_ PĀDYAṂ (Nước rửa chân) PRATĪCCHÀYA_ SVĀHĀ
OṂ_ PUṢPE (Bông hoa) PRATĪCCHÀYA_ SVĀHĀ
OṂ_ DHUPE (Trầm Hương) PRATĪCCHÀYA_ SVĀHĀ
OṂ_ ĀLOKA (Đèn Nến) PRATĪCCHÀYA_ SVĀHĀ
OṂ_ GANDHE (Hương đốt, dầu thơm) PRATĪCCHÀYA_ SVĀHĀ
OṂ_ NAIVIDYE (Thực Phẩm) PRATĪCCHÀYA_ SVĀHĀ
OṂ_ ŚABDA (Âm Thanh, kỹ nhạc) PRATĪCCHÀYA_ SVĀHĀ
JAḤ HŪṂ VAṂ HOḤ

Sau đó, các Vị được câu triệu hòa nhập thành một Thể với Đức Quán Tự Tại Bồ Tát.

Từ chữ HRĪḤ trong trái tim của Đức Quán Tự Tại Bồ Tát lại phát ra ánh sáng triệu thỉnh chư Tôn đến Quán Đỉnh. Hành Giả liền khẩn cầu rằng :

"Hỡi chư Như Lai! Xin hãy quán đỉnh cho con!"

Chư Phật hài lòng ban Pháp Quán Đỉnh. Các Vị Phật Mẫu cầm bình báu rưới nước Cam Lộ Trí Giác và đọc Kệ rằng :

"Giống như lúc Phật đản sinh
Chư Thiên hóa hiện xối nước tắm
Nay chúng ta cũng tắm cho con
Bằng nước Cam Lộ ***quán đỉnh bí mật*** *"*

OṂ_ SARVA TATHĀGATA-ABHIṢEKATA-SAMAYA ŚRĪYA_ HŪṂ

Đọc Kệ này xong, chư Vị rưới nước Cam Lộ Trí Giác lên toàn thân của Đức Quán Tự Tại Bồ Tát, phần nước dư thừa quyện trên đỉnh đầu biến thành hình tướng Đức Phật A Di Đà ngồi Kiết Già trên tòa sen báu, hai tay kết Định Ấn và ngự trên đỉnh đầu của Bồ Tát Quán Tự Tại.

_Hành Giả thành Tâm vận tưởng cúng dường đến tất cả chư Phật

OṂ_ SARVA TATHĀGATA ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA ARGHAṂ PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

OṂ_ SARVA TATHĀGATA ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA PĀDYAṂ PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

OṂ_ SARVA TATHĀGATA ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA PUṢPE PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

OṂ_ SARVA TATHĀGATA ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA DHUPE PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

OṂ_ SARVA TATHĀGATA ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA ĀLOKA PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

OṂ_ SARVA TATHĀGATA ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA GANDHE PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

OṂ_ SARVA TATHĀGATA ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA NAIVIDYE PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

OṂ_ SARVA TATHĀGATA ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA ŚABDA PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

_Hành Giả lại khẩn cầu :

"Bạch Đức Thế Tôn Quán Tự Tại! Xin hãy giúp cho con tẩy trừ được hết thảy hạt giống về nghiệp ác, phiền não chướng, sở tri chướng cùng với tội Phạm Giới do con và chúng sinh gây ra"

Thỉnh nguyện xong, ánh hào quang phát ra từ chữ HRĪḤ trong tim Đức Quán Tự Tại Bồ Tát chiếu chạm đến các Hữu Tình , tĩnh trừ các tội gây ra bởi nghiệp ác, các chướng và tội hủy phạm Giới Cấm. Hào quang lại chiếu đến chư Phật Bồ Tát ở 10 phương tạo thành các phẩm vật dâng cúng các Ngài

OṂ_ ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA ARGHAṂ PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

OṂ_ ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA PĀDYAṂ PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

OṂ_ ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA PUṢPE PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

OṂ_ ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA DHUPE PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

OṂ_ ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA ĀLOKA PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

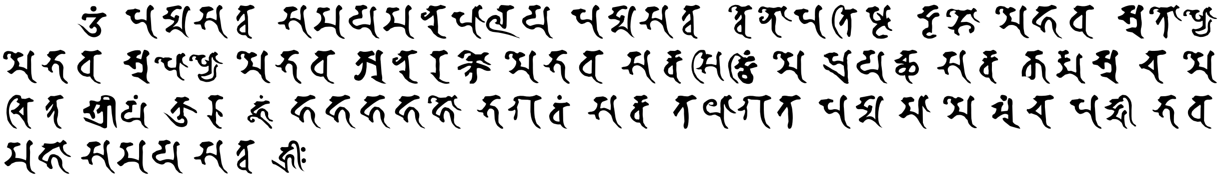
OṂ_ ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA GANDHE PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

OṂ_ ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA NAIVIDYE PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

OṂ_ ĀRYA-LOKEŚVARA SAPARIVĀRA ŚABDA PRATĪCCHA HŪṂ_ SVĀHĀ

Các năng lực tác Pháp do **thân, khẩu, ý** của các Ngài tạo thành sự gia trì chúc phước rồi biến thành ánh sáng quay về chữ HRĪḤ nơi trái tim của Bồ Tát Quán Tự Tại.

Đức Quán Tự Tại Bồ Tát trở nên sáng chói và tràn đầy Bi Trí, chung quanh chữ HRĪḤ ở tim Ngài hiện **ra bài Chú Bách Tự Minh**



OṂ_ PADMASATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA _ PADMASATVA TVENA UPATIṢṬA _ DṚḌHO ME BHAVA _ SUTOṢYO ME BHAVA _ SUPOṢYO ME BHAVA _ANURAKTO ME BHAVA _ SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACCHA SARVA KARMASU _ CA ME CITTAṂ ŚRĪYAṂ KURU _ HŪṂ HA HA HA HA HOḤ_ BHAGAVAṂ SARVA TATHĀGATA PADMA _ MA ME MUṂCA _ PADMĪ BHAVA _ MAHĀ SAMAYA SATVA _ HRĪḤ.



Ánh sáng chiếu ra từ những chữ này, tĩnh trừ các tập khí của nghiệp ác, các chướng trên đường Đạo của Hữu Tình và biến thành vô lượng phẩm vật cúng dường chư Phật Bồ Tát. Các lực thệ nguyện do thân, khẩu, ý của các Thánh Giả quay trở về hòa nhập vào các chữ này.

Một dòng nước Cam Lộ màu trắng từ các **Chủng Tử Chú** tuôn chảy trong thân của Bồ Tát Quán Tự Tại rồi tuôn chảy vào đỉnh đầu Hành Giả, tràn đầy khắp châu thân, đẩy mọi tập khí nghiệp ác, các chướng do nghiệp thân, khẩu, ý ra khỏi thân thể Hành Giả qua các lỗ chân lông thành dạng sương khói đen kịt. Hành Giả liền thanh tịnh được mọi nghiệp chướng ác. Dòng nước Cam Lộ Trí Giác tràn đầy thân Hành Giả thành sắc chói rạng trắng tinh. Các Trí Tuệ và Đạo Pháp thù thắng tuôn chảy vào Hành Giả.

(Trong khi quán tưởng như vậy, Hành Giả luôn luôn trì niệm Liên Hoa Bách Tự Minh)

Xong rồi , Hành Giả lại khẩn cầu :

"Do Vô Minh lầm lạc
Con đã vi phạm các Cấm Giới
Xin Đấng Đạo Sư thủ hộ

Hãy độ trì, khuyến tấn cho con
Nhất là Đấng Đại Bi Quán Tự Tại
Bậc Đạo Sư của các chúng sinh
Xin hãy làm chỗ nương tựa của chúng con"
Đức Quán Tự Tại Bồ Tát đáp rằng:
"Này kẻ trai lành! (Người nữ thiện) các nghiệp chướng xấu ác và sự phạm Giới của con đã được thanh tịnh "

Nói xong, Ngài biến thành chữ HRĪḤ. Chữ HRĪḤ tan thành ánh sáng chiếu vào đầu Hành Giả, đi qua đỉnh môn đến trái tim Hành Giả và khiến cho thân, khẩu, ý của Hành Giả trở thành một với thân, khẩu, ý của Ngài.

Cuối buổi Thiền Định, Hành Giả chí thành hồi hướng
"Nam mô Phật
Nam mô Pháp
Nam mô Tăng
Nam mô A Di Đà Phật
Nam mô Đại Bi Quán Tự Tại Bồ Tát
Nam mô Thập Phương thường trụ chư vị Hộ Pháp
Nguyện cho tất cả chúng sinh thường được an vui
Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não
Nguyện cho tất cả chúng sinh sớm khởi Từ Bi
Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng Bồ Đề"

Sau đó, Hành Giả xả bỏ và hoàn tất buổi công phu

16/5/1998



LIÊN HOA BỘ BÁCH TỰ MINH CHÂN NGÔN

Chú thích Phạn Văn: HUYỀN THANH



𑖌𑖼 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖭𑖝𑖿𑖪 𑖭𑖦𑖧𑖦𑖀𑖡𑖲𑖢𑖯𑖩𑖧 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖭𑖝𑖿𑖪 𑖝𑖿𑖪𑖸𑖡𑖺𑖢𑖝𑖰𑖬𑖿𑖘 𑖟𑖴𑖛𑖺 𑖦𑖸 𑖥𑖪 𑖭𑖲𑖝𑖺𑖬𑖿𑖧𑖺 𑖦𑖸 𑖥𑖪 𑖭𑖲𑖢𑖺𑖬𑖿𑖧𑖺 𑖦𑖸 𑖥𑖪 𑖀𑖡𑖲𑖨𑖎𑖿𑖝𑖺 𑖦𑖸 𑖥𑖪 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖰𑖽 𑖦𑖸 𑖢𑖿𑖨𑖧𑖓𑖿𑖔 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖎𑖨𑖿𑖦𑖭𑖲 𑖓 𑖦𑖸 𑖓𑖰𑖝𑖿𑖝𑖽 𑖫𑖿𑖨𑖱𑖧𑖽 𑖎𑖲𑖨𑖲 𑖮𑖳𑖽 𑖮𑖮𑖮𑖮𑖮𑖺𑖾 𑖥𑖐𑖪𑖽 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝 𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖦𑖯 𑖦𑖸 𑖦𑖲𑖽𑖓 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖱 𑖥𑖪 𑖦𑖮𑖯 𑖭𑖦𑖧 𑖭𑖝𑖿𑖪 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾

OṂ_ PADMASATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA _ PADMASATVA TVENA UPATIṢṬA _ DṚḌHO ME BHAVA _ SUTOṢYO ME BHAVA _ SUPOṢYO ME BHAVA _ANURAKTO ME BHAVA _ SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACCHA SARVA KARMASU _ CA ME CITTAṂ ŚRĪYAṂ KURU _ HŪṂ HA HA HA HA HOḤ_ BHAGAVAṂ SARVA TATHĀGATA PADMA _ MA ME MUṂCA _ PADMĪ BHAVA _ MAHĀ SAMAYA SATVA _ HRĪḤ.

OṂ: Hình thức của một chữ nói về tinh hoa trong sạch tinh khiết về một cơ thể Liên Hoa của tất cả Đấng **Thiện Thệ** (Sugata). Nó còn biểu thị cho dự định của một người nào đó hoặc biểu thị cho sự ước muốn may mắn nào đó.

PADMASATVA: Liên Hoa Tát Đỏa. PADMA là hoa sen biểu thị cho bản chất trong sạch không ô nhiễm, không bị bất cứ nguyên nhân nào làm cho nhơ bẩn được. SATVA là người có lòng trắc ẩn lớn .

PADMASATVA còn biểu thị cho sự không thể chia cắt được của tính trong sạch không nhiễm cấu và tâm Đại Bi. Tình trạng nhơ bẩn ô uế là hiện tướng của vòng luân hồi. Sự luân chuyển trong trạng thái nhơ bẩn ô uế mà luôn luôn trong sạch tinh khiết được gọi là Đạo. Tình trạng thoát ly vĩnh viễn sự nhơ bẩn ô uế chính là Phật Đạo. Chữ nghĩa chỉ là phương cách hướng dẫn cho nên danh tự PADMASATVA biểu thị cho sự kết tinh Tâm Nguyện của kẻ hữu tình nhằm vượt thoát sự nhiễm ô trói buộc và đạt được sự thanh tịnh vô nhiễm trước.

SAMAYAM: Bản Thệ, có nghĩa là những gì mà ta không thể vượt qua được. Nó là khuôn mẫu giải thoát mà ta cần phải trân trọng gìn giữ.

ANUPĀLAYA: gìn giữ, có nghĩa là giữ cho lời nguyện thề của Padmasatva luôn quan hệ với ta.

TVENA: bởi Ngài (Padmasatva)

UPATIṢṬA: Kiên trú. Padmasatva đang được kêu gọi để trú ngụ vững chắc trong một cá thể.

DṚḌHO: Vững chắc, thuộc tính cách mà Padmasatva trú ngụ trong Bản Thể đó.Mặc dù Padmasatva là hình thức tồn tại trong mọi hiện tượng, tỏa khắp và lưu lại trong mọi vật từ lúc khởi thủy cho đến sau này, hình thức này luôn luôn tồn tại trong khi luân chuyển nơi sinh tử cũng như ổn định vững chắc nơi Niết Bàn. Padmasatva được yêu cầu trú ngụ trong một cá thể đã giúp cho cá thể đó tự nhận biết về đặc tính **trong sạch không nhiễm dính** duy nhất.

ME: là tôi, cái Ta

BHAVA: là phát sinh (cảm giác của sự tự tạo ra , cảm nhận về sự tạo lập)

SUTOṢYO: Ước nguyện tốt, sự thỏa mãn cùng cực. Người ta van nài Padmasatva để làm cho bản thân họ trở nên thỏa mãn từ sự tự do khoái lạc, nhận thức tỉ mỉ tinh vi cho đến cả ước nguyện lớn lao (Đại Nguyện).

ME: là Tôi

BHAVA : là phát sinh

SUPOṢYO : là tăng trưởng rất tốt. Đi theo ME BHAVA thì mang nghĩa là "Tăng trưởng Trí Tuệ thanh tịnh qua đại nguyện **Không Hai** và lòng Đại Bi trong tôi"

ANURAKTO: là hài lòng. Đi theo ME BHAVA thì có nghĩa là "Làm cho tôi phát khởi Đại Bi". Đây chính là nghĩa khiến cho tôi yêu thương và dứt trừ khổ não cho tất cả chúng sinh khiến cho họ xa lìa mọi sự ô uế dính mắc

SARVA: là tất cả

SIDDHIṂ: sự thành tựu. Sarva siddhiṃ đi theo ME BHAVA thì có nghĩa là "Làm cho tôi thành tựu tất cả"

ME: là Tôi

PRAYACCHA : Ban cho, hoặc cầu nguyện cho ai

SARVA : Tất cả

KARMASU : Hành động

ME PRAYACCHA SARVA KARMASU là cung cấp cho tôi tất cả hành động lớn, nhỏ, siêu đẳng, bình thường

CA: là và, luôn luôn

ME: là của Tôi

CITTAṂ: là Tâm

ŚRĪYAṂ: là đức tính, đức hạnh

KURU: là làm

CA ME CITTAṂ ŚRĪYAṂ KURU: Hãy làm cho Tâm của tôi trong sáng tinh khiết trong mọi hành động. (Bởi vì Tâm dẫn đầu tất cả mọi hành động, nếu Tâm trong sáng thì tất cả hành động trong sáng)

Người ta van nài Padmasatva để xin nhận thức được Cứu cánh bí mật mà bí mật này đã tạo ra rất nhiều vẻ mặt bên ngoài. Sự tồn tại của luân hồi và Niết Bàn được bắt nguồn từ năng lực tự nhiên của một Padma duy nhất. Sự nhận thức về ước nguyện vĩ đại này đã giúp cho họ vượt qua được bản chất tự tâm của chính họ và đó là lời khẩn cầu lớn nhất.

HŪṂ: Chủng Tử biểu thị cho Tâm Tịnh Bồ Đề, là Đại Ấn của 5 dòng Như Lai, là bản chất trong sạch tinh khiết của 5 sự hợp nhất và sẵn sàng để hiển lộ ra bất cứ lúc nào.

HA HA HA HA: Là bản chất nguyên thủy tinh khiết của 4 sự vui vẻ, khoái lạc

HOH: là bản chất tinh khiết của hữu tình thông qua sự đối đãi giữa 6 căn và 6 trần

BHAGAVAṂ: là Thế Tôn.

SARVA TATHĀGATA: Tất cả Như Lai

PADMA: Thanh tịnh vô nhiễm trước. Trường hợp chỉ định được thêm vào với một nghĩa quy hướng, bởi vì người ta đang xin sự quan tâm của tất cả Như Lai

MĀ: là đừng

ME: là Tôi

MUṂCA (hay **Muṅca, Muñca**): là bỏ rơi

MÀ ME MUṂCA là ***"Đừng bỏ rơi Tôi*** mang nghĩa là "đừng để cho sự nhận thức được pháp NHƯ THỊ xa lìa khỏi tôi", hoặc là "qua những ràng buộc của Tâm Đại Bi vô biên, đừng để cho tôi bị thoái chuyển".

PADMĪ: là có một Padma

BHAVA: là phát sinh, cái có (Hữu)

PADMĪ BHAVA có nghĩa là làm cho tôi có tính trong sạch không dính mắc, tức chỉ ra nghĩa ***không bỏ rơi của Padmasatva***

MAHĀ: là to lớn không ngằn mé

SAMAYA: là lời thề

SATVA: là hữu tình

MAHĀ-SAMAYA-SATVA là **Đại nguyện hữu tình** (Hữu tình có lời thề to lớn)

HRĪḤ: Chủng tử tinh hoa của Liên Hoa Bộ biểu thị cho sự mau chóng xa lìa các **trần cấu, tham, sân, si,** chứng được 4 đức thanh tịnh là **Ái Nhiễm Thanh Tịnh, Sân Thanh Tịnh, Cấu Uế Thanh Tịnh, Tội Thanh Tịnh**

Một người van xin một biểu tượng vĩ đại Padmasatva thì tự dâng hiến toàn bộ nhân vị của họ để trở thành sự thanh tịnh không nhiễm dính. Đây là lý tưởng Bồ Tát được thực hiện như nó đã được thể hiện trong hình tướng Padmasatva

Toàn bộ LIÊN HOA BÁCH TỰ MINH CHÂN NGÔN có thể diễn dịch là :

"Hỡi Liên Hoa Tát Đỏa! Xin Ngài hãy giữ gìn lời thề của mình! Xin Liên Hoa Tát Đỏa hãy trú ngụ cùng con,làm cho con được kiên cố vững chắc, giúp cho con hoàn thành ước nguyện, ban bố cho con thỏa mãn mọi nguyện cầu, thúc đẩy con phát khởi Tâm Đại Bi mà thành tựu tất cả, đồng thời làm cho Tâm của con được tinh khiết trong sáng trong mọi hành động HÙM, HA, HA, HA, HA, HỐC. Xin Đức Thế Tôn, tất cả Như Lai Liên Hoa đừng bỏ rơi con, hãy giúp cho con phát sinh được sự thanh tịnh không nhiễm dính, đừng để con phân cách với Đấng Liên Hoa Tát Đỏa ngỏ hầu thành tựu Đại Nguyện Hữu Tình. HƠ-RÍCH"

19/08/1997

BẠCH Y QUÁN ÂM ĐẠI SĨ LINH CẢM THẦN CHÚ
(QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT TÙY CẦU THẦN CHÚ)

*) **Tịnh Khẩu Nghiệp Chân Ngôn**:
OṂ_ TURE TURE_ MAHĀ-TURE- TUTURE_ SVĀHĀ
[**OM _ TU RÊ, TU RÊ, MA HA TU RÊ, TU TU RÊ_ XỜ-VA HA**]
(21 lần)

*) **Tịnh Thân Nghiệp Chân Ngôn**:
OṂ _ TUTĀRE TUTĀRE TUMARE _ SVĀHĀ
[**OM_ TU TA RÊ, TU TA RÊ, TU MA RÊ_ XỜ-VA HA**] (21 lần)

*) **Tịnh Ý Nghiệp Chân Ngôn**:
OṂ_ VAJRA TRAṬ_ HA HA HOḤ
[**OM_ VA DI-RA, TỜ-RẠT, HA HA HỘC**] (21 lần)

*) **Tự Tính Chân Ngôn**:
Tự Tính của con vốn thanh tịnh
Như Tự Tính thanh tịnh của các Pháp
OṂ_ SVABHĀVA ŚUDDHA_ SARVA DHARMA SVABHĀVA_ ŚUDDHA-UHAṂ
[**OM_ XỜ-VA PHA VA SÚT ĐA, XA RỜ-VA ĐA RỜ-MA XỜ-VA PHA VA SÚT ĐA, U HĂM**] (21 lần)

*) **An Thổ Địa Chân Ngôn**:
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ OṂ_ DHURU DHURU DEVĪ _ SVĀHĀ
[**NA MẮC XA MĂN TÁ BÚT ĐA NĂM_ OM_ ĐU RU ĐU RU ĐÊ VI_ XỜ-VA HA**] (21 lần)

*) **Bạch Y Quán Âm Đại Sĩ Linh Cảm Thần Chú**:
Nam mô Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quảng Đại Linh Cảm Bạch Y Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần, 3 lạy)
NAMO BUDDHĀYA
NAMO DHARMĀYA
NAMO SAÑGHĀYA
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARÀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA
TADYATHĀ: OM _ JALA-VĀDA JALA-VĀDA _ JAHAṂ RĀJA-VĀDA RĀJA-VĀDA _ SVĀHĀ
[**NA MÔ BÚT ĐA GIA**
NA MÔ ĐA RỜ-MA GIA
NA MÔ XĂNG GA GIA
NA MẮC A RI GIA, A VA LÔ KI TÊ SỜ-VA RA GIA_ BÔ ĐI XA TỜ-VA GIA, MA HA XA TỜ-VA GIA, MA HA CA RU NI CA GIA
TÁT ĐI-GIA THA : OM_ DA LA VA ĐA, DA LA VA ĐA_ DA HĂM VA ĐA_ RA DA VA ĐA, RA DA VA ĐA_ XỜ-VA HA]
Thiên La Thần, Địa La Thần. Người lìa nạn, nạn lìa thân. Tất cả tai ương hóa bụi trần

(Trì tụng Bài Chú trên 108_ 1080 lần)

_ Ý Nghĩa của **Chú Linh Cảm** được lưu truyền trong dân gian là:
NAMO BUDDHĀYA (Quy y Phật)
NAMO DHARMĀYA (Quy y Pháp)
NAMO SAÑGHĀYA (Quy y Tăng)
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARÀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA (Quy mệnh Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát là bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi)
TADYATHĀ (Tuyên nói Thần Chú là)
OṂ (Ba Thân Quy Mệnh)
JALA-VĀDA (Tính chất Trì Độn chậm chạp kém phước)
JALA-VĀDA (Tính chất Trì Độn Chập Chạp kém phước)
JAHAṂ (Tính chất Vô Nhiễm thanh tịnh của hoa sen)
RĀJA-VĀDA (Tính chất lanh lợi thông tuệ uy thế của vua chúa)
RĀJA-VĀDA (ính chất lanh lợi thông tuệ uy thế của vua chúa)
SVĀHĀ (Thành tựu tốt lành)

_ Toàn bài có thể diễn dịch là:
Quy Y Phật
Quy Y Pháp
Quy Y Tăng
Quy Mệnh bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát
Như vậy: OM! Căn tính trì độn kém cỏi của tôi và người khác đều nương theo tính chất thanh tịnh không nhiễm cấu của Hoa Sen mà thành tựu căn tính lanh lợi thông tuệ cao quý của Đế Vương

_ Bài Chú **Linh Cảm** được ghi nhận tại **Đà La Ni Tạp Tập, quyển 9** trong Mật Tạng Bộ 4_ No.1336_ Tr.631 có đôi chỗ sai khác là:
"QUÁN THẾ ÂM NÓI TÙY NGUYỆN ĐÀ LA NI
Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát
Đãn đề tha: Khư la bà đa, khư la bà đa, già ha bà đa, già phạt đa, già phạt đa, toa ha
NAMO ĀRYA- AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA
TADYATHĀ: KHARA-VĀDA KHARA-VĀDA_ JĀHA-VÀDA_ JAVATĀ JAVATĀ _ SVĀHĀ
Thực hành Pháp Đà La Ni này, nên ở nơi thanh tịnh, tinh chuyên lễ bái, nhiễu quanh tháp, tụng Đà La Ni này một vạn hai ngàn biến (12.000 lần) sẽ thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, tất cả ước nguyện tùy theo Ý đều được"

_ Ý nghĩa của bài Chú này là:
NAMO ĀRYA- AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA: Quy mệnh Thánh Quán Thế Âm Bồ Tát
TADYATHĀ: Như vậy, liền nói Chú là
KHARA-VĀDA: Tính chất mạnh mẽ tinh tường
KHARA-VĀDA: Tính chất mạnh mẽ tinh tường
JĀHA-VĀDA: Tính chất vững vàng ổn định, tính chất của cội nguồn
JAVATĀ: Tính hiệu quả tức thời

JAVATĀ: Tính hiệu quả tức thời
SVĀHĀ: Quyết định thành tựu

20/08/2010



Vạn Tân Toản Tục Tạng Kinh_ Tập 1_ No.34

KINH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT CỨU KHỔ.

Hán văn: Không rõ tên người soạn dịch.
Việt dịch: HUYỀN THANH

Nam Mô **Cứu Khổ Quán Thế Âm Bồ Tát,** trăm ngàn vạn ức Phật, hằng hà sa số Phật, vô lượng công đức Phật.

Đức Phật bảo A Nan rằng: " Kinh này ! Đại Thánh hay cứu ngục tù, hay cứu bệnh nặng, hay cứu Thiên Tai trăm nạn khổ. Nếu có người tụng được một ngàn biến thì một thân lìa khổ nạn, tụng được một vạn biến thì cả nhà lìa khổ nạn.

_Nam mô Phật lực uy
Nam mô Phật lực hộ
Khiến cho người không có Tâm ác, khiến cho thân người được cứu độ.
_Hồi Quang Bồ Tát
Hồi Thiện Bồ Tát
A Nậu Đại Thiên Vương
Chính Điện Bồ Tát
Ma Khưu Ma Khưu
Thanh Tịnh Tỳ Khưu

[? **Hồi Quang Bồ Tát** (Mati-jvala), **Hồi Hỷ Bồ Tát** (Mati-sadhu), **A Nậu Đại Thiên** (Anavatapta), **Chí Đức Bồ Tát** (Mahā-vairya), **Ưu Khâu Bà Khâu** (Ukubhaga), **Thanh Tịnh Tỳ Khưu** (Viśuddha-dharma-guru)].

Việc quan được tiêu tan
Việc riêng được kết thúc
Các Đại Bồ Tát
Năm trăm La Hán
Cứu hộ thân Đệ Tử
Thảy đều lìa khổ nạn

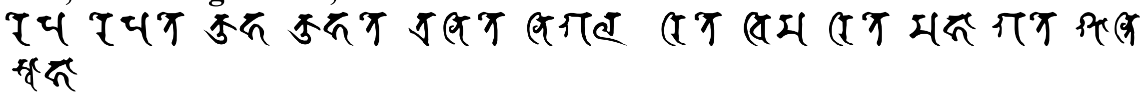
Tự nhiên Quán Thế Âm chẳng cần cởi bỏ Anh Lạc, chỉ siêng tụng ngàn vạn biến thì tai nạn tự nhiên được giải thoát, tin nhận phụng hành.

Liền nói Chân Ngôn là:

"Kim bồ kim bồ đề, đà la ni đế, ni khư la đế bồ đề tát bà ha"

[Bản lưu truyền tại Việt Nam thì ghi nhận câu Chú này là:

"**Kim bà, kim bà đế, cầu ha, cầu ha đế, đà la ni đế, ni ha la đế, tỳ lê nễ đế, ma ha già đế, chân lăng càn đế, ta bà ha"**



Repa repate kuha kuhate tranite nigala rite vimarite mahā –gate śāntiṃ kṛte svāhā]

Hết

05/01/2011

THỦ ẤN CỦA CÁC TÔN QUÁN ÂM

A_ THỦ ẤN CỦA THÁNH QUÁN ÂM :

1_Thánh Quán Âm Thủ Ấn (1): **Liên Hoa Bộ Tâm Ấn**

Hai tay Nội Phộc, duỗi thẳng ngón cái phải, xưng là Liên Hoa Bộ Tâm Ấn

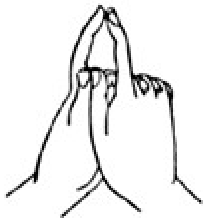


Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _SARVA TATHĀGATA AVALOKITA KĀRUṆA-MAYA _ RA RA RA _HŪṂ JAḤ

2_ Thánh Quán Âm Thủ Ấn (2)

Hai tay Ngoại Phộc, kèm dựng hai ngón cái, dựng thẳng hai ngón trỏ, hơi cong lóng trên như dạng cánh sen.



Đây là Ấn của **Kim Cương Bảo Bồ Tát** trong **Tam Muội Gia Hội**

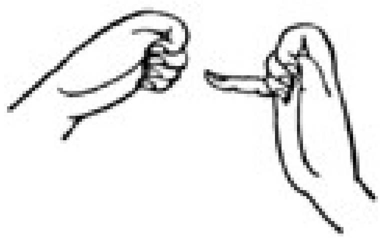
Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _SARVA TATHĀGATA AVALOKITA KĀRUṆA-MAYA _ RA RA RA _HŪṂ JAḤ

3_ Quán Tự Tại Bồ Tát Thủ Ấn

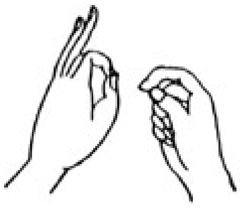
Trích trong **Lý Thú Kinh**, đoạn 4.Tức hai tay đều nắm Kim Cương Quyền. Ngửa quyền trái đè sát bên vú trái. Úp quyền phải duỗi ngón út ra đem đầu ngón giữ 5 ngón tay trái, bắt đầu từ ngón út lần lượt đánh mở một lần. Tiếp theo ngay trong lòng bàn tay trái dùng ngón út phải gãi theo thứ tự trước tiên là ngón giữa, tiếp đến ngón vô danh, cuối cùng là ngón út.

Tay trái biểu thị cho Chúng Sinh Giới, ngón tay lần lượt mở từng cái, tức tay phải là ý đánh mở hoa sen tâm của chúng sinh.



4_Kim Cương Pháp Bồ Tát Thủ Ấn (**Thành Thân Hội)**

Quán Thế Âm Bồ Tát ở trong **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu) tức là **Kim Cương Pháp Bồ Tát** (Vajra-dharma). Đây là Thủ Ấn của Kim Cương Pháp Bồ Tát trong Kim Cương Giới Thành Thân Hội. Tức tay trái cầm hoa sen, tay phải làm thế bóc mở hoa.

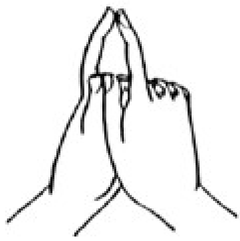


Chân Ngôn:

OṂ_ VAJRA-DHARMA HRĪḤ

5_Kim Cương Pháp Bồ Tát Thủ Ấn (**Tam Muội Gia Hội**)

Hai tay Ngoại Phộc, kèm thẳng hai ngón cái, dựng hai ngón trỏ dính đầu ngón rồi co lại như hoa sen



Đây là Thủ Ấn của Kim Cương Pháp Bồ Tát trong Kim Cương Giới Mạn Đồ La Tam Muội Gia Hội.

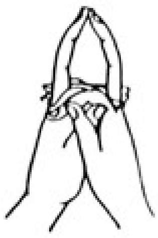
Chân Ngôn:

SARVA KĀRI

6_Kim Cương Pháp Bồ Tát Thủ Ấn (**Tứ Ấn Hội**)

Hai tay Ngoại Phộc, duỗi hai ngón giữa như hình hoa sen

Đây là Thủ Ấn của Kim Cương Pháp Bồ Tát trong Kim Cương Giới Mạn Đồ La Tứ Ấn Hội.



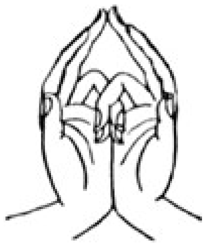
Chân Ngôn:

NISPRAPAÑCA-VĀK-SIDDHIRBHAVATU SARVA TATHĀGATA-SAMĀDHAYO ME ĀJAYANTĀṂ

B_ THỦ ẤN CỦA CHUẨN ĐỀ QUÁN ÂM

1_ **Chuẩn Đề Bồ Tát Căn Bản Ấn** (1)

Hai tay: ngón út, ngón vô danh hướng vào bên trong cài chéo nhau, duỗi thẳng hai ngón giữa sao cho đầu ngón dựa nhau, đem hai đầu ngón trỏ phụ mặt bên cạnh lóng trên của hai ngón giữa rồi đem hai ngón cái đều phụ bên cạnh ngón của hai ngón trỏ.



Ấn này có tên là **Tam Cổ Ấn**. Tam Cổ tức ba con mắt trên khuôn mặt biểu thị cho ba Bộ: Phật Bộ, Liên Hoa Bộ, Kim Cương Bộ.

Hoặc đem Ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh, ngón út phối trí với năm Trí: Pháp Giới Thể Tính Trí, Đại Viên Kính Trí, Bình Đẳng Tính Trí, Diệu Quán Sát Trí, Thành Sở Tác Trí

Chân Ngôn:



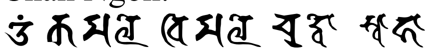
NAMO SAPTĀNĀṂ SAMYAKSAṂBUDDHA KOṬINĀṂ
TADYATHĀ: OṂ _ CALE CULE CUṄDHE_ SVĀHĀ

2_ **Chuẩn Đề Bồ Tát Căn Bản Ấn** (2): **Giáp Trụ Ấn**

Hai tay Nội Phộc, kèm dựng hai ngón cái với hai ngón trỏ. Ấn này lại có tên là Giáp Trụ Ấn



Chân Ngôn:

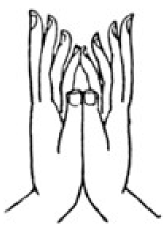


OṂ_ KAMALE VIMALE CUṄDHE SVĀHĀ

C_ THỦ ẤN CỦA THIÊN THỦ QUÁN ÂM:

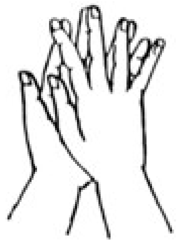
1_ Thiên Thủ Quán Âm Thiên Ấn _ **Bát Diệp Ấn**

Chắp hai tay lại, giữa trống rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) , bung mở hai ngón trỏ, hai ngón giữa , hai ngón vô danh như hình hoa sen nở



2_Thiên Thủ Quán Âm Căn Bản Ấn_ **Liên Hoa Ngũ Cổ Ấn**

Hai tay tác Kim Cương Hợp Chưởng, hơi co cong lưng bàn tay cùng cách nhau, hai ngón giữa cùng đối đầu ngón, duỗi giương hai ngón cái, hai ngón út.



Ấn này lại xưng là Liên Hoa Ngũ Cổ Ấn, Cửu Sơn Bát Quỹ Hải Ấn, Bổ Đà Lạc Cửu Phong Ấn

Chân Ngôn:

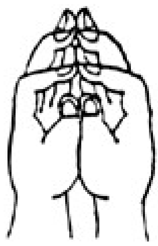
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾

OṂ_ VAJRA-DHARMA HRĪḤ

D_ THỦ ẤN CỦA NHƯ Ý LUÂN QUÁN ÂM

1_**Như Ý Luân Căn Bản Ấn:**

Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, cong hai ngón cái như hình báu, hai ngón giữa cũng co như dạng cánh sen, các ngón còn lại đều hợp đầu ngón như cây phướng.



Đến đây, trên cây phướng có hoa sen, trên hoa sen có viên ngọc báu.Lại do ngón giữa là lửa, Hỏa Đại là màu đỏ cho nên dùng đây là **Bảo Bồ Tát** của Liên Hoa Bộ. Vì thế dùng hình này biểu thị cho Bản Tôn Như Ý Luân.

Ngoài ra Như Ý Luân để trên cây phướng ắt biểu thị cho Đức **Tự Chứng Hóa Tha**

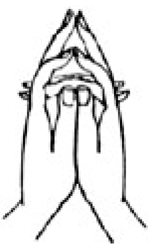
Chân Ngôn:

𑖌𑖼 𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖓𑖰𑖡𑖿𑖝𑖯𑖦𑖜𑖰 𑖕𑖿𑖪𑖩 𑖮𑖳𑖼

OṂ_ PADMA CINTĀMAṆI JVALA HŪṂ

2_**Như Ý Luân Tâm Trung Tâm Ấn:**

Dựa vào Căn Bản An trước, đem hai ngón giữa cài chéo nhau bên ngoài, dựng ngang hai ngón út.



Ấn này có hoa sen, viên ngọc báu, bánh xe nên là Ấn rất sâu kín vậy

Chân Ngôn:

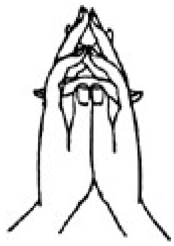
𑖌𑖼 𑖪𑖨𑖟 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖸 𑖮𑖳𑖽

OṂ_ VARADA PADME HŪṂ

3_**Như Ý Luân Tùy Tâm Ấn:**

Dựa vào Căn Bản Ấn trước, hai ngón giữa cài chéo nhau bên ngoài, đặt hai ngón út nằm ngang cùng giao nhau.

Hoặc là Hai tay Ngoại Phộc, dựng đứng hai ngón trỏ sao cho đầu ngón hợp nhau như hình báu. Hai ngón cái, ngón vô danh đều tự dựng đứng thành dạng cây phướng, hai ngón út cùng cài chéo nhau.



Đây tức từ **Tự Chứng** (Tâm Ấn) mà sinh nghĩa của tâm **Hóa Tha** (Tâm Trung Tâm Ấn) cũng là nghĩa thuận ứng với tâm của chúng sinh (Tùy Tâm Ấn)

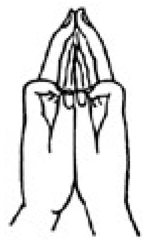
Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖨𑖟 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖸 𑖮𑖳𑖽

OṂ_ VARADA PADME HŪṂ

4_**Như Ý Luân Tháp Ấn:**

Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, kèm dựng hai ngón cái rồi lui về phía sau dưới gốc của hai ngón giữa, co hai ngón trỏ vịn nhẹ đầu hai ngón cái.

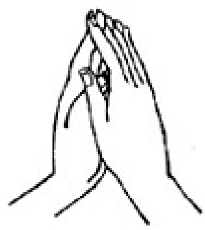


Ấn này có Vị Phu Liên Hoa Hợp Chưởng, Kim Cương Hợp Chưởng là Ấn Mẫu để nói Pháp. Lại mở, đóng hai ngón cái nên có riêng Khai Tháp Ấn với Bế Tháp Ấn.

E_ THỦ ẤN CỦA THẬP NHẤT DIỆN QUÁN ÂM

_**Thập Nhất Diện Quán Âm Căn Bản Ấn:**

Kim Cang Hợp Chưởng, mười đầu ngón tay giao nhau, bên phải đè bên trái, sau đó nâng lên trên đầu, tức là Hành Giả quán mười đầu ngón tay là 10 mặt, thêm một mặt của chính mình nên thành 11 mặt, thời thân của mình liền thành thân của Thập Nhất Diện



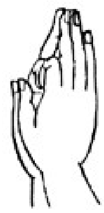
Chân Ngôn:

OṂ_ LOKE-JVALA HRĪḤ

F_ THỦ ẤN CỦA MÃ ĐẦU QUÁN ÂM

1_Mã Đầu Quán Âm Tối Thắng Căn Bản Ấn _**Mã Đầu Ấn**

Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng (hoặc Liên Hoa Hợp Chưởng) co cong đầu hai ngón trỏ hợp móng ngón để ở bên dưới hai ngón cái, kèm duỗi đứng hai ngón cái rồi hơi ngửa móng ngón.

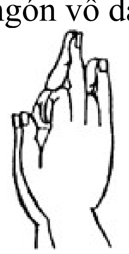


Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _KHĀDAYA BHAṂJA SPHAṬAYA SVĀHĀ

2_**Mã Đầu Quán Âm Thủ Ấn** (2)

Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng (Liên Hoa Hợp Chưởng), co hai ngón trỏ hai ngón vô danh cùng hợp móng ngón, co vào trong lòng bàn tay, hai ngón cái hơi co cong. Đồng với Mã Đầu Ấn trước chỉ có ngón vô danh là sai khác.



Ấn này biểu thị cho Tam Muội Gia Hình. Hai ngón út là lỗ tai, hai ngón vô danh là con mắt, hai ngón giữa là cái mũi, ngoài ra khoảng giữa của ngón trỏ với ngón cái biểu thị cho miệng của con ngựa.

Lại Liên Hoa Hợp Chưởng là Tam Muội Đại Bi của Quán Âm, ngón vô danh là nước Cam Lộ Đại Bi, ngón trỏ tức là gió của Đại Nguyện. Dùng nước Cam Lộ làm nghĩa tẩy rửa hạt giống tạp nhiễm trong Tàng Thức của chúng sinh. Ngón cái là Tam Muội Đại Không (bên trái là cái miệng, bên phải là ăn nuốt) có nghĩa là hết mọi mầm giống tạp nhiễm.

Chân Ngôn:

a)

OṂ_ AMṚTODBHAVA HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

b)𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖼 𑖏𑖯𑖟𑖧 𑖥𑖽𑖕 𑖭𑖿𑖣𑖘𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _KHĀDAYA BHAṂJA SPHAṬAYA SVĀHĀ

3_ Mã Đầu Quán Âm Thủ Ấn (3)_ **Nhiếp Độc Ấn (1)**

Hai tay Nội Phộc, kèm dựng hai ngón cái, nghiêng đè lóng giữa của hai ngón trỏ.



Lại hai tay Nội Phộc, cùng dựng đứng hai ngón cái, hơi co lóng trên.

Lại gọi là **Nhiếp Nhất Thiết Chư Độc Ấn.**

Chân Ngôn (giống như trước)

4_ Mã Đầu Quán Âm Thủ Ấn (4)_ **Nhiếp Độc Ấn (2)**

Kim Cương Hợp Chưởng, dựng đứng hai ngón giữa cùng hợp đầu ngón, hai ngón trỏ đều móc ngón vô danh, lại đem ngón trỏ nghiêng đè lóng trên của ngón giữa, kèm dựng hai ngón út để ở trong lòng bàn tay rồi đem hai ngón cái kèm dựng đứng đến cùng nhóm tụ với ngón út.



Xong quán tưởng (bên trái là cái miệng, bên phải là ăn nuốt) ăn nghiệp ác, phiền não, ách nạn chẳng lành. Đưa ngón cái đến (bên trái là cái miệng, bên phải là ăn nuốt) ăn ba thứ.

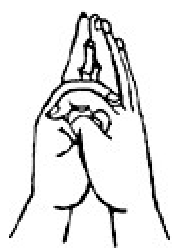
Ấn này lại có tên là **Ác Nạn** (bên trái là cái miệng, bên phải là ăn nuốt) **Thực Ấn.**

Chân Ngôn giống như trước

G_ THỦ ẤN CỦA BẤT KHÔNG QUYẾN SÁCH QUÁN ÂM

_Bất Không Quyến Sách Quán Am Thủ Ấn:

Hai tay tác Liên Hoa Hợp Chưởng. Hai ngón trỏ, ngón cái cài chéo nhau bên ngoài, duỗi ngón cái phải đền khoảng giữa ngón cái trái và ngón trỏ trái (hổ khẩu). Lại có tên là Liên Hoa Quyến Sách Ấn



Liên Hoa Hợp Chưởng biểu thị cho gốc của Liên Hoa Bộ, là Tự Tính vốn có của hoa sen mà ngón cái ngón trỏ bốn ngón cài chéo nhau bên ngoài ắt tác quán hoa sen ở đầu sợi dây (Sách đoan liên hoa quán). Sợi dây biểu thị cho Bản Thể đem bốn loại dây như ngư dân ở Thế Gian câu cá để tế độ chúng sinh cực ác.

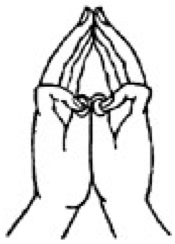
Chân Ngôn:

OṂ_ AMOGHA VIJAYA HŪṂ PHAṬ

H_ THỦ ẤN CỦA THANH CẢNH QUÁN ÂM

1_**Thanh Cảnh Quán Âm Thủ Ấn** (1)

Hư Tâm Hợp Chưởng, kèm dựng hai ngón cái để bên trong lòng bàn tay, co hai ngón trỏ đều nắm lóng trên của ngón cái. Hai ngón giữa, ngón vô danh, ngón út dựng hợp đầu ngón như hình tròn.



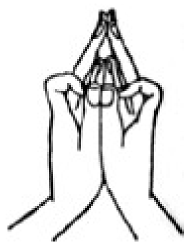
Hai ngón giữa ấy biểu thị cho cánh sen, hai ngón trỏ đều vịn các vằn của hai ngón cái là Loa (vỏ ốc), hai ngón vô danh dựng thẳng tức là Trượng (cây gậy), hai ngón út giao nhau tức là Luân (bánh xe). Như vậy một An có đầy đủ bốn loại.

Chân Ngôn:

OṂ_ PADME NĪLAKAṆṬHEŚVARA BHRU BHRU HŪṂ

2_Thanh Cảnh Quán Âm Thủ Ấn (2)**_ Đại Bi Tâm Ấn**

Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, co hai ngón trỏ đều nắm lóng thứ hai của hai ngón cái , dựng đứng hai ngón giữa cùng hợp đầu ngón, dựng đứng hai ngón vô danh, hai ngón út cũng dựng đứng hợp nhau.

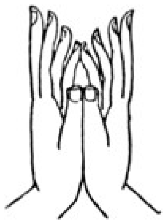


Như đây, hai ngón giữa là cánh sen, đem hai ngón trỏ vịn ngón cái là Loa (vỏ ốc), hai ngón vô danh làm hình tròn tức biểu thị cho Luân (bánh xe), ngoài ra hai ngón út dựng đứng tức là Trượng (cây gậy). Như vậy một Ấn có đầy đủ bốn loại.

I_ THỦ ẤN CỦA DIỆP Y QUÁN ÂM

_Diệp Y Bát Quỹ Diệp Ấn

Chắp 2 tay lại giữa trống không: 2 ngón cái, 2 ngón út cùng hợp nhau dựng đứng, 6 ngón còn lại bung duỗi thẳng như hình hoa sen nở.



Chân Ngôn:

OṂ_ PARṆA-ŚVARI HŪṂ PHAṬ

K_ THỦ ẤN CỦA BẠCH Y QUÁN ÂM

1_**Bạch Y Quán Âm Thủ Ấn**

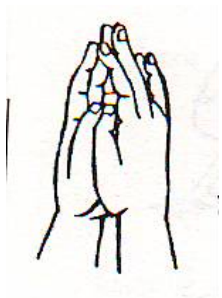
Hai tay Nội Phộc, duỗi dựng hai ngón trỏ sao cho đầu ngón cùng đối nhau thành hình tròn, kèm dựng hai ngón cái.



Hai ngón trỏ tức là cánh hoa sen, hai ngón cái hiển thân Bồ Tát ở trong hoa sen

2_ **Bạch Xứ Tôn Ấn:**

Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, co hai ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, kèm hai ngón cái chạm hai ngón vô danh biểu thị cho Tôn này là Bộ Mẫu của Liên Hoa Bộ, hay sinh các Tôn trong Liên Hoa Bộ



Chân Ngôn :

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _ TATHĀGATA-VIṢAYA SAṂBHAVE PADMA-MĀLINI SVĀHĀ

Mật Tạng Bộ 3 _ No. 1052 (Tr.67_ Tr.68)

TÁN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT TỤNG

Hán dịch: Đời Đường Thiên Hậu, Chùa Phật Thọ Ký_ Phiên Kinh Sa Môn TUỆ TRÍ phụng chiếu dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

Bồ Tát hiệu là Quán Thế Âm
Thần Thông vô ngại khó thể lường
Lay núi, lấp biển, rung chuyển đất
Thương xót chúng sinh đồng một Thể
Đã nhớ Danh Hiệu, phước chẳng hư
Vì thế thường nên xưng niệm Ngài
Nay con chí thành niệm Đức ấy
Dùng Tâm cung kính xin xưng tán
Trí Tuệ Bồ Tát sâu như biển
Phương tiện quyền biến khó đo lường
Bao nhiêu chư Thiên, A Tu La
Ma Hầu La Già với mọi người
Đều dùng Kệ nhiệm mầu thanh tịnh
Trải qua một Kiếp khen không mệt
Nay Ta tuyên nói tụng xưng dương
Thuật chút ít phần công đức ấy
Thế Gian: hình sắc bậc tôn nghiêm
Chư Thiên khó sánh với Phạm Thiên
Huống chi sắc thân Thánh Tự Tại
Trăm ngàn vạn phần chẳng bằng một
Tôn Giả: Đầu nghiêm sức tuyệt đẹp
Mão dùng Mạn Đà với hoa vàng (Kim Hoa)
Cầu vồng mỹ lệ dùng trang nghiêm
Lại như **bán nguyệt** (nửa vành trăng) ánh Sơn Vương
Lại tựa trăm Báu thành Tu Di
Tôn Giả: thân tướng rất vi diệu
Giống như mưa nhẹ che núi Báu
Y Ni (Eni, hay aineya: chỉ da hươu màu đen) rộng đẹp phủ kín vai
Anh sáng rực rỡ soi vòng khắp
Cao lớn thẳng tắp như núi vàng
Cũng như trăng tròn ở Hư Không
Lại tựa màu hoa Tát Ba Ca
Thân đẹp hơn **Trời Đại Tự Tại** (Maheśvara: Ma Hê Thủ La Thiên)
Đi dùng Rồng trắng làm Anh Lạc
Tay phải cầm giữ hoa sen vàng
Cuống hoa bằng báu Tỳ Lưu Ly
Hiền Từ khai mở hương tinh khiết
Khiến các Bậc Trí sinh yêu thích
Tôn dùng tay cầm hoa Thắng Tịnh
Trang nghiêm thù diệu rất xinh tươi
Như mặt trăng soi đỉnh Tu Di

Thân Thánh ngự trên tòa hoa sen
Do cảm với phước đức của Tôn
Con dùng Tâm chí thành ân trọng
Quy mệnh kính lễ Đấng **Tứ Nguyện** (ban cho lời nguyện cầu)
Chư Thiên cúng dường cùng tán thán
Nay con tịnh Tâm quy mệnh lễ

Tôn Giả: tóc xoắn màu đen tuyền
Tượng Mâu Ni đẹp ngự trong đó
Hào quang sáng rực tỏa quanh đầu
Như đốt San Hô lóe ánh điện
Lại như Thư Hoàng chói Hắc Sơn
Mạo muội dùng Văn xưng tán Ngài

_Bốn mặt voi cuồng giương nanh bén
Như sắp hại người vướng ở trong
Người ấy chuyên Tâm niệm Bồ Tát
Xa lìa khổ não được vô úy (không còn sợ hãi)

_ Rồng dữ thở rống phun khói độc
Nghiến răng giận dữ rất bạo ác
Sắp cắn hại người thật đáng sợ
Nhớ niệm Quán Âm liền giải thoát

_ Biển dâng sóng gió nổi âm thanh
Ma Kiệt, cá lớn đều chấn kích (nhảy vọt lên gây sự đáng sợ)
Nếu thuyền bị bể, người chìm đắm
Nhớ niệm Quán Âm được an ổn

_ Núi cao, hang hiểm, vách cheo leo
Nước cuốn, đá lăn gây ách nạn
Nếu người bị té không ai cứu
Tâm niệm Quán Âm sẽ vượt qua (đăng Bỉ Ngạn)

_ Lửa mạnh cháy bùng thêm gió ác
đốt thiêu nhà cửa lẫn con người
Chí Tâm niệm Tạng Công Đức ấy
Ngay đó lửa tai chẳng thể hại

_ Nếu người bị nhốt trong lao ngục
Thân mang xiềng xích với gông cùm
Chí Tâm xưng niệm Quán Thế Âm
Chốc lát người ấy liền được thoát

_ Nếu người rơi trong hầm lửa lớn
Chuyên chú xưng tên Quán Thế Âm
Nóng bức được trừ liền mát mẻ
Giống như hoa sen nở trong hồ

_ Nếu người băng qua rừng rộng lớn
Chợt gặp sấm sét giữa mưa giông
Sét nẹt lửa thiêu gây nạn chết
Xưng niệm Quán Âm dứt nạn tai

_Nếu người gặp phải Sư Tử mạnh
Móng nanh sắc bén như đao kiếm
Trợn mắt gầm rống muốn ăn người
Xưng niệm Quán Âm liền khỏi hại

_ Giặc ác Đột Quyết đến đầy xe
Hung hiểm không hiền như La Sát
Lại dùng xiềng khóa trói cột người
Xưng Danh phát niệm đều giải thoát

_ Núi sâu, vũng lớn, nơi hiểm nạn
Giặc cướp rình người muốn chiếm đoạt
Xưng Danh niệm Lực, nguyện cứu hộ
Người đó đột nhiên không bị khổ

_ Chú Trớ, Tranh Tụng, gây tổn thương
Luôn dùng Tâm ác cầu phương tiện
Do thường niệm nhớ Quán Thế Âm
Rốt ráo người ấy không bị hại

_Đấu tranh dương cờ trống đánh nhau
Thương nhọn đâm ngang thật tàn nhẫn
Lúc này Tâm niệm và xưng Danh
Bồ Tát ở trong ban Vô Úy

_ Đại Lực Ác Quỷ bắt giữ người
Nhóm Cưu Bàn Trà hút tủy người
Nếu hay cột niệm, nhớ Quán Âm
Ủng hộ người ấy tiêu nạn Dịch

_ Bệnh Quỷ, bệnh nhiệt, bệnh trướng bụng
Bệnh Cam, bệnh Hoàng (vàng da) bệnh đau tim
Bệnh cùi, bệnh điên, bệnh hoảng loạn
Khí huyết ốm gầy mọi loại bệnh
Các nghiệp đen ác quấn thân mình
Xưng Danh cột niệm đều trừ khỏi

_ Có các Quỷ đói bụng như núi
Môi miệng khô khốc luôn đói khát
Bồ Tát nhìn thấy sinh Từ Bi
Thứ tự khiến cho được no đủ

_Quỷ đói hoặc bị lạnh rét bức
Thân thể thịt da đều phá hoại

Nhấc hai tay lên cực đau khổ
Phương tiện Thần Thông khiến dễ chịu

_Nếu Kim Xí Điểu dùng móng vuốt
Chộp bắt các loài Rồng dưới nước
Rồng ấy chuyên Tâm niệm Bồ Tát
Liền xa lìa khổ được an vui

_ Nếu có muốn cầu Quả Báo tốt
Voi, ngựa, xe cộ với nô tỳ
Quần áo, uống ăn, các châu báu
Do thường niệm nhớ Quán Thế Âm
Ứng lời nguyện ấy tự nhiên đến

_Nếu có muốn được thuật Trường Sinh
Ngồi nằm giữa mây, dạo trên không
Do thường niệm nhớ Quán Thế Âm
Sẽ được Thần Chú và thuốc Tiên

_ Ta thấy Tượng Quán Âm trên vách
Nhìn khắp sắc tướng , các công đức
Và thấy Thần Thông Đại Tự Tại
Nên khởi chí thành mà tán thán
Vô biên phương tiện lớn khéo léo
Nhìn ngắm thân Diệu Sắc thanh tịnh
Mau lìa các phiền não **Có Không** (Hữu, Vô)
Lợi ích vô lượng như hư không
Dùng Tạng **Tán Thán Công Đức** này
Nguyện chứng Như Lai Nhất Thiết Trí

Đem Công Đức tán thán Quán Thế Âm Bồ Tát. Bên trên nương cầu Bậc Quốc Chủ Thánh Thần Hoàng Đế. Dưới ngai khéo chuyển bánh xe vàng (Kim Luân)

Sắc lực thọ mệnh không cùng tận, Trí Tuệ quả báo chẳng thể bàn, hằng ngự Diêm Phù ở lâu chấn đán, ủng hộ Tam Bảo lợi ích chúng sinh, tất cả Hàm Linh đều nhờ Thánh Phước.

TÁN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT TỤNG
Hết

07/11/1998



Mật Tạng Bộ 3_ No.1053 (Tr.68_ Tr.69)

THÁNH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT CÔNG ĐỨC TÁN
(Tây Thiên Thánh Hiền Tập)

Hán dịch: Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Phụng Đại Phu Thí Hồng Lô Khanh Truyền Pháp Đại Sư THI HỘ phụng chiếu dịch
Việt dịch : HUYỀN THANH

Quy mệnh **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara) tối thắng
Tướng trăng tròn đẹp hiện Hoa Sen
Hay ban Vô Úy cho hữu tình
Nay con xưng dương Công Đức ấy
Tất cả Thiện Pháp đều đầy đủ
Đầu đội mão Đại Trí của Phật
Phước đức trang nghiêm Tôn Tối Thượng
Vì thế quy mệnh **Liên Hoa Thủ** (Padma-pāṇi)

Hai má trón đầy, sắc trắng hồng
Tướng mũi cao thẳng thật đoan nghiêm
Răng như ngọc trắng (Kha Tuyết) khít bằng nhau
Hai nanh ngay thẳng đều đầy đủ
Phạm Âm trong trẻo rất thâm sâu
Tất cả người nghe sinh yêu kính
Phàm khi diễn nói mọi ngôn ngữ
Nhu hòa hiền thiện thật dịu ngọt
Thường dùng sức phương tiện Đại Bi
Cứu độ tất cả chúng sinh khổ
Đạo Sư lợi mình lợi cho người
Vì thế quy mệnh Liên Hoa Thủ

Hai lông mày tựa vầng trăng mới
Thân tướng giống như màu vàng tía
Mọi báu kết chuỗi để trang nghiêm
Tất cả nhìn thấy không biết chán
Trải áo da hươu làm tòa ngồi
Là **Tôn** trong chúng **Thắng Tự Tại**
Tướng phần của thân đều tròn trịa
Vì thế quy mệnh Liên Hoa Thủ

Lụa mỏng thượng diệu làm dây đeo
Ngọc báu Ma Ni làm vòng tai
Nơi trang nghiêm báu: Thế, Xuất Thế
Tối thượng tự tại tối tôn thắng
Các công đức thiện đều mãn túc
Là **Đại Pháp Vương** (Mahā-dharma-rāja) của Thế Gian
Hay mở mọi loại Môn Phương Tiện
Vì thế quy mệnh Liên Hoa Thủ

Chúng sinh tội nghiệp nhiều như bụi
Vô lượng kiếp nữa mãi luân hồi
Bồ Tát thường sinh Tâm Phương Tiện
Hóa độ khiến về nhóm Trí Tuệ
Phóng ánh Từ Bi chiếu tất cả
Đem Pháp Tối Thượng cho chúng sinh
Khiến mọi hữu tình chứng Bồ Đề
Vì thế quy mệnh Liên Hoa Thủ

Bao nhiêu Đại Địa Ngục **A Tỳ** (Avīci)
Bồ Tát Từ Bi hiện thân đến
Phá hoại nẻo ấy không còn sót
Ngục Tốt Diêm Ma sinh sợ hãi
Các loại chúng sinh chịu nghiệp ấy
Thảy đều lìa khổ, tiêu trừ tội
Hay dùng Lửa Trí đốt nẻo ác
Vì thế quy mệnh Liên Hoa Thủ

Đầy đủ: Trí, Bi, Hạnh, Nguyện, Lực
Hiện thân trong Dục Giới, Sắc Giới
Nơi Pháp Tự Tại lợi quần sinh
Quyến thuộc **Diêm Ma** (Yama) đều vui vẻ
Phá hoại tất cả cảnh tội nghiệp
Khiến các khổ não chẳng sinh lại
Hữu tình lìa khổ được mát mẻ
Vì thế quy mệnh Liên Hoa Thủ

Nay con xưng tán **Đấng Đại Thánh**
Sắc tướng tối thắng chẳng chi bằng
Vô Ngại Tự Tại Tam Giới Tôn
Ban khắp chúng sinh **Vô Sở Úy** (không còn bị điều sợ hãi)
Cứu thoát hữu tình khỏi biển khổ
Chặt đứt rễ phiền não ba độc
Đều khiến cho trụ trong an vui
Vì thế quy mệnh Liên Hoa Thủ

Hết thảy tất cả chúng Quỷ đói
Cổ bé họng lớn, thân hôi thối
Các loài như vậy nhiều vô số
Ngày đêm luôn bị khổ đói khát
Do lửa đói khát hiện bức bách
Cùng nhau ăn nuốt sinh khổ não
Bồ Tát dùng Nguyện Lực Từ Bi
Hiện thân đến đó để cứu tế
Trước tiên hóa mọi thức ăn uống
Khiên cho no đủ, thân thêm khỏe
Tiếp lại diễn nói **Môn Chính Pháp**
Tất cả được lìa các khổ não
Bồ Tát dùng phương tiện Bi Trí

Hay vào mọi loài trong các nẻo
Cùng làm việc lợi nhiếp hữu tình
Vì thế quy mệnh Liên Hoa Thủ

Thân có ngọc báu Đại Ma Ni
Thường tuôn ánh sáng diệu thanh tịnh
Chiếu khắp Thế Gian nơi tăm tối
Ánh che Nhật Nguyệt không thể hiện
Hết thảy hàng Dạ Xoa, La Sát
Nương ánh sáng rọi đều quy y
Quán Tâm chúng sinh chặt nghi hoặc
Vì thế quy mệnh Liên Hoa Thủ

Đại Lực A Tu La Vương chúng
Đấu tranh mãnh liệt khó điều phục
Bồ Tát cũng hiện trong nẻo ấy
Phương tiện nói Pháp để cứu độ
Nghe Pháp ấy xong dứt nghi hoặc
Mỗi mỗi sinh khởi Tâm Từ Thiện
Hay cho **Môn Diệu Pháp Tối Thượng**
Vì thế quy mệnh Liên Hoa Thủ

Bồ Tát dạo chơi các cõi Trời
Vào cung Thiên Tử **Nhất Diệu Hoàn**
Tùy thuận phương tiện mở **Hóa Môn**
Trời ấy không có các Sở Thí (điều ban bố)
Lúc đó Thiên Tử sinh khổ não
Bồ Tát liền vì hiện Trân Tài (tiền tài ngọc ngà)
Khiến cho Thiên Tử đủ Tâm Thí
Vì thế quy mệnh Liên Hoa Thủ

Hết thảy tất cả hàng Tham Dục
Thường bị lửa phiền não thiêu đốt
Được thấy Thiện Uy của Bồ Tát
Liền hay hồi Tâm nghĩ **Chính Pháp**
Thế Gian tràn ngập Tham, Sân, Si
Cung kính đỉnh lễ **Đại Thánh Tôn**
Phiền não ba độc được tiêu trừ
Vì thế quy mệnh Liên Hoa Thủ

Giới Phần chúng sinh không bờ bến
Côn Trùng, Kiến, Ếch nhiều vô cùng
Bồ Tát cũng dùng Tâm Từ Bi
Nơi nơi đem phương tiện Hóa Độ
Vào lúc Thế Gian bị đói khát
Liền hóa thức ăn cứu Quần Sinh
Hoặc chặn đứng Tâm đói khát kia
Vì thế quy mệnh Liên Hoa Thủ

Nếu thấy chúng sinh nơi biển lớn
Bị hỏng thuyền bè sắp đắm chìm
Bồ Tát Từ Bi hiện thân ngựa
Khiến cho nắm vịn để vượt qua

Chúng sinh dong thuyền ra biển lớn
Bồ Tát tùy ý sai gió thổi
Hoặc thuận hoặc ngược cứu chúng sinh
Đều khiến mau lìa sự sợ hãi

Bồ Tát đã lìa khỏi ba cõi (Tam Giới)
Viên mãn **Pháp Môn Tam Ma Địa**
Lại hay nhiếp hóa các Hữu Tình
Nhiều như Hư Không không bờ bến

Bồ Tát đã lìa mọi nỗi sợ
Ấy là: **La Sát** (Rākṣasa) với **Bộ Đa** (Bhūta)
Tất Xá Tả (Piśāca) với **Noa Cát Ni** (Ḍākiṇī)
Tà Mê, tất cả chúng Quỷ ác
Nước lớn, lửa lớn và trộm cướp
Cọp, Sói, Trùng Yểm với đao binh
Bệnh tật, thuốc độc và Tà Minh
Cho đến hình phạt, mọi cấm trói
Bồ Tát tự được mau lìa xong
Lại vì tất cả các chúng sinh
Làm **Đại Đạo Sư** lợi Ta Người
Đại Bi Tối Thắng không sợ hãi

Bồ Tát đã đủ các **Phạm Hạnh** (Brahma-caryā)
Như mặt trời, trăng chiếu Thế Gian
Người Trời xưng tán **Đại Thánh Tôn**
Đây là Chân Phạm Hạnh Tối Thượng

Bồ Tát thường trụ **Tam Ma Địa** (Samādhi)
Vô biên Công Đức làm chỗ nương
Tùy thuận phương tiện làm nơi ở
Dùng núi **Bổ Lạc Đà** (Potala) cư ngụ
Núi ấy cao rộng rất thù diệu
Mọi thứ trân bảo dùng trang nghiêm
Lại có cây báu nhiều vô số
Loại **Đê La Ca** với **Chiêm Ba** (Caṃpa)
Các giống chim lạ đậu trên đó
Thường phát âm thanh diệu thanh tịnh
Như vậy trang nghiêm nơi Thánh ngự
Kính lễ chiêm ngưỡng sẽ được phước

Câu Vĩ La (Kubera) và **Phộc Lỗ Noa** (Varuṇa)
Cùng với **Diêm Ma** (Yama) là ba Trời
Càn Đạt Bà Vương (Gandharva-rāja), **Tu La Vương** (Asura-rāja)

Dạ Xoa Vương (Yakṣa-rāja) với các **Long Vương** (Nāga-rāja)
Cho đến **Bộ Đa** (Bhūta) cùng các loại
Hoặc **Trời** (Deva) hoặc **Thần** (Devatā) tất cả **vua** (Nāra-rāja)
Ngày đêm đều sinh Tâm cung kính
Quy y xưng tán **Đấng Chân Thánh**

Xưng tán nhóm ấy như vậy xong
Tất cả **Sở Dục** (điều mong muốn) đều tùy Tâm
Tăng: Đại Phước, khoái lạc, thọ mệnh
Dũng mãnh tinh tiến đủ uy đức
Ngưng trừ vô lượng các khổ não
Trong mộng cũng chẳng sinh sợ hãi
Cho đến thọ mệnh lúc lâm chung
Bồ Tát hiện thân đến an ủi

Biển Công Đức của Quán Tự Tại
Vô lượng vô biên không cùng tận
Ví dùng trăm lưỡi trong ngàn kiếp
Xưng dương tán thán không thể hết

THÁNH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT CÔNG ĐỨC TÁN
Hết

08/02/1999



QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT TÁN

Biên dịch: HUYỀN THANH

_Nam mô Quán Thế Am Bồ Tát
Rộng phát Tâm **Từ Bi**
Công hạnh sâu như biển
Quay ngược Thuyền **Từ**
Cứu độ chúng sinh
Cảm hóa người có duyên
Bốn mươi loại vô úy
Ba mươi hai hóa thân
Ngàn tay với ngàn mắt
Giáng phục chúng Ma Quân
_Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ
Cứu Nạn Linh Cảm Quán Thế Âm
Mây **Từ** nâng tòa sen
Tùy chốn hiện thân vàng
Nước cành Dương rải phàm trần
Giọt Cam Lộ cứu quần sinh
Sáng niệm Quán Thế Am
Tối niệm Quán Thế Am
Niệm niệm theo tâm khởi
Niệm niệm tại đất tâm
Xa lìa hẳn tám nạn
Tất cả mọi tai ương
Khổ ách hóa bụi trần

OṂ_ NAMO ŚRĪ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

MỤC LỤC


南無護法韋馱尊天菩薩